

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(Hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài)

Hưng Yên, tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iii
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1. Đặt vấn đề.....	1
1.1. Tóm tắt báo cáo TĐG	1
1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá	3
2. Tổng quan chung	5
2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Thái Bình	5
2.2. Khoa KT&QT, CTĐT ngành TCNH	10
PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN	14
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CDR của CTĐT	14
Tiêu chí 1.1.	14
Tiêu chí 1.2.	16
Tiêu chí 1.3..	18
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT	20
Tiêu chí 2.1.	20
Tiêu chí 2.2.	21
Tiêu chí 2.3.	23
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung CTDH.....	24
Tiêu chí 3.1.	24
Tiêu chí 3.2.	28
Tiêu chí 3.3..	31
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	33
Tiêu chí 4.2.	36
Tiêu chí 4.3.	38
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá KQHT của người học	40
Tiêu chí 5.2.	44
Tiêu chí 5.3.	46
Tiêu chí 5.4.	48
Tiêu chí 5.5.	50
Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên	51
Tiêu chí 6.1.	52
Tiêu chí 6.2.	53
Tiêu chí 6.3.	55
Tiêu chí 6.4.	57
Tiêu chí 6.5.	59
Tiêu chí 6.6.	60
Tiêu chí 6.7.	63
Tiêu chí 7.1.	66
Tiêu chí 7.2.	69

<i>Tiêu chí 7.3.</i>	71
<i>Tiêu chí 7.4.</i>	73
<i>Tiêu chí 7.5.</i>	76
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	79
<i>Tiêu chí 8.2.</i>	81
<i>Tiêu chí 8.3.</i>	83
<i>Tiêu chí 8.4.</i>	84
<i>Tiêu chí 8.5.</i>	88
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	90
<i>Tiêu chí 9.1.</i>	90
<i>Tiêu chí 9.2.</i>	93
<i>Tiêu chí 9.3.</i>	95
<i>Tiêu chí 9.4.</i>	96
<i>Tiêu chí 9.5.</i>	98
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	101
<i>Tiêu chí 10.1.</i>	101
<i>Tiêu chí 10.2.</i>	103
<i>Tiêu chí 10.3.</i>	107
<i>Tiêu chí 10.4.</i>	109
<i>Tiêu chí 10.5.</i>	113
<i>Tiêu chí 10.6.</i>	117
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	119
<i>Tiêu chí 11.1.</i>	119
<i>Tiêu chí 11.2.</i>	122
<i>Tiêu chí 11.3.</i>	124
<i>Tiêu chí 11.4.</i>	127
<i>Tiêu chí 11.5.</i>	129
PHẦN III: KẾT LUẬN	135
1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng.....	135
2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của CTĐT	140
3. Kế hoạch hành động	144
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	149
Phần IV: PHỤ LỤC	151
Phụ lục 7: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT	151

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Đọc là
BĐCL	Bảo đảm chất lượng
BLQ	Bên liên quan
CB	Cán bộ
CBGV	Cán bộ giảng viên
CBNV	Cán bộ nhân viên
CCVC	Công chức viên chức
CDR	Chuẩn đầu ra
CLPT	Chiến lược phát triển
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSHT	Cở sở hạ tầng
CSV	Cựu sinh viên
CSV&TV	Cơ sở vật chất và Thư viện
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐHTB	Đại học Thái Bình
DN	Doanh nghiệp
ĐT&HSSV	Đào tạo và Học sinh, sinh viên
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GTCL	Giá trị cốt lõi
GV	Giảng viên
GVCN/CVHT	Giáo viên chủ nhiệm/ Cổ vấn học tập
HP	Học phần

HSSV	Học sinh sinh viên
HTQT	Hợp tác quốc tế
HTTT	Hệ thống thông tin
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KH&ĐT	Khoa học và đào tạo
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KHCN&HTPT	Khoa học công nghệ và hợp tác phát triển
KHTC	Kế hoạch tài chính
KLTN/ĐATN	Khóa luận tốt nghiệp/ Đồ án tốt nghiệp
KQHT	Kết quả học tập
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NH	Người học
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PPĐG	Phương pháp đánh giá
PPDH	Phương pháp dạy học
PPGD	Phương pháp giảng dạy
PPKTĐG	Phương pháp kiểm tra đánh giá
PVCD	Phục vụ cộng đồng
QLĐT	Quản lý đào tạo
SV	Sinh viên
TCCB	Tổ chức cán bộ
TCCB, TT&KĐCL	Tổ chức cán bộ, Thanh tra và Kiểm định chất lượng
TCNH	Tài chính – Ngân hàng
TLGD	Triết lý giáo dục
TN, SM	Tầm nhìn, sứ mạng
TT THNN & GDNN – GDTX	Trung tâm Tin học ngoại ngữ và Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên
VC	Viên chức
VPK	Văn phòng khoa

DANH MỤC HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU

Bảng 2. 1. Bảng đối sánh số tín chỉ, học phần CTĐT ngành TCNH năm 2021, 2023 ...	22
Bảng 2. 2. Bảng đối sánh khối kiến thức CTĐT ngành TCNH năm 2021, 2023.....	22
Bảng 3. 1. Ma trận giữa các khối kiến thức với CDR CTĐT ngành TCNH năm 2023 ..	26
Bảng 6. 1. Bảng kết quả đánh giá phân loại CBGV – NV của khoa KT&QT	62
Bảng 6. 2. Bảng kết quả công tác thi đua khen thưởng khoa KT&QT giai đoạn từ năm 2020 – 2024	62
Bảng 7. 1. Bảng thống kê số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ NV.....	69
Bảng 7. 2. Bảng thống kê số lượng nhân viên được tuyển dụng, bổ nhiệm,.....	71
Bảng 7. 3. Bảng thống kê kết quả đánh giá chất lượng đội ngũ nhân viên	73
Bảng 7. 4. Bảng thống kê số lượng nhân viên được cử đi đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2020 – 2024.....	76
Bảng 10. 1. Tổng hợp mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của trường ĐH Thái Bình giai đoạn 2020-2022	115
Bảng 10. 2. Tổng hợp mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ	115
Bảng 10. 3. Tổng hợp mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ	116
Bảng 11. 1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học ngành TCNH theo các khóa học.....	120
Bảng 11.2. Đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học ngành TCNH với SV các ngành khác trong Trường	121
Bảng 11.3. Bảng tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình sinh viên ngành TCNH.....	123
Bảng 11. 4. Số lượng SV khảo sát, tỷ lệ có việc làm SV ngành TCNH sau 1 năm	125
Bảng 11. 5. Môi trường làm việc của SV ngành TCNH qua các năm khảo sát.....	125
Bảng 11. 6. Mức thu nhập bình quân của SV ngành TCNH	125
Bảng 11. 7. Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm CTĐT ngành TCNH với SV các	126
Bảng 11. 8. Đối sánh số lượng đề tài cấp trường và số SV tham gia NCKH	129
Bảng 11.9. Tỷ lệ hài lòng các bên liên quan CTĐT ngành TCNH qua các năm	131
Bảng 11. 10. Đối sánh tỷ lệ hài lòng các bên liên quan GV, NH, NH tốt nghiệp, Nhà tuyển dụng trung bình trong 5 năm 2020-2024 giữa 4 CTĐT	132

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

1.1. Tóm tắt báo cáo TĐG

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Tài chính - Ngân hàng (TCNH) Trường Đại học Thái Bình (ĐHTB) được phép đào tạo theo Quyết định số 3706/QĐ-BGDĐT ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và Quyết định số 640/QĐ-ĐHTB ngày 14/12/2019 của Hiệu trưởng trường ĐHTB về ban hành CTĐT trình độ đại học hệ chính quy – Đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Năm 2018, mã ngành TCNH được đổi tên theo Quyết định số 824/QĐ-BGDĐT ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ GD&ĐT về việc chuyển đổi tên và mã số các ngành đào tạo trình độ đại học của trường ĐHTB theo Thông tư số 24/2017/TT-Bộ GDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH là “Đào tạo sinh viên (SV) có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành TCNH”.

Chất lượng đào tạo và nâng cao chất lượng CTĐT tại các trường đại học luôn đóng vai trò rất quan trọng, vì đây là yếu tố quyết định chất lượng nguồn nhân lực của một trường đại học nói riêng và toàn xã hội nói chung. Nhận thức rõ điều này, trong nhiều năm qua, trường ĐHTB nói chung, khoa Kinh tế và Quản trị (KT&QT) thường xuyên quan tâm, chú trọng đến chất lượng CTĐT. Khoa và Nhà trường đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT như định kỳ khảo sát, lấy ý kiến từ các bên liên quan (BLQ) làm căn cứ điều chỉnh, cập nhật CTĐT theo hướng đổi mới, hội nhập. Việc thẩm định, đánh giá CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết. Khoa KT&QT nhận thấy đây là một cơ hội tốt để đánh giá lại một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT ngành TCNH để từ đó cải tiến chất lượng của CTĐT, tiến tới đào tạo theo hướng chuẩn khu vực. Do vậy, Khoa, Trường đã triển khai công tác tự đánh giá và đăng ký đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Việc tự đánh giá CTĐT ngành TCNH sẽ giúp Nhà trường và khoa KT&QT tự xem xét, đánh giá được hiện trạng, xác định được những điểm mạnh, những mặt còn tồn tại để xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cho giai đoạn tiếp theo.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT: Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 ban hành Quy định và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GD&H; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về Hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng, Nhà trường đã thành lập Hội đồng

TĐG CTĐT trình độ đại học ngành TCNH theo Quyết định số 10/QĐ-ĐHTB, ngày 03/01/2025 và ban hành Kế hoạch số 108/KH-ĐHTB ngày 22/01/2025 TĐG 04 CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. Đến nay, khoa KT&QT đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành TCNH.

1.1.1. Cấu trúc báo cáo

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành TCNH bao gồm 04 phần:

Phần I: Khái quát

Giới thiệu tổng quan về cấu trúc và nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT theo các tiêu chuẩn. Mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá, giải thích cách mã hóa minh chứng trong Báo cáo TĐG để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các BLQ nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Trong phần này, Báo cáo cũng mô tả tóm tắt về TN, SM, mục tiêu và các chính sách chất lượng và hoạt động BDCL của Trường và của Khoa.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Đây là phần chính của bản báo cáo tự đánh giá CTĐT, mô tả chi tiết kết quả tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành TCNH, trường ĐHTB, lần lượt theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT. Trong mỗi tiêu chuẩn, có Phần mở đầu, Đánh giá tiêu chí, Phần kết luận, trong đó Đánh giá tiêu chí được thực hiện lần lượt các tiêu chí trong tiêu chuẩn theo cấu trúc: (1) Mô tả hiện trạng; (2) Điểm mạnh; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động; (5) TĐG.

Phần III: Kết luận

Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT; những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn; các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT; tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT (theo các PL6a, 6b của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020).

Phần IV: Phụ lục

Bao gồm các nội dung theo hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng như Cơ sở dữ liệu kiểm định CTĐT (PL7), cung cấp các thông tin tổng quát về đơn vị thực hiện CTĐT; các quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, ... (PL1); Kế hoạch tự đánh giá (PL2); các bảng biểu tổng hợp, thống kê, ...; danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá (PL9).

1.1.2. Nội dung chính của báo cáo tự đánh giá theo các tiêu chuẩn

Báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành TCNH cung cấp các thông tin cần thiết cho hoạt động BDCL và KĐCL theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, gồm 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí với các nội dung tự đánh giá về: (1) Mục tiêu và CĐR của CTĐT, (2) Bản mô tả CTĐT, (3) Cấu trúc và nội dung

chương trình dạy học, (4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học, (5) Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học (NH), (6) Đội ngũ giảng viên (GV), (7) Đội ngũ nhân viên (NV), (8) NH và hoạt động hỗ trợ NH, (9) Cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị, (10) Nâng cao chất lượng, (11) Kết quả đầu ra.

Trong các tiêu chuẩn, mỗi tiêu chí đều được mô tả và nhận định thực trạng của CTĐT, phân tích và chỉ ra những điểm mạnh nổi bật, những điểm tồn tại của CTĐT trong việc đáp ứng các yêu cầu của tiêu chí. Báo cáo cũng đề xuất kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục những tồn tại, tự đánh giá tiêu chí Đạt/Chưa đạt, kèm theo mức tự đánh giá, theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học. Sau khi mô tả và phân tích từng tiêu chí, bản báo cáo nêu tóm tắt điểm mạnh nổi bật, những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn; kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn.

1.1.3. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có 08 ký tự, bao gồm: 1 chữ cái, 2 dấu chấm và 5 chữ số, theo ký hiệu Hab.c.de, trong đó:

H: viết tắt “Hộp minh chứng”

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10, tiêu chuẩn 11 viết 11)

c: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 1, tiêu chí 7 viết 7)

de: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, ...)

Ví dụ:

H01.1.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1.

H02.3.15: là minh chứng thứ 15 của tiêu chí 3 thuộc tiêu chuẩn 2.

1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

1.2.1. Mục đích tự đánh giá

Việc tự đánh giá CTĐT ngành TCNH sẽ giúp Nhà trường và khoa KT&QT đạt được các mục đích sau:

- Đo lường mức độ đáp ứng chất lượng đào tạo cử nhân ngành TCNH với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học do BGDĐT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT ngành TCNH.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá CTĐT ngành TCNH, Khoa và Nhà trường tiến hành điều chỉnh, bổ sung các nguồn lực và cải tiến quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, đáp ứng được các mục tiêu đề ra và hoàn thành sứ mạng của Trường đối với xã hội và cộng đồng, từng bước xây dựng Khoa KT&QT trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực TCNH có khả năng hội nhập với khu vực và quốc tế.

1.2.2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động thực hiện CTĐT ngành TCNH theo tiêu chuẩn

đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ giáo dục đại học của BGDĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Công văn hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học và Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục QLCL, Bộ GD&ĐT.

Khoa KT&QT tiến hành hoạt động tự đánh giá CTĐT TCNH dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây (từ năm 2020 đến năm 2024).

1.2.3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH được quy định trong Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ban hành ngày 31/12/2020, cụ thể như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Thu thập, phân tích và xử lý thông tin và minh chứng.

Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 5: Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG.

Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành TCNH được thực hiện từ tháng 01 năm 2025 đến tháng hết tháng 06 năm 2025.

1.2.4. Phương pháp và công cụ đánh giá

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành TCNH của khoa KT&QT, trường ĐHTB được dựa theo bộ tiêu chuẩn KĐCL CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT và các tài liệu hướng dẫn của Cục QLCL, BGDĐT: Công văn số 1074/KTKĐCLGD- KĐĐH ngày 28/6/2016 hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 - Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT; Công văn số 2058/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT.

1.2.5. Sự tham gia của các BLQ

Quá trình tự đánh giá có sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong và ngoài trường: Ban Giám hiệu, đại diện thành viên Hội đồng trường, các CB, NV phòng chức năng, các CB, GV của khoa KT&QT, SV đang học tập tại trường; các nhà khoa học, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên (CSV) ngành TCNH, ... Cụ thể, Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, các phòng chức năng cung cấp thông tin, minh chứng; sự phản hồi của SV, các CSV và nhà sử dụng lao động là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá; khoa KT&QT viết báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành TCNH.

1.2.6. Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành TCNH được thành lập theo

Quyết định số 10/QĐ-ĐHTB, ngày 03/01/2025 của Hiệu trưởng trường ĐHTB, Hội đồng gồm có 19 thành viên, gồm: Ban Giám hiệu, trong đó Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng, Phó Trưởng khoa KT&QT kiêm trưởng ngành TCNH là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng; thành viên Hội đồng trường; các CB phòng chức năng trong trường; các CB, GV của khoa KT&QT và đại diện SV ngành TCNH đang học tập tại trường. Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá là Ban thư ký gồm 06 thành viên và 05 nhóm chuyên trách. Hội đồng tự đánh giá ban hành Kế hoạch số 108/KH-ĐHTB ngày 22/01/2025 tự đánh giá 04 CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, trong đó có CTĐT ngành TCNH.

Hội đồng tự đánh giá đã chỉ đạo, triển khai phân công thực hiện công tác tự đánh giá CTĐT ngành TCNH theo đúng kế hoạch đề ra với sự tham gia của các BLQ. Những CB, GV không trực tiếp nằm trong các nhóm chuyên trách sẽ hỗ trợ đồng nghiệp trong việc thu thập minh chứng và đóng góp ý kiến để xây dựng báo cáo tự đánh giá.

Trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; các Nhóm chuyên trách đã tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm tồn tại.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Thái Bình

Trường ĐHTB là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, là CSGD đại học duy nhất trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, được thành lập theo Quyết định 1555/QĐ-TTg ngày 08/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ, trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thái Bình, tiền thân là Trường Tài chính được thành lập năm 1960.

Trong chặng đường 65 năm xây dựng và phát triển (1960 - 2025), trải qua nhiều lần tiếp nhận, sáp nhập, Trường ghi dấu bởi các mốc lịch sử quan trọng: Trường Tài chính (1960), Trường Kinh tế - Tài chính (1973), Trường Trung học Kinh tế (1978), Trường Kinh tế - Kỹ thuật (1989), Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật (2000), Trường ĐHTB (2011). Tháng 10/2014, Trường ĐHTB tiếp nhận nguyên trạng Cơ sở phía Bắc Trường đại học Công nghiệp TP HCM, thực hiện bố trí, sắp xếp và di chuyển địa điểm đào tạo về xã Tân Bình, thành phố Thái Bình (nay là phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên).

2.1.1. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng

Sứ mạng

Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, có tính ứng dụng cao, có khả năng thích ứng cao với nhu cầu của thị trường lao động, các khu kinh tế, khu công nghiệp tại các địa phương trong toàn quốc.

Tầm nhìn

Đến năm 2050, Trường ĐHTB là CSGD đại học đa ngành, đa lĩnh vực, trọng điểm về công nghệ và kỹ thuật chất lượng cao, đào tạo theo định hướng ứng dụng thuộc TOP 100 trường đại học hàng đầu cả nước.

Giá trị cốt lõi

Chất lượng cao - Ứng dụng cao - Thích ứng cao

Khẩu hiệu hành động

Tự hào truyền thống - Vững bước hiện tại - Toả sáng tương lai

Triết lý giáo dục

Khai phóng - Toàn diện - Chuyên sâu - Thiết dụng

Mục tiêu giáo dục

Trường ĐHTB là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, trọng điểm về công nghệ và kỹ thuật theo định hướng ứng dụng, CSGD đại học có uy tín, trở thành trường thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chính sách chất lượng

Trường ĐHTB cam kết liên tục cải tiến để có khả năng cung cấp các dịch vụ có chất lượng, đảm bảo mức độ hài lòng cao nhất của NH và đối tác, qua một hệ thống quản lý năng động, xuất sắc, chuyên nghiệp và đổi mới.

2.1.2. Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường ĐHTB

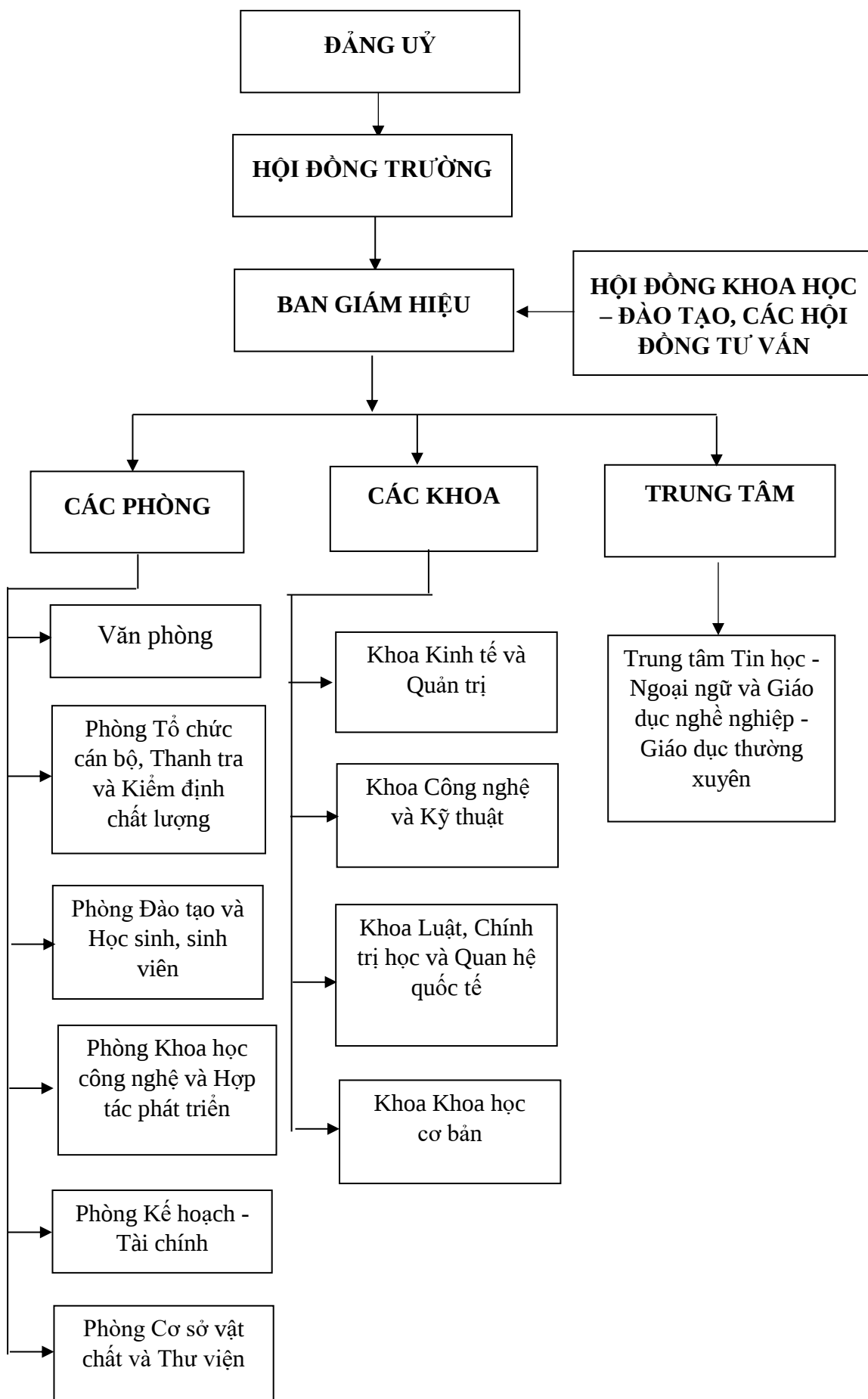
Trải qua 65 năm xây dựng và phát triển, trường ĐHTB đã thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao, có nhiều đóng góp to lớn trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Bình, khu vực Đồng bằng Sông Hồng cũng như cả nước, được Đảng và Nhà nước ghi nhận bằng những phần thưởng cao quý như: Huân chương Độc lập hạng Nhì của Chủ tịch nước (số 1318/QĐ-CTN ngày 30/7/2020), Huân chương Độc lập hạng Ba (số 1659/QĐ/CTN ngày 17/11/2008); Huân chương Lao động hạng Nhất (số 886/2005/QĐ/CTN ngày 15/8/2005), Huân chương Lao động hạng Nhì (số 12/QĐ/CTN ngày 10/01/2003), Huân chương Lao động hạng Ba (số 124KT/CT ngày 16/11/1999) và nhiều danh hiệu cao quý khác. Nhiều đơn vị và cá nhân Nhà trường đã được Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội ghi nhận và trao tặng nhiều phần thưởng cao quý.

Nhà trường không ngừng đầu tư về CSVC, trang thiết bị, phát triển đội ngũ, mở rộng ngành nghề đào tạo, đột phá về hoạt động KH-CN và HTPT, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, phù hợp yêu cầu xã hội, đáp ứng CDR đã công bố.

Về cơ cấu tổ chức và quản lý:

Cơ cấu tổ chức của trường ĐHTB được thực hiện theo Điều 14 Luật GDĐH số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018, gồm Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, 06 phòng chức năng, 04 khoa, 01 trung tâm, các Hội đồng tư vấn.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY



Về đội ngũ

Nhà trường có tổng số 234 CBVC, NLD, trong 150 CBGV có 01 phó giáo sư (0.7%), 19 tiến sĩ (12.7%), 130 thạc sĩ (86,6%) trong đó 16 GV đang làm nghiên cứu sinh; 55 CBVC khối hành chính; 29 lao động phục vụ. GV của Nhà trường có kinh nghiệm và năng lực trong công tác đào tạo và NCKH, được đào tạo, bồi dưỡng ở các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài. Nhiều GV của Nhà trường là những chuyên gia có uy tín trong các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, khoa học xã hội. Với chất lượng đội ngũ CBGV hiện có sẽ tạo tiền đề cho sự phát triển của trường ĐHTB và hội nhập với khu vực, thế giới.

Về đào tạo

Hiện tại, Trường đang đào tạo 10 CTĐT trình độ đại học (trong đó, 03 CTĐT thuộc khối ngành Khoa học xã hội và hành vi, 03 CTĐT thuộc khối ngành Kinh doanh và Quản lý, 02 CTĐT thuộc khối ngành Công nghệ kỹ thuật, 01 CTĐT thuộc khối ngành Máy tính và CNTT, 01 CTĐT thuộc khối ngành Pháp luật. Các CTĐT được xây dựng, định kỳ rà soát, điều chỉnh theo quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường theo hướng linh hoạt, liên thông, tiếp cận năng lực, hiện đại và theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Tỷ lệ SV tốt nghiệp trong thời gian không quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn đạt 85,6%; tỷ lệ SV có việc làm phù hợp với ngành đào tạo đạt 85,9%. Trường đã cung cấp cho thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Thái Bình, khu vực và cả nước một số lượng đáng kể nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu của NTD.

Về NCKH.

Trong 5 năm (từ năm 2020 - 2025), Trường đã chú trọng công tác NCKH và đạt kết quả nổi bật: đề tài cấp quốc gia hoàn thành 01 đề tài, đang thực hiện 01; cấp tỉnh hoàn thành 04 đề tài và đang thực hiện 03 đề tài; cấp cơ sở 376 đề tài, đang thực hiện 25 đề tài; có 104 đề tài sinh viên NCKH; bài báo có 41 bài đăng trên tạp chí quốc tế, 213 bài đăng trên tạp chí trong nước, 222 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo trong nước có chỉ số ISBN, 19 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, 184 bài đăng trên tập san của trường; 12 sáng kiến và 26 giáo trình sách được xuất bản và lưu hành nội bộ; 38 giải pháp Hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật cấp tỉnh. Nhà trường tổ chức 23 hội thảo, hội nghị khoa học cấp Trường, cấp Quốc gia. Hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo là một hoạt động mang tính đột phá của trường ĐHTB trong những năm qua. Tính đến 6/2025, số công bố trên GV là 0.94, đạt và vượt yêu cầu của Chuẩn CSGD đại học (0.3)

Về HTPT

Về quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước ngày càng được mở rộng và phát triển. Trường đã ký hợp tác với nhiều CSGD, DN trong nước: Đại học Bách khoa Hà Nội, đại học Thái Nguyên, đại học Quốc Gia Hà Nội, trường đại học Vinh, ... Hiệp hội các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Thái Bình, nhiều DN trên địa bàn tỉnh Thái Bình và các tỉnh lân cận, Đồng thời cũng đã ký kết hợp tác với 45 đối tác là các trường đại học,

các đơn vị và tổ chức quốc tế ở Châu Á và thế giới về đào tạo, NCKH, trao đổi GV, SV, phối hợp đồng tổ chức nhiều hội thảo khoa học trong nước, quốc tế. Có CBGV của Nhà trường đang làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài, một số CBGV đã tham gia vào các dự án NCKH với các trường đại học trong khối ASEAN. Thông qua việc hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế và DN trong và ngoài nước, Nhà trường có điều kiện tiếp cận với tri thức hiện đại, phương pháp giảng dạy (PPGD) tiên tiến, cũng như cơ hội triển khai các đề tài nghiên cứu chung, góp phần nâng cao năng lực GV và chất lượng đào tạo. Hợp tác với DN và tổ chức xã hội mở ra các chương trình thực tập, trao đổi SV, học bổng... giúp SV tiếp cận thực tế, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động, có cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác góp phần nâng cao uy tín, vị thế của nhà trường trong hệ thống giáo dục.

Về hoạt động PVCD

Nhà trường đã xác định rõ các chính sách kết nối và PVCD thông qua chiến lược phát triển đào tạo, KHCN và HTQT. CBVC, NLĐ, SV Trường tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ người dân bị thiên tai, Chương trình “Tiếp sức mùa thi”, Học bổng hỗ trợ sinh viên hoàn cảnh khó khăn; phối hợp với Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức các đợt thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy cho học sinh lớp 12 trên địa bàn tỉnh Thái Bình và các tỉnh lân cận. Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh Thái Bình tổ chức nhiều sự kiện, hoạt động của Tỉnh.

Hoạt động đảm bảo chất lượng: Với quan điểm: “*chất lượng là yếu tố cốt lõi cho sự tồn tại và phát triển bền vững*”, trường ĐHTB luôn quan tâm và chú trọng công tác ĐBCL, KĐCL. Nhà trường xây dựng và vận hành Hệ thống ĐBCL bên trong theo mô hình 3 cấp: cấp trường (Ban Giám hiệu, Hội đồng ĐBCL); đơn vị chuyên trách (Phòng TCCB, TT&KĐCL); tổ ĐBCL các đơn vị. Với mục tiêu của Hệ thống ĐBCL bên trong trường ĐHTB là bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục đại học; đánh giá, giám sát, rà soát, đo lường, kiểm soát chất lượng toàn diện và cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường; đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn, quy định của các tổ chức, cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục trong nước và quốc tế được Bộ GD&ĐT công nhận. Đồng thời, Trường cũng ban hành các quy định, quy trình, công vụ về hoạt động ĐBCL, xây dựng, chỉ đạo triển khai các kế hoạch ĐBCL hằng năm, trong đó chú trọng công tác TĐG cấp CSGD và CTĐT. Năm 2022, Nhà trường đã hoàn thành công tác TĐG CSGD, được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục; năm 2023, Nhà trường đã hoàn thành công tác tự đánh giá 04 CTĐT, được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng 04 chương trình đào tạo các ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kế toán; Kinh tế; Quản trị kinh doanh. Nhà trường đã xem xét các khuyến nghị của Đoàn chuyên gia, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng kế hoạch cải tiến, khắc phục tồn tại sau đánh giá để nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.

Hiện nay Trường đang triển khai TĐG và đăng ký đánh giá ngoài 04 CTĐT. Trải qua các đợt tự đánh giá và KĐCL CSGD, CTĐT đã tạo ra những thay đổi căn bản về tư

duy, hành động và văn hóa trong toàn trường; tập thể CB, GV, NV Nhà trường đã hiểu rõ hơn về tầm quan trọng về chất lượng trong giáo dục, từ đó mỗi cá nhân tự điều chỉnh phương pháp làm việc phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng, cải tiến PPGD và quản lý, tăng cường năng lực chuyên môn. Kết quả kiểm định chất lượng CSGD và các CTĐT là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường bảo đảm, nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện đạt Chuẩn CSGD đại học theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT đồng thời thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT, giải trình với các BLQ và xã hội trong quá trình tiến tới tự chủ và trách nhiệm theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

Về CSVC, tài chính

Trường có diện tích trên 39.675,1 m², gồm 174 phòng Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, GV cơ hữu với đầy đủ trang thiết bị đảm bảo điều kiện làm việc, giảng dạy và học tập, trong đó có 03 hội trường được trang bị đầy đủ thiết bị, hệ thống CNTT phục vụ các hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế; tỉ lệ GV có chỗ làm việc riêng biệt đạt 81,2% theo Chuẩn CSGD đại học. Thư viện có 14.220 đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí; Tập san trường ĐHTB xuất bản mỗi năm 02 số cùng với hệ thống thư viện số đảm bảo phục vụ cho nhiệm vụ đào tạo và NCKH, PVCD. Ký túc xá của SV khép kín, khu thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ đầy đủ các loại hình phục vụ cho hoạt động ngoài giờ của CBGV, SV và người dân trong khu vực. Hạ tầng CNTT được trang bị đồng bộ và hiện đại, hỗ trợ toàn bộ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu và quản trị trường, đảm bảo an toàn, bảo mật cơ sở dữ liệu, gồm phòng điều hành có 05 máy chủ, hệ thống mạng LAN kết nối các phòng làm việc, mạng Wi-Fi phủ sóng toàn trường, đường truyền Internet tốc độ cao; sử dụng phần mềm quản lý các hoạt động của Nhà trường; Nhà trường hiện có 13 phòng máy tính với 455 máy cấu hình cao, được kết nối Internet tốc độ cao, có 02 phòng học thông minh có máy chiếu, bảng tương tác, âm thanh, ánh sáng tích hợp cho giảng dạy hiện đại đảm bảo phục vụ tốt cho việc giảng dạy, học tập của GV và SV toàn trường. Nhà trường có nguồn tài chính ổn định với tổng thu (ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp khác) trong 05 năm gần đây đảm bảo đáp ứng chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Trường qua các giai đoạn.

2.2. Khoa KT&QT, CTĐT ngành TCNH

- *Địa điểm đơn vị:* tầng 1 nhà F, trường ĐHTB

- *Quá trình thành lập:* Khoa KT&QT được thành lập theo Quyết định số 973/QĐ-ĐHTB ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng trường ĐHTB trên cơ sở sáp nhập 3 khoa: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Khoa Kế toán - Kiểm toán và Khoa Tài chính - Ngân hàng. Với chức năng nhiệm vụ chủ yếu xây dựng CTĐT, kế hoạch giảng dạy, học tập, NCKH, PVCD theo quy định của Nhà trường; chịu trách nhiệm về chuyên môn và đảm bảo thực hiện tốt các khâu trong CTĐT của những ngành, các HP thuộc chuyên môn do khoa quản lý. Khoa trực tiếp quản lý CTĐT, nội dung, PPGD nhằm nâng cao chất lượng từng HP; trực tiếp quản lý GV, SV của Khoa, quản lý và sử dụng có hiệu quả

các thiết bị và phương tiện làm việc được Nhà trường trang bị. Hiện tại Khoa đang đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, TCNH cung ứng nguồn lao động cho các đơn vị, cơ quan hành chính sự nghiệp và các DN trong và ngoài tỉnh.

- Cơ cấu tổ chức, đội ngũ Khoa KT&QT:

Cán bộ quản lý: 01 Phó Hiệu trưởng kiêm Trưởng khoa, 02 Phó Trưởng khoa; Khoa KT&QT có đội ngũ CB, GV gồm 32 người, trong đó có 02 tiến sĩ, 29 thạc sĩ (08 thạc sĩ - nghiên cứu sinh) và 01 đại học (làm công tác giáo vụ khoa). Ngoài ra, còn một số GV đang công tác tại các phòng ban tham gia giảng dạy và sinh hoạt chuyên môn tại khoa.

Đội ngũ GV của khoa trẻ năng động, sáng tạo, cầu thị, ham học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong năm năm qua, CB, GV Khoa KT&QT không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng dạy học trong Nhà trường, GV tích cực học tập bồi dưỡng, nâng cao trình độ, từ năm 2023 đến nay, Khoa có 08 GV đỗ đầu vào và đang làm NCS.

- Hoạt động NCKH và HTPT

NCKH và HTPT không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững và nâng cao vị thế của khoa trong Nhà trường.

Do vậy, Khoa KT&QT xác định NCKH là một trong những nhiệm vụ chính yếu của Khoa cũng như của mỗi GV. Việc gắn kết chặt chẽ giữa giảng dạy và nghiên cứu giúp GV cập nhật kiến thức mới, nâng cao năng lực chuyên môn; SV có cơ hội tham gia vào các đề tài nghiên cứu, hình thành tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề. Khoa KT&QT đã tập trung vừa làm tốt hoạt động đào tạo, vừa đẩy mạnh NCKH, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc của GV và khuyến khích tích cực đối với SV trong Khoa.

Trong 05 năm trở lại đây, khoa KT&QT đã có 242 sản phẩm NCKH, gồm: 01 đề tài NCKH cấp quốc gia, 03 đề tài NCKH cấp tỉnh, 55 đề tài NCKH cấp trường, 103 đề tài NCKH cấp khoa, 65 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước, 07 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế, 8 sách chuyên khảo. Đội ngũ GV và SV tham gia nhiều hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường, cấp quốc gia.

Trong việc mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác của Trường ĐHTB, Khoa KT&QT đã hợp tác với các trường ĐH trong nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm để phát triển CTĐT, đổi mới PPGD, NCKH. Khoa đã chủ động để mở rộng quan hệ với các DN trên địa bàn tỉnh Thái Bình cũng như các tỉnh lân cận nhờ đó, nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết thực tiễn, tăng cường cơ hội thực tập, việc làm cho SV. Qua tiếp xúc DN, SV được rèn luyện các kỹ năng như: giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, thích nghi với văn hóa công sở...SV hiểu rõ hơn về nhu cầu thị trường, từ đó chủ động định hướng học tập và nghề nghiệp. DN đồng hành tài trợ học bổng; chia sẻ, đóng góp các ý kiến trong việc phát triển CTĐT.

Đẩy mạnh NCKH và mở rộng mạng lưới hợp tác đã nâng cao vị thế và uy tín của khoa trong và ngoài trường, đóng góp vào công cuộc đổi mới, sáng tạo và hội nhập của trường ĐHTB.

- Về CTĐT

Khoa quản lý và chủ trì thực hiện 04 CTĐT trình độ đại học ngành Kế toán, Kinh tế, Quản trị kinh doanh và TCNH.

Việc thiết kế, xây dựng và rà soát CTĐT được thực hiện 02 năm/lần, trên cơ sở các văn bản quy định, như: Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT (ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, ngày 13/08/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tạo); Khung trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT); Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CDR và CTĐT; Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 1309/QĐ-ĐHTB, ngày 16/06/2014 của Hiệu trưởng ĐHTB); Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTB, ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB); Quy định chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CDR và CTĐT (ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-ĐHTB ngày 14/9/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB); Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHTB (ban hành theo Quyết định số 25/QĐ-ĐHTB, ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHTB).

Trong quá trình thực hiện rà soát CTĐT, Khoa, Nhà trường quan tâm việc đóng góp ý kiến của các BLQ, đặc biệt của CSV và NTD để các CTĐT đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xã hội, thị trường lao động. Khoa đã tham khảo và học hỏi kinh nghiệm của các trường đại học: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội để xây dựng CTĐT đạt chất lượng tốt.

CTĐT ngành TCNH đã được ban hành năm 2018, điều chỉnh rà soát và bổ sung vào các năm 2019, 2021 và năm 2023. CTĐT được điều chỉnh theo định hướng ứng dụng, thực hành nghề nghiệp; chú ý đến rèn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cho SV, cân đối giữa lý thuyết với thực hành; các HP của CTĐT được phân bổ theo 05 khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương (M1); Kiến thức cơ sở liên ngành (M2); Kiến thức nhóm ngành (M3); Kiến thức ngành (M4); Kiến thức định hướng chuyên ngành (M5).

CTĐT đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu và CDR của CTĐT, giữa CDR của CTĐT với CDR của các HP, các PPGD, học tập và PPKTĐG, bảo đảm NH có thể đạt được CDR như đã tuyên bố.

Đối với ngành TCNH, khoa KT&QT đảm bảo đội ngũ GV thực hiện CTĐT theo quy định, 100% GV có trình độ từ Thạc sĩ trở lên, có chuyên môn vững, nhiều kinh nghiệm, đảm bảo chất lượng giảng dạy các HP trong CTĐT. Tuy nhiên, Nhà trường,

khoa vẫn tiếp tục có những chính sách để thu hút GV có trình độ cao (Tiến sĩ, Phó giáo sư, Giáo sư) về tham gia giảng dạy, đồng thời, Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất để GV trong Khoa được học tập nâng cao trình độ (hiện tại Khoa có 08 GV làm nghiên cứu sinh trong nước).

- Công tác SV

Khoa KT&QT luôn quan tâm đến xây dựng môi trường học tập thân thiện để SV chủ động học tập và rèn luyện. Khoa có các bộ phận trợ lý, CVHT, cùng với Liên Chi đoàn luôn đồng hành và hỗ trợ các SV trong suốt quá trình học tập và rèn luyện. SV được bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống. SV học tại trường ĐHTB nói chung, khoa KT&QT được hỗ trợ, giải đáp mọi thắc mắc về học tập, các chế độ chính sách; được tham gia rất nhiều các hoạt động PVCD. SV được Nhà trường hỗ trợ, cung cấp thông tin, địa chỉ về chỗ ở, thực tập, thực tế. Ngoài ra, SV có cơ hội nhận học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; những SV có hoàn cảnh khó khăn nhận được hỗ trợ của Khoa, Hội khuyến học trường, tỉnh.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến ý kiến phản hồi của các BLQ trong đó có ý kiến của SV đang học tại trường, CSV để điều chỉnh, xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH, PVCD; bổ sung CSVC, trang thiết bị; cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động. Hằng năm, Nhà trường phối hợp với khoa KT&QT thực hiện khảo sát SV về chất lượng môi trường học tập, về chất lượng giảng dạy các HP của GV, khảo sát SV trước khi tốt nghiệp về chất lượng khóa học; tổ chức các buổi đối thoại giữa SV với Lãnh đạo trường, khoa và các phòng ban liên quan. Các ý kiến phản hồi của SV đều được nghiêm túc xem xét và có những cải tiến để nâng cao mức độ hài lòng của NH. Năm học 2024-2025, mức độ hài lòng SV ngành TCNH đối với hoạt động giảng dạy của GV đạt chỉ số chất lượng 89.3, SV trước khi tốt nghiệp có chỉ số hài lòng toàn khóa học là 85.0 đều ở mức tốt.

Với các hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD được sắp xếp, triển khai trong quá trình học tập của khóa học, SV khoa KT&QT nói chung, ngành TCNH nói riêng được phát huy tối đa tính sáng tạo, hiểu biết của mình trong hành trình tiếp thu kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ đạt được mục tiêu đề ra. Ngành TCNH tuyển sinh khóa 01 từ năm 2018 cho đến nay có 06 khóa học, có 03 khóa tốt nghiệp, tỉ lệ SV tốt nghiệp tăng qua các năm. Nhiều SV được DN tiếp nhận làm việc sau khi thực tập; các DN chủ động tuyển dụng SV từ khoa. Tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành đào tạo của ngành TCNH đạt 85,9%.

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mở đầu: Mục tiêu, CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành TCNH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành và các quy định, hướng dẫn của trường ĐHTB, được Nhà trường công bố rộng rãi. Mục tiêu và CĐR của ngành TCNH thể hiện được các nhóm về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo khối ngành và lĩnh vực đào tạo. Khi xây dựng mục tiêu và CĐR của CTĐT, ngành TCNH đã căn cứ vào TN, SM, mục tiêu giáo dục của Trường và không tách khỏi mục tiêu chung của giáo dục đại học đã được quy định trong Luật Giáo dục Đại học; đồng thời mục tiêu và CĐR ngành TCNH được Tổ rà soát soạn thảo xây dựng, rà soát, đánh giá, điều chỉnh và cập nhật, sau đó được Hội đồng KH&ĐT của Nhà trường thông qua đảm bảo theo quy trình chung của Trường, phù hợp với yêu cầu của NH và của xã hội.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với SM và TN của CSGD đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định lại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT trình độ đại học ngành TCNH được xác định rõ ràng. Được xây dựng dựa trên các quy định của Luật Giáo dục Đại học, Khung trình độ Quốc gia Việt Nam và các Thông tư của Bộ GD&ĐT về quy định chuẩn CTĐT, quy chế đào tạo trình độ đại học và quyết định ban hành Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CĐR và CTĐT trình độ đại học của trường ĐHTB [H01.1.01]. Trên cơ sở đó, việc rà soát, xây dựng bổ sung mục tiêu của CTĐT ngành TCNH đã được Khoa KT&QT quan tâm và thực hiện theo quy định, trong chu kỳ đánh giá của CTĐT ngành TCNH đã được rà soát, sửa đổi vào các năm 2021 và 2023 [H01.1.02]. Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, được cụ thể hóa thành các CĐR của CTĐT thông qua ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo với CĐR [H01.1.03], [H01.1.04]. Năm 2023, khoa KT&QT đã tiến hành rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành TCNH theo hướng tiếp cận năng lực: “Đào tạo SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành TCNH”. Mục tiêu cụ thể của CTĐT được xác định rõ ràng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, bao gồm 06 mục tiêu cụ thể với 02 mục tiêu về kiến thức, 02 mục tiêu về kỹ năng, 02 mục tiêu về năng lực tự chủ và trách nhiệm nhằm đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ trong mối liên hệ với CĐR của CTĐT [H01.1.04].

Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH phù hợp với TN, SM đã được công bố trong CLPT của trường ĐHTB giai đoạn 2018 - 2021, TN đến năm 2030, giai đoạn 2022 - 2030, TN đến 2045 [H01.1.05(1)(2)]. Trường ĐHTB đã công bố TN, SM, GTCL, TLGD, trong đó khẳng định SM của Nhà trường là: “Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, có khả năng phát huy năng lực sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp và có trách nhiệm với xã hội; NCKH, chuyển giao KHCN; Cung cấp dịch vụ giáo dục, kết nối và PVCD đóng

góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của Thái Bình và của cả nước; tạo cơ hội và môi trường học tập thuận lợi cho mọi đối tượng” [H01.1.06]. Cũng trong quyết định này, TN của Nhà trường được công bố là: “Đến năm 2030, Trường Đại học Thái Bình trở thành CSGD đại học có uy tín của khu vực và cả nước, đào tạo trình độ đại học, sau đại học theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao. Đến năm 2045 là trở thành trường đại học hàng đầu về đào tạo nhân lực chất lượng cao và thực hiện các hoạt động NCKH đột phá, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực và của cả nước”. Năm 2025, Nhà trường ban hành CLPT Trường ĐHTB đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050 [H01.1.05(3)] Đây là cơ sở để tiếp tục định hướng mục tiêu đào tạo ngành TCNH. Như vậy, mục tiêu của CTĐT ngành TCNH thể hiện rõ định hướng ứng dụng và thực hành của chương trình, SV tốt nghiệp có khả năng đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Thái Bình và của cả nước.

Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học. Trên cơ sở Khung trình độ Quốc gia Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ- TTg ngày 18/10/2016), phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học 2018 (tại Điều 5 khoản 1 của Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 và Luật Giáo dục Đại học sửa đổi bổ sung năm 2018). Cụ thể tại khoản 1 Điều 5 của Luật giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 và Luật giáo dục Đại học sửa đổi bổ sung năm 2019 “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài ...; đào tạo NH có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng KHCN tương xứng với trình độ đào tạo*” và khoản 2b “*Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo*” [H01.1.07] [H01.1.08].

Trong quá trình xây dựng mục tiêu và CDR của CTĐT nói riêng cũng như xây dựng CTĐT nói chung, đã có sự tham khảo, góp ý của các chuyên gia, nhà nghiên cứu, các GV để hoàn thiện qua các đợt rà soát, chỉnh sửa, bổ sung [H01.1.09]. Bên cạnh đó, mục tiêu của CTĐT ngành TCNH cũng có sự đối sánh với mục tiêu CTĐT ở các trường đại học khác trong nước có đào tạo ngành TCNH [H01.1.10]. Điều này đảm bảo cho việc đưa ra mục tiêu CTĐT đáp ứng yêu cầu của các BLQ và phù hợp với tình hình chung trong nước.

Trong chu kỳ đánh giá, Khoa đã tổ chức rà soát, điều chỉnh mục tiêu CTĐT vào các năm 2021, 2023 theo các kế hoạch và quy trình quy định của Nhà trường [H01.1.11], [H01.1.12], [H01.1.13], [H01.1.14]. Khoa đã tiến hành khảo sát các BLQ về mục tiêu CTĐT ngành TCNH (DN, GV, CSV, Chuyên gia) [H01.1.09]. Khảo sát các DN về nhu cầu sử dụng lao động ngành TCNH [H01.1.15]. Hầu hết các ý kiến góp ý của các đối tượng được khảo sát đều cho rằng nhu cầu thị trường là cần thiết và mục tiêu của CTĐT là phù hợp [H01.1.16], và Bảng đối sánh mục tiêu của CTĐT qua các lần điều chỉnh

[H01.1.17]. Mục tiêu rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội là điểm khởi đầu quan trọng để Nhà trường có thể xây dựng CTĐT ngành TCNH một cách khoa học, thu hút được sự tham gia của các NKH, GV đáp ứng được các yêu cầu mà Bộ GD&ĐT đề ra. Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH sau khi ban hành được công bố công khai trên website Nhà trường để NTD, CSV, GV, NH dễ dàng tiếp cận **[H01.1.18]**

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ngành TCNH được xác định rõ ràng, được rà soát, chỉnh sửa định kỳ 2 năm một lần, phù hợp với TN, SM của trường ĐHTB qua từng giai đoạn, đồng thời phù hợp với mục tiêu chung theo quy định của Luật Giáo dục đại học

3. Điểm tồn tại

Số lượng ý kiến khảo sát DN về xây dựng, rà soát điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành TCNH còn hạn chế

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 – 2026, khoa KT&QT thúc đẩy việc hợp tác với nhà tuyển dụng, qua đó tham khảo nhiều hơn ý kiến trong công tác phát triển CTĐT nói chung và cụ thể là mục tiêu đào tạo để CTĐT ngành TCNH đáp ứng được yêu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.2. CDR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả

CDR của CTĐT ngành TCNH được xác định rõ ràng, có sự thống nhất với mục tiêu của CTĐT, bao hàm được những kiến thức cốt lõi, kỹ năng cần thiết và các yêu cầu về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với SV ngành TCNH cần phải đạt được sau khi tốt nghiệp **[H01.2.01], [H01.2.02]**. Trên cơ sở dựa theo các văn bản của Bộ GD&ĐT ban hành (như Hướng dẫn về việc xây dựng và công bố CDR của ngành đào tạo; Khung trình độ Quốc gia; Quy định chuẩn CTĐT, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học), các văn bản của trường ĐHTB về việc xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện CTĐT phù hợp với TN, SM và CLPT của Trường **[H01.2.03] [H01.2.04] [H01.2.05]**. CDR của CTĐT chính là cam kết của Khoa, Trường với NH và xã hội về chất lượng của CTĐT. Do đó, việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh và phát triển CDR của CTĐT ngành TCNH được thực hiện theo định kỳ 2 năm/lần theo kế hoạch của trường, Ban chỉ đạo điều hành, Tổ rà soát thực hiện, Hội đồng KH&ĐT tư vấn **[H01.2.06]**. Vì vậy, CDR CTĐT của ngành TCNH được xây dựng theo quy trình rõ ràng từ khâu lập kế hoạch, thực hiện và cải tiến của mỗi đợt rà soát **[H01.2.07]**. Sau khi nghiệm thu, CDR của CTĐT ngành TCNH được ban hành và công bố rộng rãi cho người học, GV và các BLQ trên website của Nhà trường để nhà tuyển dụng, CSV, GV, NH dễ dàng tiếp cận **[H01.2.08]**

CDR năm 2019 có cấu trúc bao gồm kiến thức (kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành); kỹ năng (kỹ năng cứng, kỹ năng mềm) và mức độ tự chủ và trách nhiệm, tuy nhiên tại phiên bản này, các CDR vẫn còn dàn trải, khó xác định. CDR năm 2021 đã

tham chiếu sử dụng thang đo nhận thức Bloom để biểu đạt các mức độ cụ thể về nhận thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm. CDR năm 2023 được viết lại cô đọng hơn ở các CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm, các CDR về kiến thức, kỹ năng được xác định rõ ràng, cụ thể, dễ đo lường và phù hợp với thực tế. Khi tiến hành đối sánh CDR CTĐT ngành TCNH của trường ĐHTB với một số trường trong nước cho thấy CDR có nhiều điểm tương đồng **[H01.2.09]**.

CDR của CTĐT được cụ thể hóa thành CDR của từng HP trong CTĐT, tăng tính khả thi của các CDR của CTĐT cũng như lý giải được giá trị của mỗi CDR. Các CDR này cũng được tổ chức dưới dạng các nhóm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Mỗi HP trong CTĐT đóng góp vào việc thực hiện CDR của CTĐT thể hiện qua ma trận kỹ năng trong CTĐT **[H01.2.01], [H01.2.02]**. CTĐT của ngành TCNH năm 2023 có 15 CDR được xây dựng theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam và sử dụng thang đo Bloom để xác định và mô tả CDR, từ đó có thể đo lường và thể hiện được yêu cầu của các BLQ. Ngoài những yêu cầu chung (PLO1, PLO2, PLO3, PLO4), còn đề cập đến những yêu cầu chuyên biệt cho đối tượng người học trong lĩnh vực TCNH về kiến thức chuyên môn, kiến thức lý thuyết chuyên sâu (PLO5, PLO6, PLO7), kỹ năng nghề nghiệp (từ PLO8 đến PLO13), năng lực tự chủ và trách nhiệm với bản thân và cộng đồng (PLO14, PLO15) **[H01.2.07]**.

CDR của CTĐT ngành TCNH thể hiện rõ được mối quan hệ giữa CDR với mục tiêu của CTĐT, hay nói cách khác, thông qua CDR của ngành thấy rõ được MT cần đạt của CTĐT ngành TCNH, điều đó được thể hiện trong bảng Ma trận giữa MT và CDR của CTĐT ngành TCNH **[H01.2.01], [H01.2.02]**

CDR của CTĐT ngành TCNH hoàn toàn phù hợp với TNSM, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của ngành TCNH hiện nay.

2. Điểm mạnh

CDR của CTĐT ngành TCNH bao quát được các yêu cầu chung cũng như các yêu cầu chuyên biệt về kiến thức, kỹ năng, và mức tự chủ trách nhiệm mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài yêu cầu đạt được kiến thức chung, kiến thức chuyên môn về TCNH, CDR của CTĐT nhấn mạnh việc phát huy tư duy sáng tạo, tính tự chủ, năng động, khả năng hội nhập và phát triển nhân cách của SV sau khi tốt nghiệp. Với các CDR này, SV tốt nghiệp có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp cũng như phẩm chất đạo đức, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và có khả năng học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại

Việc tham khảo ý kiến phản hồi từ các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành để điều chỉnh CDR của CTĐT ngành TCNH chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, khoa KT&QT chủ động tham khảo nhiều hơn ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học trong công tác phát triển CTĐT nói chung và cụ thể là CDR của CTĐT để kết quả SV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu xã hội.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả

CĐR của CTĐT ngành TCNH được xây dựng theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H01.3.01] [H01.3.02] [H01.3.03] [H01.3.04] và các chủ trương, quy định Nhà trường [H01.3.05], [H01.3.06]. CĐR của CTĐT ngành TCNH đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện nhiều lần sau khi tiến hành khảo sát, tiếp thu các ý kiến của các BLQ về CĐR và CTĐT, khảo sát yêu cầu về nhân lực của thị trường lao động, có tham khảo của các trường đại học trong nước như Đại học Kinh tế quốc dân Hà nội, Đại học Nha Trang, Đại học Kinh tế - Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên, Học viện Ngân hàng, ... đồng thời có sự tham khảo ý kiến rộng rãi từ phía Tổ rà soát, GV, SV, cựu SV và các nhà tuyển dụng. Hình thức khảo sát lấy ý kiến của BLQ về CĐR được Nhà trường thực hiện thông qua phiếu khảo sát, tổ chức cuộc họp. CĐR ngành TCNH đã được rà soát, chỉnh sửa dựa trên kế hoạch của Nhà trường, được Tổ soạn thảo rà soát, chỉnh sửa; Hội đồng KH&ĐT Trường thông qua [H01.3.07], CĐR CTĐT ngành TCNH được Hiệu trưởng ký ban hành đảm bảo logic, rõ ràng, cụ thể hơn, thể hiện được 03 mục tiêu chính về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm phù hợp với nhu cầu thực tế, nâng cao nhận thức về trách nhiệm xã hội đối với Nhà trường, Khoa [H01.3.08].

Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CĐR ngành TCNH được tiến hành 02 năm/lần. CĐR ngành TCNH được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào các năm 2021 và 2023 dựa trên các mục tiêu cụ thể từ thực tiễn đặt ra, từ sự phản hồi của các BLQ và đối sánh với các trường đại học uy tín trong nước có đào tạo cùng lĩnh vực; các lần rà soát CTĐT đều mời các BLQ đóng góp ý kiến thông qua khảo sát, từ đó cập nhật những kiến thức mới nhất của ngành nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường [H01.3.09] [H01.3.10] [H01.3.11] và được thể hiện cụ thể trong Bản đối sánh CTĐT năm 2023 so với năm 2021 ngành TCNH [H01.3.12]. Trên cơ sở đó, CĐR của từng ĐCCT HP cũng được điều chỉnh và cập nhật [H01.3.13].

Trong quá trình thực hiện rà soát, chỉnh sửa CĐR, Khoa tổ chức lấy ý kiến của các DN (nhà tuyển dụng) về nhu cầu nguồn nhân lực [H01.3.14]. Bên cạnh đó, Khoa cũng đã lấy ý kiến của các BLQ (GV, chuyên gia, nhà khoa học, CSV, GV). Kết quả khảo sát của các BLQ về CĐR năm 2023 cho thấy CĐR rõ ràng, cụ thể, bao hàm các nội dung kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của một cán bộ TCNH và đáp ứng yêu cầu của DN với nhiều vị trí việc làm khác nhau [H01.3.15]. Ngoài ra, Phòng TCCB, TT&KĐCL định kỳ tổ chức lấy ý kiến đánh giá của SV trước tốt nghiệp về Chất lượng đào tạo của ngành TCNH. Trong đó, một số tiêu chí được SV đánh giá mức độ “đồng ý” và “rất đồng ý” chiếm tỷ lệ cao (87,6%), như: “CTĐT có mục tiêu và CĐR rõ ràng”; “Nội dung CTĐT phù hợp với CĐR”, “CĐR và nội dung CTĐT được cập nhật, đáp ứng với nhu cầu xã hội”, ... [H01.3.16]. Các ý kiến của SV về CTĐT trước khi kết thúc khóa học là cơ sở quan trọng để Khoa có những điều chỉnh về nội dung của CĐR.

Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của các chuyên gia và BLQ trong quá trình rà soát, chỉnh sửa CĐR của CTĐT chưa đa dạng về hình thức và số lượng ý kiến.

Ngay sau khi ban hành, CĐR của CTĐT được công bố công khai trên website của Trường [H01.3.17] và trên các tài liệu quảng bá tuyển sinh của Trường.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ngành TCNH đã phản ánh được yêu cầu và có sự tham gia đóng góp của nhà tuyển dụng, nhà khoa học, GV, cán bộ quản lý. CĐR của CTĐT đã được định kỳ điều chỉnh vào các năm 2021, 2023.

CĐR của CTĐT ngành TCNH được công bố công khai trên nhiều phương tiện và lưu giữ ở các đơn vị liên quan trong Trường để các BLQ dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Tài liệu quảng bá CĐR của CTĐT tới đối tượng tuyển sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Khoa phối hợp với phòng ĐT&HSSV, bộ phận truyền thông xây dựng kế hoạch quảng bá CĐR của CTĐT tới đối tượng tuyển sinh vào năm học 2025-2026.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 1

Các phiên bản của CTĐT ngành TCNH đều có đầy đủ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, phù hợp với SM và TN của Trường và mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

CĐR của CTĐT ngành TCNH được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được đối với ngành TCNH. CĐR đã chỉ rõ triển vọng việc làm trong tương lai, các CĐR đảm bảo đo lường, đánh giá được. Đồng thời, các mục tiêu và CĐR đã được xây dựng và định kỳ rà soát 2 năm/lần trên cơ sở tham gia góp ý của các BLQ và được công bố công khai. Các BLQ dễ dàng tiếp cận và hiểu được mục tiêu, CĐR của CTĐT sau mỗi lần rà soát, điều chỉnh.

CĐR của CTĐT ngành TCNH được công bố rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của Trường, phổ biến trong tuần sinh hoạt công dân SV và lưu giữ ở các đơn vị chức năng trong Trường để các bên đều tiếp cận thuận lợi.

Tuy nhiên, trong các lần rà soát mục tiêu và CĐR của CTĐT, việc khảo sát ý kiến của các BLQ chưa phủ rộng trong các đối tượng là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà tuyển dụng,...

Để khắc phục hạn chế trên, trong thời gian tới khoa KT&QT thực hiện khảo sát lấy ý kiến CTĐT để rà soát, điều chỉnh CTĐT trong chu kỳ tiếp theo; Phòng TCCB, TT&KĐCL là đơn vị đầu mối kết hợp với phòng ĐT&HSSV, khoa KT&QT hoàn thiện quy trình khảo sát, lấy ý kiến các BLQ; tổ chức lấy ý kiến các BLQ thường xuyên theo kế hoạch để tiếp tục hoàn thiện CĐR CTĐT phù hợp với thị trường lao động; phối hợp với bộ phận tuyển sinh, văn phòng xây dựng kế hoạch quảng bá CĐR của CTĐT tới đối tượng tuyển sinh vào năm học 2025-2026.

Tiêu chuẩn 01 có 03 tiêu chí, trong đó 03/03 tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả CTĐT

Mở đầu: Bản mô tả CTĐT ngành TCNH được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do trường ĐHTB ban hành, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT ngành TCNH gắn với nhu cầu của NH, nhu cầu xã hội và được công bố công khai. Bản mô tả CTĐT ngành TCNH cung cấp đầy đủ các thông tin về chương trình, cấu trúc khóa học, CĐR, mô tả tóm tắt ĐCCT của từng HP cũng như các thông tin về phương pháp dạy học, kiểm tra/đánh giá HP

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT của ngành TCNH trường ĐHTB được xây dựng, rà soát, cập nhật có đầy đủ các nội dung. Căn cứ vào các quy định của Nhà trường: Quy định về xây dựng và phát triển CTĐT trình độ đại học được ban hành theo Quyết định số 111/QĐ-ĐHTB ngày 25 tháng 03 năm 2019, xác định cụ thể 10 bước thực hiện xây dựng, 7 bước rà soát chỉnh sửa CTĐT và quyết định 591/QĐ-ĐHTB ngày 14 tháng 9 năm 2021 quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định, ban hành CĐR và CTĐT trình độ đại học trường ĐHTB ngành TCNH đã hoàn thiện bản mô tả CTĐT năm 2021 [H02.1.01] [H02.1.02]. Khoa KT&QT thực hiện rà soát, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT và được ban hành trong CTĐT ngành TCNH năm 2023 [H02.1.03]

Trước năm 2021, thông tin về mô tả CTĐT ngành TCNH được thể hiện trong bản CTĐT năm 2019. Bản mô tả CTĐT ngành TCNH năm 2021 bao gồm các nội dung gồm: thông tin chung về CTĐT; mục tiêu chương trình; CĐR; vị trí việc làm; thông tin tuyển sinh, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp cấu trúc CTDH, vị trí của NH sau tốt nghiệp; đội ngũ và CSVC phục vụ giảng dạy; chiến lược giảng dạy và học tập; nội dung chương trình; mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng HP; đối sánh CTĐT, phê duyệt CTĐT [H02.1.002(2)]. Đến năm 2023, Bản mô tả CTĐT mẫu được cập nhật và điều chỉnh bổ sung một số nội dung như: cập nhật các nội dung về TN – SM – GTCL– TLGD của nhà trường vào mục tiêu CTĐT; chuẩn đầu vào được cụ thể hơn về đối tượng tuyển sinh, vùng tuyển sinh, phương thức xét tuyển; đối sánh CTĐT: thực hiện đối sánh CĐR và khung CTĐT với các trường trong nước; vị trí NH sau tốt nghiệp; điều chỉnh khối kiến thức các phần trong đó bao gồm kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở liên ngành, khối kiến thức nhóm ngành, khối kiến thức ngành và khối kiến thức định hướng chuyên ngành Căn cứ vào Bản mô tả CTĐT mẫu được ban hành, ngành TCNH hoàn thiện bản mô tả CTĐT năm 2023 với đầy đủ nội dung, cập nhật thông tin cụ thể hơn [H02.1.03(2)]

Trong giai đoạn 2020-2024, bản mô tả CTĐT ngành TCNH được thể hiện trong bản CTĐT và được rà soát, điều chỉnh 02 lần vào năm 2021 và năm 2023. Từ kế hoạch của nhà trường, Khoa xây dựng kế hoạch rà soát CTĐT các ngành trong đó có ngành TCNH [H02.1.04] [H02.1.05]. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT dựa theo NH của Nhà trường; ngành TCNH có tiến hành xin ý kiến các BLQ gồm: GV, NH, các nhà tuyển dụng, nhà quản lý, nhà khoa học; đối sánh CTĐT phiên bản các năm; đối sánh với

CTĐT cùng ngành của các trường đại học trong nước...[H02.1.06], [H02.1.07], [H02.1.08], [H02.1.09]. Từ đó, tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của CTĐT, trình Hội đồng KH&ĐT cấp trường thông qua và được Hiệu trưởng trường ĐHTB ký quyết định ban hành [H02.1.10] [H02.1.11] [H02.1.02(1)(3)] [H02.1.03(1)(3)]. Qua rà soát, chỉnh sửa, các thông tin bản mô tả CTĐT được cập nhật những nội dung mới như: Năm 2021, thực hiện cải tiến mục tiêu HP đáp ứng CĐR của CTĐT thông qua thiết lập ma trận mối liên hệ giữa CĐR của CTĐT với mục tiêu HP, cụ thể hóa mục tiêu HP thành CĐR, thiết lập mối liên hệ giữa CĐR của CTĐT ở cấp độ, CĐR của HP, nội dung của bài học. Năm 2023, bản mô tả CTĐT cập nhật CĐR, nội dung CTĐT, nhiệm vụ của SV [H02.1.02(2)] [H02.1.03(2)]. Bản mô tả CTĐT năm 2023, được xây dựng mô tả theo mẫu hướng dẫn trên các căn cứ văn bản như khung CTĐT, đề án tuyển sinh, các quy chế đào tạo, tổng hợp được đầy đủ thông tin của CTĐT ngành TCNH. Các nội dung trong bản mô tả CTĐT đều phù hợp với hướng dẫn của Trường cũng như đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và được công khai trên website của trường ĐHTB [H02.1.12] [H02.1.13] [H02.1.14]. Tuy nhiên, CTĐT ngành TCNH chưa tham khảo các CTĐT tiên tiến.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin về CTĐT và được cập nhật những vấn đề mới về lĩnh vực kinh tế, TCNH theo định kỳ.

3. Điểm tồn tại

CTĐT ngành TCNH chưa tham khảo các CTĐT tiên tiến

4. Kế hoạch hành động

Trong lần rà soát và điều chỉnh CTĐT tiếp theo (năm học 2025 - 2026), khoa KT&QT thực hiện đối sánh CTĐT với các CTĐT tiên tiến.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các HP đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

100% ĐCCT HP ngành TCNH có đầy đủ thông tin và cập nhật được xây dựng và điều chỉnh, bổ sung qua các năm 2021, 2023 [H02.2.01]. Năm 2021, các ĐCCT HP thể hiện đầy đủ các nội dung như sau: thông tin về GV (Họ tên/chức danh/học hàm, học vị/ hướng nghiên cứu chính/ địa chỉ/email), thông tin về HP (tên HP, mã HP, số tín chỉ, giờ tín chỉ đối với các hoạt động, đơn vị pFụ trách), MT HP, CĐR của HP, mô tả tóm tắt nội dung HP, nội dung chi tiết HP, tài liệu học tập, KH giảng dạy cụ thể, yêu cầu của GV đối với HP, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đánh giá KQHT [H02.2.02] [H02.2.03]. Đến năm 2023, các ĐCCT HP được cập nhật theo hướng dẫn trong đó bổ sung các nội dung về: Trưởng HP, Nhiệm vụ của SV và các công cụ sử dụng để đánh giá sử dụng trong từng HP [H02.2.04] [H02.2.05]. Năm 2021, CTĐT ngành TCNH có 60 ĐCCT (41 HP bắt buộc, 19 HP tự chọn) với tổng 130 tín chỉ (110 tín chỉ bắt buộc và 20 tín chỉ tự chọn). Năm 2023, CTĐT ngành TCNH 74 ĐCCT (31 HP bắt buộc, 43 HP tự chọn) với tổng 130 tín chỉ (100 tín chỉ bắt buộc, 30 tín chỉ tự

chọn). CTĐT các phiên bản trên không kể HP Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh [H02.2.03 (2)] [H02.2.05 (3)].

Bảng 2.1. Bảng đối sánh số tín chỉ, học phần CTĐT ngành TCNH năm 2021, 2023

Nội dung	CTĐT 2021	CTĐT 2023
Số tín chỉ	130	130
Số học phần	60	74
+ Học phần bắt buộc	41	31
+ Học phần tự chọn	19	43

Bảng 2.2. Bảng đối sánh khối kiến thức CTĐT ngành TCNH năm 2021, 2023

Đơn vị tính: tín chỉ

Nội dung	CTĐT 2021		CTĐT 2023	
	Bắt buộc	Tín chỉ	Bắt buộc	Tín chỉ
Kiến thức giáo dục đại cương	33		29	
Kiến thức liên ngành	15	2	9	3
Kiến thức nhóm ngành	13	4	19	9
Kiến thức ngành	43	8	19	12
Kiến thức định hướng chuyên ngành	12	0	24	6
Cộng	116	14	100	30

Trong giai đoạn 2020 - 2024, 100% ĐCCT HP ngành TCNH đã được chỉnh sửa, bổ sung định kỳ vào năm 2021 và 2023 theo kế hoạch của Nhà trường [H02.2.06]. Căn cứ vào kế hoạch Nhà trường, tổ soạn thảo tiến hành xin ý kiến các BLQ gồm: GV, NH, các nhà tuyển dụng, nhà quản lý, nhà khoa học [H02.2.07] [H02.2.08] [H02.2.09]. Năm 2021, ĐCCT HP được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực NH, thực hiện cải tiến mục tiêu HP đáp ứng CĐR của CTĐT thông qua thiết lập ma trận mối liên hệ giữa CĐR của CTĐT với mục tiêu HP, cụ thể hóa mục tiêu HP thành CĐR, thiết lập mối liên hệ giữa CĐR của CTĐT, CĐR của HP, nội dung của bài học [H02.2.03 (2)] [H02.2.02]. Năm 2023, 100% ĐCCT các HP được cập nhật các nội dung về trường học phần, CĐR, PPGD, PPKTĐG và các công cụ sử dụng để đánh giá được quy định cụ thể trong ĐCCT HP phù hợp và hỗ trợ nhau trong việc đạt được CĐR [H02.2.04] [H02.2.05(2)]. ĐCCT các HP ngành TCNH có đầy đủ các thông tin, định kỳ được rà soát, điều chỉnh. Ví dụ: HP Tài chính công trong CTĐT năm 2023 được xây dựng với 3 tín chỉ thay vì 2 tín chỉ trong CTĐT năm 2021. Tuy nhiên một số HP còn hạn chế về sách tham khảo như HP công nghệ tài chính...

Năm 2023, sau khi tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới, ĐCCT HP được Hội đồng Khoa học cấp khoa họp xem xét thông qua in cùng CTĐT chỉnh sửa trình Hội đồng Thẩm định nghiệm thu, Hiệu trưởng ký ban hành [H02.2.10] [H02.2.11] [H02.2.03(2)] [H02.2.05(2)]

2. Điểm mạnh

ĐCCT các HP ngành TCNH được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, có đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung, cập nhật. Trong quá trình chỉnh sửa, cập nhật ĐCCT đã có sự tham gia ý kiến của các BLQ.

3. Điểm tồn tại

Một số HP còn hạn chế về sách tham khảo như: Tiền số và công nghệ Blockchain,...

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025, khoa KT&QT rà soát, bổ sung các tài liệu mới phục vụ học tập, giảng dạy ngành TCNH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành TCNH được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT ngành TCNH được công bố công khai trên website của Nhà trường để NH và các BLQ dễ dàng tiếp cận [H02.3.01]. Bản mô tả CTĐT còn được phổ biến đến NH trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H02.3.02]. Bản mô tả CTĐT được gửi các khoa chuyên đến tất cả GV nghiên cứu, tư vấn cho NH và thực hiện CTĐT [H02.3.03].

100% ĐCCT các HP ngành TCNH được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. ĐCCT các HP được công bố trên website của Nhà trường [H02.3.04]. Đồng thời, NH được GV gửi qua cùng với tài liệu học tập trước khi lên lớp; trong quy chế của Nhà trường quy định các ĐCCT HP được phổ biến trong buổi đầu giảng dạy của HP, các GV luôn dành một khoảng thời gian từ 10 - 15 phút giới thiệu chi tiết, giải thích trao đổi thông tin về đề cương HP giúp NH hiểu rõ và thực hiện [H02.3.05] [H02.3.06]. Đề cương các HP cũng được lưu trữ tại Văn phòng Khoa và Phòng ĐT&HSSV của Trường để các đối tượng có liên quan cần sử dụng đều dễ dàng tiếp cận [H02.3.07]. ĐCCT các HP được công khai tới các DN, đơn vị tuyển dụng thông qua các đợt thực tế, thực tập của SV tại cơ sở; các buổi hội nghị về tư vấn việc làm [H02.3.08]

Các đối tượng liên quan như: cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, NH, NH đã tốt nghiệp...đều có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT dễ dàng và thuận tiện nhất, ví dụ thông qua website nhà trường [H02.3.01] [H02.3.04]; bản in CTĐT, bộ ĐCCT các học phần lưu tại phòng ĐT&HSSV và Văn phòng khoa [H02.3.09]. Mặc dù, Nhà trường đã công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP nhưng vẫn còn một số DN chưa tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP dễ dàng.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP ngành TCNH được công bố công khai bằng nhiều hình thức tới các BLQ dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường đã công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP nhưng vẫn còn một số DN chưa tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP dễ dàng.

4. Kế hoạch hành động

Để thực hiện yêu cầu công khai và tạo điều kiện tối đa cho các BLQ tiếp cận dễ dàng bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành TCNH. Năm 2025, khoa KT&QT phối hợp với Văn phòng đẩy mạnh hơn nữa công tác quảng bá thông tin về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP ngành TCNH tới cộng đồng và xã hội.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP đầy đủ thông tin và được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai trên nhiều kênh thông tin giúp NH và các BLQ tiếp cận dễ dàng để NH và các BLQ đánh giá đúng mục tiêu giáo dục của ngành TCNH nói riêng và mục tiêu giáo dục của trường ĐHTB nói chung. Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành TCNH cũng chính là những bản cam kết giữa GV với NH, giữa GV với Nhà trường, giữa Nhà trường với NH và các BLQ về chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát vẫn còn một số DN phản ánh việc tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần chưa được thực sự dễ dàng, đây là điểm tồn tại sẽ được ngành ưu tiên thực hiện kế hoạch hành động ngay trong năm 2025. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TCNH bậc đại học TĐG tiêu chuẩn 2 có 3/3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung CTDH

Mở đầu:

CTDH là một trong những yếu tố quan trọng nhất của một CTĐT. CTDH ngành TCNH được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. ĐCCT các HP đã xác định được tổ hợp các PPGD học tập, PPKTĐG, đồng thời thể hiện được sự đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTĐT. CTDH ngành TCNH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, định kỳ được rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo định kỳ 2 năm 1 lần.

Tiêu chí 3.1. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR.

1. Mô tả

CTĐT ngành TCNH trong giai đoạn 2020-2024 và đã được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật 2 năm một lần vào năm 2021, 2023 trong đó các CTDH đều được xây dựng, cập nhật dựa trên CĐR của ngành đào tạo [H03.1.01], [H03.1.02], [H03.1.03]. CĐR của CTĐT ngành TCNH được thiết kế gồm chuẩn về kiến thức, chuẩn về kỹ năng, chuẩn về mức độ tự chủ và trách nhiệm đảm bảo đáp ứng được các mục tiêu của CTĐT. CĐR và CTDH được phát triển và hoàn thiện theo yêu cầu của các văn bản quản lý mới từ Bộ GD&ĐT và của trường ĐHTB [H03.1.04], [H03.1.05], [H03.1.06] [H03.1.07].

Trong giai đoạn 5 năm chu kỳ đánh giá, CTĐT của ngành TCNH được rà soát, sửa đổi, tất cả các phiên bản đều có sự thay đổi về CĐR. Cụ thể CTĐT phiên bản năm 2021 có 14 CĐR (8 CĐR về Kiến thức, 4 CĐR về Kỹ năng, 2 CĐR về Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm); phiên bản năm 2023 được điều chỉnh có 15 CĐR (7 CĐR về Kiến thức, 6 CĐR về Kỹ năng, 2 CĐR về Năng lực tự chủ và trách nhiệm) sử dụng thang đo Bloom để đánh giá mức độ đạt chuẩn của NH và CTDH được thiết kế để đảm bảo tích hợp đầy đủ các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm **[H03.1.08]**.

Hiện tại, phiên bản đang áp dụng là phiên bản CTĐT năm 2023 được xây dựng, điều chỉnh và phê duyệt gồm 05 khối kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương (M1), kiến thức cơ sở liên ngành (M2), kiến thức nhóm ngành (M3), kiến thức ngành (M4), Kiến thức định hướng chuyên ngành (M5) với thời lượng 130 tín chỉ (không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh) dựa trên yêu cầu của CĐR, phù hợp với mục tiêu đào tạo. Kiến thức giáo dục đại cương với tổng số 29 tín chỉ chiếm 22,31%, kiến thức cơ sở liên ngành với tổng số 12 tín chỉ chiếm 9,23%, kiến thức nhóm ngành có tổng số 28 tín chỉ chiếm 21,54%, kiến thức ngành có tổng số 31 tín chỉ chiếm 23,84%, kiến thức định hướng chuyên ngành có tổng số 30 tín chỉ chiếm 23,08% khối lượng chương trình, khối kiến thức đại cương và cơ sở liên ngành, nhóm ngành làm tiền đề cho khối kiến thức ngành và chuyên ngành TCNH **[H03.1.03]**. Dựa vào các CĐR Khoa đã thiết kế nội dung và cấu trúc của CTDH với các HP tương ứng trên cơ sở phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Các HP trong CTDH ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp còn hỗ trợ những kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm, tư duy sáng tạo và phản biện, hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm... cần thiết cho SV ngành TCNH khi ra trường được thể hiện thông qua ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo và CĐR, giữa các HP và CĐR **[H03.1.09]**. Các khối kiến thức được thiết kế với nội dung đáp ứng được CĐR của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 3.1.

Bảng 3. 1. Ma trận giữa các khối kiến thức với CĐR CTĐT ngành TCNH năm 2023

TT	Khối kiến thức, kỹ năng, mức độ và chịu trách nhiệm	Số tín chỉ	Tỉ lệ %	CĐR của CTĐT ngành TCNH (PLOs)														
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Kiến thức giáo dục đại cương (M1)	29	22,31	x	x							x	x	x	x		x	x
2	Kiến thức cơ sở liên ngành (M2)	12	9,23	x	x						x			x	x		x	x
3	Kiến thức nhóm ngành (M3)	28	21,54		x	x	x	x			x		x	x	x	x	x	x
4	Kiến thức ngành (M4)	31	23,84		x	x		x	x	x	x			x	x	x	x	x
5	Kiến thức định hướng chuyên ngành (M5)	30	23,08				x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
	<i>Trong đó kiến thức tốt nghiệp</i>	13	10,00															
5.1	Thực tập tốt nghiệp	5	3,85						x	x	x			x	x	x	x	x
5.2	KLTN/ các HP thay thế KLTN	8	6,15					x	x	x	x			x	x	x	x	x
	TỔNG SỐ	130	100	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

(Tổng số 130 tín chỉ chưa bao gồm HP: ANQP và GDTC)

CTDH là sự gắn kết hợp lý giữa các khối kiến thức, các HP, có kế hoạch phân bổ các HP theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy và CĐR NH cần đạt được sau mỗi HP [H03.1.02], [H03.1.03]. Điều này không chỉ đảm bảo tính logic của chương trình, tính liên quan của các HP mà còn phù hợp với khả năng tiếp cận của NH theo thời gian. Đây là cơ sở rất quan trọng để đảm bảo CĐR của NH.

Tại các đợt điều chỉnh, bổ sung, cập nhật CTĐT Khoa đã lấy ý kiến góp ý của các BLQ về CTĐT, [H03.1.10], [H03.1.11], [H03.1.12]. Trong biên bản họp thống nhất thông qua CTĐT ngành TCNH 2023, các thành viên Hội đồng KH&ĐT khoa đã nhận xét “CTDH ngành TCNH đã được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR của ngành về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm” [H03.1.13].

Tất cả các HP của CTDH ngành TCNH trong quá trình xây dựng, rà soát, chỉnh sửa các năm 2021, 2023 đều xác định PPGD, học tập và PPKTĐG KQHT của NH phải đảm bảo tính phù hợp, góp phần đạt được CĐR. Trong CTĐT ngành TCNH năm 2023, 100% ĐCCT HP được thiết kế theo quy định của Nhà trường, tại mục 3 (Mục tiêu của HP) đã chỉ rõ mục tiêu của HP nhằm đạt được CĐR nào của CTĐT, tại mục 4 (CĐR của

học phần) CĐR của HP được thiết kế theo mục tiêu của HP và đóng góp cho CĐR nào của CTĐT, tại mục 7 (Mô tả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học) trong ĐCCT HP đã nêu rõ các PPGD, học tập được sử dụng đa dạng cho từng HP bao gồm PPGD truyền thống kết hợp với PPGD hiện đại. Ở mỗi HP, GV đã lựa chọn nhiều PPGD để thiết kế cho từng bài giảng nhằm phát huy được tính chủ động tích cực, cũng như khả năng sáng tạo của NH. Đối với các HP lý thuyết sử dụng tổ hợp các PPGD như: thuyết trình giảng giải, đàm thoại - thảo luận, vấn đáp; nghiên cứu tình huống, tổ chức học tập theo nhóm, làm bài tập, đóng vai, mô phỏng, giải quyết vấn đề; hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu và làm bài tập... Đối với các HP thực hành, thực tập nghề nghiệp, ngoài các PPGD trên GV còn kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành trên phần mềm, thực hành tại ngân hàng, DN với các hoạt động trải nghiệm thực tiễn; sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tế, phương pháp thực hành, thực tập cuối khóa,... được triển khai để NH chủ động tiếp cận, làm theo, từ đó nắm vững được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng chuyên môn theo CĐR [H03.1.14], [H03.1.15].

Trong CTDH ngành TCNH năm 2023, PPKTĐG đánh giá HP bao gồm tổ hợp các phương thức đánh giá và sử dụng công cụ đánh giá theo Rubric, Rubric là một công cụ đánh giá hiệu quả giúp cho hoạt động đánh giá trở nên minh bạch, cụ thể và hướng đến các mục tiêu, tiêu chí mong muốn. Bao gồm 12 Rubric: Đánh giá chuyên cần (Rubric 1); đánh giá thi/kiểm tra tự luận (Rubric 2); đánh giá thi/kiểm tra trắc nghiệm (Rubric 3); đánh giá báo cáo nhóm (Rubric 4); đánh giá tiểu luận/bài tập lớn (Rubric 5); đánh giá bài thực hành/thí nghiệm (Rubric 6); Đánh giá thi/kiểm tra vấn đáp (Rubric 7); đánh giá thi thực hành (Rubric 8); đánh giá thực tập tốt nghiệp gồm: đánh giá của đơn vị thực tập: (Rubric 9); đánh giá phản biện thực tập tốt nghiệp: (Rubric 10); Đánh giá của GV hướng dẫn báo cáo thực tập tốt nghiệp (Rubric 11); đánh giá KLTN/ĐATN gồm: đánh giá của người hướng dẫn KLTN/ĐATN (Rubric 12); đánh giá của thành viên hội đồng KLTN/ĐATN (Rubric 12). [H03.1.16]

Đối với mỗi HP, GV lựa chọn tổ hợp PPGD phù hợp với HP, đồng thời để góp phần hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR, GV phải đưa ra các PPKTĐG. Ứng với từng loại điểm thành phần GV phải ghi rõ điểm đánh giá quá trình hay điểm thi kết thúc HP đáp ứng với CĐR nào của HP dựa vào bảng mô tả các tiêu chí đánh giá theo các cấp độ khác nhau trên cơ sở các yêu cầu, mục tiêu cần đạt của HP (Mục 8 tại ĐCCT HP). Các PPDG kết quả của HP được thiết kế đa dạng đảm bảo phù hợp với từng HP khác nhau. Các hình thức đánh giá phổ biến của các HP bao gồm đánh giá bằng kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, tự luận kết hợp với trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, bài tập nhóm, báo cáo tiểu luận, bài tập lớn... Ngoài ra, trong mỗi HP GV cũng lựa chọn đồng thời đa dạng các hình thức đánh giá để đảm bảo đánh giá chính xác CĐR của HP và tận dụng được ưu điểm của từng PPDG KQHT, hình thức kiểm tra đánh giá được thể hiện trong ĐCCT HP [H03.1.14], [H03.1.15]. Các bài kiểm tra thi cuối kỳ (trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm kết hợp tự luận) đa phần được tổ chức bằng hình thức thi trực tiếp trên giấy, chưa cập nhật ứng dụng CNTT trong công tác tổ chức thi. Theo quy chế đào tạo của nhà

trường, các bài thi cuối kỳ được rọc phách, tiến hành chấm tập trung và độc lập giữa CB chấm thi 1 và CB chấm thi 2 (cán bộ chấm thi do trưởng bộ môn/trưởng HP phân công) đảm bảo tính khách quan và tránh các sai sót trong quá trình chấm [H03.1.17]. Nhìn chung, các hình thức đánh giá đảm bảo tính hiệu quả có thể đánh giá được được CĐR của CTĐT ngành TCNH.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành TCNH đã thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; Kết cấu CTDH bao gồm các HP được xây dựng khoa học, logic đảm bảo cho SV tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối kiến thức đại cương đến kiến thức chuyên ngành; các HP trong CTDH xác định PPGD, học tập, PPKTĐG phù hợp góp phần đạt được CĐR

3. Điểm tồn tại

Trong CTDH PPKTĐG của các HP thi trắc nghiệm, tự luận kết hợp thi trắc nghiệm đa phần là thi trên giấy, chưa cập nhật ứng dụng CNTT trong công tác tổ chức thi.

4. Kế hoạch hành động

Trong học kỳ I năm học 2025 - 2026, Khoa KT&QT sẽ phối hợp với phòng ĐT&HSSV, thực hiện việc chuyển đổi hình thức thi trắc nghiệm trên giấy của một số HP sang thi trên máy tính.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng.

1. Mô tả

Trong giai đoạn đánh giá CTĐT ngành TCNH được rà soát, chỉnh sửa vào các năm 2021, 2023 và được Nhà trường ra quyết định ban hành trong đó 100% các HP trong CTDH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR [H03.2.01]. Trong bản mô tả CTĐT các năm 2021 và 2023, tại mục 4.2 (CĐR) thể hiện mức độ đạt được giữa mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT; tại mục 6 (Cấu trúc CTDH) ma trận số 03: ma trận quan hệ giữa HP và CĐR của CTĐT, cho thấy nội dung các HP đều hướng tới những đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTĐT, với khối lượng 130 tín chỉ các HP được phân nhiệm vào các chủ đề của CĐR [H03.2.02], [H03.2.03], [H03.2.04]. Tiến trình đào tạo trong CTĐT ngành TCNH các năm đã thể hiện rõ mối quan hệ giữa các HP dựa trên các điều kiện tiên quyết và kế hoạch giảng dạy từng học kỳ, giúp NH đạt được CĐR của CTĐT theo lộ trình xác định [H03.2.05].

Trong CTĐT các năm, ĐCCT các HP được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT và được xây dựng chi tiết đảm bảo các mục tiêu trong CTĐT công bố. Mỗi HP được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành cân đối, logic và chặt chẽ phản ánh vai trò của mỗi HP trong việc đạt được CĐR của ngành TCNH. Từ CTĐT năm 2021, ĐCCT HP được điều chỉnh, bổ sung thêm các nội dung để thể hiện sự đóng góp của mỗi HP để đạt được CĐR, cụ thể trong ĐCCT có mục 4 (CĐR của HP) ghi rõ

CĐR của HP, CĐR đó sẽ giúp đạt CĐR nào của CTĐT và mức độ đạt được của CĐR, ngoài ra trong mục 9 (Kế hoạch giảng dạy chi tiết) nội dung các HP được xây dựng chi tiết đều hướng tới những đóng góp trong việc đạt được CĐR của HP và CĐR của CTĐT **[H03.2.06], [H03.2.07]**.

100% các HP trong CTDH ngành TCNH đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, PPKTĐG phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR thể hiện ở ĐCCT các HP. Song song với việc áp dụng quy định chung về kiểm tra, đánh giá kết quả HP, ứng với mỗi bài học trong HP, GV xây dựng một/một số hình thức dạy học phù hợp nhằm đạt CĐR của HP, đồng thời chọn một hình thức KTĐG phù hợp có trọng số rõ ràng nhằm lượng hóa được việc đạt được CĐR của HP và CTĐT. Như vậy, trong mỗi HP, tổ hợp các PPDH và các PPKTĐG mới hỗ trợ tốt cho nhau để đảm bảo đạt được CĐR. Trong từng ĐCCT HP năm 2023 có mục 7 (Mô tả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học) chỉ rõ các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mà GV lựa chọn áp dụng cho HP và phương pháp, hình thức học của NH nhằm mục đích cụ thể xác định của HP; tại mục 8 (Đánh giá KQHT) nêu rõ các công cụ đánh giá sử dụng trong HP theo Rubric đánh giá nào và hình thức, tiêu chí, phương pháp và công cụ đánh giá áp dụng cho HP nhằm đạt được CĐR nào của HP; tại mục 9 (Kế hoạch giảng dạy chi tiết) trong ĐCCT HP cho thấy nội dung theo từng chương của HP áp dụng phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra cụ thể để đạt được CĐR cụ thể của HP **[H03.2.07]**. Nhìn chung, ĐCCT HP đã thể hiện được các PPGD, học tập của GV và SV nhằm đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm. Các PPDH, KTĐG được vận dụng khoa học thể hiện trong ĐCCT HP, phù hợp với quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHTB. Bên cạnh đó, để góp phần đạt được CĐR cụ thể của từng HP, tại Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của trường ĐHTB có quy định về KTĐG kết quả HP, đối với HP lý thuyết, thực hành/tích hợp đánh giá quá trình học tập chiếm 50% (trong đó đánh giá chuyên cần có trọng số 10%, đánh giá giữa HP có trọng số 40%), đánh giá kết thúc học phần chiếm 50% kết quả chung; đối với HP đồ án/chuyên đề thực tế hình thức đánh giá bằng điểm chấm báo cáo; đối với Báo cáo thực tập tốt nghiệp, KLTN được đánh giá theo 03 điểm thành phần: điểm đánh giá của đơn vị thực tập chiếm 10%, trung bình cộng điểm chấm phản biện chiếm 40%, điểm đánh giá của GV hướng dẫn chiếm 50% **[H03.2.08]**.

Nội dung các HP trong CTDH ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hướng tới trang bị những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy sáng tạo và phản biện, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho SV ngành TCNH khi ra trường. Mỗi HP đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà NH tiếp nhận, phản ánh vai trò của mỗi HP trong việc đạt được CĐR của ngành TCNH, cụ thể như sau: Khối kiến thức đại cương tập trung giúp SV có cái nhìn tổng quan về vấn đề lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh, có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, tin học và ngoại ngữ tập trung các kỹ năng cơ bản như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Khối kiến thức cơ sở liên ngành, nhóm ngành giúp SV

nhận biết những kiến thức nền tảng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản trị; nắm vững được một số tư tưởng, học thuyết quan trọng trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, quản trị kinh doanh và trang bị cho SV các kỹ năng chuyên sâu như kỹ năng phân tích, tổng hợp và ứng xử phải giải quyết tình huống... Khối kiến thức ngành và định hướng chuyên ngành vận dụng các kiến thức chuyên ngành để phân tích, đánh giá tình hình thực tế, có kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc chuyên môn trong các ngân hàng, DN cũng như trong các tổ chức chính trị- xã hội. SV có kỹ năng vận dụng, đánh giá và giải quyết các vấn đề về TCNH trong thực tiễn.... CTDH được thiết kế thành các khối kiến thức, có kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng HP đi từ kiến thức đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt CDR cũng tăng dần qua từng học kỳ [H03.2.02], [H03.2.03], [H03.2.06], [H03.2.07]. Các HP được thiết kế, xây dựng hướng đến đạt CDR của CTĐT theo 6 mức độ của thang Bloom. Để nội dung các HP đạt được CDR, khi xây dựng ĐCCT HP GV đã căn cứ vào (Ma trận số 03: Quan hệ giữa HP và CDR CTĐT) để xác định mức độ đạt được của từng HP với từng CDR, từ đó xác định nội dung các chương, mục đáp ứng với mức độ đạt được với CDR [H03.2.06], [H03.2.07]

Trong giai đoạn 2020 - 2024, CTDH và nội dung các ĐCCT HP đã được rà soát chỉnh sửa, bổ sung cập nhật định kỳ được tiến hành 02 năm/lần trên cơ sở ý kiến đóng góp của các BLQ. Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường, của Khoa, tổ soạn thảo đã lấy được ý kiến phản hồi của NH, GV, NKH, chuyên gia [H03.2.09], [H03.2.10], [H03.2.11], [H03.2.12], [H03.2.13], [H03.2.14]. Định kỳ hàng năm, phòng TTCB, TT&KĐCL tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH và thông báo kết quả cho Khoa [H03.2.15], [H03.2.16]. Bên cạnh đó, bộ môn/trường HP tổ chức họp thảo luận về ĐCCT HP có sự tham gia của các GV giảng dạy HP nhằm lấy ý kiến góp ý về nội dung của các HP từ đó tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của từng ĐCCT HP [H03.2.17]. Tuy nhiên nội dung một số HP chuyên ngành chưa lấy được nhiều ý kiến của các chuyên gia đầu ngành TCNH. Căn cứ trên sự phản hồi của NH, các BLQ, tổ rà soát, hội đồng KH&ĐT Khoa đánh giá và điều chỉnh khung CTĐT, tên HP, số tín chỉ... sau đó trình Hội đồng KH&ĐT nhà trường xem xét và Hiệu trưởng ra quyết định điều chỉnh [H03.2.18], [H03.2.19], [H03.2.20], [H03.2.21] [H03.2.22]. Việc xây dựng, sửa đổi này cũng được thực hiện dựa trên khảo sát của các BLQ về CTĐT, dựa trên sự đối sánh với CTĐT ngành TCNH của các CSGD trong nước [H03.2.23].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành TCNH xác định rõ ràng sự đóng góp của HP đối với CDR của CTĐT, nội dung các HP hướng tới đạt CDR. Tất cả các HP trong CTDH đều được thiết kế nội dung có sự tương thích và thể hiện được sự đóng góp vào việc đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

3. Điểm tồn tại

Nội dung một số HP chuyên ngành chưa lấy được nhiều ý kiến của các chuyên gia đầu ngành.

4. Kế hoạch hành động

Khoa KT&QT tiếp tục gửi ĐCCT, CTDH tới các chuyên gia chuyên ngành TCNH để xin ý kiến đóng góp về CTĐT và ĐCCT trong năm học 2025-2026.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả

Trong giai đoạn 2020 - 2024, sau 2 đợt chỉnh sửa, bổ sung, CTDH năm 2023 ngành TCNH gồm 130 tín chỉ được sắp xếp thành các khối kiến thức, trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương 29 tín chỉ, khối kiến thức cơ sở liên ngành gồm 9 tín chỉ, khối kiến thức nhóm ngành gồm 28 tín chỉ, khối kiến thức ngành gồm 31 tín chỉ và khối kiến thức định hướng chuyên ngành gồm 30 tín chỉ (trong đó thực tập tốt nghiệp 5 tín chỉ, KLTN hoặc các HP thay thế KLTN 7 tín chỉ [**H03.3.01**]). Các HP trong CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, từ lý thuyết tới thực hành đáp ứng xu hướng phát triển của ngành TCNH hiện nay, cụ thể: các HP thuộc khối kiến thức đại cương được sắp xếp học ở những học kỳ đầu, làm cơ sở để học các HP sau (ví dụ: HP Pháp luật đại cương được sắp xếp học ở học kỳ thứ nhất, làm cơ sở để học HP Luật kinh tế học kỳ thứ 3); các HP thuộc khối kiến thức ngành học trước để cung cấp kiến thức học các HP chuyên ngành (ví dụ: HP Nghiệp vụ ngân hàng thương mại được sắp xếp học ở học kỳ trước, làm cơ sở để học các HP sau như Kế toán ngân hàng, Thanh toán quốc tế...); xác định các HP tiên quyết đảm bảo tính kế thừa, cung cấp kiến thức cho các HP tiếp theo (ví dụ: SV phải đủ điểm đạt HP Nguyên lý kế toán mới được học tiếp HP Kế toán tài chính). Sau khi hoàn thành các HP thuộc khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành, SV mới được tham gia thực tập tốt nghiệp và làm KLTN hoặc học các HP thay thế KLTN [**H03.3.02**].

Trong CTDH ngành TCNH năm 2021, 2023 các HP đều phân bổ thời lượng cụ thể, có kế hoạch giảng dạy dự kiến, tiến trình dạy học và điều kiện tiên quyết, thể hiện được tính hợp lý, mối quan hệ giữa các HP trong nội dung kiến thức cũng như thời gian thực hiện. Trong tiến trình dạy học đã thể hiện rõ được điều kiện tiên quyết của từng HP, thứ tự các HP được sắp xếp theo từng kỳ. Trình tự của các HP được sắp xếp logic, đảm bảo NH có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Trong CTĐT năm 2023 các HP bố trí trong kế hoạch đào tạo ở các năm học theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, liên mạch giữa các HP, giữa các khối kiến thức. Các HP thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được sắp xếp ở các học kỳ 1, 2, 3, 4; các HP khối kiến thức cơ sở liên ngành, kiến thức nhóm ngành, kiến thức ngành được giảng dạy ở các học kỳ 3, 4, 5,6; các HP khối kiến thức chuyên ngành được sắp xếp ở các học kỳ 5,6,7; HP thực tập tốt nghiệp và KLTN được sắp xếp ở học kỳ 8 [**H03.3.02**]. Thời lượng của các HP được bố trí từ 3-4 tín chỉ (chủ yếu là HP 3 tín chỉ) là hợp lý. 100% ĐCCT các HP trong CTDH đều ghi rõ thời lượng, một số HP ghi rõ HP tiên quyết, để đảm bảo tính logic về kiến thức và tổ chức giảng dạy HP làm cơ sở bố trí tiến trình dạy học đảm bảo sự liên mạch và gắn kết giữa các HP [**H03.3.03**], [**H03.3.04**]. Từ năm học 2024-2025, căn cứ vào kế hoạch học tập của CTĐT, nhà trường mở các lớp

HP để SV đăng ký trên cổng thông tin. SV có thể lựa chọn đăng ký HP bất kỳ trong một học kỳ với khối lượng học tập từ 10 tín chỉ đến 25 tín chỉ (trừ các HP bị ràng buộc bởi HP tiên quyết) [H03.3.05]. Nhìn chung, việc thiết kế và kế hoạch đào tạo CTDH ngành TCNH được xây dựng đảm bảo tính hợp lý và logic, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. Trong biên bản họp thống nhất thông qua CTĐT ngành TCNH năm 2023 của Hội đồng KH&ĐT Khoa cũng đã nêu rõ “*các HP trong CTDH được sắp xếp theo đúng khối kiến thức, điều kiện tiên quyết của từng HP phù hợp, trình tự dạy học logic và thể hiện đầy đủ mối quan hệ các HP trong toàn bộ CTDH*” [H03.3.06].

Nhà trường thực hiện rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTĐT 2 năm 1 lần. Đối với việc rà soát CTDH, ngành TCNH đã tiến hành 02 đợt rà soát vào năm 2021, 2023 [H03.3.07], [H03.3.08]. Căn cứ vào kế hoạch của Nhà trường của Khoa, tổ soạn thảo tiến hành thu thập, tổng hợp thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTDH như xin ý kiến các BLQ gồm: GV, NH, các NTD lao động, nhà quản lý, NKH; đối sánh CTDH phiên bản các năm; đối sánh CTDH với các trường ĐH trong nước... [H03.3.09], [H03.3.10], [H03.3.11], [H03.3.12], [H03.3.13]. Từ đó, tổ soạn thảo tiến hành chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật những nội dung mới của CTDH, trình Hội đồng KH&ĐT thông qua và được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành [H03.3.14], [H03.3.15], [H03.3.16].

Trong quá trình chỉnh sửa, bổ sung CTDH, tổ soạn thảo đã tham khảo các CTDH ngành TCNH của các trường đại học khác trong nước như Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Nha Trang, Học viện ngân hàng... [H03.3.17]. Kết quả cho thấy CTDH ngành TCNH về cơ bản tương đồng với các CTDH của các trường được đối sánh [H03.3.12]. Tuy nhiên Khoa chưa tham khảo được nhiều nội dung CTDH tiên tiến trong nước và CTDH các trường đại học quốc tế. Trên cơ sở lấy ý kiến của các BLQ và kết quả đối sánh, CTDH năm 2023 đã được chỉnh sửa vẫn giữ nguyên tổng 130 tín chỉ so với năm 2021, nhưng CTDH năm 2023 có tổng số 74 HP (31 HP bắt buộc, 43 HP tự chọn) tương ứng (100 tín chỉ bắt buộc, 30 tín chỉ tự chọn) so với CTDH năm 2021 có 60 HP (41 HP bắt buộc, 19 HP tự chọn) tương ứng (116 tín chỉ bắt buộc và 14 tín chỉ tự chọn); như vậy CTDH năm 2023 so với năm 2021 có tổng số HP tăng lên trong đó số HP bắt buộc giảm đi, số HP tự chọn tăng lên sẽ giúp cho SV có nhiều sự lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp. Bên cạnh đó, CTDH ngành TCNH năm 2023 cập nhật một số nội dung như: cắt giảm HP Kinh tế lượng...; bổ sung nhiều HP kiến thức liên ngành và nhóm ngành như: Phương pháp NCKH, Hệ thống chính trị Việt Nam thời kỳ đổi mới, Quản trị địa phương, Môi trường đầu tư Việt Nam, Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo...; đặc biệt bổ sung nhiều HP kiến thức ngành và chuyên ngành để phù hợp với yêu cầu của ngành TCNH trong thời kỳ chuyển đổi số: Kế toán thuế trong DN, Kế toán quản trị, Kỹ năng giao dịch ngân hàng, Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại, Thuế tài sản và thu khác, Phân loại và xuất xứ hàng hóa, Trị giá hải quan, Kiểm tra sau thông quan, Cơ sở dữ liệu, Lập trình Python, Lập trình Web, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý, Tiền số và công nghệ Blockchain; thay đổi số tín chỉ của một số HP như: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại từ 6 tín chỉ giảm

còn 4 Tín chỉ, Toán tài chính từ 2 tín chỉ tăng 3 tín chỉ; Thuế từ 2 tín chỉ tăng thành 3 tín chỉ... để tăng tính linh hoạt, tích hợp của CTDH dựa trên CTDH của các Trường đã tham khảo [**H03.3.13 (2)**].

2. Điểm mạnh

Các HP trong CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, từ lý thuyết tới thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu đáp ứng xu hướng phát triển của ngành TCNH hiện nay. CTDH ngành TCNH được cập nhật, điều chỉnh định kỳ theo hướng linh hoạt, tích hợp dựa trên cơ sở ý kiến các BLQ và tham khảo các CTDH của các trường ĐH uy tín trong nước.

3. Điểm tồn tại

Khoa chưa tham khảo được nhiều nội dung CTDH tiên tiến trong nước và các trường ĐH quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025 - 2026, khoa KT&QT phối hợp với phòng NCKH & HTPT tiếp tục hợp tác với các đối tác nước ngoài có đào tạo ngành TCNH để tham khảo CTDH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 3

CTDH ngành TCNH được thiết kế dựa trên yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, có cấu trúc, trình tự logic, nội dung đã cập nhật và có tính tích hợp. Các ĐCCT HP có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể nhằm đạt được CĐR của CTĐT, xác định được tổ hợp PPGD và học tập, PPKT/ĐG phù hợp, có tính logic và tích hợp của các HP trong CTDH nhằm đảm bảo cho NH tiếp cận được kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TCNH bậc ĐH TĐG tiêu chuẩn 3 có 3/3 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học có vai trò rất quan trọng trong giáo dục đại học, đặc biệt đối với ngành TCNH cũng như các ngành khác của trường ĐHTB. Đó là phương pháp chọn cách tiếp cận lấy NH làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động ngoại khóa nhằm đạt được CĐR đã tuyển bố trong CTĐT, sử dụng các PPDH đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo học tập cho SV. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đầu ra và CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tư duy và thái độ nhằm đáp ứng yêu cầu NH. Các kiến thức này được cụ thể hóa ở việc thiết kế CTĐT của ngành TCNH với các HP kế tiếp nhau một cách logic như: Kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành là môn học tiên quyết, nền tảng cho những HP chuyên ngành. Các hoạt động dạy và học đều hướng đến CĐR của ngành TCNH. Cách tiếp cận, các hoạt động dạy học và CĐR của chương trình được GV và SV nắm rõ để thực hiện tốt vai trò nhiệm vụ của mình.

Tiêu chí 4.1. TLGD được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các BLQ

1. Mô tả

Trong từng giai đoạn, TLGD được rà soát, chỉnh sửa phù hợp với sự phát triển của xã hội, được công bố rõ ràng trong CLPT **[H04.1.01(1)(2)]**. Theo đó, nội dung TLGD được công bố trong Quyết định số 222/QĐ-ĐHTB ngày 22/4/2022: “Giáo dục toàn diện, kiến tạo tương lai”; và trường ĐHTB cũng đã đề ra mục tiêu tổng quát “Trở thành trường đại học đào tạo theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực, đa phương thức, đại học thông minh, đổi mới sáng tạo và có tính hội nhập cao”; ” CTĐT thường xuyên được cập nhật, thích ứng cao với sự thay đổi của thực tế, SV ra trường có việc làm phù hợp, đáp ứng tốt các yêu cầu của người sử dụng lao động”. TLGD phù hợp với TN, SM đã tuyên bố: “Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, có khả năng phát huy năng lực sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp và có trách nhiệm với xã hội; NCKH, chuyển giao KHCN; Cung cấp dịch vụ giáo dục, kết nối và PVCĐ đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của Thái Bình và của cả nước; tạo cơ hội và môi trường học tập thuận lợi cho mọi đối tượng”, “Đến năm 2030, trường ĐHTB trở CSGD đại học có uy tín của khu vực và cả nước, đào tạo trình độ đại học, sau đại học theo định hướng ứng dụng, đa ngành, đa lĩnh vực có tính hội nhập cao. Đến năm 2045 là trở thành trường đại học hàng đầu về đào tạo nhân lực chất lượng cao và thực hiện các hoạt động NCKH đột phá, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của khu vực và của cả nước” **[H04.1.01(2)]**.

Trường ĐHTB đã xác định rõ TLGD là nền tảng định hướng cho mọi hoạt động đào tạo và phát triển. TLGD của Nhà trường được xây dựng trên cơ sở phát triển toàn diện NH, kết hợp giữa tri thức - kỹ năng - phẩm chất đạo đức - tinh thần khởi nghiệp - trách nhiệm xã hội. Triết lý này phù hợp với SM, TN và mục tiêu phát triển Nhà trường trong giai đoạn đổi mới giáo dục đại học, CB, GV, NH của Trường hiểu rõ và thực hiện. Đối với CTĐT ngành TCNH, TLGD được cụ thể hóa thành mục tiêu chương trình, CDR và được tích hợp trong các hoạt động dạy - học - KTĐG. Mục tiêu CTĐT hướng đến việc đào tạo cử nhân TCNH có nền tảng kiến thức vững vàng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp tốt, có đạo đức và trách nhiệm xã hội, có khả năng học tập suốt đời và thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động **[H04.1.02 (1)(2)]**. Mục tiêu chung cho ngành TCNH là: “Đào tạo SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành TCNH” **[H04.1.02(2)]**. Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học HP đều nhằm thực hiện mục tiêu HP, mục tiêu của CTĐT và mục tiêu giáo dục của Trường tuân thủ theo TLGD. Kết quả được phản ánh qua mức độ hài lòng của các BLQ trong các đợt khảo sát **[H04.1.03]**; đồng thời qua thu thập xử lý thông tin, lấy ý kiến phản hồi của NTD lao động và các BLQ được thực hiện và sử dụng cho việc xây dựng và xác định mục tiêu chung, MT cụ thể của CTĐT ngành TCNH cho thấy MT giáo dục của Nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội và TLGD tuyên bố **[H04.1.04]**. Trong quá trình rà soát phát triển CTĐT, Trường đã tổ chức tập huấn xây dựng mục tiêu, CDR của CTĐT đại học chính quy, tuyên bố CDR của CTĐT ngành TCNH đã được cụ thể hóa trong từng ĐCCT HP và được phổ biến cho

toàn thể CB, GV, SV, nhà tuyển dụng và toàn xã hội, được vận dụng vào trong việc thiết kế CTDH, áp dụng PPGD phù hợp để đạt mục tiêu và CĐR [H04.1.5(1)(2)(3)]. Kết quả khảo sát nội bộ, ý kiến phản hồi tại các cuộc họp chuyên đề cho thấy đa số CB, GV, NV đã nắm được và vận dụng TLGD vào hoạt động chuyên môn.

TLGD được thể hiện rõ trong các văn bản chính thức của Trường như: CLPT trường; Quy chế tổ chức và hoạt động; Cổng thông tin điện tử, các ấn phẩm truyền thông nội bộ; Hồ sơ CTĐT, các tài liệu phục vụ giảng dạy [H04.1.03][H04.1.04][H04.1.05][H04.1.08]. TLGD được phổ biến đến toàn thể CBVC, NLD và SV trong toàn trường qua thông qua các buổi họp chuyên môn, sinh hoạt đơn vị, chương trình tập huấn và các tài liệu nội bộ. Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp quán triệt, giải thích về TLGD của Trường trong các sự kiện lớn như: Hội nghị CBVC, hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Lãnh đạo trường với SV, trong tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H04.1.10(1)(2)] [H04.1.11]. Thực hiện kế hoạch phổ biến TLGD của Nhà trường trong các buổi họp đầu năm học lãnh đạo Khoa đều phổ biến và giải thích ý nghĩa TLGD đến toàn thể GV trong Khoa, đồng thời GVCN/CVHT triển khai tới toàn thể NH trong các buổi gặp mặt SV, hoạt động chuyên môn [H04.1.06]. Đặc biệt, TLGD và mục tiêu đào tạo được Trường khoa nhấn mạnh vào các buổi họp triển khai xây dựng, rà soát, phát triển CTĐT và yêu cầu GV khi xây dựng ĐCCT HP phải đảm bảo đáp ứng mục tiêu đào tạo, CĐR của CTĐT để đảm bảo GV hiểu rõ và truyền tải được mục tiêu đào tạo vào hoạt động giảng dạy [H04.1.11]. Ngoài ra, TLGD còn được phổ biến đến các BLQ thông qua các pano, tờ rơi tuyển sinh trong ngày Hội việc làm và kết nối DN; với các đơn vị, tổ chức tại các buổi kí kết biên bản ghi nhớ hợp tác; với CB, GV, học sinh các trường Trung học phổ thông trong các đợt tuyển sinh của Trường [H04.1.09(1)(2)(3)]; [H04.1.11] [H04.1.12]

Với TLGD và mục tiêu giáo dục đã tuyên bố, Nhà trường xây dựng, phát triển CTĐT hướng đến phát triển năng lực NH, chú trọng việc bồi dưỡng cho SV kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, đồng thời đề cao tinh thần tìm tòi, nghiên cứu và học tập ở SV để học tập suốt đời. Điều này sẽ giúp SV cải thiện bản thân, phát triển tiềm năng sáng tạo và kỹ năng hội nhập để thích ứng với sự phát triển của công nghệ trong thời đại mới.

2. Điểm mạnh

TLGD của Nhà trường được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các BLQ; toàn thể CB, GV, NH trong Nhà trường hiểu rõ và thực hiện.

3. Điểm tồn tại

TLGD đã được phổ biến tới NH, tuy nhiên một bộ phận SV chưa quan tâm, thấm nhuần để vận dụng hiệu quả trong quá trình học tập tại trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, Nhà trường sẽ có kế hoạch đẩy mạnh truyền thông về các nội dung TLGD, cũng như TN, SM của Trường, tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề và các hoạt động đoàn về công tác chính trị tư tưởng cho SV toàn

trường. Khoa KT&QT cũng thực hiện triển khai tới từng CB, GV trong mỗi buổi họp định kỳ, giải thích cụ thể hơn tới SV theo học chương trình về các mục tiêu của CTĐT, cũng như mối liên hệ của các MT này tới TLGD của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

1. Mô tả

Năm 2023, Trường ĐHTB đã ban hành CĐR cho 10 CTĐT. Các CĐR của mỗi ngành đều có những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm hướng tới việc ĐBCL cho SV sau khi ra trường. Bên cạnh đó, CĐR còn có những yêu cầu về kiến thức bổ trợ (tin học, ngoại ngữ), kỹ năng và khả năng học tập suốt đời tạo nền tảng phát triển bền vững và hội nhập cho NH [H04.2.01(2)].

Các hoạt động đào tạo của ngành TCNH được khái quát thông qua bản mô tả CTĐT [H04.2.01 (1)(2)]. Để đạt được CĐR đã công khai, các hoạt động dạy và học đã được thiết kế phù hợp thể hiện cụ thể tại mục 4 của ĐCCT HP [H04.2.01]. GV sử dụng phương pháp thuyết trình, diễn giảng, làm mẫu... để đạt được CĐR về kiến thức; GV sử dụng phương pháp tổ chức thảo luận, tổ chức học tập theo nhóm, dạy học dựa trên vấn đề và nghiên cứu tình huống để đáp ứng CĐR về kỹ năng; GV còn đưa ra các chủ đề để NH tìm tài liệu, nghiên cứu và thuyết trình trước lớp nâng cao khả năng tự học cho NH để đáp ứng CĐR về thái độ và năng lực tự chủ. Hoạt động dạy học được GV xây dựng chi tiết theo các hoạt động trước, trong, và sau mỗi buổi học được thể hiện ở mục 7, 9 của ĐCCT [H04.2.01]. Trước buổi học, NH đọc tài liệu do GV cung cấp; trong buổi học, NH nghe giảng, tham gia thảo luận, tương tác với GV; sau buổi học, NH có thể tự cập nhật tài liệu, tự học, tự NCKH về lĩnh vực chuyên môn, ôn bài, làm bài tập, tham gia thảo luận và đưa ra câu trả lời cho các tình huống/câu hỏi/bài tập do GV cung cấp [H04.2.01]. Khoa đã tổ chức các buổi hội thảo về đổi mới PPGD và quản lý cho CB, GV [H04.2.02]. Các GV trong Khoa không ngừng đổi mới PPGD, áp dụng CNTT vào quá trình dạy học. Ngoài ra, trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của Khoa có trao đổi về PPGD các HP của chuyên ngành TCNH [H04.2.03]. Để giúp GV trong Khoa lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp để đạt được CĐR, Nhà trường ban hành các quy định về hồ sơ chuyên môn đối với GV [H04.2.04]. Theo quy định này, kế hoạch giảng dạy phải đúng với ĐCCT HP, thể hiện rõ nội dung dạy trong từng tuần theo thời khóa biểu [H04.2.04]. Các hoạt động thực hành, thảo luận, thực tập, thực tế, ngoại khóa của môn học phải được xây dựng cụ thể, rõ ràng; Giáo án hoặc đề cương bài giảng phải xác định được đầy đủ các mục tiêu bài giảng (kiến thức, kỹ năng, thái độ) đáp ứng được CĐR và đảm bảo mục tiêu của môn học. Nội dung bài dạy phải được cập nhật với thực tiễn; chú trọng các nội dung nhằm phát triển năng lực cho NH; các PPGD phải được thiết kế đa dạng, gắn với từng nội dung được truyền tải, giúp NH tiếp nhận và vận dụng kiến thức một cách khoa học để đạt được CĐR [H04.2.04].

Trường các HP đã xây dựng được các PPDH tích cực như: phương pháp thuyết trình, diễn giảng, phương pháp đóng vai, phương pháp học tập theo nhóm... Để NH chủ

động tiếp thu lĩnh hội được kiến thức, trong quá trình dạy học GV đã hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu học tập hiệu quả. Điều này được cụ thể trong mục 7 trong các ĐCCT HP có ghi rõ và hướng dẫn cụ thể những yêu cầu đối với NH khi lên lớp và hướng dẫn SV tự học, đọc tài liệu và làm bài tập ở thư viện và ở nhà.

[H04.2.01 (3)]

GV sử dụng phương pháp thuyết trình trên lớp để cung cấp kiến thức cần thiết để đạt CĐR về kiến thức; GV đặt vấn đề, nêu tình huống cho NH thảo luận, xử lý tình huống hoặc làm bài tập nhóm nhằm nâng cao khả năng tư duy, kỹ năng xử lý vấn đề và kỹ năng làm việc nhóm để đáp ứng CĐR về kỹ năng; GV còn đưa ra các chủ đề, đề NH tìm tài liệu, nghiên cứu và thuyết trình trước lớp nhằm nâng cao khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời cho NH để đáp ứng CĐR về thái độ và năng lực tự chủ có tinh thần khởi nghiệp. NH ngành TCNH còn được thực tập tại các DN giúp NH vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, so sánh những kiến thức được học trong nhà trường với thực tế, giúp NH sau khi tốt nghiệp nắm bắt nhanh công việc tại đơn vị công tác để đáp ứng vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp [H04.2.01]. Với mục tiêu đào tạo NH ngành TCNH giỏi lý thuyết, vững tay nghề, ngành TCNH chú trọng đào tạo “Học đi đôi với hành”. Trong quá trình thực hành, thực tập, ngoài sự hướng dẫn của GV trong trường SV ngành TCNH còn được sự hướng dẫn của CB tại các doanh nghiệp, ngân hàng về nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp ở các tổ chức, ngân hàng trên địa bàn từ đó giúp cho SV tích lũy kiến thức thực tế [H04.2.05]. Như vậy, GV trong Khoa đã sử dụng tổ hợp PPGD đa dạng, linh hoạt đáp ứng CĐR.

Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến của NH về mức độ hài lòng đối với sự đa dạng về hình thức giảng dạy cũng như sự phù hợp của PPGD của GV. Các tiêu chí về hoạt động giảng dạy của GV được đưa ra khảo sát được thể hiện các nội dung trên phiếu khảo sát về PPGD của GV [H04.2.06]. Các ý kiến phản hồi được tổng hợp, phân tích và thông báo tới từng GV để từ đó có sự điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp. Đa số SV có đánh giá tích cực về việc tổ chức dạy học của GV (trên 90%) và cho rằng các hoạt động dạy học tại Trường đã mang lại hiệu quả cao trong việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp để đạt được CĐR [H04.2.07].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học các HP được thiết kế phù hợp nhằm đạt CĐR, đội ngũ GV được đào tạo bài bản, thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức. Với PPDH tích cực giúp NH tiếp nhận nội dung kiến thức hiệu quả hơn, vận dụng và tiếp cận nhanh với thực tế.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường có sự hợp tác với các cơ quan, DN để NH tiếp cận với chuyên gia, tạo môi trường học tập thực tế cho NH, tuy nhiên các hoạt động thực tế của NH đối với ngành TCNH vẫn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Khoa KT&QT đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các cơ quan, DN, tổ chức tài chính hơn nữa để NH được tiếp cận thực tiễn nhiều hơn.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH

1. Mô tả

100% ĐCCT HP trong CTĐT ngành TCNH bậc đại học được mô tả theo mẫu chung của Nhà trường được biên soạn và thẩm định theo các quy định hiện hành được tổng hợp và ban hành cùng với CTĐT. Trong giai đoạn 2020-2025 nhà trường đã ban hành 2 bộ ĐCCT HP ở hai thời điểm các năm 2021, 2023 [H04.3.01]. Trong đó, 2 bộ ĐCCT HP đều mô tả rõ việc sử dụng các PPDH như: thuyết trình, diễn giải, làm mẫu, hướng dẫn thực hành, thực tập trải nghiệm tại DN, phương pháp học tập theo nhóm... với các bài tập nhóm, bài tập thực hành, thảo luận, thực tập, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV từ đó có thể giúp SV lựa chọn phương thức học tập phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho NH [H04.3.01]. Các GV trong Nhà trường sử dụng hiệu quả kết hợp các PPGD nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Hoạt động trải nghiệm thực tế, thực tập tốt nghiệp, lớp kỹ năng mềm giúp NH hoàn thiện các kỹ năng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, vận dụng lý luận vào thực tiễn [H04.3.02]. Hằng năm, Khoa/Ngành thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo đổi mới PPGD, qua đó lựa chọn được các PPGD phù hợp đối với mỗi HP, nhằm hỗ trợ NH rèn luyện tốt hơn các kỹ năng và nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu để học tập suốt đời [H04.3.02]. Ngoài GV cơ hữu của Khoa, lãnh đạo Khoa thường xuyên mời các chuyên gia trong lĩnh vực ngân hàng, GV thỉnh giảng có trình độ cao ở các trường đại học, các sở ban ngành về trao đổi học thuật, truyền đạt kiến thức thực tế nhằm nâng cao kỹ năng mềm cho NH [H04.3.03].

Ngành TCNH là ngành khoa học xã hội, nghiên cứu cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Cơ chế, chính sách thường xuyên có sự biến động, thay đổi để phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị mỗi thời điểm. Do đó, việc học tập của sinh viên ngành TCNH là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục không chỉ ở trên lớp, trong trường mà còn ngoài xã hội, là nhiệm vụ suốt đời để thích ứng với biến động của xã hội, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công tác dạy và học của Nhà trường. 100% ĐCCT HP trong CTĐT ngành TCNH bậc đại học đều mô tả rõ các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết, giờ học thực hành đến các hoạt động NCKH của SV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận, báo cáo thực tập ngành TCNH đều hướng tới mục tiêu hình thành ở NH các kỹ năng học tập suốt đời [H04.3.01]. Trong ĐCCT các HP, 100% đều đảm bảo việc sử dụng các PPGD/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm của NH [H04.3.01]. Mặt khác, 100% ĐCCT HP phân bổ thời lượng của mỗi HP cho: giờ giảng

lý thuyết, giờ thực hành, thảo luận, giờ tự học **[H04.3.01]**. Sau mỗi chương, đều có hệ thống câu hỏi hoặc bài tập về nhà để SV thực hiện nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được học trên lớp cũng như sau khi kết thúc phần lý thuyết, tùy theo từng HP mà NH phải làm tiểu luận, hoặc thực hành điều này cũng giúp SV rèn kỹ năng nâng cao tay nghề và xử lý tình huống. Ngoài ra, các tài liệu tham khảo cũng được nêu rõ trong các đề cương, các tài liệu này có trên thư viện hoặc trên website có địa chỉ cụ thể để SV tự nghiên cứu **[H04.3.01]**.

CTĐT ngành TCNH hiện nay có sử dụng các PPGD phù hợp như thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, thuyết trình, hướng dẫn, xây dựng ý tưởng, nghiên cứu tình huống, đi thực tế, thảo luận, làm việc nhóm, tự nghiên cứu... nhằm mục đích rèn luyện và nâng cao hoạt động tự nghiên cứu, tự học và hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH **[H04.3.04]**, **[H04.3.05]**. Hiện nay, hoạt động dạy học và học tập của Khoa khá đa dạng giúp NH có thể lựa chọn kế hoạch phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Đối với hoạt động lý thuyết NH phải tích lũy, lý giải và tìm tòi kiến thức để có thể hiểu vấn đề; đối với hoạt động thực hành, thực tập luôn đòi hỏi NH phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, thao tác và sửa lỗi. Đối với các bài tập nhóm dưới hình thức thuyết trình rèn cho NH khả năng diễn đạt kiến thức của mình cho người khác, kỹ năng làm việc nhóm ... Ngoài ra, NH được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm, hội thảo khoa học, seminar của GV **[H04.3.02]**.

Khoa KT&QT cũng như ngành TCNH thường xuyên mời các chuyên gia về lĩnh vực TCNH có trình độ, tâm huyết trao đổi học thuật, kinh nghiệm làm việc thực tế, tạo một tinh thần học tập tích cực. Ngoài ra, còn kết nối kiến thức thực tế cho NH, giúp NH nhận thấy được sự cần thiết phải tích lũy kiến thức trên giảng đường cũng như việc tự rèn luyện các kỹ năng, lập kế hoạch và đặt mục tiêu cho từng HP, từng năm học trong quá trình học tập tại trường **[H04.3.03]**.

Ngoài ra, Trường và Khoa cũng tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa như Chinh phục chuông vàng, hội thảo cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học và nâng cao khả năng học tập suốt đời **[H04.3.06]**.

Trong quá trình học tập tại Trường, NH được khuyến khích tham gia NCKH, tham gia viết bài báo đăng lên các trang Website của trường, của Khoa **[H04.3.06]**. NH tham gia tích cực trong NCKH, việc tìm hiểu tài liệu, trình bày ý kiến của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi, tìm hiểu kiến thức mới, rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Ngoài ra, việc NCKH giúp NH tổng hợp, phân tích, nghiên cứu đưa kiến thức, lý thuyết thành sản phẩm thực tế, thao tác vận hành, rèn luyện tay nghề. Tuy nhiên các hoạt động thúc đẩy việc tự học của một số NH có học lực yếu còn hạn chế.

Kết quả khảo sát hàng năm về hoạt động giảng dạy của GV giai đoạn 2020-2025 cho thấy 88,65% về độ hài lòng của NH về hoạt động dạy học hỗ trợ NH về rèn luyện khả năng tự học và học tập suốt đời **[H04.3.07]**.

2. Điểm mạnh

100% ĐCCT HP trong CTĐT được mô tả rõ ràng việc sử dụng các PPDH phù hợp để đạt được CĐR. ĐCCT các HP trong CTĐT có các PPDH đa dạng nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, khả năng học tập suốt đời cho NH. GV sử dụng các PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động thúc đẩy việc tự học của một số NH có học lực yếu còn hạn chế, các hoạt động ngoại khóa, rèn luyện kỹ năng còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025 -2026, Khoa đề xuất tăng cường công tác tuyển sinh để tương số lượng SV của ngành TCNH cũng như xây dựng các chương trình hỗ trợ cho NH có học lực còn hạn chế, giao CVHT theo dõi, kiểm tra sự tiến bộ của NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 4

Nhà trường đã tuyên bố TLGD là “giáo dục toàn diện, kiến tạo tương lai”. TLGD của Nhà trường đã được phổ biến đến CBGV, NV và SV của Trường và công bố trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

CTĐT ngành TCNH có hoạt động dạy và học đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR. Mỗi ĐCCT HP trong CTĐT ngành TCNH đều mô tả rõ ràng việc sử dụng các PPDH phù hợp, nêu rõ các yêu cầu về tự học, tự nghiên cứu trong từng nội dung đối với NH. Các PPDH tích cực trong ĐCCT đã được GV triển khai thực hiện giúp NH hình thành được kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm và khả năng tự đọc, tự học, tự nghiên cứu. GV giảng dạy CTĐT ngành TCNH thường xuyên được đánh giá, hỗ trợ về PPGD thông qua hoạt động dự giờ, họp chuyên môn, hội thảo, seminar... Tỷ lệ GV, NH hài lòng với hoạt động dạy và học trong giai đoạn tự đánh giá hằng năm đạt 88,65% trở lên [**H04.3.07**].

Bên cạnh đó, từ năm học 2025-2026, Nhà trường triển khai khắc phục các hạn chế đã xác định được như: có kế hoạch tăng cường phổ biến, TLGD của Trường tới các DN thông qua nhiều kênh quảng bá như facebook, zalo, tờ rơi, tờ gấp,...; đồng thời các HP giảng dạy trực tuyến hiệu quả chưa cao sẽ được Khoa, trưởng ngành, trưởng HP, GV tiếp tục nghiên cứu bổ sung thêm tài liệu, nguồn học liệu lên cổng thông tin học tập trực tuyến; tổ chức các semina hoặc tập huấn cho GV về các PPDH theo dự án, dạy học theo tiếp cận NCKH, tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp NH phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu, tổ chức các câu lạc bộ để hướng dẫn SV một số phương pháp học theo dự án, học theo tiếp cận NCKH và học theo nhóm.

Tiêu chuẩn 4 có 03 tiêu chí, các tiêu chí đều đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá KQHT của người học

Mở đầu: Đánh giá KQHT của NH ngành TCNH tại trường ĐHTB được thực hiện thường xuyên và liên tục trong suốt quá trình đào tạo. Mục đích là xác định mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng và thái độ so với CĐR của HP và CTĐT. Việc đánh

giá được quy định rõ ràng, công khai, được GV thực hiện một cách chuyên nghiệp, phù hợp với mức độ CDR thông qua các phương pháp kiểm tra đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, giá trị, sự công bằng. Đánh giá KQHT của NH là một yếu tố quan trọng nhất của giáo dục đại học. Thông qua kết quả đánh giá, Khoa, ngành sẽ điều chỉnh, cải tiến phương pháp dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy để đạt được CDR của CTĐT, đáp ứng được mục tiêu đào tạo cử nhân TCNH của trường ĐHTB có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và tri thức để góp phần xây dựng đất nước trong thời kỳ mới.

Do đó, việc đánh giá KQHT đối với NH ngành TCNH được Nhà trường, Ngành chú trọng và thực hiện theo một quy trình liên tục từ khi SV nhập học vào trường đến khi tốt nghiệp ra trường. Việc đánh giá NH được thiết kế một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CDR của CTĐT. Quy trình, PPĐG đều được công khai và kịp thời phản hồi đến NH từ đầu khóa học, được nhắc lại chi tiết vào đầu kỳ học và trước khi học mỗi HP. Quá trình đánh giá sử dụng các PPĐG đa dạng, đảm bảo giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời giúp NH có cơ hội cải thiện kết quả và giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu nại về KQHT của SV. Hoạt động đánh giá KQHT của ngành TCNH nhận được phản hồi tốt của các BLQ (GV, SV, CSV...).

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá KQHT của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR

1. Mô tả

Nhà trường đã ban hành các quy trình, kế hoạch về việc đánh giá KQHT của NH rõ ràng. Đánh giá KQHT của NH ngành TCNH được thực hiện theo kế hoạch cụ thể với quy trình chặt chẽ từ khi tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp dựa trên các quy định, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và trường ĐHTB nhằm đạt được CDR đã công bố trong CTĐT của Ngành TCNH [H05.1.01]. Hằng năm, theo quy định của Bộ GD&ĐT, trường ĐHTB đã ban hành Đề án tuyển sinh với các thông tin và tiêu chí cụ thể nhằm ĐBCL đầu vào của các ngành [H05.1.02]. Sau khi trúng tuyển và học tập ngành TCNH, NH thực hiện việc kiểm tra, đánh giá KQHT theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT và được cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học của trường ĐHTB ban hành theo Quyết định số 337/QĐ-ĐHTB ngày 15/7/2019, được rà soát, cập nhật theo Quyết định số 426/QĐ-ĐHTB ngày 09/7/2021, Quyết định số 25/QĐ-ĐHTB ngày 12/01/2023 và Quyết định số 900/QĐ-ĐHTB ngày 30/11/2023 để phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT và thực tiễn Nhà trường [H05.1.04]. Trong Quyết định số 25/QĐ-ĐHTB, việc đánh giá KQHT của NH được quy định rất cụ thể tại chương III, từ việc đánh giá và tính điểm HP; thi kết thúc HP và chấm thi; thi lại, học lại, học cải thiện điểm; đánh giá KQHT theo học kỳ, theo năm học; xử lý KQHT theo tín chỉ; công nhận KQHT và chuyển đổi; thực tập, thực tế, đồ án, KLTN; công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp. Việc đánh giá KQHT của NH ngành TCNH được thiết kế logic, khoa học cho tất cả các HP dựa trên mục tiêu và CDR của CTĐT ngành TCNH, trong suốt quá trình học tập, đánh giá KQHT của NH được thực hiện thường xuyên nhằm kiểm tra năng

lực của NH có đạt được so với mục tiêu của từng HP và CĐR của CTĐT hay không, đồng thời giúp NH và GV cập nhật kịp thời tình hình học tập, từ đó thay đổi PPGD, học tập để nâng cao KQHT của NH **[H05.1.01]**. Để cụ thể hóa việc triển khai, thực hiện đầy đủ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Nhà trường đối với các nội dung về kiểm tra, đánh giá, Trường ban hành văn bản về công tác thi. Tại Điều 7, chương II trong Quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ đại học của trường ĐHTB có hướng dẫn cụ thể về điều kiện dự thi từng HP, công tác ra đề thi với mỗi hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp; hình thức trình bày, thang điểm, thời gian làm bài **[H05.1.05]**. Nhà trường quy định cụ thể về việc xây dựng quản lý ngân hàng đề thi đáp án kết thúc HP/môn học/module trường ĐHTB, mẫu đề thi, đáp án **[H05.1.06]**, **[H05.1.16]**. Đồng thời, Nhà trường ban hành Kế hoạch đào tạo từng năm học **[H05.1.07]**, lịch thi kết thúc học kỳ cụ thể theo khoá học, lớp HP, thời gian thi, địa điểm, hình thức thi **[H05.1.08]**; các Quy trình chấm thi; quy trình sao in đề thi; quy trình làm phách thi; quy trình coi thi; quy trình phúc khảo bài thi...**[H05.1.09]**. Đối với KLTN, việc đánh giá NH thực hiện theo Quyết định số 795/QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2018 ban hành Quy định về quản lý, tổ chức hoạt động KLTN đối với bậc đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường ĐHTB **[H05.1.10]**. Hằng năm, Nhà trường ban hành Kế hoạch thực tập tốt nghiệp, làm KLTN triển khai cụ thể đến NH **[H05.1.11]**. Với trường hợp NH không đủ điều kiện làm KLTN, sẽ phải học một số HP thay thế có tổng số tín chỉ tương đương. Danh mục các HP thay thế được quy định rõ trong CTĐT và công bố cho NH ngay từ đầu khóa học **[H05.1.03]**. Đối với NH hoàn thành KLTN sẽ thực hiện bảo vệ, quy trình đánh giá KLTN được thông qua hội đồng bảo vệ KLTN, hội đồng đánh giá KLTN do Hiệu trưởng Nhà trường ký quyết định thành lập **[H05.1.12]**, **[H05.1.13]**. Ngoài ra, hoạt động đánh giá KQHT của NH có sự phối hợp các đơn vị liên quan thể hiện trong quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị **[H05.1.14]**. Điểm HP được nhập trên phần mềm QLĐT và công bố trên cổng thông tin SV **[H05.1.15]**.

Trường ban hành quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Các PPKT/ĐG NH được quy định tại mục 8 của ĐCCT các HP trong CTĐT **[H05.1.03]** và CĐR CTĐT trình độ đại học ngành TCNH **[H05.1.01]**. Việc đánh giá NH trong ĐCCT HP được đánh giá theo Công cụ đánh giá Rubric, đánh giá chi tiết, rõ ràng, giúp GV, người hướng dẫn hoặc hội đồng đánh giá KQHT, sản phẩm, kỹ năng hoặc thái độ của NH một cách khách quan, nhất quán và minh bạch; CĐR về kỹ năng được sử dụng đánh giá thông qua tiểu luận, bài tập lớn, thuyết trình, thực hành trên máy tính; CĐR về mức tự chủ và trách nhiệm chủ yếu được thực hiện thông qua thảo luận nhóm, thuyết trình,... Để đạt được CĐR đã thiết kế, Khoa, ngành đã áp dụng quy trình đánh giá KQHT của NH đối với mỗi HP trong CTĐT mà Trường đã ban hành bao gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá quá trình và thi kết thúc HP **[H05.1.03]**. Đối với đánh giá HP, PPGD, hình thức đánh giá, trọng số điểm, cách tính điểm thành phần và điểm HP được quy định trong ĐCCT của mỗi HP và cụ thể tại Điều 10, 11, chương 3; đối với báo

cáo tốt nghiệp, KLTN cũng được thực hiện theo khoản 6, Điều 16 của Quy chế đào tạo trình độ ĐH trường ĐHTB số 25/QĐ-ĐHTB ngày 12/01/2023 **[H05.1.04(3)]**; Quy định về thi lại, học cải thiện điểm được quy định chỉnh sửa trong Quyết định về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học của trường ĐHTB tại quyết định số 900/QĐ-ĐHTB ngày 30/11/2023 **[H05.1.04(4)]**. Nhà trường còn hướng dẫn chi tiết về đề thi, kiểm tra trong chương III của Quy định về thi, kiểm tra, đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ đại học của trường ĐHTB, bao gồm ra đề thi, kiểm tra; duyệt đề thi; bảo quản và sử dụng đề thi. Cụ thể trong Điều 7 của Quy định đề cập đến việc ra đề thi, kiểm tra có thể được lấy từ ngân hàng đề thi hoặc do GV biên soạn. Đề thi phải được biên soạn đúng mẫu quy định và đảm bảo bao quát được phần lớn các kiến thức và kỹ năng cơ bản của HP **[H05.1.05]**. Mỗi đề thi tự luận, trắc nghiệm, thực hành hoặc thi tại phòng máy đều được quy định cụ thể, rõ ràng về nội dung, hình thức, thang điểm của từng câu hỏi, thời gian thi. Đề thi và đáp án được trưởng HP chịu trách nhiệm kiểm tra nội dung và ký duyệt đề thi, ký niêm phong bảo mật bàn giao cho bộ phận Khảo thí **[H05.1.03]**, **[H05.1.09]**. Kết thúc mỗi năm học, Khoa tiến hành họp rà soát các đề thi về nội dung, hình thức thi, cơ cấu và chất lượng đề thi, kết quả thi từ đó xây dựng kế hoạch đổi mới PPKT/ĐG NH nhằm thay đổi, cải tiến các loại hình, PPĐG NH, cải tiến công tác đề thi, đảm bảo các đề thi kết thúc HP đều được bổ sung số lượng câu hỏi nhằm bao quát hết các phần nội dung kiến thức của HP, đảm bảo được tính khách quan, công bằng **[H05.1.17]**. Các PPKT/ĐG KQHT của NH được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CĐR. Để hoàn thành chương trình học tập ngành TCNH theo CTĐT năm 2023, NH phải hoàn thành 52 HP, trong đó có HP Thực tập cuối khóa, làm KLTN và tích lũy đủ 130 tín chỉ (không bao gồm 03 tín chỉ Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh) **[H05.1.03(2)]**. Điểm số HP bao gồm điểm chuyên cần (10%), điểm đánh giá quá trình (40%) và điểm thi kết thúc HP (50%) như quy định trong khoản 2 Điều 10 Quy chế đào tạo trường ĐHTB. Trong đó, điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian đi học trên lớp của NH, thái độ tham gia học tập của NH như: đọc và sử dụng tài liệu do GV hướng dẫn, chuẩn bị bài đầy đủ, tích cực tham gia ý kiến **[H05.1.05]**. PPĐG được thể hiện trong đề cương mỗi HP như: hình thức, thành phần điểm, cấu trúc đề thi, qua đó xác định mỗi PPĐG đạt được CĐR nào của HP **[H05.1.03(2)]**. Tuy nhiên, một số ít HP sử dụng PPĐG KQHT của NH chưa đa dạng. Điểm thi kết thúc HP được đánh giá dựa vào bài thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận hoặc kết hợp cả hai), thi thực hành trên máy tính. Đề thi kết thúc HP có thang điểm cụ thể, rõ ràng **[H05.1.18]**. Các quy định về đánh giá KQHT của NH được rà soát, chỉnh sửa thường xuyên để phù hợp với các văn bản của Bộ GD&ĐT cũng như điều kiện thực tiễn Nhà trường và đăng tải trên Website của Trường **[H05.1.19]**. Ngoài ra, buổi học tuần công dân SV đầu khóa, sinh hoạt lớp, NH cũng được thông báo về các quy định liên quan đến đánh giá KQHT, các quy định về CĐR kiến thức, kỹ năng, thái độ **[H05.1.20]**. NH được phổ biến quy định chi tiết về quy trình thực tập cuối khóa và viết KLTN **[H05.1.11]**. Đối với những NH không đủ điều kiện viết KLTN, phải hoàn thành các HP

thay thế [H05.1.21]. Điểm đánh giá thực tập tốt nghiệp và KLTN được quy định trong Quyết định số 25/QĐ-ĐHTB ban hành Quy định về Quy chế đào tạo trình độ đại học trường ĐHTB [H05.1.04(3)].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng quy trình đánh giá KQHT của NH từ đó ban hành các quy chế, quy định cũng như các văn bản hướng dẫn phương pháp và hình thức đánh giá KQHT của NH phù hợp với mục tiêu và tương ứng với mức độ đạt được của CĐR.

PPĐG KQHT được Trường, Khoa và ngành TCNH tiến hành tổng kết và rà soát hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Một số ít HP sử dụng phương pháp đánh giá KQHT của NH chưa đa dạng

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025- 2026, ngành TCNH tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: “Áp dụng chuyển đổi số trong kiểm tra, đánh giá NH ngành TCNH để đáp ứng CĐR của CTĐT”.

Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của năm học 2025- 2026 sẽ lồng ghép thảo luận về các PPĐG KQHT của NH ứng với mỗi HP để từ đó đưa ra được các PPĐG đa dạng hơn trong các học kỳ tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt mức yêu cầu của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá KQHT của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới NH

1. Mô tả

Trường đã ban hành các quy định và hướng dẫn rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá KQHT của NH. Đối với mỗi HP, SV được đánh giá thông qua 3 điểm: điểm chuyên cần, điểm quá trình và điểm kết thúc HP. GV chấm và công bố điểm chuyên cần, điểm đánh giá quá trình công khai trước khi kết thúc giờ lên lớp của học kỳ (hoặc trong buổi học cuối cùng của lớp HP). Thi kết thúc HP, đối với thi vấn đáp và thực hành, trắc nghiệm trên máy tính, SV được biết điểm ngay khi nộp bài thi, đối với thi tự luận, SV được biết điểm chậm nhất 10 ngày sau khi thi [H05.2.01] [H05.2.02]. SV được quyền phúc khảo bài thi trong thời gian 5 ngày kể từ ngày công bố điểm thi [H05.2.09].

Đánh giá HP: Đánh giá quá trình học tập thông qua điểm chuyên cần, điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc HP. Đối với điểm chuyên cần được GV giảng dạy đánh giá thông qua 01 điểm, tính trọng số 10%, căn cứ tiêu chí SV phải tham dự tối thiểu 80% giờ học trên lớp và mức độ tích cực chuẩn bị bài, tính chủ động tham gia các hoạt động trong giờ học. Điểm đánh giá quá trình được thực hiện trong cả học kỳ, điểm đánh giá quá trình do GV dạy lớp HP đánh giá, là điểm trung bình của các bài kiểm tra, bài tập lớn, tiểu luận, báo cáo...trọng số 40%. PPĐG được GV lựa chọn đa dạng phù hợp với từng HP bám sát CĐR của HP và CTĐT trình độ đại học ngành TCNH

[H05.2.01]. Điểm đánh giá quá trình được GV thông báo cho từng NH trên lớp, qua đó NH sẽ có sự phản hồi với GV về kết quả bài kiểm tra. Điểm thi kết thúc HP được đánh giá sau khi kết thúc HP. Đối với thi kết thúc HP, Nhà trường quy định cụ thể về lịch thi, thời gian thi **[H05.2.04]**. Tại Điều 4 của Quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ đại học được ban hành bởi Quy định số 591/QĐ-ĐHTB ngày 15/9/2021: điểm thi kết thúc HP chiếm trọng số 50%; thời gian thi kết thúc HP là 60 phút đối với HP từ 1-2 tín chỉ; 90 phút đối với HP từ 3 tín chỉ trở lên; hình thức thi có thể là thi viết (trắc nghiệm trên giấy hoặc tự luận, hoặc kết hợp cả hai), viết tiểu luận, làm bài tập lớn, vấn đáp, thực hành trên máy tính ...; các thắc mắc, phản hồi đối với điểm thi kết thúc HP cũng được quy định rõ ràng tại Điều 6 **[H05.2.02]**. PPĐG được quy định cụ thể trong ĐCCT HP **[H05.2.03]**.

Đối với thực tập tốt nghiệp, thời gian, hình thức, cách đánh giá được quy định trong Điều 16, Quy chế đào tạo trình độ đại học trường ĐHTB và kế hoạch thực tập tốt nghiệp hàng năm **[H05.2.01 (3)]**, **[H05.2.05]**. Trong đó, tại khoản 3 quy chế đào tạo đã xác định rất rõ tiêu chí SV phải đạt tích lũy 75% tổng khối lượng tín chỉ của CTĐT được đăng ký thực tập tốt nghiệp, thời gian từ 8-12 tuần; tại khoản 4 quy định rõ tiêu chí làm ĐATN (điểm tích lũy đạt 2,5, không có HP bị điểm F, không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên; thời gian làm ĐATN từ 4-6 tuần. Việc đánh giá ĐATN được thể hiện bằng các tiêu chí theo các biểu mẫu cụ thể **[H05.2.06]**.

SV ngành TCNH được phổ biến trực tiếp quy chế kiểm tra, đánh giá, điều kiện tốt nghiệp,... từ GVCN/CVHT và trợ lý của Khoa thông qua tiết sinh hoạt lớp, qua email, nhóm zalo, facebook được lập theo nhóm lớp **[H05.2.07]**. GV có trách nhiệm thông báo các quy định về kiểm tra, đánh giá tới NH ngay khi bắt đầu giảng dạy mỗi HP. Thông qua tuần công dân sinh viên đầu khóa, phòng ĐT&HSSV phối hợp với Khoa hướng dẫn đầy đủ về quy chế đào tạo tín chỉ, PPĐG điểm chuyên cần, PPĐG kết quả các HP, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan trong các kỳ thi cho NH mới nhập học **[H05.1.08]**. GVCN/CVHT của Khoa thường xuyên phổ biến quy chế đào tạo, quy định về công tác thi, quy trình phúc khảo bài thi và những thay đổi (nếu có) cho NH vào đầu mỗi học kỳ **[H05.2.01]** **[H05.2.02]** **[H05.2.09]**. Các quy định về đánh giá KQHT của NH được đăng tải công khai trên Website của Trường và sổ tay sinh viên **[H05.2.10]**, **[H05.2.11]**. Bên cạnh đó, mỗi lớp có một nhóm Zalo có sự tham gia của các GV giảng dạy, GVCN/CVHT và NH các lớp để thông báo, giải đáp hàng ngày các thắc mắc của NH về các vấn đề học tập, thi cử... **[H05.2.07]**. Mặc dù các quy định về kiểm tra đánh giá KQHT của NH đã được phổ biến công khai bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng một số ít SV ít hoặc không quan tâm đến những quy định này. Định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức đối thoại giữa Ban lãnh đạo khoa với NH nhằm lắng nghe tâm tư nguyện vọng, ý kiến phản hồi của NH, trao đổi và giải đáp thắc mắc của NH liên quan đến vấn đề học tập **[H05.2.12]**. Việc đánh giá của các HP được thông báo với NH ngay từ buổi đầu GV lên lớp **[H05.2.03]**.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống văn bản quy định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi về đánh giá KQHT của NH và được thông báo công khai đến NH thông qua nhiều phương thức khác nhau.

Khoa, ngành đã có nhiều hình thức tiếp cận đến NH để cung cấp những thông tin kịp thời, hữu ích tới NH để đạt được kết quả tốt nhất.

3. Điểm tồn tại

Một số ít SV vẫn chưa nắm vững các quy định về kiểm tra đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025 -2026, Khoa triển khai kế hoạch phổ biến lại quy định về kiểm tra đánh giá đến toàn thể SV của Khoa thông qua các GV và CVHT.

5. Tự đánh giá

Đạt mức yêu cầu của tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.3. PPĐG KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Các PPĐG KQHT của NH được quy định trong các văn bản sau: Quy chế đào tạo của Nhà trường theo các quyết định: Quyết định số 426/QĐ- ĐHTB ngày 09/7/2021 Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học của trường ĐHTB; Quyết định số 25/QĐ- ĐHTB ngày 12/01/2023 Quyết định ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học của trường ĐHTB; Quyết định Số 900/QĐ-ĐHTB ngày 30/11/2023 Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trường ĐHTB [H05.3.01]; Văn bản quy định về công tác thi: Quyết định số 591/QĐ-ĐHTB ngày 15/09/2021 Quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ đại học của trường ĐHTB [H05.3.02]; Quy định số 796/QĐ-ĐHTB ngày 19/12/2018 Quy định về việc xây dựng quản lý ngân hàng đề thi đáp án kết thúc HP/môn học/module trường ĐHTB và quy định số 696/QĐ-ĐHTB ngày 09/11/2022 Quy định biên soạn, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, đề thi kết thúc HP của trường ĐHTB [H05.3.03]. Các quy định về PPĐG KQHT của NH cũng được thể hiện trong bộ đề cương các HP [H05.3.04].

Về tính đa dạng: GV ngành TCNH sử dụng các hình thức, phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá KQHT của NH. Các hình thức đánh giá điểm chuyên cần, kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc HP được GV công bố khi bắt đầu HP. Điểm chuyên cần do GV quy định dựa trên số buổi học trên lớp và ý thức xây dựng bài của NH. Các PPĐG KQHT đa dạng thông qua đặt câu hỏi trực tiếp trên lớp, bài tập, bài kiểm tra, bài thảo luận, bài thi viết, bài thi thực hành ... đảm bảo các tiêu chí về CĐR [H05.3.04] [H05.3.05]. Đối với bài thi kết thúc HP, được quy định cụ thể trong Quyết định số 591/QĐ- ĐHTB ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc HP [H05.3.02]. Hình thức thi kết thúc HP có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), thi trên máy, thi vấn đáp,... hoặc kết hợp các hình thức thi trên. Hình thức thi được Trưởng khoa và Trưởng HP phê duyệt trong ĐCCT của HP [H05.3.04]. PPĐG KQHT của NH được Khoa rà soát và cải tiến hàng năm [H05.3.06].

Về độ giá trị: Các PPKTĐG KQHT sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị) đảm bảo độ tin cậy và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng thể hiện ở nhiều khâu trong suốt quá trình giảng dạy, học tập; quy trình ra đề thi, coi thi, chấm thi; thông báo kết quả thi; lưu trữ bài thi, khiếu nại KQHT. Các công tác trên đều được chuẩn hóa thể hiện trong các quy định, hướng dẫn của Trường **[H05.3.01] [H05.3.02], [H05.3.07]**.

Các bài kiểm tra với mục tiêu để kiểm tra khả năng nhớ và hiểu bài, áp dụng, phân tích và đánh giá tổng hợp kiến thức và các kỹ năng thu được sau từng chương, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy và học. GV có thể thực hiện kiểm tra với các hình thức như: kiểm tra viết trên lớp, trả lời câu hỏi trên lớp, bài thảo luận, bài tập nhóm... Đánh giá bài thuyết trình và bài tập nhóm được quy định rõ trong các bản quy định CĐR của CTĐT trình độ đại học hệ chính quy ngành TCNH về mức độ đạt chuẩn và các cấp độ theo thang Bloom **[H05.3.04]**. Đối với các HP thực hành, KQHT được đánh giá thông qua kỹ năng thực hành cụ thể như sau: Đánh giá thường xuyên trong quá trình thực hành: GV theo dõi và chấm điểm trực tiếp quá trình thực hiện bài thực hành của SV tại phòng máy. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Mức độ thành thạo trong việc sử dụng công cụ, phần mềm, thiết bị CNTT; Khả năng tuân thủ quy trình kỹ thuật, thao tác đúng theo yêu cầu; Tinh thần tự giác, chủ động và khả năng phối hợp nhóm khi thực hành. Tổ chức các bài kiểm tra thực hành trên máy tính tại phòng máy. **[H05.3.04]**.

Đề thi kết thúc HP luôn đảm bảo bao phủ hết kiến thức đã được học trong chương trình. Đáp án chấm điểm được chia nhỏ điểm theo từng ý, nhỏ nhất 0,25 điểm để có thể đánh giá một cách chính xác nhất KQHT của NH. Điểm đánh giá HP: Là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của HP nhân với trọng số tương ứng. Điểm HP được làm tròn đến một chữ số thập phân sau đó được chuyển thành điểm chữ **[H05.3.08]**.

Về độ tin cậy: Tổ hợp các PPĐG KQHT của NH được thiết kế khoa học, được kiểm chứng đảm bảo độ tin cậy. Để chấm điểm, mỗi hình thức đánh giá có tiêu chí rõ ràng được thể hiện trong đề cương HP **[H05.3.04]**. Chậm nhất 07 ngày sau khi kết thúc HP, GV biên soạn và nộp 05 đề thi để trưởng học phần duyệt, đề thi được soạn theo đúng mẫu đề thi **[H05.3.08]**. Trưởng HP chịu trách nhiệm về nội dung và tính bảo mật của đề thi trước khi bàn giao cho bộ phận Khảo thí. Trợ lý khoa chuyển đề thi về bộ phận Khảo thí chậm nhất 05 ngày trước khi thi HP đó. Bộ phận Khảo thí chọn đề thi trong số đề thi được Khoa/ngành duyệt hoặc chọn từ ngân hàng đề thi. Bộ phận Khảo thí thực hiện in sao đề thi phải tuyệt đối bảo mật đề thi. Đề thi sau khi in sao được bỏ vào túi đựng đề thi, niêm phong, ghi rõ HP thi, số lượng đề thi, hình thức thi, ngày thi, đề thi được hay không được phép sử dụng tài liệu **[H05.3.07], [H05.3.08]**.

Ngành TCNH đã sử dụng kết hợp nhiều PPKT/ĐG KQHT trong các HP giảng dạy thuộc ngành CNTT như: tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm - tự luận, thực hành, thuyết trình báo cáo... Mỗi một phương thức đánh giá đều tham chiếu/liên kết đến CĐR HP **[H05.3.04], [H05.3.05]**.

Qua các ĐCCT và bộ đề thi của CTĐT ngành TCNH ban hành năm 2023 cho thấy: Việc đánh giá KQHT các HP của NH được thực hiện trong suốt quá trình học tập (kiểm tra thường xuyên, chuyên cần, đánh giá giữa HP và đánh giá cuối HP); trọng số điểm đánh giá tùy thuộc từng loại HP song điểm thi kết thúc HP là 50% tổng số điểm HP **[H05.3.04] [H05.3.09] [H05.3.10]**. Hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, từ điểm danh, kiểm tra việc chuẩn bị bài tập và khả năng tham gia tiết học, báo cáo bài luận, bài tập ứng dụng, trắc nghiệm, tiểu luận, báo cáo, thuyết trình, thi vấn đáp, tự luận ... và có thang điểm đánh giá phù hợp được quy định cụ thể trong mục 8 của ĐCCT **[H05.3.04]**. Quy trình thi từ khâu ra đề, chọn, nhận đề, coi thi, chấm thi, quản lý bài thi, điểm thi, chế độ bảo mật được thực hiện theo quy định, đảm bảo sự công bằng trong đánh giá NH **[H05.3.07]**. GV ngành TCNH sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra đánh giá KQHT của SV, bao gồm: các hình thức đánh giá giữa kỳ gồm đánh giá bài thuyết trình; thảo luận nhóm, bài kiểm tra; bài thi cuối kỳ gồm tự luận, trắc nghiệm, trắc nghiệm - tự luận, bài thực hành **[H05.3.02]**. Mặc dù các PPKT/ĐG KQHT của NH là tương đối đa dạng, tuy nhiên vẫn còn những hạn chế trong việc ứng dụng CNTT vào việc đánh giá NH.

Các PPKT/ĐG được sử dụng đảm bảo đánh giá được các yêu cầu của CĐR. Mỗi một phương thức đánh giá đều tham chiếu/liên kết đến CĐR HP, đo lường được các yêu cầu **[H05.3.11]**.

2. Điểm mạnh

Ngành TCNH sử dụng đa dạng các PPKT/ĐG khác nhau phù hợp với đặc thù nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực TCNH và đáp ứng CĐR của CTĐT, đồng thời xác định được tiêu chí đánh giá rõ ràng của từng nội dung đánh giá.

3. Điểm tồn tại

PPKTĐG theo Rubric chưa được áp dụng đồng nhất giữa các HP.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025- 2026, Nhà trường tổ chức tập huấn cho các GV về đánh giá theo tiêu chí Rubric.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 5.4. KQĐG được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Việc phản hồi kết quả đánh giá của NH được quy định rõ trong khoản 4 Điều 11 Quy chế đào tạo trình độ đại học trường ĐHTB **[H05.4.01(3)]** và quy định tổ chức thi kết thúc HP **[H05.4.02]**. GV giảng dạy HP có trách nhiệm công bố kịp thời điểm chuyên cần và điểm kiểm tra định kỳ, SV đủ điều kiện dự thi và SV không đủ điều kiện dự thi. Buổi học cuối cùng GV công khai SV đủ điều kiện dự thi và không đủ điều kiện dự thi đồng thời xét điều kiện dự thi trên phần mềm để SV theo dõi trên cổng thông tin điện tử. Sau khi kết thúc HP, GV phải nhập điểm điều kiện dự thi vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và gửi bản cứng danh sách xét điều kiện dự thi cho trợ lý Khoa và phòng ĐT&HSSV trước khi thi 7 ngày. Kết quả thi kết thúc HP được thông tin chậm nhất là

10 ngày thi đến NH qua tài khoản của SV **[H05.4.03(2)]**. Mọi thắc mắc của SV (nếu có) được giải đáp thỏa đáng, công khai và kịp thời tại khoản 3 điều 11 Quy chế đào tạo trình độ đại học trường ĐHTB quy định: Đối với điểm chuyên cần và điểm đánh giá quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy HP; Đối với điểm thi kết thúc HP, SV có thể đề nghị xem lại kết quả bài thi HP theo quy định của Trường; Đối với điểm thông báo trên mạng quản lý đào tạo, SV đề nghị phòng ĐT&HSSV kiểm tra đối chiếu với bảng điểm gốc trong thời gian không quá 6 tháng kể từ ngày thi **[H05.4.02] [H05.4.10]**. SV không nhất trí với kết quả thi kết thúc HP có thể nộp đơn xin phúc khảo bài thi theo mẫu về bộ phận một cửa và được chuyển cho phòng ĐT&HSSV xử lý theo đúng quy trình trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố điểm thi **[H05.4.02], [H05.4.04]**.

Tất cả các quy định về phản hồi kết quả đánh giá nêu trên đã được Nhà trường công bố công khai, kịp thời đến GV và NH thông qua một số phương thức như: website trường ĐHTB, sổ tay sinh viên, tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa **[H05.4.07], [H05.4.05], [H05.4.08]**. Ngoài ra, trợ lý khoa, GV phụ trách các HP và GVCN/CVHT còn thực hiện việc phổ biến các quy định về phản hồi kết quả đánh giá của NH thông qua các phương tiện như email, nhóm zalo, facebook được lập theo nhóm lớp **[H05.4.09]**. Theo quy định, việc phản hồi điểm thi của SV tùy thuộc vào từng hình thức đánh giá: thi thực hành NH được biết điểm ngay sau khi hoàn thành bài thi, thi tự luận thì SV được biết điểm chậm nhất sau 10 ngày, Điểm bảo vệ ĐATN, NH được thông báo ngay kết quả cuối buổi bảo vệ **[H05.4.02]**.

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập. NH được công khai kết quả ngay sau mỗi bài kiểm tra thường xuyên và được GV góp ý để cải thiện phương pháp và KQHT. Tuy nhiên, trong thực tế vẫn còn một số ít SV còn không để ý đến KQHT từng HP dẫn đến tình trạng lúc thi mới biết mình không đủ điều kiện dự thi. Đối với điểm thi kết thúc HP, điểm trung bình chung tích lũy, NH có thể tiếp cận thông qua cổng thông tin SV, NH có thể tra cứu KQHT dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi **[H05.4.03(2)]**. Điểm HP giúp SV điều chỉnh kế hoạch học tập trong các học kỳ tiếp theo hoặc có kế hoạch học cải thiện điểm. Điểm trung bình chung học kỳ giúp xác định SV được học bổng khuyến khích học tập hay không. Cuối mỗi năm học, Khoa tiến hành họp tổng kết các PPKTĐG NH, đánh giá chất lượng đề thi, đánh giá KQHT của NH, từ đó xây dựng kế hoạch, biện pháp cải tiến PPKTĐG phù hợp và hiệu quả hơn **[H05.4.11]**. Ngoài ra, định kỳ hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV về kết quả KTĐG nhận được mức độ hài lòng khá cao. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV ngành TCNH học kỳ I năm học 2024 - 2025 cho thấy, 88,38% NH có ý kiến cho rằng việc công bố điểm thi, KQHT nhanh chóng, kịp thời **[H05.4.012(9)]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có những quy định, hướng dẫn cụ thể trong công tác quản lý KQHT của NH đảm bảo KQHT được phản hồi kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và bảo mật, giúp NH chủ động trong việc cải thiện KQHT của bản thân, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập cho NH. Nhà trường sử dụng phần mềm QLĐT, việc nhập điểm thành

phần, điểm thi kết thúc HP trên phần mềm giúp NH nhanh chóng, thuận lợi giúp NH chủ động trong việc cải thiện KQHT của bản thân.

3. Điểm tồn tại

Còn một số ít SV cập nhật KQHT chưa kịp thời, dẫn đến kế hoạch học tập bị ảnh hưởng, không cải thiện việc học tập kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025- 2026, CVHT thường xuyên nhắc nhở NH cập nhật KQHT

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 5.5. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT

1. Mô tả

Nhà trường có đầy đủ các quy định, quy trình khiếu nại về KQHT và được công bố công khai, phổ biến đầy đủ đến NH trước mỗi khóa học, kỳ học và khi bắt đầu HP. Trong Quy chế đào tạo trình độ đại học của trường ĐHTB được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 11 về việc khiếu nại điểm và xem lại kết quả bài thi HP **[H05.5.01(3)]**; trong Quy định về công tác thi, kiểm tra đánh giá KQHT trong đào tạo trình độ đại học của trường ĐHTB được quy định cụ thể tại khoản 2, Điều 6 về việc phúc khảo bài thi **[H05.5.02]**; quy trình thực hiện phúc khảo bài thi, thời gian tiếp nhận phúc khảo bài thi, thời gian công bố điểm phúc khảo cũng được mô tả rõ trong Quy định chấm phúc khảo bài thi **[H05.5.07]**. Các quy định về khiếu nại KQHT được thông báo công khai đến NH thông qua nhiều hình thức như: website của Trường; trong tuần sinh hoạt công dân SV đầu khóa hàng năm, NH được nghe phổ biến và hướng dẫn về các quy định, quy trình thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, khiếu nại về KQHT **[H05.5.11]**, **[H05.5.205]**; thông qua GV giảng dạy HP, GVCN/CVHT triển khai đến SV hoặc trong Sổ tay SV **[H05.5.03]**. Trong quá trình học, việc khiếu nại về KQHT của SV được thực hiện cụ thể như sau: Đối với điểm quá trình hoặc điểm thực hành, thực tập, bài tập lớn, đồ án..., SV xem kết quả trên trang cá nhân rồi khiếu nại trực tiếp với GV phụ trách lớp HP **[H05.5.04(2)]**. Đối với điểm bài thi cuối kỳ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố điểm thi, nếu SV chưa hài lòng về kết quả điểm thi kết thúc HP, SV có quyền đề nghị phúc khảo KQHT tại bộ phận giải quyết thủ tục hành chính một cửa của Nhà trường. Phòng ĐT&HSSV tiếp nhận đơn xin phúc khảo của SV từ bộ phận một cửa, xây dựng lịch chấm phúc khảo, thông báo đến Khoa chuyên môn để cử GV chấm phúc khảo theo lịch. Hai CB chấm thi phúc khảo phải khác các CB chấm thi lần đầu. Điểm chấm phúc khảo sẽ được công bố qua email hoặc điện thoại trực tiếp tới SV, chậm nhất trong vòng 12 ngày kể từ ngày SV nộp đơn đăng ký phúc khảo; sau đó phòng ĐT&HSSV sẽ cập nhật điểm trên phần mềm (nếu có sự thay đổi điểm sau phúc khảo) **[H05.5.07]**, **[H05.5.12]**.

Việc xử lý, giải quyết các khiếu nại về KQHT của NH trong toàn trường được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, thỏa đáng chính xác và hiệu quả. Kết quả giải quyết/trả lời khiếu nại về KQHT của NH trong 05 năm qua (từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2024 - 2025), có 100% khiếu nại được giải quyết **[H05.5.08]**, **[H05.5.09]**. Kết quả phúc

khảo bài thi là một trong những căn cứ để Nhà trường tăng cường công tác hậu kiểm sau mỗi kỳ thi, khoa chuyên môn điều chỉnh PPKTĐG quá trình học tập, việc ra đề thi và phát triển ngân hàng đề thi. Đối với SV ngành TCNH, thống kê trong thời gian trên, không có SV nào phát sinh khiếu nại về KQHT. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của SV ngành TCNH từ năm 2020 đến năm 2024 cũng cho thấy: 100% SV chưa từng nộp đơn phúc khảo bài thi. Khi được hỏi SV có dễ dàng tiếp cận các quy định về phúc khảo, các thông tin đăng ký học lại, học bổ sung khi có nhu cầu hay không, đã có trên 90% ý kiến trả lời rất dễ tiếp cận **[H05.5.10]**. Tuy nhiên, quy trình phúc khảo còn phải thực hiện theo phương pháp thủ công, chưa được thực hiện thông qua việc ứng dụng CNTT.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các quy trình, quy định về khiếu nại, kiểm tra KQHT và được phổ biến, công khai đến toàn thể SV nên việc khiếu nại và xử lý khiếu nại về KQHT được xử lý kịp thời, thỏa đáng đảm bảo công bằng, minh bạch.

SV ngành TCNH rất hài lòng với kết quả điểm thi, trong 5 năm gần đây, không có sinh viên ngành TCNH nào phúc khảo bài thi ở tất cả các học phần do Khoa quản lý.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có tính năng khiếu nại, phúc khảo bài thi online trên Website

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, phòng ĐT&HSSV tham mưu với Nhà trường bổ sung nâng cấp Website để hoàn thiện tính năng phúc khảo online trên Website phục vụ cho quy trình khiếu nại của NH được thuận tiện.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 5

Mặc dù còn một số tồn tại như đã nêu, nhưng việc đánh giá KQHT của NH ở ngành TCNH được thực hiện một cách chuyên nghiệp, đảm bảo tính rõ ràng, công khai. Việc đánh giá KQHT của NH rất quan trọng nhằm giúp NH cải tiến việc học tập của mình nhằm nâng cao năng lực bản thân. Khi lựa chọn PPDG KQHT cho các HP trong CTĐT đã được ngành TCNH xác định phù hợp với mức độ đạt được CDR. Các quy định về đánh giá KQHT của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo tới NH một cách công khai trên website của Trường, Khoa, Ngành. Các PPDG KQHT đa dạng, đảm bảo giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời đến NH nhằm giúp NH cải thiện việc học tập của mình. Đặc biệt khi NH không thỏa mãn với kết quả của mình sau khi có kết quả điểm thi thì NH có thể phúc khảo bài thi và được tiếp cận dễ dàng với một quy trình phúc khảo bài thi được quy định chặt chẽ, khoa học.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành TCNH bậc đại học TĐG tiêu chuẩn 5 có 4/5 tiêu chí đạt 5/7, 1/5 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên

Mở đầu: Đội ngũ GV của trường ĐHTB đã được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVECĐ. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, bồi dưỡng

và bổ nhiệm CB, GV của Trường được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên vị trí việc làm, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, đạo đức nghề nghiệp và yêu cầu của CTĐT. Từng năm học, khoa KT&QT thực hiện phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các nhiệm vụ chuyên môn khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, năng lực của từng GV. Để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, khối lượng công việc và năng lực của GV được đo lường, giám sát và đánh giá theo đúng quy định của Nhà trường, làm cơ sở để khen thưởng, khích lệ và tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hằng năm, Khoa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV căn cứ vào CLPT nguồn nhân lực của Nhà trường và đáp ứng yêu cầu của CTĐT.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

1. Mô tả

Nhà trường có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc đánh giá nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, tuân thủ các quy định hiện hành trên cơ sở dự báo nhu cầu về quy mô đào tạo, NCKH, PVCĐ, trường ĐHTB đã có kế hoạch đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của các đơn vị. Điều này được thể hiện trong CLPT và kế hoạch thực hiện CLPT trường ĐHTB giai đoạn 2018-2021, tầm nhìn đến năm 2030 [H06.1.01(1)] rà soát, điều chỉnh năm 2022, 2025 [H06.1.01(2)(3)] với mục tiêu “*Phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, phù hợp về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, đáp ứng các yêu cầu. Hình thành đội ngũ GV, chuyên gia làm chủ và bước đầu ở vị thế dẫn dắt trong một số lĩnh vực công nghệ hiện đại, có khả năng giảng dạy và nghiên cứu*”. Việc xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực dựa trên việc đánh giá các hoạt động của nhà trường thông qua các báo cáo tổng kết hằng năm của Trường [H06.1.02]; đề án vị trí việc làm [H06.1.03]. Đối với công tác tuyển dụng, trường ĐHTB có quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai minh bạch về tuyển dụng và bổ nhiệm GV. Trên cơ sở CLPT và kế hoạch thực hiện CLPT trường ĐHTB, nhà trường ban hành các kế hoạch, thông báo về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, điều động nhân sự [H06.1.04]. Căn cứ vào Chiến lược phát triển trường ĐHTB đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050 Khoa phấn đấu đến năm 2045 có trên 40% GV đạt trình độ Tiến sĩ, số GV có văn bằng 2 ngoại ngữ trên 90%. Công tác xây dựng kế hoạch phát triển, quy hoạch nguồn nhân lực của Trường cũng như của khoa KT&QT trong 5 năm qua được thực hiện đầy đủ, đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H06.1.05]

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV và được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Giai đoạn 2020-2024 Nhà trường đã thực hiện tuyển dụng 32 lao động; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho 100% GV; 18 lượt bổ nhiệm 23 lượt bổ nhiệm lại và 37 lượt điều động nhân sự [H06.1.06]. Việc thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa luôn phù hợp với CLPT của Nhà trường và Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc và trực thuộc trường

ĐHTB [H06.1.07], Quy định về tuyển dụng VC, quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm cũng như các quy định về hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng của trường ĐHTB [H06.1.04]. Vì vậy, đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Giai đoạn 2020-2024, khoa KT&QT có 01 GV hoàn thành xong khóa học Cao cấp lý luận chính trị, 06 GV hoàn thành xong khóa học Trung cấp lý luận chính trị, 15 GV thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ GV hạng 3 lên GV chính hạng 2, 3 cán bộ bổ nhiệm, [H06.1.08]. Hiện nay, đội ngũ GV cơ hữu của Khoa bao gồm 31 GV trong đó 02 tiến sĩ (6,45%), 08 nghiên cứu sinh (25,8%) 21 thạc sĩ (67,75%), 100% GV có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho GV đại học, cao đẳng và đạt chuẩn về tin học, ngoại ngữ [H06.1.09].

Nhà trường cũng đã bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo giữ chức vụ Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa theo đúng quy trình, quy định [H06.1.10]. Phân công nhiệm vụ Trưởng ngành, trưởng HP đảm bảo phục vụ công tác đào tạo [H06.1.11].

2. Điểm mạnh

Việc thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa phù hợp với CLPT và quy hoạch cán bộ của Trường. Vì vậy, đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, tỷ lệ GV đạt trình độ tiến sĩ còn thấp so với yêu cầu của chuẩn CSGD đại học.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường bổ sung thêm cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện và cử GV đi học nghiên cứu sinh đồng thời tăng cường thu hút, trọng dụng đội ngũ GV có trình độ tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư tham gia giảng dạy ngành TCNH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD

1. Mô tả

Tỷ lệ NH/GV tính chung cho Nhà trường tính đến 30/6/2025 là 9,7:1 đạt chuẩn quy định 40:1 [H06.2.01].

Nhà trường quy định cụ thể về khối lượng công việc (giảng dạy, NCKH và các hoạt động khác) đối với GV theo từng chức danh [H06.2.02]. Trường xây dựng chương trình công tác cả năm của Nhà trường triển khai tới các Khoa, Khoa xây dựng kế hoạch công tác hằng năm gồm: Kế hoạch về phân công giảng dạy, đăng ký nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn khác như GVCN/CVHT, sinh hoạt chuyên đề, tuyển sinh, hướng dẫn TTTN, xây dựng ngân hàng đề thi, rà soát, điều chỉnh CTĐT,... Trên cơ sở đó Khoa thực hiện theo dõi, báo cáo tiến độ theo kế hoạch của Khoa, Nhà trường và các hoạt động chuyên môn khác [H06.2.03], [H06.2.04]. Cuối năm học, GV kê khai khối lượng công việc bao gồm khối lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác, nộp về Khoa tổng hợp và nghiệm thu [H06.2.05], [H06.2.06]. Bảng kê khai giờ

giảng của từng GV và bảng tổng hợp của toàn Khoa được gửi về phòng ĐT&HSSV, bảng kê khai giờ NCKH của từng GV; Bảng tổng hợp của toàn Khoa được gửi về phòng KHCN&HTPT. NCKH là nhiệm vụ bắt buộc của GV, nếu trong năm học, GV thiếu giờ chuẩn NCKH theo quy định này thì phải bù giờ chuẩn giảng dạy sang để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ NCKH. Kết quả nghiệm thu của Hội đồng được thông báo công khai về các đơn vị và từng CBGV, đây cũng là căn cứ để thanh toán tiền vượt giờ cho GV [H06.2.07], [H06.2.08]. Cuối năm, Nhà trường có kế hoạch tổng kết năm học và đánh giá định mức lao động của GV, bình xét thi đua khen thưởng thông qua các hội đồng [H06.2.09].

Năm 2020, Nhà trường quy định cụ thể về số giờ giảng dạy và khối lượng công việc đối với GV theo từng chức danh. Cụ thể quy định tại chương 2, định mức giờ chuẩn đối với Giáo sư bao gồm 330 giờ giảng dạy và 230 giờ NCKH; Phó giáo sư, GV cao cấp bao gồm 330 giờ giảng dạy và 220 giờ NCKH; GV chính là 330 giờ giảng dạy và 205 giờ NCKH; GV là 330 giờ giảng dạy và 196 giờ NCKH; GV tập sự là 165 giờ giảng và 98 giờ NCKH. Quy chế làm việc của GV cũng quy định chi tiết định mức lao động đối với những GV giữ chức lãnh đạo, quản lý hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, Đảng, Đoàn thể. Nhà trường cũng quy định việc quy đổi các hoạt động chuyên môn khác sang giờ chuẩn để đánh giá khối lượng công việc của GV; các quy định về định mức lao động, khối lượng công việc của GV đều được lấy ý kiến góp ý của toàn bộ GV trong Nhà trường trước khi ban hành chính thức. Các văn bản được thông báo rộng rãi đến các đơn vị và toàn thể các CBGV trong toàn Trường thông qua nhiều hình thức đa dạng như gửi văn bản về các Khoa lấy ý kiến, họp các trường đơn vị để thảo luận, thông báo trên mạng văn phòng của Nhà trường,... Chương II trong Quy định về chế độ làm việc của GV đã xác định chi tiết về thời gian làm việc, giờ chuẩn và định mức giảng dạy, NCKH của GV. Tổng thời gian làm việc của GV được xác định tuần làm việc 40 giờ và được xác định theo năm học. Tổng quỹ thời gian làm việc bình quân trong một năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ làm việc hành chính) để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, PVCĐ và các nhiệm vụ chuyên môn khác. Tại điều 6 của quy định này cũng chỉ rõ việc quy đổi giờ chuẩn đối với một số hoạt động chuyên môn bao gồm giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thực hành, thực tập, hướng dẫn KLTN, CVHT, soạn đề thi, xây dựng ngân hàng đề thi, chấm thi,... Đối với nhiệm vụ NCKH, Nhà trường đã quy định tỷ lệ quy đổi các đề tài NCKH các cấp, bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học, sáng kiến kinh nghiệm các cấp,... để xác định kết quả thực hiện nhiệm vụ NCKH của GV [H06.2.10]. Đồng thời, Trường ban hành quy định việc chi trả đối với khối lượng công việc vượt định mức và những hoạt động chuyên môn không quy đổi sang giờ chuẩn [H06.2.11].

Để đảm bảo và cải tiến chất lượng đào tạo, Trường ĐHTB đã có nhiều hình thức giám sát các hoạt động dạy học và được giao cho các phòng chức năng [H06.2.12]. Bộ phận đào tạo theo dõi tiến độ giảng dạy, cập nhật dữ liệu giảng dạy hàng ngày, duyệt tạm ngưng, báo bù, dạy thay, điều chỉnh phòng học, điều chỉnh thời khóa biểu. Mọi sự thay

đổi về thời khóa biểu phải thực hiện trước 16h00 của ngày hôm trước được phòng ĐT&HSSV, duyệt và công bố công khai cho SV, GV và các đơn vị có liên quan biết qua trang thông tin của Nhà trường [H06.2.13]. Bộ phận thanh tra thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động lên lớp của GV, hàng ngày CB của bộ phận Thanh tra theo dõi lịch dạy, kiểm tra chấm công, ký xác nhận giảng dạy đối với GV [H06.2.14]. Kết quả thanh kiểm tra được tổng hợp hàng tháng trong toàn trường [H06.2.15]. Ngoài ra, bộ phận thanh tra thực hiện công tác kiểm tra việc thực hiện nền nếp và quản lý hoạt động giảng dạy hàng ngày [H06.2.16]. Đối với Khoa, thực hiện giám sát các hoạt động dạy và học qua việc kiểm tra tình hình thực hiện KH đào tạo, thời khóa biểu [H06.2.17]. Cuối năm Nhà trường thực hiện tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học bình bầu danh hiệu thi đua hằng năm đối với GV trong toàn trường [H06.2.18]. Vào cuối mỗi học kỳ Nhà trường thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV ở mỗi HP thông qua phiếu khảo sát NH và lập báo cáo kết quả khảo sát. Báo cáo này sẽ được gửi về khoa, là một nguồn thông tin để các Khoa đánh giá chất lượng GV và đổi mới hoạt động dạy và học [H06.2.19]. Trong 5 năm qua cho thấy, mức độ hài lòng của SV đối với GV năm sau cao hơn năm trước đạt mức trên 85%, đây là con số phản ánh sự hài lòng của NH khá cao. Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến của SV trước khi tốt nghiệp trên tất cả các mặt hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo của các ngành đào tạo trong trường. Kết quả khảo sát ý kiến NH trước khi tốt nghiệp đánh giá chung toàn khóa học, với Khoa KT&QT đạt mức tốt trên 80% [H06.2.20]. Ngay sau khi có ý kiến tổng hợp từ kết quả khảo sát SV đánh giá GV, Khoa tiến hành họp trao đổi với các GV, rút kinh nghiệm để cải tiến phương pháp giảng dạy, các hình thức đánh giá NH [H06.2.21]. Hoạt động NCKH của GV trong Khoa được giám sát thông qua phòng KHCN &HTPT với các quy chế, quy định về NCKH: quy định về hoạt động NCKH của CBGV Trường ĐHTB [H06.2.02]. Cuối năm học, căn cứ vào KH triển khai công tác NCKH, các sản phẩm NCKH được nghiệm thu cấp khoa, cấp trường, hội thảo các cấp, sau đó tổng hợp gửi phòng KHCN&HTPT [H06.2.22], [H06.2.23]. [H06.2.07(2)].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về khối lượng công việc và quy đổi giờ chuẩn đối với GV theo từng chức danh và đáp ứng được yêu cầu.

Công tác giám sát, đo lường, đánh giá về khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được chú trọng, thực hiện một cách chặt chẽ làm căn cứ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại

Việc quy định các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được cụ thể hóa.

4. Kế hoạch hành động

Khoa đề xuất với nhà trường ban hành quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao

gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Căn cứ vào quy định của Nhà nước về tuyển dụng, sử dụng và quản lý CB, viên chức, quy định pháp luật lao động, Nhà trường ban hành các kế hoạch, thông báo tuyển dụng GV. Trong đó, quy định một số nội dung về hình thức và quy trình tuyển dụng. Nêu rõ việc tuyển dụng tiến hành theo hình thức xét tuyển. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nguồn nhân lực được quy định cụ thể trong các văn bản tuyển dụng trong đó bao gồm các tiêu chí về đạo đức, trình độ chuyên môn và học vị, học hàm [H06.3.01]. [H06.3.02]. Đối với người dự tuyển vị trí GV, yêu cầu phải đảm bảo trình độ Th.S trở lên phù hợp với chuyên ngành cần tuyển căn cứ vào đề án vị trí việc làm và bản mô tả công việc của GV [H06.3.03]. Khi tuyển dụng, Nhà trường đã có thông báo tuyển dụng, trong đó ghi rõ các tiêu chí tuyển dụng, số lượng tuyển dụng cho từng vị trí kèm theo các tiêu chí cụ thể về trình độ chuyên môn, đối tượng tuyển dụng, các yêu cầu về hồ sơ dự tuyển. Đối với các trường hợp tuyển dụng theo diện hợp đồng lao động thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTB; Quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng viên chức, người lao động; Quy định chế độ làm việc của GV, ngoài ra còn quy định cụ thể trong hợp đồng lao động [H06.3.04] [H06.3.05]. Trong đề án vị trí việc làm cũng nêu rõ các tiêu chuẩn, điều kiện đối với từng chức danh bao gồm các tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, trình độ; một số tiêu chuẩn cụ thể đối với một số vị trí như: trưởng các khoa có chức năng đào tạo chuyên ngành, trưởng các phòng: ĐT&HSSV; KHCN&HTPT,... cần có bằng tiến sĩ, có uy tín, kinh nghiệm giảng dạy, NCKH, có thâm niên công tác 5 năm trở lên; đối với phó trưởng khoa không có chức năng đào tạo chuyên ngành yêu cầu có bằng thạc sĩ trở lên, có uy tín kinh nghiệm trong giảng dạy, NCKH [H06.3.06]. Việc điều chuyển, bố trí công việc đối với GV dựa trên các tiêu chí về trình độ chuyên môn và kết quả đánh giá hằng năm của GV cũng như đề xuất nhu cầu của các đơn vị. Việc tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) của Khoa được thực hiện theo yêu cầu công việc, dựa trên các tiêu chí theo quy định của liên bộ Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ và quy định của Nhà trường. Các tiêu chí tuyển dụng được chia thành 3 nhóm: Năng lực, kỹ năng; yêu cầu hiểu biết về chuyên môn và tiêu chuẩn, trình độ theo bản mô tả công việc, đề án vị trí việc làm [H06.3.03] [H06.3.06].

Các văn bản quy định về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự của Trường sau khi ban hành đã được phổ biến đến trưởng các đơn vị khoa, phòng, ban, trung tâm thông qua các cuộc họp và được trưởng đơn vị quán triệt, phổ biến đến toàn thể CBGV, NV trong đơn vị [H06.3.07]. Các văn bản về tuyển dụng và sắp xếp nhân sự đều được công khai. Các thông báo tuyển dụng được thông báo công khai trên website của Nhà trường, phương tiện thông tin đại chúng và mạng văn phòng liên thông nội bộ [H06.3.08]. Giai đoạn năm 2020-2024, khoa KT&QT có 2 lượt điều động đến và 2 điều chuyển đi

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Nhà trường để bổ nhiệm, điều chuyển, tuyển dụng lao động hợp đồng cho Khoa được thực hiện theo quy định rõ ràng, minh bạch và công khai.

3. Điểm tồn tại

Trong giai đoạn này, Nhà trường chưa ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

4. Kế hoạch hành động

Khoa kiến nghị với Nhà trường ban hành các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng trong đề án vị trí việc làm mô tả khung năng lực, kỹ năng của từng nhóm vị trí công việc trong trường: nhóm lãnh đạo, quản lý; nhóm chuyên môn nghiệp vụ; nhóm GV; nhóm hỗ trợ, phục vụ. Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHTB đã quy định về các tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của đội ngũ CBGV, NV của Nhà trường [H06.4.01]. Yêu cầu về năng lực của đội ngũ GV còn được xác định khi tuyển dụng với các yêu cầu về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học theo chức danh nghề nghiệp được tuyển dụng. Cụ thể đối với đội ngũ GV giảng dạy các HP thuộc ngành TCNH được thể hiện rõ trong đề án vị trí việc làm; Quy định về chế độ làm việc của GV hằng năm [H06.4.02]. Để đánh giá năng lực NCKH của CB, GV Nhà trường đã quy định tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng, hiệu quả hoạt động NCKH của GV thể hiện trong Quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN Trường ĐHTB [H06.4.03]; thông báo KH hoạt động KH&CN hằng năm [H06.4.04]. Đối với các đề tài NCKH các cấp được các hội đồng chuyên môn đánh giá chất lượng nghiên cứu thông qua các phiếu đánh giá, nhận xét, chấm điểm, biên bản nghiệm thu đề tài [H06.4.05]. Đối với các bài viết đăng trên Tập san khoa học Trường ĐHTB được phân công cho người phản biện đọc, góp ý [H06.4.06]. Năng lực GV của Khoa được đánh giá: hoạt động giảng dạy, NCKH, phục vụ cộng đồng[H06.4.07], [H06.4.08]. Nhà trường căn cứ vào văn bản quy định của Nhà nước, hằng năm ban hành kế hoạch đánh giá xếp loại VC, người lao động trong đó có cụ thể về tiêu chí đánh giá, xếp loại GV làm căn cứ xét danh hiệu thi đua khen thưởng hoặc rút kinh nghiệm đối với GV hằng năm [H06.4.09], [H06.4.10]. Ngay từ khâu tuyển dụng, GV được kiểm tra chặt chẽ về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực tin học và ngoại ngữ. Đồng thời, Khoa cũng thường xuyên rà soát, yêu cầu GV tham gia các khóa học bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định. Tính đến 31/12/2024, GV của Khoa có đầy đủ chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn quy định [H06.4.11]. Khoa thực hiện việc đánh giá năng lực của GV theo các quy định của Nhà trường; các tiêu chí đánh giá được ghi cụ thể trong KH

đánh giá và phân loại CCVC của Trường hằng năm và quy định về công tác thi đua khen thưởng của Trường. Việc đánh giá năng lực của GV có sự phân loại khác nhau đối với GV giữ chức vụ quản lý và GV không giữ chức vụ quản lý. Trình tự thủ tục bình xét thi đua khen thưởng do phòng TCCB, TT&ĐBCL phụ trách được thực hiện cuối năm học [H06.4.12].

Năng lực giảng dạy của GV được đánh giá bằng nhiều hình thức đa dạng, chặt chẽ và công khai thông qua hoạt động giảng dạy, NCKH, GVCN/CVHT và các hoạt động khác [H06.4.07], [H06.4.08], [H06.4.13], [H06.4.14] [H06.4.15]. Bên cạnh đó, năng lực giảng dạy của GV còn được đánh giá thông qua việc khảo sát sự hài lòng của người học sau khi kết thúc học phần như chỉ số chất lượng giảng dạy của trường học kỳ 1 năm học 2020-2021 là 88,9%; học kỳ 2 năm học 2020-2021 là 88,03%; học kỳ 1 năm học 2021-2022 là 88,03%; kỳ 2 năm học 2021-2022 là 91,54%; học kỳ 2 năm học 2022-2023 là 86,44%; tiêu chí đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ II năm học 2023-2024 là 87,14%; sinh viên đánh giá tốt về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H06.4.16]. Giai đoạn 2020 – 2024, kết quả đánh giá, phân loại GV của Khoa: có 12 lượt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 37 lượt hoàn thành tốt nhiệm vụ, 3 lượt hoàn thành nhiệm vụ; Kết quả thi đua khen thưởng: 28 lượt chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, 53 lượt lao động tiên tiến, 3 GV nhận được bằng khen của Chủ tịch tỉnh Thái Bình. Kết quả này là cơ sở để xét nâng lương trước thời hạn đối với các GV đủ điều kiện [H06.4.17], [H06.4.18], [H06.4.19]. Kết quả đánh giá năng lực NCKH của GV là một tiêu chí quan trọng trong bảng điểm đánh giá tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và phiếu chấm điểm đánh giá xếp loại CB, VC của Nhà trường. Hằng năm Nhà trường tổng kết công tác NCKH và có khen thưởng đối với tập thể cá nhân có thành tích cao trong NCKH [H06.4.20]. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và NCKH, GVCN/CVHT các GV trong Khoa luôn tích cực tham gia các hoạt động PVCD như luôn hưởng ứng các phong trào ủng hộ do Công đoàn trường phát động, tham gia nhiệt tình các phong trào tình nguyện của Đoàn trường và các tổ chức Đảng, Đoàn thể. Việc tham gia các hoạt động PVCD của CBGV được Nhà trường tính điểm thưởng trong đánh giá phân loại viên chức cuối năm cũng như bình xét Công đoàn viên giỏi [H06.4.21].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV trong Khoa được xác định rõ ràng và được đánh giá đa dạng về hình thức. Đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH đối với GV chưa được đưa vào tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và đánh giá xếp loại CB, VC của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, Khoa đề xuất Nhà trường đưa kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH vào các tiêu chí đánh giá, xếp loại và xét danh hiệu thi đua đối với GV.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Nhà trường xác định được nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Nhà trường đã ban hành quy định về đào tạo, bồi dưỡng VC và người lao động làm việc tại Trường ĐHTB để quản lý và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng CBGV-NV. Quy định này được chỉnh sửa, bổ sung năm 2020 [H06.5.01]. Trong đó, quy định cụ thể về quy trình xây dựng và thực hiện KH đào tạo, bồi dưỡng; mục tiêu, nguyên tắc, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; quy định điều kiện, trách nhiệm, quyền lợi của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; quy trình, thủ tục và xử lý vi phạm về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức. Ngoài các điều kiện chung theo quy định của Nhà nước thì viên chức, GV của Trường khi được cử đi đào tạo sau đại học phải đảm bảo các điều kiện về chuyên ngành đăng kí đi đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, cam kết thực hiện nhiệm vụ sau khi hoàn thành CTĐT (trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo, kể cả thời gian kéo dài). Việc đào tạo, bồi dưỡng còn xuất phát từ nhu cầu từng cá nhân và nhu cầu của các phòng ban chức năng liên quan theo lĩnh vực, đề xuất theo chuyên môn, chuyên ngành. Căn cứ vào CTĐT của các khoa để xác định được nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, phòng TCCB, TT&KĐCL tham mưu với Nhà trường gửi thông báo đề nghị các khoa rà soát, đăng ký nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đến từng cá nhân GV [H06.5.02]. Khoa tổ chức hợp triển khai cho GV đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và tổng hợp danh sách gửi về phòng TCCB, TT&KĐCL. Trên cơ sở báo cáo nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của từng đơn vị, phòng TCCB, TT&KĐCL tổng hợp danh sách nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng. Nhà trường tiến hành họp xét để cử đi đào tạo bồi dưỡng căn cứ vào nhu cầu ưu tiên trọng điểm phát triển của Nhà trường [H06.5.03]. KH đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của Trường ban hành phù hợp với mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực của CLPT và KH thực hiện CLPT Trường ĐHTB giai đoạn 2018 - 2021, tầm nhìn đến năm 2030; rà soát, điều chỉnh giai đoạn 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H06.5.04].

Nhà trường triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV như cử CBGV đi đào tạo, bồi dưỡng: T.S, Th.S; lý luận chính trị, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, lãnh đạo cấp phòng; nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên ĐH, CĐ; ứng dụng CNTT cơ bản; đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính (hạng II); cử CBGV dự các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức các hội thảo, semina để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm. Cùng với đó là quá trình tự đào tạo do CBGV, NV có nhu cầu theo học các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc sau đại học và nộp chứng chỉ, chứng nhận về phòng TCCB, TT&KĐCL sau mỗi khóa đào tạo. Trong giai đoạn 2020 - 2024, căn cứ vào đề xuất của Khoa, Trường đã cử 04 GV của khoa đi học NCS, có 5 GV đi học văn bằng 2 tiếng anh, nhiều lượt GV tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Các KH về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây

dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của CTĐT ngành TCNH và CLPT nguồn nhân lực của Nhà trường như: đào tạo nâng bậc ngoại ngữ 03 GV; bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm dành cho GV giảng dạy ĐH, CĐ là 03 GV; bồi dưỡng tiêu chuẩn Chức danh nghề nghiệp GV chính hạng II là 15 người; bồi dưỡng Lý luận chính trị: 04 người có trình độ trung cấp Lý luận chính trị, 01 người có trình độ cao cấp Lý luận chính trị, 15 người nâng hạng lên GV chính, 100% GV tham gia tập huấn, tham gia hội thảo về lĩnh vực TCNH [H06.5.05]. 100% GV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo KH của Khoa và của nhà trường.

Công tác giám sát việc thực hiện KH đào tạo bồi dưỡng của GV trong Khoa được tiến hành hằng năm. Cụ thể: Đối với các GV đi học tập nâng cao trình độ phải báo cáo KQHT (kèm bảng điểm có xác nhận của CSGD) trước thời điểm đánh giá phân loại viên chức và bình xét danh hiệu thi đua năm học. Khoa tiến hành báo cáo về việc thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nộp phòng TCCB, TT&KĐCL. Phòng TCCB, TT&KĐCL được giao nhiệm vụ giám sát, đánh giá việc thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng CB, GV và tổng hợp trong báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường [H06.5.06].

Hằng năm nhà trường đều tổ chức tập huấn đầu năm học để toàn thể GV cập nhật các văn bản mới về lĩnh vực đào tạo. Theo yêu cầu của CTĐT ngành TCNH, để cập nhật kịp thời thông tin tài chính, tăng cường hướng dẫn SV thực hành bên cạnh các KH đào tạo, bồi dưỡng chung của Nhà trường, kkhóa KT&QT đã xây dựng KH, đề xuất nhà trường cử GV tăng cường đi thực tế, tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn, tham gia các hội thảo về lĩnh vực TCNH, tham dự hội nghị đối thoại về chính sách thuế... [H06.5.07].

2. Điểm mạnh

Quy định về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của CTĐT, CLPT đội ngũ của Nhà trường.

Trường đã có các hoạt động và chính sách hỗ trợ cho GV đi đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn.

Đội ngũ GV của Khoa có ý thức và luôn chủ động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD

1. Mô tả

Trên cơ sở chương trình công tác cả năm của Nhà trường, Khoa xây dựng KH về phân công giảng dạy, nhiệm vụ NCKH và các nhiệm vụ chuyên môn khác như GVCN/CVHT, sinh hoạt chuyên đề, hướng dẫn TTTN, xây dựng ngân hàng đề thi, rà soát, điều chỉnh CTĐT,... Trên cơ sở đó khoa thực hiện theo dõi, báo cáo tiến độ theo KH của Khoa và Nhà trường và các hoạt động chuyên môn khác. Căn cứ trên lịch cụ thể của Khoa, từng GV trong Khoa đều có lịch giảng dạy riêng và kế hoạch thực hiện số giờ NCKH của mình thông qua việc thực hiện các đề tài NCKH hoặc kế hoạch viết báo, kế hoạch tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, rà soát chỉnh sửa CTĐT, biên soạn đề thi... Đặc biệt, kế hoạch giảng dạy của mỗi GV đều được nhà trường quản lý trên phần mềm cá nhân của mỗi GV. Các GV dễ dàng truy cập để xem lịch công tác và giảng dạy của mình. Do đó, tất cả GV đều có KH cụ thể để hoàn thành công việc của mình trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành. Điều này đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhà trường cũng như ban lãnh đạo Khoa có thể thực hiện phân công công việc phù hợp đối với từng GV và dễ dàng theo dõi giám sát đánh giá quá trình làm việc của từng GV trong khoa. **[H06.6.01], [H06.6.02], [H06.6.03], [H06.6.04], [H06.6.05] [H06.6.06].**

Đầu mỗi năm học, dựa trên KH công tác năm học của Khoa, Khoa tiến hành phân công nhiệm vụ cho từng GV. Cuối năm học, theo thông báo của Nhà trường, Khoa yêu cầu các GV tự kê khai khối lượng công việc của cá nhân theo thực tế thực hiện bao gồm khối lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác, nộp về Khoa tổng hợp và nghiệm thu, đây cũng là căn cứ để bình xét danh hiệu thi đua tại Hội đồng cấp Khoa **[H06.6.07], [H06.6.08]**, Bảng kê khai giờ giảng của từng GV và bảng tổng hợp của toàn Khoa được gửi về phòng ĐT&HSSV, bảng kê khai giờ NCKH của từng GV; bảng tổng hợp của toàn Khoa được gửi về phòng KHCN&HTPT. Kết quả nghiệm thu của Hội đồng được thông báo công khai về các đơn vị và từng CBGV, đây cũng là căn cứ để thanh toán tiền vượt giờ cho GV và bình xét danh hiệu thi đua hằng năm **[H06.6.09], [H06.6.10]**. Các KH trên đều được thông báo trên mạng liên thông văn phòng nội bộ.

Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và công tác thi đua khen thưởng được tổ chức bài bản, khách quan và công bằng. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh, Nhà trường ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHTB để ghi nhận công hiến, hiệu quả công việc của CBGV, NV **[H06.6.11]**. Về đánh giá công việc hằng năm được thực hiện đánh giá kết quả công việc của CBGV, NV vào cuối năm một cách công khai, minh bạch theo đúng các bước quy định: CBGV, NV tự đánh giá; khoa, phòng đánh giá góp ý cho từng cá nhân tại cuộc họp của các đơn vị **[H06.6.12], [H06.6.13], [H06.6.14], [H06.6.15]**. Hội đồng thi đua khen thưởng Trường họp đánh giá và biểu quyết phân loại cho các tập thể, cá nhân **[H06.6.16]**, thông báo kết quả họp của hội đồng trên mạng văn phòng liên thông nội bộ và gửi trực tiếp đến các đơn vị. Toàn bộ kết quả đánh giá phân loại của CBVC hằng năm, lưu trữ tại phòng TCCB, TT&KĐCL **[H06.6.17], [H06.6.18]**.

**Bảng 6. 1. Bảng kết quả đánh giá phân loại CBGV – NV của khoa KT&QT
giai đoạn từ năm 2020 – 2024**

Năm	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành nhiệm vụ	Không hoàn thành nhiệm vụ	Không bình xét
2020	8	22	3	0	1
2021	10	19	1	0	0
2022	17	11	4	0	0
2023	7	25	1	0	0
2024	18	13	1	0	0
Tổng số	60	90	10	0	0

Kết quả đánh giá CBGV, NV là căn cứ quan trọng trong công tác thi đua khen thưởng, kỉ luật. Nội dung này được quy định tại Điều 8,9,10,11, 12,13,14 tại chương II và chương III trong quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHTB **[H06.6.11]**. Dựa trên kết quả đánh giá tập thể, cá nhân của đơn vị, hội đồng thi đua khen thưởng tiến hành bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với từng tập thể và cá nhân của Trường **[H06.6.18]**.

Bảng 6. 2. Bảng kết quả công tác thi đua khen thưởng khoa KT&QT giai đoạn từ năm 2020 – 2024

Năm học	Chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh	Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở	Lao động tiên tiến	Khen thưởng cấp Bộ	Khen thưởng cấp Tỉnh	Danh hiệu tập thể của Khoa
2019-2020	0	6	22	0	0	Tập thể LĐTT
2020-2021	0	6	23	0	2	Tập thể LĐTT
2021-2022	0	4	20	0	2	Tập thể LĐTT
2022 – 2023	0	5	25	0	2	Tập thể LĐTT
2023- 2024	0	11	21	0	2	Tập thể LDXS
Tổng số lượt trong 5 năm	0	32	111	0	8	

Trong quy định đánh giá, phân loại VC và người lao động Trường ĐHTB đã quy định kết quả đánh giá được sử dụng làm căn cứ trong việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả đánh giá, phân loại là căn cứ quan trọng để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chính sách khác đối với VC và người lao động. Việc đánh giá, khen thưởng kịp thời, công khai, minh bạch đã khuyến khích tạo động lực cho GV trong Khoa phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Kết quả hàng năm 100% GV

trong Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Một số GV đã được nâng lương trước thời hạn vì đã có thành tích tốt trong công tác giảng dạy và NCKH [H06.6.19]. Tính đến tháng 12/2024, chưa có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá của Khoa và Nhà trường, qua ý kiến khảo sát hàng năm của GV trong khoa về công tác thi đua khen thưởng đều nhận được mức độ hài lòng khá cao từ 76,1% đến trên 80% [H06.6.20] [H06.6.21]. Công tác thi đua khen thưởng đã góp phần khuyến khích, động viên GV tích cực tham gia các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, Khoa đều xây dựng được kế hoạch năm học của đơn vị, phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi GV. Trên cơ sở đó có căn cứ để đánh giá, quản lý được việc thực hiện nhiệm vụ đối với GV và đề xuất thi đua khen thưởng. Nhà trường có hệ thống văn bản đánh giá thi đua khen thưởng rõ ràng, được công khai minh bạch.

CBGV hài lòng về công tác thi đua khen thưởng của Khoa và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ GV nhận khen thưởng cấp cao còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Với khí thế và sự quyết tâm của tập thể, CBGV trong Khoa, từ năm học 2025 - 2026, Khoa đặt mục tiêu: Tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 100% CBGV hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó 15% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tỷ lệ GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trên 30%, 1-2 GV đạt danh hiệu khen thưởng cấp tỉnh trở lên.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được quy định cụ thể trong Quyết định số 358/QĐ-ĐHTB ban hành ngày 18/5/2023 về quản lý nhiệm vụ KH&CN. Các loại hình nhiệm vụ KH&CN (Điều 4) bao gồm: Chủ trì/tham gia các đề tài/dự án khoa học; Biên soạn sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu tham khảo; Công bố các ấn phẩm khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, tham luận tại các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước; Hướng dẫn và đánh giá kết quả NCKH của SV; Tham gia các hội đồng khoa học; Tham gia cuộc thi Sáng tạo KH&CN và Kỹ thuật tinh và các cuộc thi khác về KH&CN; Thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức, CGCN; Tài sản sở hữu trí tuệ; Biên soạn ngân hàng câu hỏi và bộ đề thi; Tham gia các hội đồng chấm luận văn Th.S, luận án T.S; Tham gia phản biện các ấn phẩm khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, tham dự các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước. Về số lượng NCKH: Nhà trường cũng quy định NCKH là nhiệm vụ bắt buộc của GV, nếu trong năm học, GV thiếu giờ chuẩn NCKH thì phải bù giờ chuẩn giảng dạy sang để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ NCKH của GV. GV phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ NCKH. Định mức giờ chuẩn NCKH đối với các chức danh GV được thể hiện rõ ở điều 7 chương 2 trong quy định về quản lý nhiệm

vụ khoa học và công nghệ của trường đại học Thái Bình năm 2023: GS: 800 giờ, PGS 750 giờ, GV cao cấp 700 giờ, GV chính 650 giờ, GV 600 giờ, GV tập sự: 300 giờ. **[H06.7.01]**. Các GV kiêm nhiệm lãnh đạo, quản lý tại các khoa giảng dạy phải thực hiện định mức NCKH theo tỉ lệ như tỉ lệ trong định mức giảng dạy. Các GV đảm nhận công tác tại các đơn vị khối quản lý và phục vụ không bị ràng buộc định mức giờ NCKH và Nhà trường khuyến khích các đối tượng này tham gia NCKH **[H06.7.01]**. Hằng năm trường triển khai KH hoạt động KHCN của CBGV **[H06.7.02]**, thông báo đăng ký nhiệm vụ NCKH, viết bài đăng trên tập san của trường **[H06.7.03]**, **[H06.7.04]**. Các đơn vị triển khai cho CBGV đăng ký NCKH họp hội đồng khoa học trường để xét duyệt và ban hành quyết định giao đề tài NCKH trong năm **[H06.7.05]**. Trong 5 năm qua tổng số lượt đề tài được giao của khoa KT&QT gồm: 103 đề tài cấp khoa, 55 đề tài cấp trường **[H06.7.06]**, các đề tài đều được thực hiện đúng tiến độ theo KH, GV đều đủ và vượt định mức giờ NCKH **[H06.7.07]**.

Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của CBGV được giám sát chặt chẽ theo phân cấp quản lý, được quy định tại Quyết định số 358/QĐ-ĐHTB ban hành năm 2023 quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN. Hệ thống giám sát hoạt động KHCN của GV bao gồm tất cả các đơn vị, đoàn thể của Nhà trường, trong đó, phòng KHCN & HTPT là đơn vị đầu mối chủ trì, tham mưu cho Nhà trường xây dựng hệ thống văn bản chi tiết về các loại hình và hoạt động NCKH bao gồm các quy định hướng dẫn về đề tài nghiên cứu, kinh phí hỗ trợ cho NCKH, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành định mức NCKH thông qua các loại hình nghiên cứu mà GV đăng ký thực hiện trong năm học **[H06.7.01]**. Phòng KHCN&HTPT tham mưu Nhà trường xây dựng KH hoạt động NCKH là cơ sở để CBGV xác định nhiệm vụ và đề tài nghiên cứu **[H06.7.02]**. Để thực hiện triển khai các KH hoạt động NCKH: Căn cứ vào quy định về quản lý nhiệm vụ KH&CN, căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ **[H06.7.08]**, căn cứ vào thông báo đăng ký đề tài NCKH phòng KHCN&HTPT kết hợp với phòng KHTC tiến hành lập dự thảo dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động KHCN hằng năm **[H06.7.09]**, **[H06.7.10]**. Phòng KHCN&HTPT tập hợp, tham mưu họp Hội đồng KH&ĐT xét duyệt các nhiệm vụ KH&CN **[H06.7.05]**. Hằng năm, Nhà trường thống kê KQ hoạt động NCKH của CBGV làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với CBGV đạt thành tích cao trong NCKH **[H06.7.11]**. Cơ sở dữ liệu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của CBGV được lưu giữ và cập nhật hằng năm tại phòng KHCN&HTPT. Danh sách sản phẩm khoa học được thông báo công khai đến từng đơn vị và CB, GV và được gửi qua mạng văn phòng của Nhà trường **[H06.7.12]**. Hằng năm, khi tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ năm học, Khoa đã rà soát kết quả NCKH của GV cũng như xây dựng phương hướng hoạt động NCKH cho năm học tiếp theo. Hoạt động NCKH của GV cấp khoa được giám sát và ĐBCL thông qua Hội đồng KH&ĐT cấp khoa từ đề xuất danh mục đề tài, thuyết minh đề tài/đề cương giáo trình, tài liệu tham khảo, đến nghiệm thu kết quả các sản phẩm khoa học. Kết thúc năm học, sản phẩm khoa học cấp khoa được lưu trữ tại Khoa **[H06.7.13]**.

Trong giai đoạn 2020 - 2024, loại hình và số lượng NCKH của GV cơ hữu của Khoa ngày càng đa dạng và tăng về mặt số lượng: Có 242 sản phẩm NCKH gồm: 01 đề tài NCKH cấp quốc gia, 03 đề tài NCKH cấp tỉnh, 55 đề tài NCKH cấp trường, 103 đề tài NCKH cấp khoa, 65 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và 07 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế, 8 sách chuyên khảo. Có thể thấy, nhờ chính sách hỗ trợ, khuyến khích kịp thời của Khoa và Nhà trường, số lượng các sản phẩm NCKH của GV Khoa có xu hướng tăng qua các năm. Việc biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo cũng được cải thiện, chất lượng các sản phẩm khoa học cũng có sự phát triển rõ rệt thể hiện qua sự gia tăng về các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành và các tập bài giảng cấp khoa đã được nghiên cứu nâng cấp thành giáo trình nghiệm thu cấp trường. Nhiều sản phẩm khoa học của GV Khoa đã được hỗ trợ kinh phí thực hiện là một cơ sở quan trọng thúc đẩy GV tích cực trong hoạt động nghiên cứu và cải tiến chất lượng các sản phẩm khoa học [H06.7.06]. 100% GV trong khoa đều hoàn thành nhiệm vụ NCKH theo đăng ký đầu năm học. Khoa đã thực hiện đối sánh về loại hình, số lượng các sản phẩm NCKH của CB, GV trong từng năm học. Kết quả cho thấy, số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa và cấp trường đều tăng về số lượng, sản phẩm khoa học của GV Khoa đa dạng về loại hình, vượt trội so với các năm trước về số lượng bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước. Khoa và các nhóm nghiên cứu thuộc Khoa thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học để thảo luận các nội dung chuyên môn. Đặc biệt trong 6 tháng đầu năm 2025 khoa KT&QT có 92 bài báo được đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước [H06.7.14]. Tuy vậy, bài báo khoa học của giảng viên được đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và nhiều GV chưa tham gia chủ nhiệm các đề tài cấp cao hơn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có văn bản quy định chi tiết về các loại hình và hoạt động NCKH. Số lượng và loại hình các sản phẩm khoa học của Khoa có sự phát triển và đa dạng hơn qua các năm. Có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành và sách được xuất bản.

Việc tổ chức theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ NCKH được diễn ra thường xuyên, kịp thời. Trường yêu cầu đánh giá kết quả NCKH thông qua bảng kê khai giờ NCKH, đây là một trong những chỉ số quan trọng nhất để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như bình xét danh hiệu thi đua đối với mỗi cá nhân viên chức, GV.

3. Điểm tồn tại

Bài báo khoa học của giảng viên được đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và nhiều GV chưa tham gia chủ nhiệm các đề tài cấp cao hơn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025 - 2026, Khoa nghiên cứu đề nghị nhà trường có cơ chế chính sách khuyến khích GV viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế và tham gia các đề tài cấp cao hơn về lĩnh vực TCNH

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 6: Thực hiện CLPT nguồn nhân lực của trường ĐHTB, Khoa KT&QT luôn coi trọng công tác phát triển đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Những năm qua, Nhà trường đã ban hành các quy định, quy chế rõ ràng, chặt chẽ, công khai, minh bạch về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBGV, NV của Nhà trường. Việc quản trị theo kết quả công việc được thực hiện hiệu quả đã tạo động lực cho GV của Khoa hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của CTĐT ngành TCNH. Tuy nhiên, tỷ lệ GV có trình độ TS còn thấp. Do đó, Khoa cần có KH và giải pháp để thúc đẩy GV đi học NCS cũng như tham gia các kỳ thi nâng ngạch GV. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH bậc DH tự đánh giá tiêu chuẩn 6 có 5/7 tiêu chí đạt 5/7, 2/7 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu: Đội ngũ NV - CB hỗ trợ đóng vai trò rất quan trọng trong nhiều hoạt động của Trường, bao gồm đội ngũ NV làm việc tại các phòng, ban, trung tâm như Phòng ĐT&HSSV, phòng KHCN&HTPT, phòng CSVC&TV, ...và NV hỗ trợ tại các khoa (giáo vụ khoa). Nhà trường rất quan tâm và chú trọng tới đội ngũ NV hỗ trợ cho Khoa KT&QT nói riêng và toàn Trường nói chung bằng cách hằng năm vẫn luôn chú trọng đến việc quy hoạch, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ NV nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển đều được xác định và phổ biến công khai. Năng lực của đội ngũ NV đều được xác định và đánh giá rõ ràng. Bên cạnh đó, nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ NV (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ

1. Mô tả

Việc quy hoạch đội ngũ CB thư viện, phòng thực hành, CB công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ tại Trường ĐHTB đã được thực hiện bài bản, có phân tích nhu cầu về đội ngũ nhằm đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH, PVCĐ. Điều này được thể hiện rõ trong CLPT Nhà trường các giai đoạn, với quy hoạch đội ngũ NV hỗ trợ phải đảm bảo về chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với Nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường. [H07.1.01], đồng thời năm 2022, nhà trường ban hành quyết định về việc công bố tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục Trường ĐHTB [H07.1.02]. Nhà trường đã lên kế hoạch CLPT nhân sự cho từng giai đoạn. Khoa KT&QT cũng đã triển khai, xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để thực hiện chiến lược của Nhà trường, trong đó nhấn mạnh trên cơ sở thực tế và nhu cầu phát triển của Nhà trường, Khoa KT&QT cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, xây

dựng đội ngũ CBNV có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, có khả năng hoàn thành tốt công việc, đáp ứng mục tiêu phát triển của Khoa và Nhà trường **[H07.1.03]**. Đồng thời căn cứ vào quy định và hướng dẫn cụ thể của tỉnh về công tác quy hoạch cán bộ, trường ĐHTB xây dựng kế hoạch rà soát, bổ sung, quy hoạch các chức danh theo từng giai đoạn **[H07.1.04]**. Việc quy hoạch, sắp xếp NV tại các đơn vị của Nhà trường là hợp lý, phù hợp với đặc điểm công việc của các đơn vị.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn cấp trên, Quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐHTB **[H07.1.05]**, trên cơ sở đánh giá thực trạng số lượng viên chức, người lao động; dự báo nhu cầu về đội ngũ NV, Nhà trường xây dựng đề án vị trí việc làm **[H07.1.06]**. Trong đó, xác định đúng, đủ, chính xác danh mục vị trí việc làm trong từng đơn vị; có bản mô tả công việc và khung năng lực cụ thể cho từng vị trí việc làm, làm căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch đánh giá, bổ nhiệm đối với viên chức, người lao động, nâng cao chất lượng đội ngũ **[H07.1.07]**. Mỗi vị trí được tuyển dụng đều được lưu hồ sơ lý lịch tại phòng TCCB, TT&KĐCL **[H07.1.08]**.

Nhà trường có các văn bản quy định về chính sách tuyển dụng, phát triển đội ngũ NV. Có các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, như đối với chuyên viên là cán bộ hành chính phải có bằng đại học trở lên, có trình độ ngoại ngữ (có chứng chỉ/chứng nhận bậc 2 theo khung năng lực 6 bậc), có chứng chỉ tin học theo TT03 **[H07.1.09]**, **[H07.1.10]**. Bên cạnh các tiêu chí về tuyển dụng, Nhà trường cũng có các chính sách thu hút, phát triển đội ngũ NV như trong quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm đã quy định mức phụ cấp ưu đãi đối với CB, NV khối hành chính **[H07.1.11]**. Xây dựng các tiêu chí riêng đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của NV theo năm để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tăng lương **[H07.1.12]**. Đây là tiền đề thu hút các ứng viên tâm huyết tham gia vào tuyển dụng hằng năm của Nhà trường.

Tại các bộ phận hỗ trợ, phục vụ, trưởng các đơn vị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch năm và kế hoạch dài hạn cho đội ngũ CB của đơn vị mình. Dựa vào khối lượng công việc đảm nhận và kế hoạch đào tạo cán bộ, độ tuổi nghỉ hưu, trưởng đơn vị sẽ xác định được nhu cầu về đội ngũ NV ở đơn vị mình, đề xuất bổ sung nhân sự. Phòng TCCB, TT&KĐCL sẽ tổng hợp báo cáo BGH xin chủ trương tuyển dụng hợp đồng lao động hoặc bổ sung nhân sự **[H07.1.13]**; **[H07.1.14]**.

Trong 5 năm qua, công tác quy hoạch đội ngũ NV tại các đơn vị được dựa trên các phân tích dự báo nhu cầu nhân lực trong các văn bản về CLPT; Đề án vị trí việc làm; trong định biên về nhân lực đội ngũ của Trường ĐHTB; Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng hoạt động năm học tiếp theo **[H07.1.01]**, **[H07.1.06]**; **[H07.1.15]**. Cho đến nay công tác quy hoạch phát triển đội ngũ NV được thực hiện bài bản.

Căn cứ nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, thông qua CLPT Trường từng giai đoạn, định hướng phát triển Trường trong các nhiệm kỳ Lãnh đạo,

quản lý, Trường đã có sự phân tích nhu cầu nhân lực chuyên viên hỗ trợ để có thể thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển, chấm dứt hợp đồng, đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo đủ về số lượng và đáp ứng về chất lượng. 100% NV làm việc tại thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đáp ứng các tiêu chuẩn quy định về trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngoài các vị trí đặc thù như y tế, bảo vệ, lái xe, vệ sinh tạp vụ, chăm sóc cây xanh; điện nước, âm thanh ánh sáng....; NV làm việc tại các phòng, trung tâm đều có bằng đại học trở lên phù hợp với vị trí việc làm.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ NV, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá CBVC, NLD về chất lượng môi trường làm việc, khảo sát SV về chất lượng môi trường học tập, trong đó có mức độ hài lòng về đội ngũ NV nhận được phản hồi tốt qua các cuộc khảo sát. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của GV và SV đối với sự hỗ trợ của đội ngũ nhân viên là trên 80%. Qua đó khẳng định việc sắp xếp, quy hoạch đội ngũ NV của nhà trường là hợp lý, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ, đồng thời từ đó đưa ra những chính sách thích hợp nhằm nâng cao hơn nữa vai trò của đội ngũ NV đối với chất lượng môi trường làm việc của Nhà trường. Hồ sơ khảo sát được lập khá chi tiết và tương đối đầy đủ. **[H07.1.16]; [H07.1.17]; [H07.1.18];[H07.1.19]; [H07.1.20].**

Tính đến ngày 30/6/2025 toàn trường có 85 NV làm việc tại văn phòng, các phòng chức năng, trung tâm và các khoa, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong đó tại Khoa KT&QT, đội ngũ nhân viên hỗ trợ hoạt động đào tạo có 01 nhân viên đảm nhận công tác Giáo vụ khoa, làm việc trong giờ hành chính theo quy định của Nhà nước, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của các đơn vị phòng ban. Với các văn bản ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường, đội ngũ NV luôn đáp ứng tốt nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, và các hoạt động PVCĐ. **[H07.1.21], [H07.1.22].**

Tóm lại việc quy hoạch sắp xếp NV tại các đơn vị khá phù hợp với đặc điểm, yêu cầu công việc tại các đơn vị, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ chung cho tất cả các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của khoa và nhà Trường. Với đội ngũ NV đó Nhà trường có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Tuy nhiên, khả năng ngoại ngữ của NV chưa cao, chưa đồng đều nên đôi khi còn hạn chế trong một số công việc và giao tiếp.

**Bảng 7. 1. Bảng thống kê số lượng, trình độ chuyên môn của đội ngũ NV
Trường ĐHTB (Số liệu tính đến ngày 30/06/2025)**

STT	Chuyên viên/NV hỗ trợ	Số lượng	Trình độ chuyên môn					
			Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Khác
1	Chuyên viên/NV hỗ trợ của Văn phòng	14	1	0	7	1	0	5
2	Chuyên viên/NV hỗ trợ của các phòng/trung tâm chức năng	58	5	3	33	8	0	9
3	Chuyên viên/trợ lý khoa hỗ trợ tại các khoa.	13	0	0	11	1	0	1
	Tổng	85	6	3	51	10	0	15

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ nhân viên tại các bộ phận có trình độ đáp ứng nhu cầu, có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, hỗ trợ đủ về số lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu; tận tình hỗ trợ sinh viên học tập, NCKH, rèn luyện và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn tốt, tuy nhiên khả năng ngoại ngữ của đội ngũ NV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa số lượng và chất lượng đội ngũ NV: Tăng tỉ lệ đội ngũ NV có tính chuyên nghiệp cao, hỗ trợ kinh phí, khuyến khích NV học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ và thi các chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, Điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ NV, Nhà trường, Khoa, các bộ phận liên quan đã rất chú trọng đến công tác tuyển dụng và tuyển chọn. Trường ĐHTB đã xây dựng các quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được quy định ở đề án vị trí việc làm [H07.2.01], đồng thời cũng được thể hiện trong Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường [H07.2.02]. Trong đó, đã cụ thể hóa các tiêu chí về tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị, độ tuổi, sức khỏe,... đồng thời phù hợp với vai trò chức năng của từng vị trí được thể hiện qua bản mô tả công việc của NV [H07.2.03] và đề án vị trí việc làm của nhà Trường [H07.2.01]. Ngoài ra, căn cứ vào yêu cầu thực tế tại các đơn

vị khi cần bổ sung nhân sự, trong các kế hoạch, thông báo tuyển dụng hằng năm của Nhà trường cũng thể hiện rõ các tiêu chí tuyển dụng **[H07.2.04]; [H07.2.05]**.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV tại Trường ĐHTB được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích, khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các bên liên quan, gồm GV, NV, CB quản lý về các tiêu chí tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển NV. Hầu hết các văn bản của Nhà trường về tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển NV trước khi ban hành đều được lấy ý kiến của các đơn vị thông qua các cuộc họp và thông qua phiếu khảo sát CBVC về Môi trường làm việc **[H07.2.06], [H07.2.07]**. Các bước tuyển dụng của nhà Trường được thực hiện một cách bài bản, công khai, minh bạch, tuân thủ đúng quy định, xuất phát từ nhu cầu thực tế các đơn vị lập tờ trình yêu cầu bổ sung nhân sự cho đơn vị mình **[H07.2.08]**. Căn cứ vào tờ trình của các đơn vị phòng TCCB, TT & KĐCL tổng hợp báo cáo BGH **[H07.2.09]**. Sau đó việc tuyển dụng nhân sự được Nhà trường lập kế hoạch, thông báo công khai đến các đơn vị phòng khoa và phương tiện thông tin đại chúng cũng như công khai trên trang web của Nhà trường **[H07.2.05]**. Tiếp theo BGH tổ chức họp và ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng nhân sự và Ban rà soát hồ sơ **[H07.2.10]**. Ban rà soát hồ sơ có trách nhiệm rà soát hồ sơ dự tuyển, lập biên bản họp tiểu ban rà soát hồ sơ tuyển dụng theo từng đợt **[H07.2.11]**. Các vị trí trúng tuyển sẽ được thông báo công khai **[H07.2.12]** và hoàn thiện hợp đồng lao động cho từng vị trí trúng tuyển **[H07.2.13]**. Đối với các đơn vị, bộ phận có NV cần tiêu chuẩn riêng, đặc thù về kỹ năng, nghề nghiệp, đều chủ động lập bản đăng ký đề xuất nhu cầu mô tả vị trí việc làm gửi về Trường. Cho đến nay tất cả các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại để hỗ trợ và phục vụ cho Nhà trường đều được quy định rõ ràng và được xác định dựa trên khung năng lực vị trí việc làm của Nhà trường và khảo sát nhu cầu của các đơn vị hằng năm đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

Đồng thời, tất cả các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV tại trường ĐHTB đều được phổ biến tới toàn thể CB, GV, NV và được công khai bằng nhiều hình thức, trong đó bao gồm việc công khai trên website của nhà trường. **[H07.2.14]**. Tùy thuộc theo từng vị trí, khoa và Nhà trường luôn tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn về tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV. Trong các Kế hoạch, thông báo tuyển dụng các tiêu chí tuyển dụng đều được xác định một cách rõ ràng **[H07.2.04]; [H07.2.05]** như: Người đủ 18 tuổi trở lên, có quốc tịch Việt Nam, có hồ sơ dự tuyển, lý lịch rõ ràng, có đủ sức khỏe để thực hiện công việc và đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của mỗi vị trí nhất định, có đầy đủ văn bằng, chứng chỉ đào tạo theo tiêu chuẩn vị trí việc làm: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với vị trí làm việc tại các đơn vị hành chính, có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 (khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo thông tư 01/2014/TT-BGDĐT) hoặc tương đương, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư 03/2014/TT- BTTTT ngày 11/3/2014. Các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV đều được lưu trữ tại phòng TCCB, TT & KĐCL **[H07.2.15], [H07.2.16]**.

Tóm lại, các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV rõ ràng, đúng quy trình, và được công khai bằng nhiều hình thức. Tiêu chí tuyển dụng được thể hiện rõ trong thông báo tuyển dụng, tuy nhiên việc triển khai thông báo tuyển dụng hiện nay còn tập trung vào một số kênh truyền thống, thiếu sự đa dạng và đổi mới trong phương thức truyền thông, làm giảm khả năng tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao.

Bảng 7. 2. Bảng thống kê số lượng nhân viên được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều động giai đoạn 2020 – 2024

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng
1	Tuyển dụng	8	3	9	7	26	53
2	Điều động	12	15	12	4	30	73
3	Bổ nhiệm	13	12	8	2	17	52
4	Bổ nhiệm lại	9	5	4	0	1	19

Tại khoa KT&QT trong giai đoạn kiểm định không tuyển dụng mới Giáo vụ khoa nhưng có thực hiện 3 lần điều động nhân sự **[H07.2.17]**.

2. Điểm mạnh:

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích ý kiến của các bên liên quan, đồng thời được phổ biến và công khai bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại:

Việc triển khai thông báo tuyển dụng hiện nay còn tập trung vào một số kênh truyền thống, thiếu sự đa dạng và đổi mới trong phương thức truyền thông, làm giảm khả năng tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao.

4. Kế hoạch hành động:

Để nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút nhân sự, từ năm học 2025-2026, Nhà trường cần đổi mới và ứng dụng các phương thức thông báo tuyển dụng hiện đại, phù hợp với xu hướng truyền thông số, từ đó tiếp cận hiệu quả hơn với nguồn nhân lực chất lượng cao.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ NV được xác định và được đánh giá

1. Mô tả:

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV. Điều đó được thể hiện chi tiết trong Kế hoạch đánh giá và xếp loại viên chức, người lao động của nhà trường. Hằng năm căn cứ vào hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức của cấp trên, Trường ĐHTB xây dựng kế hoạch đánh giá xếp loại viên chức, người lao động, trong đó thể hiện rõ quy trình đánh giá gồm 5 bước: Bước 1, viên chức, người lao động tự đánh giá, xếp loại chất lượng; bước 2, các đơn vị thực hiện nhận xét, đánh giá người lao động; bước 3, trưởng các đơn vị xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức; bước 4, các đơn vị tổng hợp hồ sơ đánh giá xếp loại chất lượng viên chức, người lao động thuộc đơn vị mình gửi về phòng TCCB, TT&KĐCL

đề báo cáo hội đồng nhà trường; bước 5, Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng nhà trường hợp, thông qua kết quả đánh giá, xếp loại viên chức các đơn vị. Đồng thời trong kế hoạch đánh giá xếp loại viên chức cũng chỉ rõ các tiêu chí đánh năng lực đội ngũ NV của nhà trường bao gồm 5 tiêu chí chung: Về chính trị tư tưởng, về đạo đức lối sống, về tác phong lề lối làm việc, về tổ chức ý thức kỷ luật và về kết quả thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ được giao **[H07.3.01]**.

Các NV được trường đơn vị phân công công việc dựa trên cơ sở kinh nghiệm thực tế và năng lực chuyên môn của mỗi NV đã trải qua hoặc đã được đào tạo. Khung cấp độ xác định yêu cầu về nhóm năng lực đối với vị trí việc làm của Nhà trường được thể hiện trên đề án vị trí việc làm **[H07.3.02]**.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ NV về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các cấp khác nhau như: Bình xét thi đua hằng năm của đơn vị, thông qua hội đồng thi đua cấp đơn vị, cấp trường, qua các đại hội cán bộ viên chức hằng năm để đánh giá thi đua và thông qua khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan. Cuối mỗi năm, căn cứ vào hướng dẫn đánh giá, xếp loại của Sở nội vụ, Nhà trường ban hành, triển khai kế hoạch đánh giá xếp loại VC, người lao động **[H07.3.01]**, căn cứ vào kế hoạch đánh giá, các đơn vị triển khai đánh giá NV về năng lực chuyên môn nghiệp vụ và gửi kết quả về nhà trường **[H07.3.03]**, **[H07.3.04]**. Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng VC, người lao động được đưa ra sau khi họp Hội đồng xếp loại VC. **[H07.3.05]**; **[H07.3.06]**. Để từ đó có sự khen thưởng, động viên và ghi nhận kịp thời đối với những cá nhân có nhiều đóng góp cho đơn vị. Đảng ủy, Công đoàn tiến hành tổng kết những kết quả đạt được, tuyên dương khen thưởng kịp thời những tập thể và cá nhân đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua, lao động tiên tiến, gương mặt trẻ tiêu biểu và được nâng lương trước thời hạn **[H07.3.07]**, **[H07.3.08]** **[H07.3.09]**, **[H07.3.10]**.

Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV Trường ĐHTB hàng năm đều được đánh giá là tốt, được thể hiện thông qua kết quả đánh giá phân loại viên chức, kết quả đánh giá hàng năm 100% NV toàn trường đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Trong đó, trên 90% đạt mức hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tuy nhiên tỷ lệ nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là chưa cao **[H07.3.06]**.

**Bảng 7. 3. Bảng thống kê kết quả đánh giá chất lượng đội ngũ nhân viên
giai đoạn 2020 – 2024**

STT	Xếp loại	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		SL	TL	S L	TL	S L	TL	SL	TL	SL	TL
1	HT xuất sắc nhiệm vụ	15	18,8%	19	24,4%	17	20,7 %	13	15,9 %	6	6,6%
2	HT tốt nhiệm vụ	64	80,0%	59	75,6%	62	75,6 %	62	75,6 %	71	78,0 %
3	HT nhiệm vụ	0	0,0%	0	0,0%	2	2,4%	1	1,2%	2	2,2%
4	Không HT nhiệm vụ	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
5	Không xếp loại	1	1,3%	0	0,0%	1	1,2%	6	7,3%	12	13,2 %
Tổng		80	100%	78	100%	82	100%	82	100%	91	100%

Đối với NV đảm nhận vị trí Giáo vụ khoa tại khoa KT&QT trong giai đoạn kiểm định đều đạt mức xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó năm học 2023 – 2024 có 01 NV đạt danh hiệu CS thi đua cấp cơ sở.

Qua khảo sát ý kiến đánh giá của CB, GV, SV về năng lực phục vụ của đội ngũ NV tại Trường ĐHTB được đánh giá là tốt. **[H07.3.11], [H07.3.12], [H07.3.13]**. Hàng năm nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá cán bộ VC, NLD về chất lượng môi trường làm việc, khảo sát SV về chất lượng môi trường học tập, trong đó có mức độ hài lòng về đội ngũ NV nhận được phản hồi tốt qua các cuộc khảo sát. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của GV và SV đối với sự hỗ trợ của đội ngũ NV là trên 80%. Căn cứ kết quả khảo sát giúp nhà trường thu thập được ý kiến đánh giá của các bên liên quan đặc biệt là từ SV và GV, từ đó thực hiện việc cải tiến hoạt động của một số bộ phận, phòng ban chức năng cho phù hợp.

2. Điểm mạnh

Trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV, năng lực của đội ngũ NV làm việc tại các khoa, phòng, trung tâm đều đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ.

3. Điểm tồn tại:

Tỷ lệ NV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường có cơ chế chính sách khuyến khích cán bộ NV đảm bảo đủ tiêu chí để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên

được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả:

Trường ĐHTB rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV. Trong chiến lược và KH thực hiện CLPT Trường ĐHTB giai đoạn 2018-2021, tầm nhìn 2030 và chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 đã xác định tập trung đầu tư cho lĩnh vực con người, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong đó có đội ngũ NV [H07.4.01]. Áp dụng theo quy định hiện hành, nhà trường đã triển khai đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV phục vụ hằng năm. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV ngành TCNH được thể hiện lồng ghép trong kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chung cho tất cả các CB, GV, NV trong toàn Trường.

Căn cứ vào báo cáo kết quả quá trình khảo sát lấy ý kiến đánh giá của CB, GV, NV, SV về hoạt động đảm bảo chất lượng tại Trường, về môi trường làm việc, ... để BGH trường có thể nắm được chất lượng phục vụ đào tạo từ CBNV, từ đó đã triển khai đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV phục vụ hằng năm cho hoạt động hỗ trợ người học, phục vụ cộng đồng [H07.4.02], [H07.4.03].

Phòng TCCB, TT&KĐCL chủ động xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong toàn trường thông qua rà soát hồ sơ hoặc tổ chức khảo sát trực tiếp nhu cầu NV ở các đơn vị, trong chu kỳ kiểm định nhà trường đã thực hiện khảo sát cán bộ hành chính về cơ sở vật chất trong đó có nội dung liên quan về nhu cầu bồi dưỡng và nâng cao trình độ của nhân viên giai đoạn năm 2020 – 2024 [H07.4.04], kết quả khảo sát được tổng hợp và lưu trữ tại phòng TCCB, TT&KĐCL. Sau đó, phòng TCCB, TT&KĐCL ra thông báo đăng ký gửi các đơn vị về học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ [H07.4.05] và tổng hợp nhu cầu, dự thảo KH đào tạo, bồi dưỡng VC và trình lãnh đạo Nhà trường phê duyệt và triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng CBGV, NV. Lãnh đạo các đơn vị căn cứ vào chiến lược phát triển của Nhà trường và nhu cầu thực tế của đơn vị mình, tự rà soát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV hỗ trợ, làm đề xuất gửi Phòng TCCB, TT&KĐCL. Phòng TCCB, TT&KĐCL rà soát và lập danh sách trình BGH phê duyệt. BGH sẽ căn cứ vào chỉ tiêu hàng năm của sở nội vụ phân bổ và ưu tiên các cán bộ trong quy hoạch đề cử đi đào tạo, bồi dưỡng trước [H07.4.06]

Ngoài các điều kiện chung theo quy định của Nhà nước thì CB, NV của Trường khi được cử đi đào tạo sau đại học phải đảm bảo các điều kiện về độ tuổi (không quá 45 tuổi đối với nữ, 50 tuổi đối với nam tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học), chuyên ngành đăng ký đi đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, cam kết thực hiện nhiệm vụ sau khi hoàn thành CTĐT (trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo, kể cả thời gian kéo dài). Việc đào tạo, bồi dưỡng còn xuất phát từ nhu cầu từng cá nhân và nhu cầu của các phòng ban chức năng liên quan theo lĩnh vực, đề xuất theo chuyên môn, chuyên ngành. Trên cơ sở thông báo, các đơn vị đề xuất nhu cầu học tập bồi dưỡng của đội ngũ NV trong đơn vị gửi về Phòng TCCB, TT&KĐCL tổng hợp, đề nghị Nhà trường

mở lớp hoặc cử đi học...các quyết định, biên bản cử đi học đều được lưu trữ tại phòng TCCB, TT&KĐCL **[H07.4.06], [H07.4.07], [H07.4.08]**.

Hằng năm, Nhà trường xây dựng KH đào tạo, thông báo về đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho NV phù hợp với mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực của CLPT và kế hoạch thực hiện CLPT Trường ĐHTB giai đoạn 2020 - 2024, tầm nhìn đến năm 2030; rà soát, điều chỉnh giai đoạn 2018 - 2021, tầm nhìn đến năm 2030 **[H07.4.01]**. Kế hoạch, thông báo được gửi tới các đơn vị để triển khai thực hiện cử CBNV đi đào tạo bồi dưỡng **[H07.4.05]**.

Căn cứ vào điều kiện, nhu cầu thực tế, Nhà trường triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV.

Bên cạnh bồi dưỡng chung của Trường, NV của các phòng chức năng còn tham gia các khóa đào tạo chuyên môn phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị. Trường cử CBNV đi đào tạo, bồi dưỡng: Tiến sĩ, thạc sĩ; lý luận chính trị, quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên viên chính, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, lãnh đạo cấp phòng; cử CBNV dự các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tổ chức các hội thảo, semina để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm Phòng TCCB, TT&KĐCL và phòng KHTC hướng dẫn các thủ tục đăng kí đi học, giải quyết các chế độ đối với các NV và trình Hiệu trưởng phê duyệt **[H07.4.08]**.

Danh sách cán bộ NV tham gia đào tạo, bồi dưỡng, văn bản cử đi đào tạo, bồi dưỡng, bản sao văn bằng chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng được lưu trữ đầy đủ tại Phòng TCCB, TT&KĐCL sau mỗi khóa đào tạo **[H07.4.06], [H07.4.07]; [H07.4.08]**.

Các khóa học đào tạo bổ sung đã đáp ứng nhu cầu cải thiện năng lực và hiệu suất công việc của NV. Các NV tham gia các khóa học đã đáp ứng được các yêu cầu của khóa học. Nhằm hoàn thiện cơ cấu nguồn nhân lực, nâng cao số lượng và chất lượng chuyên môn của đội ngũ NV, chuyên viên theo hướng chuẩn hóa, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, năng động, sáng tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường ĐHTB theo định hướng.

Kết quả trong chu kỳ KĐCLGD số lượng cử đi đào tạo bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn là 503 lượt tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, tập huấn và hội thảo khoa học nhằm mục đích trang bị những thông tin về chủ trương, chính sách và các yêu cầu của công tác ĐBCL và kiểm định chất lượng, tầm quan trọng của công tác ĐBCL tại CSGD, các nguyên tắc áp dụng trong bộ tiêu chuẩn mới. Công tác tập huấn được thực hiện đa dạng hình thức để nâng cao khả năng nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ.

Đối với học tập dài hạn, Nhà trường đã cử NV đi học Th.S và nhân viên đi học T.S. Kinh phí phục vụ cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ NV phát triển chuyên môn cho CB NV trong toàn trường được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường **[H07.4.09], [H07.4.10]**. Trong giai đoạn kiểm định từ tháng 1/2020 đến tháng 12/2024 tổng số lượt NV được cử đi đào tạo bồi dưỡng bao gồm cả ngắn hạn, dài hạn được tổng hợp qua bảng số liệu sau:

Bảng 7. 4. Bảng thống kê số lượng nhân viên được cử đi đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn giai đoạn 2020 – 2024

NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN THAM GIA ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG					
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng
NCS	0	0	2	2	5	9
Thạc sĩ	1	3	0	0	0	4
Đại học	0	0	0	0	0	0
Cao cấp lý luận chính trị	2	3	0	0	1	6
Trung cấp lý luận chính trị	0	3	4	4	5	16
Ngắn hạn	2	3	248	215	0	468
Tổng cộng	5	12	254	221	11	503

Nguồn: Phòng TCCB, TT&KDCL

2. Điểm mạnh:

Hàng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Các tiêu chí xác định lựa chọn đi học tập, bồi dưỡng được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy định của Trường.

3. Điểm tồn tại:

Hoạt động bồi dưỡng chưa bao phủ hết nhu cầu của nhóm các vị trí việc làm.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2025 - 2026, Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị tìm hiểu, lập kế hoạch bổ sung các khóa bồi dưỡng để đảm bảo bao phủ hết nhu cầu của nhóm các vị trí việc làm, đồng thời khuyến khích NV tham gia các hội thảo, các chương trình học tập trao đổi kinh nghiệm thực tiễn từ các đơn vị ngoài trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của NV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD

1. Mô tả:

Trường ĐHTB có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận.

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ NV đóng vai trò rất quan trọng đối với chất lượng đào tạo và sự phát triển của Nhà trường. Vì vậy việc quản trị theo kết quả công việc của NV trong trường ĐHTB là một công tác quan trọng, bắt buộc phải thực hiện thường xuyên, liên tục, là căn cứ để hình thành hệ thống chế độ, chính sách trong bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, áp dụng hình thức khen thưởng phù hợp nhằm thúc đẩy

và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD và luôn được Nhà trường quan tâm, đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định, kịp thời và được rà soát hàng năm.

Trong lộ trình tiến tới tự chủ đại học theo lộ trình của Chính phủ, trường ĐHTB đang từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống đánh giá kết quả và chất lượng công việc trong đó quy định rất rõ về quy chế tổ chức hoạt động của nhà Trường, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường và đặc biệt là quy định về chế độ làm việc của GV, CB, VC, người lao động khối hành chính khối lượng, công việc cụ thể đối với NV trong bản mô tả công việc của NV **[H07.5.01]**, Bên cạnh đó, nhà trường đưa ra những Quyết định mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm; Đề án vị trí việc làm trong đó có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với NV và quy định về việc theo dõi, quản lý và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV **[H07.5.02]**, **[H07.5.03]**. Đối với NV hành chính nhà trường yêu cầu làm việc 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần; đối với NV bảo vệ làm theo ca, NV lái xe làm theo lịch điều động của nhà trường. **[H07.5.04]**. Nhà trường triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công.

Trường thành lập tổ kiểm tra để theo dõi giám sát giờ làm việc của đội ngũ NV **[H07.5.05]**, NV vi phạm sẽ được thống kê và báo cáo theo tháng, theo học kỳ và năm học để làm căn cứ xét thi đua khen thưởng **[H07.5.06]**. Đây cũng là cách giám sát và đôn đốc NV thực hiện nghiêm túc, chất lượng và đúng tiến độ các nội dung được giao và đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tất cả các báo cáo này đều được công khai và gửi tới từng đơn vị, từ đó CBNV trong toàn trường rút kinh nghiệm trong công việc của mình và phát huy tích cực hơn nữa. Bên cạnh đó căn cứ vào bản kế hoạch công tác năm của các đơn vị, trưởng các đơn vị có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành của NV; Nhà trường theo dõi giám sát, đánh giá hiệu quả của NV làm căn cứ đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân và đề nghị nhà trường khen thưởng phù hợp với quy chế hoạt động và quy chế thi đua khen thưởng của nhà trường **[H07.5.07]** **[H07.5.08]**. **[H07.5.09]**.

Căn cứ vào kế hoạch năm học của đơn vị **[H07.5.10]**, NV xây dựng kế hoạch năm học của cá nhân **[H07.5.11]**, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, ... để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD. Các hoạt động này phối hợp và bổ sung lẫn nhau giúp Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc một cách tổng thể, bao quát được hầu hết các vấn đề của cán bộ NV trong năm từ đó thấy rõ được nhiệm vụ, mục tiêu quản lý trong năm tiếp theo. Hàng năm cuối mỗi năm học, căn cứ các Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản hướng dẫn, triển khai việc bình xét các danh hiệu thi, khen thưởng của Nhà trường, mỗi NV thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, sau đó các đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với từng VC; thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với từng cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao **[H07.5.12]**; **[H07.5.13]**. Phòng TCCB, TT&KĐCL sẽ tổng hợp kết quả của các đơn vị gửi đến, trình

BGH để thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng VC, người lao động [H07.5.14], [H07.5.15]. Kết quả này được Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường thông qua [H07.5.16], [H07.5.17], [H07.5.18]. Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn đối với các NV đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ NV phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H07.5.19], [H07.5.20], [H07.5.21].

Hàng năm, các đơn vị trong Trường đều có hai lần thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành công việc của từng NV vào cuối năm học và cuối năm tài chính. Kết quả đánh giá, phân loại, bình xét CBVC hàng năm được gửi về hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường để xét duyệt [H07.5.17]. Để thuận tiện cho Nhà trường kiểm soát được tiến độ và chất lượng công việc do NV thực hiện thì mỗi NV sẽ phải cập nhật báo cáo tiến độ công việc trong Phiếu đánh giá và phân loại VC mỗi năm học và cuối năm tài chính [H07.5.13] nhằm tiết kiệm thời gian và có cái nhìn bao quát về năng lực cũng như tình trạng làm việc của NV. Từ đó, đưa ra những phương hướng cải thiện, nâng cao hiệu suất và chất lượng công việc một cách tốt nhất, rõ ràng nhất.

CBNV trong Trường hàng năm đều được tham gia vào việc đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các văn bản về tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV cho bản dự thảo quy định do phòng chức năng soạn thảo dựa trên các văn bản quy định của cấp trên hoặc tiếp thu ý kiến của các cán bộ viên chức về quy chế chi tiêu nội bộ, công tác thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn trong quá trình thực hiện thông qua các hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm hoặc các kiến nghị từ Công đoàn/Ban Thanh tra Nhân dân [H07.5.15], [H07.5.16], [H07.5.21], [H07.5.22], [H07.5.23], [H07.5.24].

NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của nhà trường và các cấp có thẩm quyền. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết NV trong Trường đều hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc bình xét thi đua khen thưởng đều được đánh giá công khai, minh bạch [H07.5.25]. Theo kết quả khảo sát hàng năm, tỷ lệ NV hài lòng về kết quả công việc được ghi nhận, đánh giá và khen thưởng luôn đạt tỷ lệ hài lòng từ trên 80%.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát chặt chẽ để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc.

3. Điểm tồn tại:

Một số NV có trình độ lao động cơ bản chưa xây dựng kế hoạch cá nhân hàng năm.

4. Kế hoạch hành động:

Năm học 2025 – 2026, văn phòng tham mưu xây dựng mẫu kế hoạch cá nhân hàng năm dành riêng cho NV có trình độ lao động cơ bản.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chí đạt mức 5/7.

Kết luận tiêu chuẩn 7

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Nhà trường đã có chính sách ưu tiên tuyển dụng đội ngũ NV có chất lượng cao đồng thời các tiêu chí tuyển dụng nhân viên được Hội đồng tuyển dụng VC điều chỉnh hằng năm căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị, phòng ban phù hợp với định hướng phát triển của Trường. Hoạt động đào tạo ngắn hạn của đội ngũ NV, chuyên viên trong Trường trong giai đoạn kiểm định vừa qua đã đạt được kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, vẫn còn một số NV tham gia hoạt động đào tạo bồi dưỡng chưa bao phủ hết nhu cầu của nhóm các vị trí việc làm và một tỷ lệ nhỏ NV chưa thực sự tích cực tham gia vào quá trình đóng góp ý kiến xây dựng các văn bản quy định các tiêu chí, quy trình đánh giá năng lực của NV.

Tự đánh giá 05 tiêu chí của tiêu chuẩn 7 có cả 5/5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu Nhằm hỗ trợ NH phát huy được năng lực, sở trường, lựa chọn được đúng ngành nghề, nhà trường đã có những hoạt động cụ thể. Đó là, hàng năm nhà trường đã xây dựng chính sách tuyển sinh trong đó xác định rõ đối tượng tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, vùng tuyển sinh, đối tượng ưu tiên, các tiêu chí tuyển sinh cho từng ngành, trình độ học và từng đối tượng NH,... Chính sách tuyển sinh của trường được công bố công khai trên Website, Fanpage... của trường/khoa thể hiện qua đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, tờ rơi... Chính sách tuyển sinh của trường hàng năm đều được xem xét, đánh giá, điều chỉnh theo đúng quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, tình hình thực tế về điều kiện đội ngũ GV, CSVC của Nhà trường. Từ đó tuyển chọn được người học phù hợp theo đúng chỉ tiêu đề ra.

Khi NH nhập học, nhà trường có hệ thống giám sát phù hợp nhằm mang lại sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH. Đó là, bố trí các lớp danh nghĩa, theo ngành đào tạo, các lớp HP đảm bảo sự linh hoạt trong đào tạo; các hoạt động hỗ trợ từ các phòng chức năng: phòng ĐT&HSSV, phòng KHCN&HTPT, khoa KT&QT, Đoàn Thanh niên thường xuyên tư vấn, tổ chức các hoạt động học tập, NCKH, các hoạt động ngoại khóa nhằm giúp NH hình thành các kỹ năng cần thiết, cải thiện khả năng học tập, tạo môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan môi trường thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho NH.

Đặc biệt có sự cố vấn của đội ngũ CVHT cho các lớp danh nghĩa hỗ trợ hiệu quả cho người học trong suốt quá trình học tập tại trường. Với sự quản lý bằng hệ thống phần mềm trong đào tạo, hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH của trường nói chung và NH ngành TCNH nói riêng được thực hiện kịp thời, thường xuyên giúp cải thiện việc học tập, tăng khả năng có việc làm sau khi tốt nghiệp của NH.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. *Mô tả:*

Chính sách tuyển sinh của nhà trường được xây dựng và ban hành dựa trên Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT; điều này được thể hiện trong KH tuyển sinh [H08.1.01]. Để triển khai KH tuyển sinh, hàng năm Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh [H08.1.02]. Hội đồng tuyển sinh thực hiện quyền hạn và trách nhiệm theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của trường ĐHTB. Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H08.1.03]; căn cứ vào nhu cầu xã hội [H08.1.04] và điều kiện thực tế của nhà trường, Hội đồng tuyển sinh xây dựng Đề án tuyển sinh [H08.1.05]. Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHTB quy định rõ thông tin danh mục ngành được phép đào tạo, đối tượng tuyển sinh, phương thức xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, phạm vi tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, thời gian tuyển sinh, quy định tuyển thẳng, các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đối với từng đối tượng, cho từng ngành đào tạo...

Hàng năm, dựa vào KH tuyển sinh phòng ĐT&HSSV xây dựng và triển khai thông báo tuyển sinh [H08.1.06] và thiết kế tờ rơi tuyển sinh [H08.1.07]. Các thông tin tuyển sinh của Nhà trường trong đó có ngành TCNH đều được công bố trên Website [H08.1.08] và Fanpage của trường ĐHTB, đoàn thanh niên, trang tuyển sinh của trường [H08.1.09]. Khoa KT&QT cũng chủ động truyền tải thông tin tuyển sinh của trường, của Khoa và của ngành TCNH trên Fanpage của Khoa [H08.1.10]. Từ năm 2024, thông tin tuyển sinh của Nhà trường còn được đăng tải trên trang báo điện tử Giaoduc.net.vn [H08.1.11].

Ngoài việc truyền thông, quảng bá về công tác tuyển sinh qua Website, Fanpage, báo điện tử, thì Nhà trường còn thành lập các nhóm tuyển sinh với nhiệm vụ tư vấn trực tiếp tại các trường THPT, trung tâm GDNN-GDTX đối tượng trực tiếp là các bạn học sinh lớp 12 và các khối lớp còn lại là học sinh lớp 10,11. Cùng với đó Nhà trường còn tổ chức chương trình tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp tại các trường PTTH, trang Fanpage của trường có đăng bài, ghi nhận hình ảnh các buổi tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp tại các trường THPT [H08.1.12]. Qua đó phụ huynh và thí sinh có thể tìm hiểu và được tư vấn đầy đủ các thông tin về chính sách tuyển sinh của Nhà trường như: đối tượng, phạm vi, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh, chính sách ưu tiên, các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường.

Hàng năm, để xây dựng chính sách tuyển sinh phù hợp, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến của lãnh đạo các khoa, phòng thông qua các cuộc họp về nội dung tuyển sinh [H08.1.13]; Từ đó, chính sách tuyển sinh của Nhà trường trong đó có ngành TCNH được điều chỉnh, cập nhật hàng năm dựa trên những thay đổi của Quy chế thi tuyển sinh ĐH, Cao đẳng của Bộ GD&ĐT. Tuy nhiên việc lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về chính sách tuyển sinh còn chưa rộng rãi.

Kết quả công tác tuyển sinh qua các năm được thể hiện trong các quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển hàng năm [H08.1.14]; Sau khi kết thúc công tác tuyển sinh theo quy định, Nhà trường tổ chức hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh để đánh giá, rút kinh nghiệm, xây dựng KH và điều chỉnh chính sách tuyển sinh hàng năm cho phù hợp

nghư: quy định vùng tuyển sinh trong cả nước; đổi mới, bổ sung các phương thức tuyển sinh từ 04 phương thức năm 2019-2021 và 03 phương thức năm 2022, 04 phương thức năm 2023-2024; miễn 100% tiền ở ký túc xá cho NH tại năm đầu tiên ngay sau khi nhập học; chính sách khuyến khích học bổng đầu vào cho NH có điểm trúng tuyển cao [H08.1.15].

Với chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công khai và cập nhật; trong giai đoạn 2020-2024, số lượng NH trúng tuyển nhập học ngành TCNH thay đổi hàng năm; kết quả tuyển sinh ngành TCNH trong giai đoạn này của Trường ĐHTB là khá tích cực. Tuy nhiên, chính sách tuyển sinh của nhà trường trong đó có ngành TCNH chưa được Nhà trường đưa ra thảo luận với các đơn vị sử dụng lao động liên quan đến ngành TCNH, cựu NH và các đơn vị liên quan khác để thấy được rõ hơn ưu, nhược điểm trong chính sách tuyển sinh.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của nhà trường trong đó có ngành TCNH phù hợp: tuân thủ nghiêm túc quy định, quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của trường Đại học Thái Bình. Đa dạng các phương thức tuyển sinh để người học có nhiều cơ hội lựa chọn các ngành học của Nhà trường. Các chính sách ưu đãi tuyển sinh như học bổng đầu vào của nhà trường, của nhà tài trợ đã thu hút được nhiều học sinh có điểm xét tuyển cao góp phần nâng cao chất lượng đầu vào của ngành học. Chính sách ưu đãi về miễn giảm học phí, miễn tiền ở KTX đã hấp dẫn người học. Chính sách tuyển sinh hàng năm của nhà trường đã được công bố rộng rãi, công khai, cập nhật thường xuyên bằng các hình thức truyền thông tuyển sinh đa dạng, phong phú cả trực tiếp và trực tuyến.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về chính sách tuyển sinh trong đó có ngành TCNH chưa rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Phòng ĐT&HSSV phối hợp với khoa Kinh tế và Quản trị lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động như các ngân hàng, tổ chức tín dụng... về chính sách tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

5. Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH ngành TCNH được Nhà trường và khoa xác định rõ ràng thể hiện trong Đề án tuyển sinh. Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, nhu cầu xã hội, điều kiện thực tế của Nhà trường và đề xuất của các khoa; Hội đồng tuyển sinh Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh [H08.2.01] với những tiêu chí và phương pháp tuyển sinh phù hợp và được cải tiến hàng năm nhằm tuyển chọn được những NH đủ tiêu chuẩn và phù hợp với từng CTĐT. Nhà trường đã thường xuyên đổi mới và cải tiến các

tiêu chí và phương thức xét tuyển cho phù hợp với đối tượng thí sinh. Từ năm 2019-2021, Nhà trường đồng thời áp dụng 4 phương thức xét tuyển đối với trình độ ĐH hệ chính quy (Phương thức 1: xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT, phương thức 2: xét tuyển thí sinh dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia, phương thức 3: xét tuyển thí sinh dựa vào KQHT cấp THPT, phương thức 4: Xét tuyển theo đặt hàng và học bổng của DN), năm 2022, Nhà trường áp dụng 3 phương thức tuyển sinh (Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT; Phương thức 2: Xét KQHT cấp THPT; Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh), Năm 2023-2024, Nhà trường áp dụng 4 phương thức tuyển sinh (Phương thức 1: xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD&ĐT, phương thức 2: xét tuyển thí sinh dựa trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia, phương thức 3: xét tuyển thí sinh dựa vào KQHT cấp THPT, phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội, đánh giá tư duy của Đại học Bách Khoa Hà Nội) **[H08.2.02]**.

Trong mục II (Tuyển sinh đào tạo chính quy) của đề án tuyển sinh năm 2024 của Nhà trường xác định tiêu chí xét tuyển thí sinh vào ngành TCNH cụ thể là: Đối tượng tuyển sinh là thí sinh đã tốt nghiệp THPT; Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT, có đủ sức khỏe học tập; phạm vi tuyển sinh trong cả nước; thí sinh tự lựa chọn 01 trong 04 hình thức xét điểm trên khi đăng ký dự thi (đăng ký trên hồ sơ đăng ký dự thi). Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển môn văn hóa theo kết quả 03 năm THPT, điểm trung bình cộng từng môn văn hóa xét theo từng ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển phải đạt từ 5,0 (Điều kiện này có thể thay đổi tùy theo Quy định của Bộ GD&ĐT). Để đảm bảo chất lượng NH đối với từng CTĐT, việc xét tuyển theo tổ hợp môn học được Nhà trường lựa chọn phù hợp đối với từng CTĐT đảm bảo theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT như đối với ngành TCNH áp dụng 4 tổ hợp A00 (Toán - Lý - Hóa), B00 (Toán - Hóa - Sinh), C14 (Toán - Văn - Giáo dục công dân), D01 (Toán - Văn - Anh). Điểm thi ĐGNL của ĐHQGHN từ 60 điểm trở lên, của ĐHQGTPHCM từ 600 điểm trở lên, ĐGTD của ĐHBKHN từ 50 điểm trở lên.

Sau mỗi đợt tuyển sinh, khoa KT&QT đã tiến hành rà soát, đánh giá tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của ngành TCNH dựa vào việc lấy ý kiến của CB, GV trong khoa **[H08.2.03]**. Từ đó đề xuất về nhà trường để điều chỉnh đề án tuyển sinh cho phù hợp. Hội đồng tuyển sinh của nhà trường tiến hành họp đánh giá lại sự phù hợp của các tiêu chí tuyển sinh, các phương pháp lựa chọn NH cho từng ngành đào tạo dựa vào điểm trúng tuyển, số lượng thí sinh đã nhập học hàng năm **[H08.2.04]** để có những điều chỉnh phù hợp về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn cho năm học sau **[H08.2.05]**. Hàng năm, phòng ĐT&HSSV có báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, đánh giá kết quả đạt được, ưu điểm, những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và phương hướng nhiệm vụ công tác tuyển sinh của năm tiếp theo, trong đó có đề xuất về phương thức, tiêu chí tuyển sinh **[H08.2.06]**. Tuy nhiên việc lấy ý kiến của NH, đơn vị sử dụng lao động về

phương pháp và tiêu chí tuyển chọn NH chưa được triển khai rộng rãi. Phương pháp tuyển sinh ngành TCNH chưa có nhiều điểm riêng biệt mang tính đặc thù

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với đối tượng tuyển sinh của trường ĐHTB và yêu cầu cơ bản của NH ngành TCNH. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Nhà trường thực hiện nghiêm túc, rà soát các tiêu chí, tổ hợp xét tuyển đa dạng và linh hoạt để NH có nhiều cơ hội xét tuyển. Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường được đánh giá, cập nhật, bổ sung các tiêu chí và phương thức tuyển chọn NH, các tổ hợp môn xét tuyển để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh có cơ hội vào ĐH mà vẫn ĐBCL đầu vào.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến của NH, đơn vị sử dụng lao động về phương pháp và tiêu chí tuyển chọn NH chưa được triển khai rộng rãi, phương pháp tuyển sinh ngành TCNH chưa có nhiều điểm riêng biệt mang tính đặc thù.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Phòng ĐT&HSSV chủ trì cùng với khoa KT&QT xây dựng KH lấy ý kiến của NH, đơn vị sử dụng lao động liên quan đến ngành TCNH về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH

1. Mô tả

Khoa và Nhà trường có một hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập (KQHT, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ) và rèn luyện của NH các ngành học nói chung và ngành TCNH nói riêng một cách chặt chẽ và hiệu quả. Hệ thống giám sát này được thực hiện thông qua hệ thống CVHT, các phòng chức năng, tổ chức đoàn thể liên quan. Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Phòng ĐT&HSSV [H08.3.01] và các đơn vị trực thuộc Trường [H08.3.02], trong mỗi năm học phòng ĐT&HSSV triển khai KH tổ chức đăng ký, giám sát khối lượng học tập của NH trong từng học kỳ, phòng phân công cụ thể cho chuyên viên phụ trách, tổng hợp kết quả đánh giá trong học tập của NH, kịp thời phản hồi cho NH trên hệ thống phần mềm quản lý điểm. Phòng ĐT&HSSV phối hợp với khoa đào tạo chỉ đạo CVHT [H08.3.03], [H08.3.04] triển khai tổng hợp và giám sát kết quả rèn luyện của NH. Nhà trường giao cho CVHT là người giám sát trực tiếp KQHT của từng NH, tư vấn cho NH điều chỉnh KH học tập phù hợp với kết quả và tiến độ học tập của NH, đặc biệt là NH thuộc diện cảnh báo KQHT, rèn luyện theo Quy chế đào tạo của trường [H08.3.05]. CVHT có trách nhiệm thường xuyên báo cáo với lãnh đạo khoa về tình hình học tập và rèn luyện của NH được giao phụ trách [H08.3.06].

Các phòng chức năng, các khoa trong trường thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát chặt chẽ khối lượng, KQHT, sự tiến bộ trong học tập của NH. Quá trình giám sát

KQHT của NH bằng các quy trình cụ thể: Quy trình đăng ký khối lượng học tập, quy trình đăng ký học lại, học cải thiện điểm được thể hiện trong Quy chế đào tạo. Trong quá trình giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện thì CVHT có vai trò chủ chốt. CVHT theo sát từng NH, xác nhận khối lượng đăng ký học tập trong từng kỳ của NH vào đầu mỗi kỳ học, phối hợp với GV bộ môn theo dõi KQHT thường xuyên của NH, kịp thời tư vấn cho NH KH học tập phù hợp với năng lực, hoàn cảnh; liên hệ với gia đình NH để cảnh báo học tập.

Quy trình đánh giá điểm rèn luyện của NH thực hiện theo Điều 11, Quyết định số 60 ngày 16/10/2007 của Bộ GD&ĐT và thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015. Trên cơ sở đó, trường xây dựng và ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của NH trình độ ĐH, cao đẳng, ĐH liên thông hệ chính quy [H08.3.07].

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của NH được thực hiện và lưu hồ sơ tại khoa KT&QT, phòng ĐT&HSSV của Nhà trường [H08.3.08] và phần mềm quản lý đào tạo (PMT-EMS Education) [H08.3.09] thuận lợi trong khai thác, sử dụng. Phần mềm có khả năng trích xuất dữ liệu phục vụ cho xét học vụ, khen thưởng, xét tốt nghiệp... Mỗi CVHT được cấp 01 tài khoản cá nhân để đăng nhập, cập nhật, theo dõi các dữ liệu về KQHT, rèn luyện của NH. NH sẽ được truy cập trên trang cá nhân để nắm bắt được kết quả và tiến độ học tập, đăng ký học trả nợ HP, học cải thiện điểm [H08.3.10]. Dữ liệu quản lý đào tạo được cập nhật kịp thời, chính xác đảm bảo cho các thành viên có thể chủ động theo dõi, cải thiện KQHT. Tuy nhiên phần mềm quản lý đào tạo (PMT-EMS Education) chỉ trích xuất được dữ liệu khi sử dụng mạng internet nội bộ tại trường.

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát, kiểm tra sự tiến bộ của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, có quy trình cụ thể, phân công rõ ràng trách nhiệm của các bộ phận và có sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị, tác động tích cực đến hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý đào tạo (PMT-EMS Education) chỉ trích xuất được dữ liệu khi sử dụng mạng internet nội bộ tại trường, điều này đôi khi dẫn đến việc CVHT không kịp thời nắm bắt thông tin NH khi không trực tiếp làm việc tại trường đối với các lớp HP.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Nhà trường làm việc với nhà cung cấp phần mềm quản lý đào tạo để phân quyền cho CVHT, cho phép trích xuất dữ liệu của người học để kịp thời hỗ trợ, tư vấn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH

1. Mô tả

Trường ĐHTB và khoa KT&QT xác định công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác là nhiệm vụ quan trọng, giúp NH có điều kiện thuận lợi trong quá trình chiếm lĩnh tri thức, hoàn thiện tốt các kỹ năng và gia tăng cơ hội việc làm. Nhiều bộ phận tham gia vào công tác tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trong đó Khoa KT&QT căn cứ vào chức năng nhiệm vụ [H08.4.01] thực hiện hoạt động hỗ trợ NH các ngành đào tạo của mình trong đó có ngành TCNH. Hỗ trợ quá trình học tập, NCKH, sinh hoạt, định hướng nghề nghiệp, giới thiệu việc làm; cử GV làm CVHT, tổ chức xét khen thưởng, kỷ luật NH như: tổ chức các cuộc thi như “Chinh phục chuông vàng”, “Tìm kiếm nhà sáng tạo tài năng”; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao như ngày kéo co, bóng bàn, bóng rổ, ngày sách và văn hóa đọc; tổ chức hội thảo NCKH, các buổi chuyên đề nhằm nâng cao kiến thức hiểu biết cho NH, ... [H08.4.02], tất cả các hoạt động này đều được truyền thông trên trang Fanpage của Trường và của Khoa [H08.4.03] [H08.4.04].

Phòng KHCN&HTPT phối hợp với các khoa đào tạo triển khai tư vấn NH tham gia các cuộc thi sinh viên NCKH, các cuộc thi khởi nghiệp [H08.4.05].

Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, thành lập nhiều CLB hội nhóm giúp NH phát huy năng lực bản thân như: CLB hiến máu tình nguyện, CLB Thanh niên tình nguyện, CLB văn nghệ [H8.04.06]... NH có thể tham gia nhiều hoạt động để trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng chuyên môn, tăng cường khả năng, đáp ứng tốt yêu cầu của các nhà tuyển dụng. Qua các câu lạc bộ ngoại khóa, NH được hỗ trợ hướng nghiệp, phát triển kỹ năng giao tiếp, khả năng sử dụng ngoại ngữ, phát triển chuyên môn và kinh nghiệm. Đoàn thanh niên đã chủ động hoặc phối kết hợp với các đơn vị để tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên hoạt động nhằm nâng cao hiểu biết, rèn luyện kỹ năng như: tổ chức các ngày lễ kỷ niệm, các buổi tọa đàm, các cuộc thi, các buổi tập huấn, tham gia tiếp sức mùa thi, thanh niên tình nguyện, tổ chức hiến máu nhân đạo,... Tất cả các hoạt động trên đều được truyền thông trên trang Fanpage của Đoàn thanh niên trường ĐHTB [H8.04.07] và Fanpage của Nhà Trường.

Hội khuyến học xây dựng quỹ học bổng, quỹ khen thưởng nhằm khuyến khích và hỗ trợ phong trào học tập NH; đặc biệt chú ý tới những NH có hoàn cảnh khó khăn nhưng có tinh thần phấn đấu vươn lên trong học tập, những NH có thành tích học tập tốt, có năng khiếu có thể phát triển thành nhân tài, có tinh thần phấn đấu đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường, của xã hội. Tổ chức những cuộc thi trí tuệ cho NH như: “Cuộc thi vô địch điểm A”, trao tặng học bổng Hensen, học bổng khuyến khích học tập... [H08.4.08].

Về hoạt động tư vấn việc làm cho NH do phòng ĐT&HSSV phụ trách; là đại diện kết nối giữa doanh nghiệp với NH trong toàn trường; chuyển tiếp các yêu cầu của DN, nắm bắt nguyện vọng của NH về vấn đề thực tế, thực tập, trải nghiệm. Hàng năm, phòng ĐT&HSSV cung cấp thông tin, nhu cầu tuyển dụng của DN trên Website của Nhà trường,... Xây dựng KH hướng nghiệp và tổ chức thực hiện một số hoạt động hướng

nghiệp cho NH như: hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm, tăng cường kỹ năng mềm, tổ chức các hoạt động xã hội, hội chợ việc làm, liên hệ cho NH thực tập tại các DN, ngân hàng trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận **[H08.4.09]**.

Khoa KT&QT là đơn vị thực hiện, triển khai thực hiện nhiệm vụ tư vấn giới thiệu việc làm cho NH. Trong những năm qua tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo đạt 94,63%, tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo là 5,37%. Trong quá trình thực hiện, Khoa đã triển khai các kế hoạch công tác GVCN/CVHT ngay từ đầu năm học trong đó phân công cụ thể danh sách GVCN/CVHT cho từng lớp, GVCN/CVHT căn cứ kế hoạch công tác của Nhà trường, Khoa đề lên kế hoạch xây dựng các công việc cụ thể theo từng tháng để triển khai tới lớp. Khoa KT&QT đã phân công 01 Phó trưởng khoa trực tiếp triển khai hoạt động kết nối cựu NH với NH đang học; giới thiệu các doanh nghiệp tuyển dụng cho NH; ban hành KH cổ vũ học tập cho năm học trong đó phân công cụ thể danh sách CVHT cho từng lớp. Từ năm 2024 Nhà trường bỏ GVCN do đó chức năng nhiệm vụ của CVHT nâng cao hỗ trợ SV trong công các học tập. Còn các vấn đề học vụ của SV có trợ lý khoa hướng dẫn. Đặc biệt trong năm 2024 nhà trường đưa vào vận hành mô hình bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong phạm vi trường Đại học Thái Bình. Điều này đã mang lại nhiều thuận lợi hỗ trợ tích cực cho NH. **[H08.4.10]**.

Nhà trường đã ban hành quy chế công tác HSSV **[H08.4.11]**, tại Điều 5 quy định NH được hỗ trợ cung cấp đầy đủ thông tin cá nhân về việc học tập, rèn luyện; NH được hỗ trợ phục vụ hệ thống thư viện, các phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, NCKH, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, NH được sử dụng các dịch vụ xã hội hiện có của Nhà trường để phục vụ công tác học tập; trong Điều 16 quy định về việc hỗ trợ và dịch vụ NH về các lĩnh vực: tư vấn học tập, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm, phục vụ tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ đặc biệt...

Hàng năm Nhà trường xây dựng KH tổ chức tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khóa **[H08.4.12]** cho sinh viên ngay sau khi nhập học; KH tổ chức tuần sinh hoạt công dân HSSV cuối khóa **[H08.4.13]** cho sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp, ra trường. Tổ chức hoạt động đối thoại giữa BGH và ban cán sự lớp, sinh viên các lớp thuộc các khoa, các ngành đào tạo để nắm bắt tâm tư nguyện vọng của NH... **[H08.4.14]**. Tại ứng dụng của phần mềm đào tạo có quản lý hồ sơ NH, quản lý điểm thi NH, tính điểm rèn luyện.... đã hình thành cơ sở dữ liệu, cập nhật, đánh giá theo tiến trình học tập của NH; giúp Nhà trường quản lý, giám sát NH theo quá trình học tập chặt chẽ và đạt hiệu quả cao. Các khoa đào tạo cử trợ lý khoa, CVHT giám sát về các hoạt động đăng ký HP, thực hiện tiến độ đào tạo, thực hiện quy chế của Nhà trường, các GV bộ môn giám sát hoạt động học tập từng HP của NH. Nhà trường còn xây dựng các KH khảo sát sự hài lòng của NH về chất lượng môi trường làm việc và học tập theo năm học **[H08.4.15]**.

Hàng năm căn cứ vào quy trình trải nghiệm thực tế tại DN của Nhà trường **[H08.4.16]**, khoa KT&QT đã triển khai, liên kết với các DN để thường xuyên đưa sinh

viên đi thực tế trải nghiệm tại các DN như: công ty cổ phần Quốc tế Bảo Hưng, công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Cathay - Chi nhánh Thái Bình, công ty TNHH nước khoáng Tiên Hải, công ty cổ phần Hoàng Hà, KIA Thái Bình, công ty may Việt Mỹ - TAV, ngân hàng NCB, ngân hàng MB...

Phòng ĐT&HSSV xây dựng KH ngày hội tuyển sinh và giới thiệu việc làm nhằm hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo [H08.4.17]; Ban hành thông báo về ngày hội việc làm mời DN có nhu cầu tuyển dụng tham gia; Nhà trường và khoa KT&QT tổ chức ngày hội việc làm, tổ chức các chương trình hội thảo giao lưu giới thiệu nghề nghiệp, các khóa đào tạo ngắn hạn, thực hiện chương trình thoả thuận hợp tác với DN và ký các biên bản ghi nhớ hợp tác với các DN [H08.4.18], chương trình thực tập hàng năm để nâng cao khả năng tiếp cận với thực tế và tạo việc làm cho NH: công ty TNHH Newstar, công ty TNHH Samsung Electronics VN, Canon VN, công ty TNHH Dầu mỡ Quân Sen, công ty cổ phần Tập đoàn Perfect, công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh, công ty TNHH Thương mại tổng hợp Liên Thắng, công ty SXKD tổng hợp Xuân Sinh, công ty cổ phần xe đạp, xe máy Thái Bình, công ty cổ phần Viễn thông FPT chi nhánh Thái Bình, công ty nhiệt điện Thái Bình...Hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH được tổ chức dưới nhiều hình thức như: lập group, Facebook, zalo kết nối thông tin giữa nhà tuyển dụng với NH....

Giai đoạn 2020-2024, Nhà trường, khoa KT&QT tổ chức lấy ý kiến của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động hỗ trợ NH [H08.4.19]. Kết quả khảo sát ý kiến NH với mức độ hài lòng về nội dung “Hoạt động CVHT đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, tư vấn học tập của sinh viên” đều đạt trên 80%. Với nội dung “các hoạt động hướng nghiệp (cung cấp thông tin việc làm, trao đổi, tọa đàm, ngày hội việc làm) được tổ chức hiệu quả”, mức độ hài lòng của NH được khảo sát các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 cũng đều đạt trên 80%. Tuy nhiên, một số câu hỏi khảo sát chưa được thiết kế khoa học nên chưa thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

2. Điểm mạnh:

Các hoạt động tư vấn học tập được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của NH; các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khoá được NH ngành TCNH hưởng ứng tích cực, góp phần tạo động lực, khích lệ NH phát huy được các kiến thức, kỹ năng và thái độ trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường. Tỷ lệ có việc làm đúng chuyên môn của NH ngành TCNH rất cao.

3. Điểm tồn tại:

Câu hỏi khảo sát chưa được thiết kế khoa học nên chưa thu thập được nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Nhà trường, Khoa KT&QT rà soát điều chỉnh và hoàn thiện nội dung các câu hỏi khảo sát để thu thập được nhiều thông tin hữu ích cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

5. *Tự đánh giá:* Tiêu chuẩn đạt mức 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả

Nhà trường có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cảnh quan khuôn viên được chú trọng: cây xanh được trồng xung quanh trường, cây cảnh, trang trí tạo không gian học tập gần gũi, thân thiện góp phần làm giảm căng thẳng, nâng cao sức khỏe tinh thần cho người học và được bộ phận cảnh quan môi trường chăm sóc quản lý **[H08.5.01]**.

Nhằm giúp NH chủ động trong học tập và NCKH nhà trường đã nâng cấp và phủ sóng Wifi miễn phí trong phạm vi toàn trường **[H08.5.02]**. Nhà trường có Nội quy sử dụng phòng học, bố trí không gian học tập, làm việc hiện đại, thân thiện; phòng học, phòng làm việc, phòng hội thảo được trang bị nội thất, ánh sáng, âm thanh, điều hòa phù hợp với công năng sử dụng, tạo môi trường học tập thoải mái và hiệu quả cho NH và GV **[H08.5.03]**. Nhà trường bố trí Thư viện gồm phòng đọc, phòng mượn, hệ thống kho với các tài liệu được kết nối với nhau bằng phần mềm chuyên biệt để trở thành nguồn tài liệu quý giá hỗ trợ tích cực cho hoạt động giảng dạy, NCKH của GV, NH **[H08.5.04]**. Nhà trường có quy định về Quy tắc ứng xử của CB, VC, NLD và NH Trường ĐH Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 227/QĐ-ĐHTB ngày 25/4/2022 quy định 12 phương châm, quy tắc ứng xử của CB, VC, NLD và 8 phương châm, quy tắc ứng xử của NH **[H08.5.05]**. Trong các giờ học lý thuyết, thực hành GV lấy NH làm trung tâm, GV gần gũi, thân thiện tận tình tạo không khí học tập thoải mái sáng tạo, hiệu quả; GVCN/CVHT thường xuyên trao đổi với NH để lắng nghe nguyện vọng và ý kiến phản hồi, kịp thời chia sẻ động viên tinh thần và hỗ trợ NH khi gặp những vấn đề trong học tập thông qua các buổi họp lớp giúp NH yên tâm và ổn định trong quá trình học tập. Nhà trường quan tâm đến các hoạt động Câu lạc bộ và hoạt động ngoại khóa, khuyến khích NH tham gia các câu lạc bộ gắn liền với chuyên môn nghiệp vụ, năng khiếu thể thao **[H08.4.06]**. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, viết bài thu hoạch về các chuyến đi thực tế tại các cơ sở đào tạo, các DN. Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động xã hội, hoạt động cộng đồng cho NH thông qua việc phát động các chương trình của đoàn thanh niên nhằm tạo điều kiện cho NH nâng cao kỹ năng mềm, giao lưu học tập như cuộc thi Rung chuông vàng, hội diễn văn nghệ, các giải thể thao... **[H08.5.07], [H08.5.08]**;

Khuôn viên của Nhà trường đồng bộ Khu hiệu bộ, giảng đường, khu vực văn phòng, các khoa chuyên môn, hội trường, thư viện trong một tòa nhà, tách biệt là khu thực hành, thí nghiệm, Ký túc xá tạo điều kiện thuận lợi cho học tập và NCKH của NH

[H08.5.08]. Văn phòng Khoa rộng rãi, thoáng mát, sạch sẽ đủ ánh sáng, thân thiện với môi trường đảm bảo điều kiện làm việc và NCKH cho GV [H08.5.10]. Các phòng học lý thuyết được bố trí cửa ra vào và cửa sổ hợp lý, trang bị đồng bộ bàn ghế, quạt, đèn, loa, mic, máy chiếu... [H08.5.11]. Các xưởng thực hành, phòng thí nghiệm được trang bị máy móc, thiết bị, mô hình học liệu, giáo cụ trực quan sinh động đáp ứng yêu cầu thực hành nghề riêng của khoa chuyên môn, có bảng hướng dẫn, nội quy sử dụng phòng thực hành [H08.5.12]. Bên cạnh đó được sử dụng chung 3 phòng Hội thảo được đầu tư trang thiết bị kết nối hiện đại, bố trí trong cùng khuôn viên với khu văn phòng làm việc của khoa [H08.5.13]. Ký túc xá, Nhà ăn sinh viên gồm có 03 tòa nhà 05 tầng với 240 phòng khép kín có đủ điều kiện sử dụng đáp ứng được trên 2.000 chỗ ở tạo không gian tốt để NH sinh hoạt và học tập [H08.5.14]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có khu luyện tập thể dục thể thao như sân bóng, sân cầu lông, sân bóng chuyền và bóng bàn để NH luyện tập, tăng cường thể lực tạo cảm giác thoải mái sau mỗi giờ học [H08.5.15]. Nhà trường có đội thanh niên tự quản, Quy chế quản lý người học ở nội trú, ngoại trú; quản lý sổ nội, ngoại trú của người học [H08.5.16]. NH và GV được chăm sóc sức khỏe định kỳ tham gia bảo hiểm đầy đủ, phòng chống dịch bệnh đảm bảo sức khỏe và môi trường học tập lành mạnh [H08.5.17]; Bộ phận An ninh trật tự có chức năng nhiệm vụ trực 24/24 bảo vệ an ninh trật tự, an toàn về tính mạng và tài sản của Nhà trường, của CBGV-NV và của NH, phối hợp với chính quyền và lực lượng an ninh địa phương ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật, phòng chống các tệ nạn xảy ra trong khu vực Nhà trường đảm bảo môi trường an toàn cho tất cả các đối tượng trong nhà trường yên tâm công tác và học tập [H08.5.18], [H08.5.19]. Nhà trường trang bị các thiết bị phòng cháy, chữa cháy cần thiết ở các tòa nhà, tham gia tích cực vào các kế hoạch tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy do nhà trường chỉ đạo [H08.5.20].

Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi các BLQ về các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, trong đó khảo sát sự hài lòng của CBVC, NH về chất lượng môi trường làm việc và học tập có nội dung liên quan đến môi trường cảnh quan và môi trường tâm lý, xã hội của trường [H08.5.21];[H08.5.22]. NH hài lòng và luôn nhận được sự hỗ trợ, kết nối, sát sao của đội ngũ CVHT trong các hoạt động. Tuy nhiên nhà trường chưa có bộ phận chuyên trách về tư vấn học đường cho NH. Kết quả đánh giá hàng năm cho thấy, các BLQ hài lòng về môi trường cảnh quan và môi trường tâm lý, xã hội của Trường. Ví dụ, với các câu hỏi “Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong trường đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và rèn luyện sức khỏe cho NH”.

Năm học 2020 - 2021 sự hài lòng về chất lượng môi trường làm việc là 86,4% (Báo cáo Số 360 a/BC-ĐHTB ngày 20/06/2020). Năm học 2021 – 2022 sự hài lòng về chất lượng môi trường là 75,4%.(Báo cáo Số 818/BC-ĐHTB ngày 30/12/2021). Năm học 2022 – 2023 sự hài lòng về chất lượng môi trường có 78,1% (Báo cáo số 826/ BC-ĐBCLGD-ĐHTB ngày 31/12/2022) Năm học 2023 – 2024 sự hài lòng về chất lượng môi trường là 80,3% (Số 806/BC-ĐBCL ngày 22/07/2024). Năm học 2024 – 2025 sự

hài lòng về chất lượng môi trường là 81,37% (Báo cáo số 877/BC-ĐHTB ngày 30/06/2025) [**H08.5.23**].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp, thoáng mát, an toàn; môi trường tâm lý xã hội tích cực cho hoạt động học tập nghiên cứu của cán bộ GV, NH Nhà trường...

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có bộ phận hoặc chuyên viên tư vấn về tâm lý học đường cho NH.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025-2026, Nhà trường có kế hoạch bổ sung chuyên viên/ nhân viên chuyên nhiệm vụ tư vấn tâm lý xã hội cho NH. Khoa sẽ chú trọng hơn khi chọn mẫu đối tượng tham gia khảo sát về tỷ lệ nam/nữ, về độ tuổi, về cơ cấu vùng miền. Đồng thời tổng hợp ý kiến phản hồi, trao đổi, thảo luận và có những điều chỉnh cần thiết trước khi năm học mới diễn ra.

5. Tự đánh giá: Tiêu chuẩn đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 8

Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là yếu tố quan trọng để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành TCNH thể hiện ở điểm đầu vào của ngành cho đến KQHT, rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường. NH được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả từ Khoa và Nhà trường về hoạt động học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển năng lực học tập, NCKH, sức khỏe thể chất, tinh thần, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động nâng cao chất lượng, hiệu quả cho công tác đào tạo tại trường ĐHTB. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH bậc ĐH tự đánh giá tiêu chuẩn 8 có 5/5 tiêu chí đạt 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu: Trường ĐHTB và khoa KT&QT luôn đảm bảo tốt nhất các điều kiện về CSVC và trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, trang thiết bị, phần mềm quản lý và hệ thống tài liệu, tư liệu của Thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ, cập nhật thường xuyên. Bên cạnh đó, nhà trường và khoa KT&QT luôn đảm bảo thực hiện các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn cho sinh viên ngành TCNH.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHTB có một cơ sở chính đặt tại xã Tân Bình, thành phố Thái Bình nay là Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên. Nhà trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp, đảm bảo tỷ lệ diện tích trên người học theo quy định. Trường ĐHTB có tổng diện tích đất là 39.675,1m², tổng diện tích sàn xây dựng là

41.413,75m² trong đó, diện tích sàn xây dựng phục vụ trực tiếp cho đào tạo, NCKH là 25.904,3m², gồm: 04 hội trường trên 200 chỗ với tổng diện tích 815,55m², 59 phòng học lý thuyết từ 50-100 chỗ với diện tích 13.752,3m², 02 phòng đa phương tiện với diện tích 96m², 80 phòng thực hành, thí nghiệm, xưởng thực tập với diện tích 6.912m²; 23 phòng làm việc của CB, GV với tổng diện tích sàn xây dựng 2.740m², bao gồm 09 phòng ban giám hiệu và 14 phòng làm việc thuộc các khoa, phòng chuyên môn, cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của cán bộ, GV và NV, có khu điều hành tập trung, khu văn phòng làm việc của các khoa, trung tâm; thư viện với diện tích 1.588,45m²; diện tích sàn trên NH đạt tỷ lệ 9,09m²/NH, đảm bảo yêu cầu theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT [H09.1.01], [H09.1.02] [H09.1.03].

Trường có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu phục vụ CTĐT. 100% các phòng làm việc được trang bị đầy đủ đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, quạt điện, máy tính, máy in, điện thoại, mạng lan, Internet, bàn ghế, bảng... Các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết: máy chiếu cố định, hệ thống âm thanh ánh sáng, điều hòa nhiệt độ, hệ thống quạt mát, không gian thông thoáng đáp ứng tốt yêu cầu dạy và học; có sổ bàn giao thiết bị và tình trạng thiết bị, theo dõi tình trạng hoạt động của các thiết bị; phòng học đa phương tiện với đầy đủ các thiết bị hỗ trợ hiện đại như: bảng tương tác thông minh, máy quay phim, Webcam, hệ thống thu phát âm thanh, hệ thống ánh sáng, ghi hình, lưu trữ bài giảng... đáp ứng tốt cho các hoạt động giảng dạy online [H09.1.04], [H09.1.05]. Các phòng thực hành thí nghiệm, thực tập đầy đủ các trang thiết bị thí nghiệm thực hành, hệ thống chiếu sáng, quạt thông gió đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH [H09.1.06]. Có 3 phòng hội thảo sức chứa trên 100 chỗ và trên 200 chỗ, trong đó phòng hội thảo F.118 đáp ứng tiêu chuẩn tổ chức hội thảo cấp quốc tế, 1 hội trường lớn 400 chỗ ngồi được trang bị hệ thống âm thanh, máy chiếu, màn hình Led, ti vi và điều hòa nhiệt độ. Sân vận động của trường diện tích 3.500m², khán đài có mái che vừa để tổ chức các hoạt động thể thao vừa là nơi giảng dạy giáo dục thể chất cho HSSV. Có sân bóng chuyên, sân bóng rổ, phòng tập bóng bàn, khu rèn luyện thể lực được trang bị các loại máy tập thông dụng [H09.1.05].

Phòng làm việc của khoa KT&QT được trang bị các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH; CB của khoa được bố trí làm việc tại các phòng GV (F3.01, F3.02, F4.04) và sử dụng các phòng họp (F1.18, Hội trường nhà D, F3.08) là không gian chung để tiếp NH và làm việc với đối tác. Các phòng thực hành tại tầng 2 nhà F đáp ứng yêu cầu các học phần CNTT như Tin đại cương. Tại tầng 1, tầng 2 và tầng 3 nhà F có 13 phòng máy tính để làm phòng thí nghiệm và thực hành với 455 máy tính, sổ ghi nhật ký hàng ngày [H09.1.03], [H09.1.04], [H09.1.05], [H09.1.06], [H09.1.07], [H09.1.08], [H09.1.09].

Thực hiện việc quản lý, giám sát trang thiết bị, phương tiện máy móc, cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH, PVCD của trường được giao cho phòng

CSVC&TV phụ trách [H09.1.10]. Phòng CSVC&TV có chức năng, nhiệm vụ xây dựng, giám sát thực hiện KH đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện máy móc, CSHT phục vụ HDDH, NCKH và PVCD [H09.1.11]. Trường đã thiết lập hệ thống dữ liệu theo dõi đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo đó là sổ tài sản các đơn vị [H09.1.05], lên kế hoạch, quyết định kiểm kê, lịch kiểm kê tài sản và làm báo cáo đánh giá công tác quản lý tài sản tại đơn vị hàng năm [H09.1.12], [H09.1.13], các bảng theo dõi sửa chữa, bảo trì thiết bị [H09.1.14], biên bản kiểm kê nhà đất, hồ sơ các công trình xây dựng được lưu giữ và quản lý tại phòng CSVC&TV [H09.1.01], [H09.1.02].

Nhà trường triển khai xây dựng các KH mua sắm, bảo trì, sửa chữa CSVC theo đúng quy trình; hàng năm, theo thông báo trên KH, dựa trên định mức trang bị và nhu cầu thực tế, các đơn vị gửi đề xuất KH mua sắm, bảo trì, sửa chữa trang thiết bị của đơn vị mình về phòng CSVC&TV [H09.1.15]. Trên cơ sở đó, phòng CSVC&TV tổng hợp, trình hiệu trưởng xem xét phê duyệt KH mua sắm, bảo trì sửa chữa trang thiết bị, CSHT chung cho toàn Trường [H09.1.16]. Kết quả đầu tư mua sắm trang thiết bị, sửa chữa CSHT được thống kê theo dõi tại bảng thống kê tài sản mua mới, xây dựng, sửa chữa hàng năm [H09.1.17], [H09.1.18]. Đối với công tác sửa chữa thường xuyên, phòng CSVC&TV căn cứ vào phiếu báo hỏng của các đơn vị, tập hợp thành KH sửa chữa trình BGH phê duyệt để triển khai [H09.1.16]. Việc bảo trì bảo dưỡng được thực hiện tập trung chủ yếu trong kỳ hè [H09.1.19].

Các báo cáo kết quả khảo sát CBGV và HSSV về CSVC, chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập, chất lượng môi trường làm việc do phòng TCCB, TT&KDCL thực hiện hàng năm cũng là cơ sở để đánh giá hiệu quả sử dụng, mức độ đáp ứng CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học đối với từng loại hình đào tạo. Tỷ lệ hài lòng về điều kiện CSVC đối với CBGV và NH trường ĐHTB luôn ở mức tương đối cao (từ 73% đến 83%), trong đó NH ngành TCNH đạt mức 82% [H09.1.19].

2. Điểm mạnh

Hệ phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng hiện đại về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu làm việc của CB, GV và học tập của NH; đạt các tiêu chí theo chuẩn cơ sở giáo dục đại học, có diện tích sử dụng phòng học trên NH vượt tiêu chuẩn quy định ($9,09\text{m}^2/1\text{NH}$)

3. Điểm tồn tại

Một số trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy trong các phòng học chung, phòng học chuyên ngành do khoa trực tiếp quản lý đã cũ, bị hư hỏng cần được thay mới, sửa chữa kịp thời hơn. Chưa có phòng thực hành mô phỏng ngành TCNH.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, khoa KT&QT đề xuất với nhà trường và các phòng chuyên môn có phương án kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị hỗ trợ giảng dạy. Xây dựng phòng thực hành mô phỏng ngành TCNH

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các HDDH và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHTB có thư viện, phòng đọc, phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của CTĐT. Trung tâm Thông tin Thư viện được thành lập theo Quyết định số 281/QĐ-ĐHTB ngày 29/9/2012. Năm 2016, Trung tâm Thông tin Thư viện được đổi tên thành “Thư viện Trường ĐHTB” (QĐ số 216b/QĐ- ĐHTB ngày 26/4/2016). Năm 2024 Thư viện Trường ĐHTB sáp nhập với phòng Cơ sở vật chất và được đổi tên thành phòng Cơ sở vật chất và Thư viện (CSV&TV) (QĐ số 971/QĐ- ĐHTB ngày 28/12/2023) [H09.2.01], [H09.2.02]. Bộ phận Thư viện trong phòng CSV&TV có chức năng “Tham mưu giúp Hiệu trưởng về quản lý, lưu trữ và phát triển tài nguyên thông tin phục vụ công tác giảng dạy, học tập và NCKH của Trường” và nhiệm vụ: “Bổ sung, phát triển nguồn lực thông tin đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH, chuyển giao công nghệ của Nhà trường, cung cấp, chia sẻ thông tin của thư viện cho các đơn vị của Trường, tổ chức xử lý, sắp xếp, lưu trữ, bảo quản, quản lý nguồn tài nguyên của thư viện...”. Với tổng diện tích sàn hiện nay là 1.588,45 m², được đặt tại tầng 1 nhà F gồm: 01 phòng làm việc, 01 kho sách, 02 phòng máy tính để hỗ trợ SV đọc và tra cứu tài liệu [H09.2.03], [H09.2.04].

Nhà trường xây dựng các văn bản quy định về hoạt động của Thư viện gồm: quy định về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Thư viện; nội quy sử dụng Thư viện; các quy định về mượn trả tài liệu; hướng dẫn sử dụng kho sách; hướng dẫn sử dụng phòng đa phương tiện; thời gian phục vụ bạn đọc, nội quy được tóm tắt thành bảng và treo ở các cửa ra vào của Thư viện [H09.2.02], [H09.1.05]. Thư viện phục vụ bạn đọc 02 buổi/ngày thời gian hoạt động: sáng từ 7^h00giờ đến 11^h00 phút, chiều từ 13^h00 đến 17^h00 giờ, có sổ theo dõi bạn đọc vào mượn, trả tài liệu [H09.2.06]. Thư viện sử dụng phần mềm quản lý do công ty cổ phần giải pháp giáo dục - y tế Nam Việt cung cấp, có hệ thống wifi miễn phí, có bàn ghế, quạt, điều hòa và 77 máy tính để hỗ trợ các hoạt động của thư viện [H09.2.04], [H09.2.07].

Thư viện có đầy đủ học liệu (tài liệu bắt buộc) bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ), ... phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Thư viện có nguồn tài liệu in gồm: 14.220 đầu sách (68.403 bản), trong đó có 91,1% tài liệu Tiếng Việt, 6,0% tài liệu ngoại văn; 2,9% luận văn, luận án, khóa luận TN; nguồn tài liệu số: 250 đầu sách, nguồn tài liệu phục vụ người đọc tra cứu tài liệu online trên cổng thông tin: <http://thuvien.tbu.edu.vn/>; 02 cơ sở dữ liệu chuyên sâu khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý: bộ CSDL Tạp chí điện tử đa ngành SAGE e-Journals Collection gồm 962 tạp chí, địa chỉ truy cập: <https://journals.sagepub.com> và bộ CSDL Tạp chí điện tử chuyên ngành kinh tế Emerald e-Journals Collection gồm 160 tạp chí, địa chỉ truy cập: <https://www.emerald.com/insight>; tra cứu tài liệu trên Thư viện số dùng chung thuộc

Viện Nghiên cứu và Phát triển Tri thức số do Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam chủ trì theo link kết nối: <https://hub.idk.org.vn/> [H09.2.08], [H09.2.09]. Thư viện của Trường còn kết nối với Trung tâm Thông tin - Thư viện trường Đại học Hùng Vương với quyền được khai thác tài liệu điện tử thuộc nhiều lĩnh vực, chuyên ngành khác nhau nhằm làm phong phú thêm nguồn học liệu, người đọc tra cứu tài liệu liên kết qua cổng thông tin: <http://27.72.116.103> (tên đăng nhập: dhtb, pass: dhtb) [H09.2.10]. Theo CTĐT ngành TCNH có 74 ĐCCT HP [H09.2.11], [H09.2.12], nguồn học liệu phục vụ cho ngành TCNH trong Thư viện Trường hiện có 173 đầu sách, bao gồm 74 đầu giáo trình; 99 đầu tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu cho hoạt động đào tạo và NCKH của CBGV và NH CTĐT ngành TCNH. [H09.2.13].

Các tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Hàng năm, Thư viện gửi thông báo đề xuất bổ sung nguồn học liệu đến các đơn vị; căn cứ theo nhu cầu của CTĐT, khoa lập danh sách bổ sung học liệu phục vụ công tác đào tạo và NCKH; Thư viện tổng hợp, hoàn thiện quy trình bổ sung tài liệu; giai đoạn 2020-2024, Thư viện đã được bổ sung 801 đầu giáo trình/tài liệu với 1.588 bản sách (tài liệu in) và 250 tài liệu điện tử [H09.2.14]. Ngoài ra, Thư viện còn nhận được sự hỗ trợ miễn phí từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Tỉnh để bổ sung thêm các nguồn học liệu [H09.2.15]. Khoa KT&QT đã cập nhật mới giáo trình, tài liệu tham khảo có năm xuất bản từ 2020-2024 đáp ứng yêu cầu của CTĐT ngành TCNH [H09.2.13]. Tuy nhiên, số lượng bản in của một số tài liệu phục vụ ngành TCNH tại thư viện chưa nhiều.

Dữ liệu theo dõi về hoạt động của thư viện để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu được cập nhật, lưu trữ trên phần mềm thư viện và trong sổ theo dõi bạn đọc; <https://thuvien.tbu.edu.vn/> [H09.2.06]. Các nguồn học liệu của thư viện được sử dụng miễn phí, bạn đọc có thể sử dụng tại chỗ hoặc mượn về, thư viện có phòng đa phương tiện với hệ thống máy tính có kết nối Internet để tra cứu thư viện điện tử. Dữ liệu theo dõi bạn đọc vào Thư viện mượn trả tài liệu được kết hợp cả số liệu trên máy (lưu trên phần mềm quản lý Thư viện) với số liệu trong sổ (sổ theo dõi mượn trả tài liệu). Theo số liệu thống kê trên thực tế trong những năm gần đây, số lượt bạn đọc đến Thư viện mượn trả tài liệu có sự gia tăng, cụ thể: năm 2020 có 1.524 lượt; năm 2021 có 1.016 lượt; năm 2022 có 1.016 lượt, năm 2023 có 1.387 lượt, năm 2024 có 2.018 lượt, và tổng 12.065 lượt sử dụng thư viện điện tử [H09.2.06]. Kế hoạch tập huấn sử dụng và tra cứu tài liệu cho NH năm đầu đều được lồng ghép vào tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu khoá [H09.2.16].

Hàng năm, Nhà trường cũng tiến hành kiểm kê tài sản và trang thiết bị của Thư viện [H09.2.17], [H09.2.18]. Trong giai đoạn 2019 - 2024 đã đầu tư gần 2 tỷ đồng mua sắm phần mềm, tài liệu, thiết bị, sửa chữa hạ tầng cho Thư viện gồm: 02 bộ máy vi tính, 01 phần mềm quản lý Thư viện, 01 công trình xử lý môi tại Thư viện, và tài liệu... [H09.2.09(1)], [H09.2.19]. Hàng năm, Thư viện tổ chức ngày Sách và Văn hóa đọc cùng các hoạt động khác để quảng bá Thư viện và nâng cao văn hóa đọc trong CBGV, NV và

HSSV [H09.2.20].

Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan về các hoạt động giảng dạy và công tác hỗ trợ giảng dạy, trong đó có khảo sát về CSVC, nguồn tài liệu, thái độ phục vụ của NV Thư viện. Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ bạn đọc trả lời hài lòng về CSVC, nguồn tài liệu và thái độ phục vụ của NV Thư viện đạt trên 80% và tăng dần qua các năm [H09.2.21].

2. Điểm mạnh

Thư viện có đầy đủ CSVC, phần mềm, trang thiết bị, nguồn tài liệu phù hợp, luôn cập nhật phục vụ cho CTĐT của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Nguồn tài liệu tiếng nước ngoài của ngành TCNH còn hạn chế, chưa được cập nhật thường xuyên. Số lượng bản in của một số tài liệu phục vụ ngành TCNH tại thư viện chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2025 khoa KT&QT đề xuất bổ sung thêm nhiều giáo trình chuyên ngành TCNH kể cả tài liệu tiếng Việt và tiếng Anh, hàng năm phải cập nhật thường xuyên tài liệu phục vụ dạy và học của ngành TCNH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐH TB luôn quan tâm và chú trọng đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị của hệ thống phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các phòng chuyên trách nghiên cứu khoa học, phục vụ cho việc học tập và giảng dạy. Hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng thực hành với hệ thống trang thiết bị đầy đủ, hiện đại trong toàn trường đáp ứng được nhu cầu thực hành, thực tập, NCKH của NH thuộc tất cả các ngành đào tạo trong đó có ngành TCNH. Hiện tại, Nhà trường có 80 phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực tập, NCKH với tổng diện tích sàn xây dựng là 6.912 m². Các phòng được trang bị hệ thống chiếu sáng, quạt thông gió đầy đủ, điều hòa không khí, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo và NCKH.

Các phòng thực hành, thí nghiệm đặt tại các tòa nhà G, D, H và F. Sơ đồ các phòng thực hành được gắn tại lối vào các khu giảng đường, thiết kế chỉ dẫn rõ ràng giúp người sử dụng dễ dàng tiếp cận [H09.3.01]. Trường đã ban hành đầy đủ các quy chế, quy định liên quan như: quy chế quản lý tài sản, nội quy sử dụng điện, quy định phòng học, hướng dẫn sử dụng máy chiếu, nội quy phòng thực hành, phòng học [H09.3.02], [H09.3.03], [H09.3.04].

Để phục vụ đào tạo ngành TCNH, Khoa đang sử dụng 13 phòng thực hành máy tính tại tầng 1, tầng 2 và tầng 3 nhà F phục vụ cho các HP liên quan như Tin học đại cương, tin học ứng dụng. 02 phòng học đa phương tiện nằm trên tầng 3 nhà F là phòng sử dụng để làm bài giảng số phục vụ cho giảng dạy trực tuyến. Trong phòng có đầy đủ

các trang thiết bị phục vụ cho ghi bài giảng số tốt nhất: máy chiếu, máy quay video, hệ thống loa, âm thanh,... và phòng được cách âm tuyệt đối với bên ngoài [H09.3.05]. Các phòng máy tính có diện tích sàn xây dựng là 1245m² đảm bảo ánh sáng, quạt mát, điều hòa không khí và hệ thống PCCC đạt tiêu chuẩn [H09.3.06], các phòng thực hành đảm bảo dạy và học tất cả các học phần cơ bản, học phần chung và học phần ngành của ngành TCNH. Ngoài các cơ sở phòng thực hành tại trường, với đặc thù ngành TCNH NH còn được thực tế, thực tập tại các doanh nghiệp, ngân hàng để nâng cao kiến thức chuyên môn [H09.3.07].

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị để phục vụ công tác đào tạo đạt kết quả tốt. Hằng năm, Trường đều dành kinh phí cho việc đầu tư, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thực hành, xưởng thực hành. [H09.3.08], [H09.3.09], [H09.3.10], [H09.3.11], [H09.3.12], [H09.3.13], [H09.3.14], [H09.3.15]. Từ năm 2020 đến năm 2024, tổng kinh phí nhà trường đầu tư cho hoạt động mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và cơ sở hạ tầng là 8.265.492.526 đồng, chủ yếu từ nguồn kinh phí thường xuyên [H09.3.13]. Riêng trong năm 2023, Trường được Ngân hàng SHB tài trợ 147 bộ máy tính và 3 máy chủ trị giá 3.535.045.250 đồng; năm 2025, tiếp tục nhận tài trợ 70 bộ máy tính trị giá khoảng 1 tỷ đồng từ Công ty CP Phát hành sách Thanh Hóa và Công ty TNHH Nguồn nhân lực Tâm Việt [H09.3.16].

Kết quả khảo sát năm 2024 về chất lượng cơ sở vật chất, môi trường học tập, làm việc và tính hệ thống trong quản lý của trường ĐHTB cho thấy trung bình có 82,7% NH hài lòng về cơ sở vật chất (đồng ý và hoàn toàn đồng ý chiếm 82,3%), đối với GV là 76,1%. [H09.3.17]

2. Điểm mạnh

Các phòng máy tính được trang bị đầy đủ về số lượng và chất lượng, phục vụ tốt cho hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học của NH trong toàn trường và đặc biệt NH ngành TCNH; các phòng máy, trang thiết bị cơ bản phù hợp và có bổ sung, sửa chữa hằng năm.

3. Điểm tồn tại

Một số thiết bị trong các phòng thực hành, thí nghiệm đã qua thời gian sử dụng dài, sắp đến hạn thay thế, ảnh hưởng phần nào đến hiệu suất hoạt động và trải nghiệm học tập của NH.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2025–2026, Khoa KT&QT đề xuất Nhà trường và các phòng chức năng xây dựng kế hoạch bổ sung trang thiết bị cần thiết để hỗ trợ NH nhằm đảm bảo hiệu quả vận hành, đáp ứng yêu cầu đào tạo thực hành ngày càng cao.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào

tạo và nghiên cứu, Nhà trường đầu tư hạ tầng CNTT một cách đồng bộ, gồm 05 máy chủ, 03 UPS, 02 thiết bị Draytek Vigor, 01 tường lửa (Firewall) và 02 ổ cứng lưu trữ dữ liệu, được bố trí trong phòng riêng có điều hòa nhằm đảm bảo nhiệt độ vận hành ổn định; Trường đang sử dụng 36 đường truyền Internet, 56 bộ phát Wifi cùng nhiều thiết bị phụ trợ khác; trong giai đoạn 2020–2024, Nhà trường nâng cấp 27 đường truyền từ 80 Mbps lên 200 Mbps (IP tĩnh) và 01 đường truyền từ 90 Mbps lên 1000 Mbps, đồng thời đầu tư thêm 30 bộ phát Wifi miễn phí phủ sóng toàn bộ khuôn viên trường [H09.4.01], [H09.4.02], [H09.4.03].

Song song với hạ tầng mạng, Nhà trường đã trang bị phần mềm hỗ trợ cho hoạt động giảng dạy, NCKH và quản lý, bao gồm: Phần mềm quản lý đào tạo PMT-EMS Education, phần mềm quản lý Thư viện điện tử, phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp MISA.MIMOSA và phần mềm kế toán doanh nghiệp MISA SME.NET, phần mềm Zoom [H09.4.04]. Toàn bộ hệ thống máy tính, máy in, máy scan và máy photocopy phục vụ các phòng ban, giảng đường và phòng thực hành đều được kết nối Internet và mạng LAN. Hiện Trường có tổng cộng 613 máy vi tính phục vụ thực hành – thí nghiệm, 89 máy vi tính phục vụ hành chính, 52 máy in, 09 máy scan và 03 máy photocopy siêu tốc, giảng đường nhà F được trang bị Internet, máy chiếu và phòng chiếu đáp ứng tốt yêu cầu học tập [H09.4.05], [H09.4.06], [H09.4.07], [H09.4.08].

Trường duy trì cổng thông tin điện tử chính tại địa chỉ <https://tbu.edu.vn> và cổng thông tin điện tử của Khoa KT&QT tại <https://tbu.edu.vn/khoa-kinh-te-va-quan-tri.html>, phục vụ giới thiệu thông tin, công khai tài liệu, tư vấn tuyển sinh, thông báo tuyển dụng và hỗ trợ các hoạt động đào tạo [H09.4.09].

Hệ thống công nghệ thông tin hoạt động ổn định, an toàn để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định, quy chế về an toàn thông tin và bảo mật cho hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng [H09.4.10], [H09.4.11], trong đó quy định rõ các yêu cầu về quản lý vận hành và biện pháp kỹ thuật nhằm bảo vệ hệ thống. 100% phòng làm việc, hội trường, thư viện, ký túc xá và các phòng thực hành CNTT đều được kết nối mạng Internet, mạng LAN và Wifi, đảm bảo hệ thống CNTT toàn trường hoạt động ổn định [H09.4.12], [H09.4.13], [H09.4.14], [H09.4.15].

Việc phân quyền sử dụng các phần mềm được thực hiện rõ ràng đảm bảo CB, GV, NV và NH có thể truy cập, khai thác dữ liệu liên quan đến đào tạo và nghiên cứu thông qua tài khoản cá nhân. CBGV-NV được cấp email nội bộ; NH được cấp tài khoản để đăng ký học phần, tra cứu điểm, theo dõi học phí, thời khóa biểu và điểm rèn luyện [H09.4.16], [H09.4.17], [H09.4.18].

Để đảm bảo hệ thống hạ tầng CNTT được vận hành liên tục, ổn định, Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng và cập nhật hệ thống mạng, thiết bị CNTT, đồng thời phát triển và khai thác ứng dụng tiện ích trên Website để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Các hoạt động sửa chữa, duy tu và nâng cấp hệ thống CNTT được thực hiện theo đúng quy trình mua sắm tài sản [H09.4.19],

[H09.4.20], [H09.4.21]. Nhà trường có bộ phận Quản trị mạng thuộc Văn phòng với 03 nhân sự chuyên trách và Ban biên tập – quản trị Website gồm 08 thành viên do một Phó Hiệu trưởng làm Trưởng ban **[H09.4.22], [H09.4.23]**.

Hàng năm, Nhà trường lập kế hoạch rà soát, bảo mật và đánh giá hạ tầng CNTT **[H09.4.24]**, thống kê và theo dõi thiết bị **[H09.4.25]**, đồng thời phối hợp với Khoa CN&KT tổ chức bảo trì máy tính, thiết bị mạng vào dịp hè **[H09.4.26]**. Trong giai đoạn 2020–2024, Trường đã đầu tư 8.265.492.526 đồng cho mua sắm mới, duy tu và bảo dưỡng hệ thống CNTT; mua sắm 192 máy tính, 27 máy in, 17 máy chiếu, 3 máy photocopy, 4 hệ thống camera, 1 máy chủ, 2 UPS, 1 Draytek Vigor, 1 Firewall, 5 ổ cứng lưu trữ, cùng các phần mềm diệt virus, quản lý thư viện, QLĐT **[H09.4.01], [H09.4.04], [H09.4.21], [H09.4.27]**. Ngoài ra, Trường được Ngân hàng SHB tài trợ 147 bộ máy tính và 3 máy chủ trị giá 3.535.045.250 đồng; năm 2025, tiếp tục nhận tài trợ 70 bộ máy tính trị giá khoảng 1 tỷ đồng từ Công ty CP Phát hành sách Thanh Hóa và Công ty TNHH Nguồn nhân lực Tâm Việt **[H09.4.28]**.

Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của GV, NH về mức độ đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin. Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của người học về “Trang thiết bị phòng máy tính/thực hành đáp ứng yêu cầu học tập” đạt từ 76,60% đến 85,68% trong giai đoạn 2020–2024; mức độ hài lòng của CB, GV về “Trang thiết bị phục vụ phòng thực hành đáp ứng yêu cầu hỗ trợ giảng dạy và nghiên cứu” đạt trung bình trên 80% trong giai đoạn 2020–2024 **[H09.4.29]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường không ngừng nâng cấp hạ tầng CNTT bao gồm: phòng họp trực tuyến, đường truyền Internet và các trang thiết bị công nghệ thông tin; đồng thời hệ thống phần mềm hỗ trợ được triển khai đồng bộ, kết hợp với hệ thống giám sát thiết bị nhằm kịp thời phát hiện xử lý sự cố, giảm thiểu gián đoạn nâng cao hiệu quả quản lý, hỗ trợ giảng dạy, học tập, NCKH và đảm bảo hệ thống CNTT vận hành ổn định, bền vững.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống Wifi đã được phủ sóng toàn trường nhưng vẫn còn một số vị trí gặp khó khăn trong việc truy cập mạng.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, Nhà trường có kế hoạch và tiến hành thực hiện việc bảo dưỡng và nâng cấp hệ thống mạng không dây để đảm bảo truy cập được thuận lợi.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Nhà trường đã xác định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn theo đúng quy định hiện hành, đồng thời chú trọng đến nhu cầu của người khuyết tật. Trường đã ban hành hệ thống văn bản, quy chế, nội quy và triển khai nhiều giải pháp nhằm đảm

bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, an toàn tại khuôn viên, khu chức năng, phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và ký túc xá. Các tiêu chuẩn được áp dụng tuân thủ TCVN 3981:1985 về thiết kế trường đại học, đảm bảo mức chiếu sáng, hạn chế tiếng ồn, cung cấp nước uống đạt chuẩn, nhà vệ sinh hợp vệ sinh và cảnh quan xanh – sạch – đẹp. Nội quy, quy định được tóm tắt, niêm yết công khai tại các phòng học, khu nhà để mọi thành viên nắm rõ và thực hiện **[H09.5.01]**.

Nhà trường đã ban hành quy định về công tác y tế học đường, phòng cháy chữa cháy (PCCC), nội quy sử dụng điện an toàn, thông báo về vệ sinh phòng học... **[H09.5.01]**, **[H09.5.02]**, **[H09.5.03]**, đồng thời ký kết quy chế phối hợp với công an và chính quyền địa phương để tăng cường đảm bảo an ninh trật tự trong môi trường giáo dục **[H09.5.04]**, **[H09.5.05]**.

Các qui định, tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn luôn được triển khai thực hiện, cụ thể như sau: đầu tư thiết bị bảo vệ môi trường, chăm sóc cây xanh, mua sắm dụng cụ vệ sinh, nâng cấp hệ thống nước sạch, nạo vét thoát nước, thu gom rác thải, phòng chống dịch bệnh, trang bị y tế **[H09.5.06]**, **[H09.5.07]**, **[H09.5.08]**; Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và PCCN, tổ chức cho CBGV, NH toàn trường ký cam kết về đảm bảo ANTT, ATGT và PCCN dịp lễ tết các năm **[H09.5.09]**; xây dựng kế hoạch tập huấn nghiệp vụ PCCC và phương án cứu nạn cứu hộ **[H09.5.10]**.

Bộ phận y tế với nhân sự có trình độ chuyên môn (cử nhân điều dưỡng, chứng chỉ hành nghề) và trang bị đầy đủ tủ thuốc, dụng cụ khám chữa bệnh ban đầu; về vấn đề sức khỏe, hằng năm nhà trường tổ chức khám định kỳ cho CBGV và NH nhằm đảm bảo đủ tiêu chuẩn sức khỏe và tinh thần để làm việc và học tập. **[H09.5.11]**, **[H09.5.08]**, **[H09.5.12]**. NH được tham gia đóng BHYT, BHTT theo đúng quy định.. Công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn: phun khử khuẩn, phun thuốc phòng dịch; bổ sung dụng cụ, thuốc. **[H09.5.07]**, **[H09.5.08]**. Để tăng cường rèn luyện sức khỏe Nhà trường đầu tư phòng tập, sân bãi và các thiết bị thể thao. **[H09.5.12]**

Bộ phận vệ sinh, cảnh quan môi trường gồm 7 nhân viên đảm nhiệm vệ sinh giảng đường, xưởng thực hành, khu vệ sinh, chăm sóc cây xanh, đảm bảo môi trường học tập xanh – sạch – đẹp **[H09.5.13]**. Hệ thống thoát nước được bảo dưỡng định kỳ **[H09.5.14]**, rác thải được thu gom hằng ngày **[H09.5.15]**, nước sạch được xét nghiệm thường xuyên **[H09.5.16]**.

Lực lượng bảo vệ gồm 9 người trực 24/24, phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh, an toàn tài sản và tính mạng cho CBGV-NV và NH **[H09.5.04]**, **[H09.5.05]**. Nhà trường đầu tư hệ thống camera giám sát tại cổng, các khu vực trọng yếu và các phòng học **[H09.5.17]**, **[H09.5.18]**. Ban Chỉ đạo PCCC và các đội PCCC cơ sở được thành lập với 85 thành viên, thường xuyên được tập huấn và được trang bị phương tiện chữa cháy đầy đủ **[H09.5.19]**, **[H09.5.20]**.

Giai đoạn 2020–2024, Nhà trường đã cải thiện đáng kể môi trường, sức khỏe, an toàn và khả năng tiếp cận: nâng cấp hệ thống nước sạch, bổ sung camera, thiết bị PCCC, ký kết quy chế phối hợp an ninh, lắp đường xe lăn và dụng cụ hỗ trợ người khuyết tật [H09.5.21]. Hàng năm có báo cáo về chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và môi trường [H09.5.11].

Trong nhiều năm qua, Nhà trường không xảy ra dịch bệnh, cháy nổ, mất mát tài sản hoặc các tệ nạn xã hội; môi trường học tập luôn an toàn, thân thiện và nhân văn.

Hàng năm, Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của GV, NH về chất lượng môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. Nhà trường đã tiến hành khảo sát các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ hài lòng của người học về “công tác chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu” qua các năm 2020–2024 đạt từ: 78,33% - 89,30% [H09.5.22]. Ngoài ra, kết quả khảo sát và biên bản kiểm tra của cơ quan PCCC [H09.5.23] được sử dụng làm cơ sở cải tiến. Tuy nhiên, phiếu khảo sát hiện chưa có nội dung riêng về nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn quan tâm đến sức khỏe của CBGV và NH; có qui định các tiêu chuẩn, tổ chức triển khai và thực hiện về môi trường, sức khỏe và an toàn; hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ để đảm bảo cho mọi người đủ sức khỏe trong đào tạo và nghiên cứu, đồng thời chú trọng đến nhu cầu của người khuyết tật.

Cảnh quan môi trường, hệ thống cây xanh tạo không gian thoáng mát, thoải mái. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn tài sản và tính mạng cho CBGV-NV và NH được đặc biệt chú trọng.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống hỗ trợ dành cho NH khuyết tật chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026 nhà trường tiếp tục bổ sung, cải tạo các hạng mục CSVC để phục vụ người khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Kết luận tiêu chuẩn 9

Cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường đã đáp ứng cho các hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và NH ngành TCNH nói riêng. Phòng máy tính để thực hành được trang bị hiện đại, thư viện của Trường được đầu tư đầy đủ trang thiết bị và các đầu sách học tập, tham khảo. Cơ sở hạ tầng và hệ thống CNTT, các phần mềm hỗ trợ công việc đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH, quản lý và các công tác khác. Nhà trường có hội trường, ký túc xá, nhà ăn và Phòng khám sơ cứu ban đầu để phục vụ nhu cầu thể thao, văn nghệ, chăm sóc sức khỏe cho CB, GV và NH. Trường thực hiện tốt các chính sách quy định về bảo vệ an toàn sức khỏe và môi trường. Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất, các trang thiết bị phần mềm thông tin, các tài liệu tham khảo, giáo trình. Nâng cao công tác an toàn môi trường sức

khỏe để nâng cao chất lượng về cơ sở vật chất để phục vụ cho công tác giảng dạy NCKH. Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 9 có 4/5 tiêu chí đạt 5/7, 1/5 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu: Trường ĐHTB xác định tầm nhìn đến năm 2030 là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực có tính ứng dụng, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, thành thạo tay nghề, là CSGD có uy tín trong nước và tiếp cận khu vực. Do vậy, Nhà trường rất chú trọng việc nâng cao chất lượng ở các ngành đào tạo; trong đó, CTĐT ngành TCNH trình độ đại học được Trường ĐHTB tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đầu tư và các lĩnh vực kinh tế liên quan. Công tác nâng cao chất lượng được thực hiện chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ (GV, SV, CSV, NTD, chuyên gia, nhà khoa học) để thiết kế và phát triển CTDH đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả NCKH nhằm cải tiến việc dạy học và học tập cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các BLQ.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực khi thiết kế CTDH và phản hồi từ các BLQ. CTĐT ngành TCNH được thiết kế và liên tục cập nhật, điều chỉnh theo Quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHTB để đáp ứng nhu cầu xã hội; trong giai đoạn 2020-2024, CTĐT ngành TCNH đã được điều chỉnh vào năm 2021 và 2023 [H10.1.01]. Nhà trường ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể về điều chỉnh, rà soát CTĐT, quyết định thành lập Hội đồng rà soát, Tổ rà soát để triển khai thực hiện [H10.1.02]. Căn cứ vào văn bản của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHTB, để rà soát, điều chỉnh CTĐT ngành TCNH, Trường ĐHTB và Khoa KT&QT đã thiết lập hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi của các bên liên quan gồm DN sử dụng lao động, SV, CSV, GV và chuyên gia [H10.1.03]. Căn cứ KH ĐBCL giáo dục hằng năm, trong đó quy định loại hình khảo sát, đơn vị chịu trách nhiệm thu thập – xử lý thông tin và báo cáo kết quả, Nhà trường ban hành và triển khai KH, quyết định khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ, đồng thời giao các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo đúng quy định. Việc thu thập ý kiến BLQ được tiến hành một cách hệ thống và bằng nhiều hình thức như khảo sát trực tuyến, phát phiếu, phỏng vấn trực tiếp/quá điện thoại, tổ chức hội thảo chuyên môn,... nhằm phục vụ công tác xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT [H10.1.04], [H10.1.05], [H10.1.06]. Ngoài ra, khoa còn tổ chức hội nghị chuyên môn cấp khoa, họp Hội đồng khoa học cấp khoa để đóng góp ý kiến cho việc rà soát CTĐT [H10.1.07];

Đối với SV đang học, hằng năm Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của các SV về hoạt động giảng dạy HP của GV, về chất lượng môi trường học tập và phản hồi của SV năm cuối về CTĐT bằng hình thức khảo sát online [H10.1.06]

Đối với CSV, NTD, Nhà trường thu thập ý kiến bằng nhiều hình thức: gửi phiếu khảo sát trực tiếp, khảo sát online qua nhóm Zalo, Facebook qua email hoặc phỏng vấn qua điện thoại, tổ chức các hội thảo về đào tạo gắn với thực tiễn, đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.1.06]. Trong các hội thảo này, đại diện các cơ sở thực tập - đồng thời là người sử dụng lao động đã, đang sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa/hoặc tiếp nhận SV đang học của Khoa đến thực tập - đã nêu các ý kiến và trao đổi trực tiếp với lãnh đạo, GV và SV của Khoa về nhu cầu thực tế đối với CTĐT theo CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H10.1.08]. Bên cạnh đó, hằng năm, theo quy định của Nhà trường, khi kết thúc mỗi đợt thực tập, các cơ sở thực tập đều gửi nhận xét, đánh giá về kết quả thực tập và năng lực SV để Khoa có cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp thực tiễn [H10.1.09], [H10.1.10] việc khảo sát thị trường lao động và nhu cầu nguồn nhân lực cũng được thực hiện thông qua khảo sát trực tiếp các DN, ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty bảo hiểm và các tổ chức tuyển dụng có liên quan [H10.1.11]

Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được thu thập, xử lý và sử dụng để phát triển CTDH ngành TCNH tại Trường ĐHTB. Kết hợp ý kiến phản hồi của các BLQ, các ý kiến trao đổi, góp ý và nhu cầu của các bên liên quan như các chuyên gia, CB quản lý, GV, SV, CSV và NTD, đồng thời tham khảo các CTĐT ngành TCNH của các trường đại học trong nước, Khoa KT&QT thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật CTĐT [H10.1.13]. CTĐT ngành TCNH đã được rà soát năm 2021, 2023 đảm bảo đáp ứng nhu cầu xã hội và đã được ban hành, công bố trên website Nhà trường [H10.1.01]. Kết quả CTĐT, CTDH ngành TCNH qua mỗi lần rà soát có sự thay đổi, điều chỉnh. Cụ thể, CTĐT năm 2023 so với CTĐT năm 2021 đã có những cải tiến theo hướng ưu việt hơn:

Về định hướng đào tạo theo CDIO: Chương trình đào tạo năm 2023 được thiết kế theo định hướng CDIO (Conceive – Design – Implement – Operate), nhấn mạnh việc đào tạo sinh viên một cách toàn diện về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, đồng thời tập trung vào năng lực thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội [H10.1.14].

Về mục tiêu chương trình đào tạo cụ thể hơn: Phiên bản 2023 bổ sung mục tiêu cụ thể thứ 6 (PG6): "Có tư duy độc lập, sáng tạo và phản biện; có phẩm chất đạo đức, chính trị và tuân thủ pháp luật", thể hiện sự chú trọng hơn vào phát triển tư duy phản biện và trách nhiệm công dân [H10.1.14].

Về chuẩn đầu ra được chi tiết hóa và rõ ràng hơn: Chuẩn đầu ra về kiến thức năm 2023 có thêm PLO4: "Áp dụng kiến thức về CNTT làm công cụ hỗ trợ, quản lý các vấn đề trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng" và PLO7: "Phân tích các tình huống thực tế khi tham gia thực hành, thực tế tại các đơn vị và tổ chức", nhấn mạnh khả năng ứng dụng CNTT và phân tích thực tiễn. Các chuẩn đầu ra về kỹ năng được mở rộng, bao gồm PLO8 "Thể hiện khả năng thích ứng với môi trường, công việc mới và dẫn dắt khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, tạo việc làm cho mình và cho người khác", PLO11 "Phát triển kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc", PLO12 "Phát

triển kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, tư duy sáng tạo và phản biện", và PLO13 "Phát triển kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin" [H10.1.14].

Về Cơ cấu khối kiến thức có sự điều chỉnh: Tổng số tín chỉ vẫn là 130, nhưng khối kiến thức giáo dục đại cương giảm từ 33 tín chỉ (năm 2021) xuống 29 tín chỉ (năm 2023). Chương trình cũng được phân chia rõ ràng thành 5 khối kiến thức chính (M1-M5), bao gồm Kiến thức giáo dục đại cương, Kiến thức cơ sở liên ngành, Kiến thức nhóm ngành, Kiến thức ngành và Kiến thức định hướng chuyên ngành [H10.1.14].

Xác định rõ định hướng chuyên ngành: Chương trình năm 2023 đưa ra các chuyên ngành định hướng sâu hơn, bao gồm "Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng", "Chuyên ngành Thuế Nhà nước" và "Chuyên ngành Công nghệ Tài chính", cho phép sinh viên lựa chọn chuyên sâu theo sở thích và nhu cầu thị trường [H10.1.14].

2. Điểm mạnh

Hệ thống thu thập thông tin của nhà trường đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng Phòng, Khoa. Trên cơ sở đó các bộ phận chịu trách nhiệm đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ để tiến hành rà soát, điều chỉnh, phát triển CTĐT, CTDH. Việc lấy ý kiến phản hồi được thực hiện trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Nhà trường; được lập KH và tổng hợp kết quả để làm căn cứ điều chỉnh, phát triển qua mỗi lần rà soát CTĐT, CTDH.

3. Điểm tồn tại

Việc tham khảo ý kiến của các chuyên gia **trong** nước còn hạn chế và chưa tiến hành tham khảo ý kiến của các chuyên gia nước ngoài để phát triển CTĐT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong lần rà soát CTĐT tiếp theo, Khoa KT&QT kết nối với các trường đại học, các viện nghiên cứu và các đối tác khác để tăng cường liên kết, tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong nước, các chuyên gia và nhà khoa học quốc tế về phát triển CTĐT ngành TCNH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Việc thiết kế và phát triển CTĐT tại trường ĐHTB được thực hiện theo quy trình đã được thiết kế. Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT hiện hành được hướng dẫn cụ thể tại Quyết định số 591/QĐ-ĐHTB ngày 14/9/2021 về Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định, ban hành CĐR và CTĐT trình độ ĐH tại Trường ĐHTB [H10.2.01]. Trong đó quy định: Quy trình xây dựng CĐR và CTĐT gồm 10 bước và Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR và CTĐT gồm 7 bước.

Việc đánh giá quá trình thiết kế và phát triển CTĐT tại Trường ĐHTB đã được thực hiện nghiêm túc, có hệ thống và được lồng ghép hiệu quả trong chu trình cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường [H10.2.01]. Để thực hiện việc rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến ý phản hồi rộng rãi từ các bên liên quan (GV, chuyên gia, nhà khoa học, DN, SV đang học, SV **trước khi** tốt

nghiệp và CSV) với hình thức khảo sát đa dạng, linh hoạt (Khảo sát trực tiếp bằng phiếu, khảo sát online, phỏng vấn tại các hội nghị, hội thảo,..) [H10.2.02], [H10.2.03], [H10.2.04]. Ngoài ra, để có những đề xuất cải tiến phù hợp, khoa KT&QT còn tham khảo quy trình của các trường ĐH trong nước [H10.2.05]. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, đánh giá để làm căn cứ đề xuất những điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế [H10.2.02], [H10.2.03], [H10.2.04].

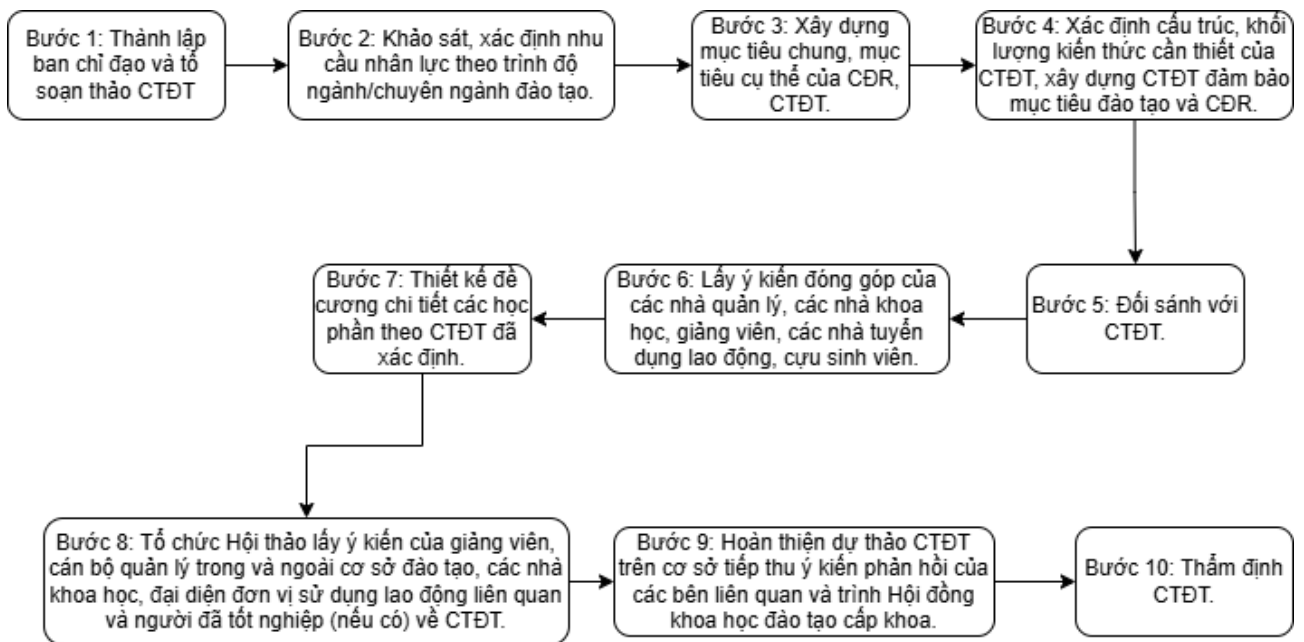
Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT ở các lần ban hành khác nhau có sự thay đổi, điều chỉnh và bổ sung phù hợp với yêu cầu phát triển của từng giai đoạn, cụ thể:

Năm 2019, sau khi thực hiện rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTĐT, Nhà trường ban hành Quyết định Số 111/QĐ-ĐHTB ngày 25/3/2019 về Quy định phát triển CTĐT trình độ ĐH của Trường ĐHTB. Trong đó, có quy trình thiết kế đánh giá CTĐT gồm 10 bước xây dựng chương trình và 7 bước rà soát, đánh giá, chỉnh sửa CDR, CTĐT [H10.2.06].

Năm 2021, Nhà trường ban hành Quyết định số 591/QĐ-ĐHTB ngày 14/9/2021 về Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định, ban hành CDR và CTĐT trình độ ĐH tại Trường ĐHTB. Trong đó quy định Quy trình xây dựng CDR và CTĐT gồm 10 bước và Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CDR và CTĐT gồm 7 bước. Các quy trình thực hiện từ năm 2021 đã được chỉnh sửa, hoàn thiện so với các quy trình đã được ban hành năm 2019 để phù hợp với yêu cầu thực tế và đạt hiệu quả hơn [H10.2.01].

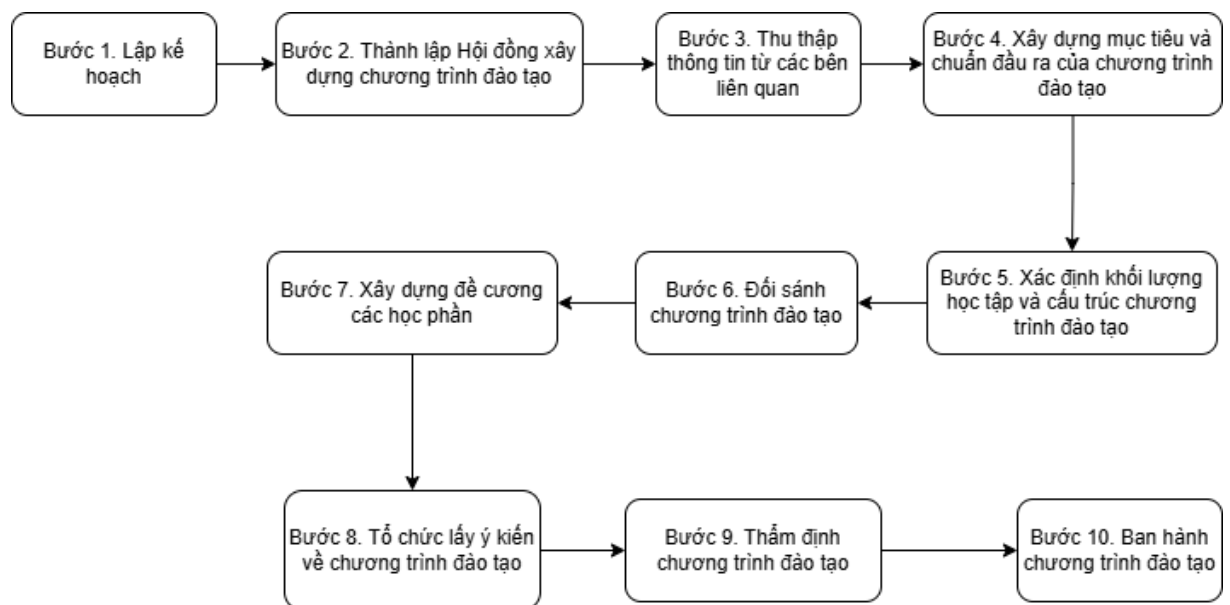
Quy trình xây dựng CTĐT năm 2021 đã được cải tiến so với năm 2019 qua việc chi tiết hóa và chuẩn hóa các tiêu chí [H10.2.07], [H10.2.08]. Cụ thể, việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT được quy định rõ ràng hơn về số lượng và trình độ thành viên, đảm bảo sự tham gia của các chuyên gia và đại diện nhà tuyển dụng ngay từ đầu. Quy trình thu thập thông tin từ các bên liên quan cũng được cải tiến theo hướng áp dụng đa dạng và linh hoạt các phương pháp, hình thức, đối tượng và quy mô khảo sát, giúp CTĐT được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế và đa chiều hơn. Đặc biệt, năm 2021 bổ sung bước đối sánh CTĐT với các chương trình uy tín trong nước nâng cao tính cạnh tranh và hội nhập của CTĐT. Quy trình thẩm định cũng chặt chẽ hơn, yêu cầu Hội đồng thẩm định độc lập với Hội đồng xây dựng và có kết luận rõ ràng, minh bạch, được thể hiện qua các sơ đồ sau:

Hình 10.2. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo thực hiện từ năm 2019



(Nguồn: Quyết định Số 111/QĐ-ĐHTB ngày 25/3/2019 về Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHTB)

Hình 10.3. Quy trình xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo thực hiện từ năm 2021

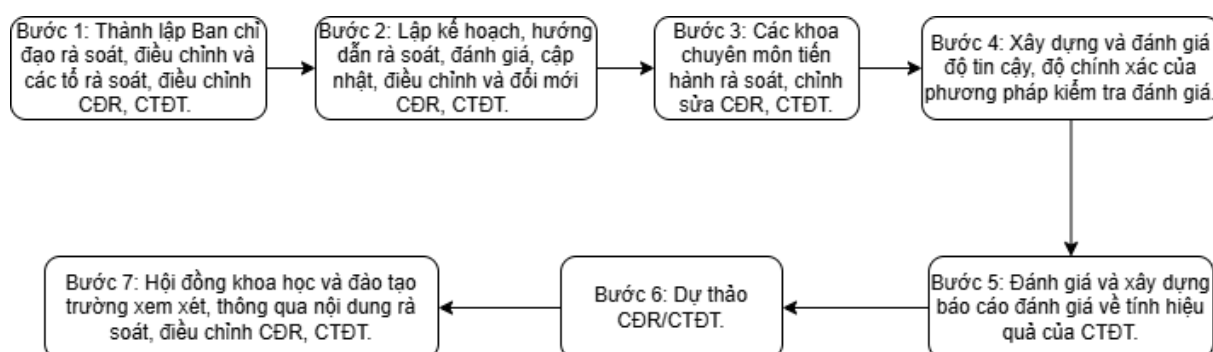


(Nguồn: Quyết định số 591/QĐ-ĐHTB ngày 14/9/2021 về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường ĐHTB)

Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT năm 2021 đã được làm rõ và chuyên sâu hơn so với năm 2019. Việc thu thập thông tin được tối ưu hóa bằng cách tận dụng

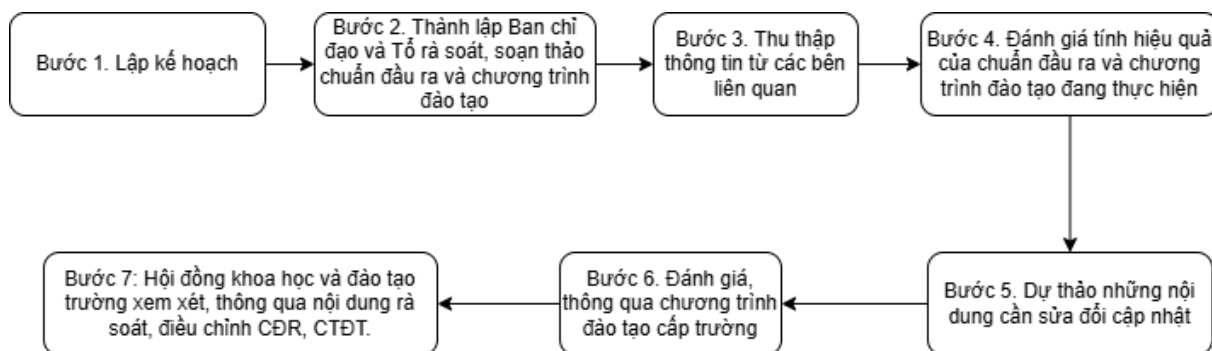
dữ liệu đã có và bổ sung thông tin cần thiết từ nhiều đối tượng liên quan. Bước đánh giá tính hiệu quả của CTĐT hiện hành cũng chi tiết hơn, bao gồm đối sánh với các chương trình trong và ngoài nước và dự kiến tác động của các thay đổi. Đặc biệt, quy trình dự thảo các nội dung sửa đổi, cập nhật được mô tả cụ thể về các yếu tố cần điều chỉnh (như cấu trúc, khối lượng, kế hoạch đào tạo, ma trận kỹ năng, phương pháp dạy/học) và giao trách nhiệm rõ ràng cho từng cấp độ từ tổ rà soát đến khoa chuyên môn [H10.2.01], [H10.2.06].

Hình 10.4. Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới CDR, CTĐT thực hiện từ năm 2019



(Nguồn: Quyết định Số 111/QĐ-DHTB ngày 25/3/2019 về Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường DHTB)

Hình 10.5. Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo thực hiện từ năm 2021:



(Nguồn: Quyết định số 591/QĐ-DHTB ngày 14/9/2021 về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường DHTB)

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và triển khai Quy trình thiết kế và phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) một cách thống nhất, đồng bộ. Quy trình này được định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến dựa trên cơ sở khoa học là các thông tin phản hồi từ các BLQ, nhằm

nâng cao chất lượng chương trình, đáp ứng yêu cầu đào tạo phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

3. Điểm tồn tại

Việc Cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa có sự tham khảo của các trường trong khu vực và quốc tế có đào tạo ngành TCNH.

4. Kế hoạch hành động

Trong chu kỳ rà soát tiếp theo, nhà trường sẽ lựa chọn thêm các CTĐT từ các trường ĐH uy tín trong khu vực và quốc tế để thực hiện đối sánh nội dung, chuẩn đầu ra và cấu trúc chương trình, từ đó điều chỉnh phù hợp với xu thế hội nhập; mời các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài trường tham gia góp ý chương trình thông qua hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên môn hoặc khảo sát chuyên sâu theo lĩnh vực đào tạo với phạm vi rộng rãi hơn để làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

1. Mô tả

Để nâng cao chất lượng đào tạo, trong quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Các quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học để đảm bảo sự tương thích với CĐR của Nhà trường đã được cụ thể hóa trong các văn bản: Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và các hội đồng trực thuộc Trường [H10.3.01], Quy chế đào tạo trình độ đại học [H10.3.02], [H10.3.03], Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHTB [H10.3.04]; Quy định về quản lý đồ án, khóa luận tốt nghiệp đối với bậc ĐH đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHTB [H10.3.05]; Quy định chấm thi, chấm phúc khảo bài thi [H10.3.06]; Quy định về việc xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi/ đáp án kết thúc HP/môn học/module Trường ĐHTB [H10.3.07]; Quy định công tác quản lý, in, cấp phát văn bằng, chứng chỉ và nhận kết quả học tập [H10.3.08]; Quy định phát triển CTĐT trình độ ĐH của Trường ĐHTB [H10.3.09], Quy định về chuẩn CTĐT, xây dựng, thẩm định, ban hành CĐR và chương trình đào tạo trình độ đại học tại Trường ĐHTB [H10.3.10]; Quy chế tuyển sinh liên thông trình độ ĐH, CĐ hệ chính quy Trường ĐHTB [H10.3.11]; nội quy phòng học đối với HSSV [H10.3.12]; Quy định cấp xét học bổng khuyến khích học tập cho HSSV hệ đào tạo chính quy [H10.3.13], [H10.3.14]; Quy chế công tác HSSV [H10.3.15], [H10.3.16]; Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của GVCN/CVHT tại Trường ĐHTB [H10.3.17]; Quyết định thành lập tổ kiểm tra thực hiện nề nếp [H10.3.18].

Nhằm đảm bảo và cải tiến chất lượng đào tạo, Trường ĐHTB đã có nhiều hình thức giám sát các hoạt động dạy và học. Việc giám sát hoạt động dạy và học trong

Trường được giao cho các phòng chức năng: phòng Đào tạo &HSSV; phòng TCCB, TT&KĐCL và các khoa chuyên môn.

Phòng Đào tạo &HSSV theo dõi tiến độ giảng dạy, tình thực thực hiện thời khóa biểu lên lớp của GV, cập nhật dữ liệu giảng dạy hàng ngày, duyệt tạm ngưng, báo bù, dạy thay, điều chỉnh phòng học, điều chỉnh thời khóa biểu. Sự thay đổi về thời khóa biểu phải thực hiện trước 16h00 của ngày hôm trước được phòng Đào tạo &HSSV duyệt và công bố công khai cho SV, GV và các đơn vị có liên quan biết qua trang thông tin của Nhà trường. Phòng Đào tạo &HSSV kiểm tra chuyên cần của sinh viên thông qua việc giảng viên điểm danh trên phần mềm PMT EMS Education sau mỗi buổi học [H10.3.19].

Phòng TCCB, TT&KĐCL thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động lên lớp của GV, hoạt động học trên lớp của SV, hoạt động của các đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ dạy và học. Hàng ngày chuyên viên của phòng TCCB, TT&KĐCL theo dõi, kiểm tra lịch giảng dạy, tác phong sư phạm đối với GV, ý thức, thái độ học tập của SV, ghi chép vào sổ nhật ký theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thanh tra gửi các đơn vị vào cuối mỗi tháng hoặc đầu tháng sau để đơn vị kịp thời kiểm điểm, chấn chỉnh, báo cáo này được sử dụng là một trong những căn cứ để đánh giá thi đua của GV [H10.3.20], [H10.3.21]

Ngoài hoạt động thanh tra chuyên trách của phòng TCCB, TT&KĐCL, Nhà trường còn có các hoạt động kiểm tra đột xuất hoạt động giảng dạy và học do BGH chủ trì. Nhà trường thành lập tổ kiểm tra việc thực hiện nề nếp và quản lý hoạt động giảng dạy hàng ngày, thực hiện kiểm tra đột xuất với nội dung: thực hiện quy trình lên lớp, giảng dạy của giảng viên; ý thức chấp hành nội quy, quy định lớp học của HSSV [H10.3.18].

Khoa KT&QT chỉ đạo trưởng ngành, trưởng HP thực hiện giám sát các hoạt động dạy và học qua việc kiểm tra tình hình thực hiện KH đào tạo, thời khóa biểu qua kiểm tra ghi chép trên sổ tay GV của GV. Trong đó, trưởng HP chịu trách nhiệm trước trưởng ngành về chất lượng của HP từ việc phân công GV giảng dạy, đánh giá kết quả học tập của SV, ra đề, chấm thi, ... [H10.3.22]. GV khi lên lớp sử dụng phần mềm PMT-EMS Education để theo dõi chuyên cần của SV, ghi nhận kết quả học tập, ghi chép nhận xét giảng dạy của từng buổi học [H10.3.19]. Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng đào tạo, tạo không khí sôi nổi thi đua chào mừng kỷ niệm Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, Nhà trường tổ chức hội giảng và kiểm tra hồ sơ chuyên môn của giảng viên. Hoạt động này được thực hiện trong giai đoạn 2020-2022.

Cán bộ thư viện thực hiện giám sát việc mượn tài liệu của GV, SV trong Nhà trường. Định kỳ Nhà trường căn cứ vào báo cáo tình hình sử dụng thư viện để giám sát, hoạt động tự học, tự nghiên cứu của SV [H10.3.23].

Vào cuối mỗi học kỳ, phòng TCCB, TT&KĐCL phối hợp cùng trợ lý giáo vụ khoa KT&QT thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ NH về hoạt động giảng dạy của GV ở mỗi HP thông qua phiếu khảo sát gồm các câu hỏi đóng và câu hỏi mở với các nội dung tập trung vào 4 tiêu chí: (1) chuẩn bị HP, (2) phương pháp giảng dạy/hướng dẫn

của GV, (3) tác phong sư phạm, (4) kiểm tra, đánh giá kết quả học tập [H10.24]. Phòng TCCB, TT&KĐCL lập báo cáo kết quả khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV cuối học kỳ, báo cáo này sẽ được gửi về các khoa, là một nguồn thông tin để các đơn vị đánh giá chất lượng GV và đổi mới hoạt động dạy và học. Việc lấy ý kiến phản hồi của NH về quá trình dạy - học và đánh giá KQHT của NH đã được Nhà trường thực hiện định kỳ với các HP và coi đó là cơ sở cho việc cải tiến công tác dạy-học và kiểm tra đánh giá, đảm bảo sự tương thích với CĐR của HP, CĐR của ngành học. Nội dung liên quan đến giảng dạy và KTĐG tập trung vào 4 tiêu chí: (1) Công tác chuẩn bị cho HP, (2) Phương pháp giảng dạy/hướng dẫn của GV, (3) Kiểm tra đánh giá kết quả học tập, 4) Tác phong sư phạm. Kết quả qua các năm các tiêu chí trên đều đạt trung bình trên 90%. [H10.3.25], [H10.3.26], [H10.3.27], [H10.3.28]

Khoa KT&QT tổ chức các buổi hội thảo đổi mới PPGD nhằm cải tiến và đảm bảo chất lượng đào tạo [H10.3.29].

Từ kết quả khảo sát của SV và CSV, khoa KT&QT và GV rút kinh nghiệm để cải tiến PPGD, phương pháp thi, kiểm tra. Ngay sau khi có ý kiến tổng hợp từ kết quả khảo sát SV đánh giá GV nhận được từ phòng TCCB, TT&KĐCL, khoa KT&QT tiến hành họp trao đổi với các GV, rút kinh nghiệm về nội dung, phương pháp giảng dạy, các hình thức kiểm tra và đánh giá trong CTĐT. Cũng từ kết quả khảo sát, nhiều HP được thay đổi hình thức thi và kiểm tra từ tự luận truyền thống sang trắc nghiệm thực hiện bài thi trên giấy (HP Lý thuyết tài chính tiền tệ 1, Lý thuyết tài chính tiền tệ 2, ...), từ tự luận sang tự luận kết hợp với trắc nghiệm thực hiện trên bài thi giấy (HP Tài chính doanh nghiệp, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, ...) [H10.3.30], [H10.3.31], [H10.3.32], [H10.3.33], [H10.3.34]

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học ngành TCNH được tổ chức bài bản, đảm bảo thực hiện đúng các quy định, quy chế đào tạo đại học và hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ và chặt chẽ.

3. Điểm tồn tại

Việc ứng dụng CNTT trong công tác đánh giá KQHT của NH vẫn còn hạn chế. Cụ thể, trong CTĐT phương pháp kiểm tra/đánh giá của các HP thi trắc nghiệm chủ yếu được thực hiện trên bài thi giấy, chưa cập nhật ứng dụng CNTT trong công tác tổ chức thi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025-2026, Khoa KT&QT sẽ phối hợp với phòng ĐT&HSSV, trung tâm Tin học Ngoại ngữ và GDNN - GDTX, các Khoa chuyên môn thực hiện việc tập huấn cho giảng viên và chuyển đổi hình thức thi trắc nghiệm trên giấy của một số HP sang thi trên máy tính.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Đối với GV, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà là trách nhiệm. Các đề tài NCKH, sách và hội thảo khoa học liên quan đến việc dạy và học cần được sử dụng vào thực tiễn công việc, giúp GV đưa vào bài giảng những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy

Nhà trường đã ban hành các quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường ĐHTB, có sự điều chỉnh, bổ sung và cải tiến theo từng giai đoạn [H10.4.01], [H10.4.02]. Đối với GV ngành TCNH nói riêng, khoa KT&QT nói chung, NCKH là nhiệm vụ trọng tâm và bắt buộc. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và SV trong Khoa được thực hiện thường xuyên, liên tục và được giám sát chất lượng bởi trưởng các nhóm nghiên cứu, Hội đồng KH&ĐT của Khoa, Hội đồng KH&ĐT của Nhà trường, phòng KHCN&HTPT [H10.4.03], [H10.4.04], [H10.4.05].

Trong giai đoạn 2020-2024, các kết quả/sản phẩm NCKH của GV khoa KT&QT không ngừng gia tăng cả về số lượng và chất lượng: Có 01 đề tài cấp quốc gia, 05 đề tài cấp tỉnh, 55 đề tài cấp trường, 103 đề tài cấp khoa, 08 cuốn sách xuất bản, 65 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước có chỉ số ISSN/ISBN và 07 bài báo quốc tế.

Những năm gần đây, khoa đã tổ chức các hội thảo khoa học các cấp (04 hội thảo cấp bộ môn, 04 hội thảo cấp khoa và 01 hội thảo cấp trường), xuất bản sách phục vụ đào tạo. Loại hình NCKH của GV ngày càng đa dạng hơn về nội dung và hình thức như thực hiện đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm, viết báo khoa học, tham gia hội thảo, biên soạn sách, tài liệu tham khảo phục vụ công tác dạy và học.

Thực hiện mục tiêu Chiến lược phát triển Trường ĐHTB giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 [H10.4.06], theo từng năm học, Phòng KHCN&HTQT xây dựng và triển khai kế hoạch công tác NCKH của Nhà trường; Khoa KT&QT đã triển khai nhiệm vụ NCKH của đội ngũ CBGV và SV trong Khoa. Trong chu kỳ KĐCLGD, đội ngũ CBGV giảng dạy ngành TCNH đã triển khai thực hiện nhiều đề tài NCKH các cấp. Kết quả nghiên cứu là những kiến thức/kinh nghiệm thuộc các lĩnh vực TCNH là cơ sở để nâng cao chất lượng dạy và học ngành TCNH, đảm bảo tính tương thích với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và Khoa. Kết quả nghiên cứu được chuyển tải vào nội dung giảng dạy, vừa nâng cao năng lực NCKH của GV, vừa giúp NH có thêm những bài học, kiến thức chuyên sâu và góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của NH. Hầu hết các đề tài NCKH của Khoa có liên quan đến giải quyết các vấn đề thực tế của các địa phương và nội dung cùng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động học tập của SV, đã góp phần nâng cao trình độ của đội ngũ GV và chất lượng giảng dạy trong Khoa. [H10.4.07], [H10.4.08], [H10.4.09], [H10.4.10], [H10.4.11], [H10.4.12], [H10.4.13], [H10.4.14], [H10.4.15], [H10.4.16], [H10.4.18], [H10.4.18]

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong hoạt động dạy và học phù hợp với chuyên môn và lĩnh

vực nghiên cứu [H10.4.02]. Trong các đợt sinh hoạt chuyên môn của khoa KT&QT, các nội dung NCKH được thảo luận nhằm áp dụng, phổ biến các nội dung trong hoạt động dạy và học. Hoạt động này được thực hiện thường xuyên hàng tháng và định kỳ theo các phiên họp của Hội đồng KH&ĐT Khoa với các nội dung công việc cụ thể như: Xét duyệt các đề xuất nhiệm vụ NCKH; thảo luận, góp ý về thuyết minh đề tài, đề cương biên soạn tài liệu tham khảo; đánh giá, nghiệm thu kết quả NCKH theo tiến độ đề trình Hội đồng KH&ĐT Nhà trường; phổ biến, áp dụng các kết quả NCKH trong hoạt động dạy - học của Khoa. Các hoạt động này được tập thể Khoa triển khai thực hiện thường xuyên đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng các sản phẩm KHCN, đồng thời cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của SV ngành TCNH [H10.4.17]; [H10.4.18].

Khoa KT&QT đã tổ chức nhiều hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy các HP ngành TCNH như: **(1)** Hội thảo cấp bộ môn năm 2021 “*Đổi mới phương pháp giảng dạy Nghiệp vụ ngân hàng thương mại và hoạt động thực tế của SV tại ngân hàng*” nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy liên quan tới nghiệp vụ ngân hàng thương mại; **(2)** Hội thảo cấp khoa năm 2021 “*Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập theo hình thức trực tuyến*” nhằm đề xuất nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập trực tuyến trong bối cảnh giãn cách vì dịch Covid-19; **(3)** Hội thảo cấp bộ môn năm 2022 “*Nâng cao hiệu quả đi thực tế, thực tập của SV ngành TCNH*” nhằm đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng các hoạt động đi thực tế, thực tập tốt nghiệp của sinh viên ngành TCNH; **(4)** Hội thảo cấp khoa năm 2022 “*Đổi mới phương pháp tự nghiên cứu các văn bản quy định về thuế Giá trị gia tăng*” nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật; **(5)** Hội thảo cấp khoa năm 2022 “*Giảng dạy và học tập theo phương pháp E-learning*” nhằm đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập; **(6)** Hội thảo cấp bộ môn năm 2023 “*Nâng cao hiệu quả học tập các môn chuyên ngành của SV ngành TCNH trường ĐHTB*” nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả học tập các môn chuyên ngành cho SV trường ĐHTB nói chung và SV ngành TCNH nói riêng; **(7)** Hội thảo cấp bộ môn năm 2023 “*Đổi mới phương pháp giảng dạy môn nghiệp vụ ngân hàng thương mại*” đề xuất một số giải pháp nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy HP Nghiệp vụ ngân hàng thương mại; **(8)** Hội thảo cấp khoa năm 2023 “*Hoàn thiện công tác làm báo cáo thực tập tốt nghiệp và KLTN của khoa TCNH*” nhằm đề xuất các giải pháp giúp SV nâng cao năng lực làm báo cáo tốt nghiệp và KLTN; **(9)** Hội thảo cấp trường năm 2023 “*Ứng dụng Chat GPT trong giảng dạy và học tập tại trường ĐHTB*” nhằm đề xuất một số giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác giảng dạy và học tập; **(10)** Hội thảo cấp trường năm 2025 của nhóm nghiên cứu Tài chính – Ngân hàng “*Kết nối nhà trường với doanh nghiệp trong đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành Tài chính – Ngân hàng*” nhằm đề xuất các giải pháp nhằm kết nối giữa doanh nghiệp vào nhà trường trong hoạt động đào tạo và NCKH [H10.4.15], [H10.4.19].

Trong số các sản phẩm NCKH mà khoa thực hiện có 04 đề tài cấp khoa được ứng dụng để cải tiến phương pháp dạy và học như: **(1)** Đề tài cấp khoa “Đổi mới PPGD các môn chuyên ngành TCNH”, QĐ số 317/QĐ- ĐHTB ngày 18/5/2021 của Ths. Hoàng Thị Kim Thanh được ứng dụng để nâng cao chất lượng dạy và học các HP chuyên ngành ngành TCNH. **(2)** Đề tài cấp khoa “Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo của trường ĐHTB”, QĐ số 236 /QĐ- ĐHTB ngày 27/4/2022 của Ths.Bùi Thị Thanh Hồng được ứng dụng để nâng cao chất lượng dạy và học trong trường ĐHTB nói chung và giảng dạy các HP thuộc ngành TCNH nói riêng. **(3)** Đề tài cấp khoa “Nâng cao chất lượng đào tạo SV ngành TCNH, trường ĐHTB”, QĐ số 236 /QĐ- ĐHTB ngày 27/4/2022 của Ths.Hoàng Thị Kim Thanh được ứng dụng để nâng cao chất lượng dạy và học các HP TCNH. **(4)** Đề tài cấp khoa “Nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH của SV ngành TCNH trường ĐHTB”, QĐ số 236 /QĐ- ĐHTB ngày 27/4/2022 của Ths Trần Thị Dung được ứng dụng để nâng cao khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV ngành TCNH [**H10.4.08**], [**H10.4.10**], [**H10.4.20**].

Bên cạnh việc ứng dụng các sản phẩm NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học, trong 5 năm qua, khoa KT&QT đã có 05 đề tài NCKH cấp trường, 32 đề tài NCKH cấp khoa được được áp dụng, chuyển tải thành nội dung, chuyên đề giảng dạy trong CTĐT ngành TCNH. Trong đó bao gồm các đề tài là các giáo trình, tài liệu giảng dạy, bộ đề thi, sách câu hỏi bài tập của các HP chuyên ngành trong CTĐT ngành TCNH. Cụ thể, một số sản phẩm điển hình như: **(1)** Đề tài cấp trường “*Sách tham khảo: Câu hỏi và bài tập thuế*”, QĐ số 21/QĐ- ĐHTB ngày 30/11/2021, chủ nhiệm TS. Đặng Nguyên Mạnh, Th.S Trần Thị Thanh Hương, Ths.S Hoàng Thị Kim Thanh, Ths.S Bùi Thị Thanh Hồng, Th.S Ngô Thị Thúy Là được áp dụng để giảng dạy HP Thuế; **(2)** Đề tài cấp trường “*Sách tham khảo: Câu hỏi và Bài tập Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*”, QĐ số 09/QĐ- ĐHTB ngày 19/7/2022, chủ nhiệm Th.S Hoàng Kim Thanh, Th.S Bùi Thị Thanh Hồng được áp dụng để giảng dạy HP Nghiệp vụ ngân hàng thương mại; **(3)** Đề tài cấp trường “*Sách tham khảo: Câu hỏi và Bài tập Thị trường chứng khoán*”, QĐ số 28/QĐ- ĐHTB ngày 25/11/2022, chủ nhiệm Th.S Trần Thị Thanh Hương, Th.S Trần Thị Dung, được áp dụng để giảng dạy HP Thị trường chứng khoán; **(4)** Đề tài cấp trường “*Sách tham khảo: Câu hỏi và Bài tập Ngân hàng thương mại 1*”, QĐ số 230/QĐ- ĐHTB ngày 28/02/2024, chủ nhiệm Th.S Hoàng Thị Kim Thanh, Th.S Trần Thị Thanh Hương, được áp dụng để giảng dạy HP Ngân hàng thương mại 1; **(5)** Đề tài cấp trường “*Sách câu hỏi và bài tập: Kế toán ngân hàng thương mại*”, QĐ số 231/QĐ- ĐHTB ngày 28/02/2024, chủ nhiệm Th.S Bùi Thị Thanh Hồng, Th.S Trần Thị Thanh Hương, được áp dụng để giảng dạy HP Kế toán ngân hàng thương mại.

Các sản phẩm khoa học nêu trên của khoa đã và đang được ứng dụng có hiệu quả vào việc đổi mới phương pháp dạy và học, chuyển tải thành nội dung giảng dạy các HP trong CTĐT. Cụ thể, trong CTĐT ngành TCNH năm 2023, 100% ĐCCT HP được thiết kế theo quy định của Nhà trường tại mục 7 (Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học) trong ĐCCT HP đã nêu rõ các PPGD, học tập được sử dụng đa dạng cho từng HP bao

gồm PPGD truyền thống kết hợp với PPGD hiện đại. Ở mỗi HP, GV đã lựa chọn nhiều PPGD để thiết kế cho từng bài giảng nhằm phát huy được tính chủ động tích cực, cũng như khả năng sáng tạo của NH. Đối với các HP lý thuyết sử dụng tổ hợp các PPGD như: thuyết trình giảng giải, đàm thoại - thảo luận, vấn đáp; nghiên cứu tình huống, tổ chức học tập theo nhóm, làm bài tập, đóng vai, mô phỏng, giải quyết vấn đề; hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu và làm bài tập... Đối với các HP thực hành, thực tập nghề nghiệp, ngoài các PPGD trên GV còn kết hợp giảng dạy lý thuyết với thực hành tại các ngân hàng thương mại với các hoạt động trải nghiệm thực tiễn; sử dụng các phương pháp nghiên cứu thực tế, phương pháp thực hành, thực tập cuối khóa,... được triển khai để NH chủ động tiếp cận, làm theo, từ đó nắm vững được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng chuyên môn theo CĐR [H10.4.21]. Ví dụ: HP Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại đã nêu rõ các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp góp phần đạt được CĐR của HP, cụ thể: phương pháp thuyết trình, giảng giải giúp SV đạt các chuẩn về kiến thức (CĐR1, CĐR2); phương pháp đàm thoại, vấn đáp; phương pháp hướng dẫn thực hành, làm mẫu; phương pháp tổ chức học tập theo nhóm; phương pháp hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu và làm bài tập giúp SV đạt các CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm (CĐR1 đến CĐR6) [H10.4.22].

2. Điểm mạnh

Các sản phẩm NCKH của khoa KT&QT ngày càng nhiều, đa dạng hơn về nội dung, hình thức; chất lượng các sản phẩm NCKH ngày càng cao. Khoa đã vận dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học của GV và SV ngành TCNH.

3. Điểm tồn tại

Bài báo khoa học của GV phục vụ cải tiến việc dạy và học được đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và nhiều GV chưa tham gia chủ nhiệm các đề tài cấp cao hơn.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2025-2026, Khoa kết hợp với phòng KHCN&HTQT tìm hiểu các tạp chí quốc tế uy tín, hướng dẫn GV viết bài phù hợp với các tạp chí quốc tế, khuyến khích GV tham gia các đề tài NCKH tại các cấp cao hơn, đặc biệt là các sản phẩm nghiên cứu nhằm cải tiến việc dạy và học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho ngành TCNH đã được tổ chức đồng bộ, đa dạng, phong phú và có ý nghĩa thiết thực. Định kỳ, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu NH, phù hợp với thực tiễn của xã hội.

Thực hiện các hoạt động phục vụ và hỗ trợ công tác đào tạo dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ GDĐT và các bên liên quan. Nhà trường đã ban hành Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và các hội đồng trực thuộc trường ĐHTB[H10.5.01]; xây dựng kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV [H10.5.02] [H10.5.03] [H10.5.04]; các kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác.. và đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ. [H10.5.05] [H10.5.07] [H10.5.08].

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo ngành TCNH đều được Nhà trường và Khoa triển khai và tổng kết đánh giá thông qua Báo cáo tổng kết hàng năm [H10.5.09] [H10.5.10].

Giai đoạn 2020 -2024, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của NH trước khi tốt nghiệp trên tất cả các mặt hoạt động đào tạo và phục vụ đào tạo của các ngành đào tạo trong trường. Phòng TCCB, TT & KĐCL chủ trì thực hiện khảo sát và lập báo cáo kết quả khảo sát NH trước khi tốt nghiệp [H10.5.11]. Kết quả khảo sát ý kiến NH trước khi tốt nghiệp đánh giá chung toàn khóa học với chỉ số chất lượng năm 2020 đến 2024 đạt 80% đến 85%. Kết quả khảo sát về nội dung các hoạt động về hỗ trợ NH như: cơ sở vật chất, CNTT, thư viện, tư vấn học tập, hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, đáp ứng các yêu cầu về sức khỏe, ký túc xá, giới thiệu việc làm cho sinh viên,... đạt mức tốt (trên 80%).

Trên cơ sở các văn bản do Nhà trường ban hành, Phòng TCCB, TT&KĐCL chủ trì phối hợp với các đơn vị trực thuộc Nhà trường bao gồm cả khoa KT&QT xây dựng KH và triển khai thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH như hỗ trợ về học tập, hỗ trợ hội nhập, hỗ trợ về tài chính, hỗ trợ về chỗ ở, y tế, các hoạt động ngoại khóa, tư vấn nghề nghiệp... đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC và các phương tiện dạy học trong Nhà trường. Các bộ phận liên quan tổng kết và đánh giá hiệu quả hoạt động của các dịch vụ hỗ trợ tại đơn vị mình và đề ra những phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của các dịch vụ.

Bảng 10. 1. Tổng hợp mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của trường ĐH Thái Bình giai đoạn 2020-2022

TT	Dịch vụ hỗ trợ	2020 (%)	2021 (%)	2022 (%)	TB (%)
1	Thư viện	83,75	87,70	82,20	84,55
2	Phòng thí nghiệm, thực hành	82,10	85,68	81,40	83,06
3	Hệ thống CNTT	76,70	81,36	81,00	79,68
4	GVCN/Cố vấn học tập	87,57	90,03	83,40	86,88
5	Ký túc xá	79,43	83,49	83,20	82,04
6	Y tế	78,33	82,61	82,40	81,11
7	Hoạt động ngoại khoá	79,54	83,58	84,90	82,67
8	Dịch vụ hỗ trợ khác	82,40	85,88	84,00	84,09

Năm 2023, Nhà trường tập trung vào công tác KĐCL các ngành nên không khảo sát mức độ hài lòng của NH về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Đến năm 2024, 2025 Nhà trường đã thực hiện cải tiến mẫu phiếu từ 15 câu hỏi lên 40 câu hỏi, chia thành 8 nhóm tiêu chí (năm 2024) và 52 câu hỏi, chia thành 7 nhóm tiêu chí (2025) để đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ GDĐT, đặc biệt theo Thông tư số 01/2024/TT – BGDDT ngày 05/02/2024 để làm cơ sở xây dựng CLPT nhà trường theo Kế hoạch số 485/KH-DHTB ngày 25/4/2025 của Hiệu trưởng trường DHTB, kết quả khảo sát như sau:

Bảng 10. 2. Tổng hợp mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của trường ĐH Thái Bình năm 2024

TT	Dịch vụ hỗ trợ	Toàn trường (%)	Ngành TCNH (%)
1	Công tác sinh viên	83,6	84,9
2	Tổ chức và quản lý đào tạo	87,4	84,3
3	Công tác tài chính	86,1	86,5
4	CSVC phục vụ sinh viên	82,5	81,0
5	Môi trường văn hóa	87,2	86,4
6	Phục vụ thư viện	83,7	81,9
7	Hỗ trợ SV trong hoạt động NCKH	87,1	85,4
8	Hoạt động PVCĐ	84,5	79,5

Bảng 10. 3. Tổng hợp mức độ hài lòng của người học về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của trường ĐH Thái Bình năm 2025

TT	Dịch vụ hỗ trợ	Toàn trường (%)	Ngành TCNH (%)
1	Tiếp cận dịch vụ GD	82,9	82,1
2	Cơ sở vật chất, thư viện	80,9	80,2
3	Môi trường đào tạo	83,4	83,1
4	Hoạt động đào tạo, NCKH	83,3	80,9
5	Kết quả đào tạo	82,7	80,9

Năm 2025, bên cạnh 5 tiêu chí trên (bảng 10.3), tiêu chí về mức độ đáp ứng sự mong đợi của SV trước khi vào trường chiếm tỷ lệ khá cao, cụ thể: đáp ứng mức độ từ 70% trở lên chiếm 64,98%; mức độ đáp ứng từ 60-70% chiếm 22,58 %; mức độ đáp ứng dưới 50% chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ 0,97%.

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi của NH, Nhà trường đã ghi nhận và đưa ra những cách thức để cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, tiện ích nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của NH, cụ thể: Về ứng dụng CNTT, Nhà trường bổ sung quy định về sử dụng Internet, quy định về sử dụng thiết bị CNTT; đầu tư kinh phí hàng năm cho xây dựng hạ tầng và dịch vụ CNTT; xây dựng hệ thống cổng thông tin điện tử của Nhà trường; xây dựng KH mua sắm, sửa chữa và nâng cấp hệ thống CNTT, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn Trường phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH của GV và NH. Nhà trường đã cải tạo hệ thống các phòng học, đầu tư thêm nhiều trang thiết bị phục vụ hoạt động dạy và học, bố trí lại hệ thống các phòng làm việc để phục vụ tốt hơn cho hoạt động đào tạo và phục vụ NH của Nhà trường **[H10.5.12]**; Thư viện được đầu tư phần mềm quản lý, các phòng đọc được lắp điều hòa, định kỳ bổ sung, cập nhật sách, giáo trình phục vụ NH**[H10.5.13]**; Công tác y tế Nhà trường được cải thiện, trước đây bộ phận y tế chỉ làm việc trong giờ hành chính, cho đến nay dịch vụ y tế Nhà trường phục vụ 24/24. Số SV đăng ký BHYT tăng lên, vật tư, trang thiết bị y tế được đầu tư mua sắm tăng đáng kể qua các năm **[H10.5.14]**. Công tác quản lý KTX đã cải thiện chất lượng phục vụ, số giường tăng lên, an ninh trật tự được đảm bảo, vệ sinh sạch sẽ. Trước đây không có các dịch vụ hỗ trợ SV, từ năm 2020 đến nay ban quản lý KTX đã mở thêm dịch vụ căn tin, giặt là, sân tập thể dục thể thao, dịch vụ rửa xe,...**[H10.5.15]**.

Để tạo sân chơi cho SV, ĐTN đã thành lập một số câu lạc bộ như: câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, câu lạc bộ hiến máu tình nguyện, câu lạc bộ thanh niên tình nguyện, thu hút đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia **[H10.5.16]**.

Nhằm tăng cường chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường đã đầu tư trang bị các phần mềm hỗ trợ cho công tác dạy và học như: phần mềm đào tạo Education, bản quyền phần mềm ứng dụng Zoom. Trong chu kỳ đánh giá (2020-2024), hệ thống phần mềm quản lý SV, quản lý điểm được nâng cấp đáp ứng yêu cầu của người học trong quá trình giải quyết các thủ tục học vụ; SV xem kết quả thi, in bảng điểm được thực hiện

trên phần mềm quản lý đào tạo; phần mềm điểm danh cũng được nâng cấp đảm bảo giám sát thời gian lên lớp ngày càng đi vào nề nếp [H10.5.17].

Hàng năm, ĐTN cùng với khoa KT&QT, Bộ phận tuyển sinh thuộc phòng ĐT&HSSV tổ chức các lớp kỹ năng mềm, ngoại ngữ giúp cho SV được trang bị đầy đủ hơn ngoài kiến thức về chuyên môn. Nhà trường đã ký hợp tác với các trường để tăng cường việc trao đổi SV giữa các trường trong khu vực; tổ chức hội thảo tư vấn du học Hàn Quốc, học tiếng Nhật, tiếng Trung,... các giải bóng đá trong sinh viên, văn nghệ, hiến máu tình nguyện... [H10.5.18]. Các hoạt động này giúp SV có cơ hội tìm việc làm được tốt hơn thể hiện rõ qua kết quả khảo sát SV có việc làm sau một năm đã tăng dần, đa dạng hóa loại hình, địa chỉ thực tập.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được thực hiện thường xuyên, trên cơ sở đó Trường và khoa KT&QT đã thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành TCNH.

3. Điểm tồn tại

Phần lớn sinh viên đều ý thức được quyền lợi và trách nhiệm của mình trong việc đóng góp ý kiến phản hồi đối với các hoạt động của Nhà trường nói chung và chất lượng môi trường học tập nói riêng. Tuy nhiên thời gian trả lời khảo sát chậm hơn so với kế hoạch và tỉ lệ tham gia khảo sát chưa đạt 100% như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2025, khoa KT&QT phối hợp với ĐTN tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với nghiệp vụ chuyên môn của ngành TCNH như hội thi nghiệp vụ chuyên môn giỏi; các diễn đàn, sinh hoạt chuyên đề; hội thảo khoa học cho SV ngành TCNH ...

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ phục vụ công tác TĐG và KĐCLGD; giao cho phòng TCCB, TT&KĐCL là đơn vị đầu mối xây dựng KH, tham mưu thành lập Ban chỉ đạo và tổ khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BLQ; triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các BLQ; tiếp nhận và tổng hợp kết quả các hoạt động khảo sát của Trường; báo cáo Ban giám hiệu về kết quả khảo sát các BLQ. Phòng TCCB, TT&KĐCL chịu trách nhiệm lấy ý kiến về các hoạt động: Khảo sát hoạt động giảng dạy của GV; Khảo sát về chất lượng CSVC, các hoạt động hỗ trợ, phục vụ học tập; khảo sát CB, GV, NV về chất lượng môi trường làm việc; Khảo sát NH trước khi tốt nghiệp về chất lượng khóa học [H10.6.01]. Các khoa đào tạo thực hiện 2 hoạt

động: Khảo sát tình hình việc làm, chất lượng CTĐT của SV tốt nghiệp; Khảo sát người sử dụng lao động về chất lượng CSV đang làm việc tại DN và về CTĐT **[H10.6.02]**

Cơ chế phản hồi của các BLQ được Nhà trường đánh giá. Việc khảo sát được giao cho một số đơn vị trong Nhà trường thực hiện thu thập thông tin và viết báo cáo. Phòng TCCB, TT&KĐCL tổng hợp, ghi nhận ý kiến đóng góp, những đề xuất cần cải tiến của các đơn vị, trong đó có nhiều ý kiến đóng góp và đề xuất các giải pháp cải tiến cơ chế phản hồi. Hằng năm, sau khi kết thúc các đợt khảo sát, các đơn vị tiến hành thống kê kèm theo nội dung đóng góp ý kiến về các vấn đề liên quan đến nội dung, phương pháp khảo sát và viết báo cáo khảo sát. Nhà trường lên KH tổng kết công tác khảo sát BDCL và tổ chức Hội nghị chuyên đề hằng năm để đánh giá về cơ chế phản hồi của các BLQ **[H10.6.03]**.

Cơ chế phản hồi của các BLQ được cải tiến. Để cải tiến cơ chế phản hồi, Nhà trường đã tổ chức cuộc họp về công tác khảo sát các BLQ để tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và triển khai KH cải tiến ĐBCLGD **[H10.6.04]**. Trên cơ sở các hội nghị tổng kết công tác BDCL hằng năm, các cuộc họp đánh giá công tác khảo sát các BLQ, Nhà trường đã có nhiều cải tiến công tác này. Các hoạt động cải tiến cơ chế phản hồi được thể hiện qua việc chỉnh sửa, bổ sung câu hỏi khảo sát; đối sánh kết quả khảo sát giữa các ngành đào tạo; hình thức khảo sát được bổ sung phong phú hơn như thông qua các hội nghị đối thoại, kết hợp khảo sát trực tiếp với khảo sát online; tăng cường cho SV đi thực tập trải nghiệm để thu thập thông tin phản hồi của DN nhằm điều chỉnh nâng cao chất lượng đào tạo **[H10.6.05]**.

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của Nhà trường được thiết lập, có tính hệ thống và nhận được nhiều ý kiến phản hồi của các BLQ đảm bảo độ tin cậy, là căn cứ để cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường triển khai các hoạt động khảo sát các BLQ với các quy định, KH đầy đủ, thành lập ban chỉ đạo, tổ khảo sát; tổ chức các hội nghị chuyên đề đánh giá về kết quả hoạt động khảo sát hằng năm. Các báo cáo khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các BLQ có độ tin cậy cao, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn tồn tại một số BLQ chưa tham gia khảo sát đầy đủ và chưa thực sự nghiêm túc với việc đưa ra ý kiến phản hồi. Một số ý kiến còn mang cảm tính chủ quan hoặc qua loa, hình thức.

4. Kế hoạch hành động

Từ các năm tiếp theo, Nhà trường tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa của công tác khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ để cải thiện kết quả khảo sát chất lượng hơn.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Kết luận tiêu chuẩn 10

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành TCNH đã được Trường ĐHTB và Khoa KT&QT thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào Chuẩn đầu ra ngành TCNH và kế hoạch thiết kế và phát triển chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường; thông tin phản hồi từ các BLQ được tổng hợp và đánh giá, làm cơ sở để Khoa bổ sung, chỉnh sửa CTĐT ngành TCNH đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ngành TCNH trong từng giai đoạn; quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng HP theo CĐR; khoa đã thực hiện các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học, các kết quả NCKH được áp dụng và chuyển tải thành nội dung giảng dạy, đã sử dụng các kết quả NCKH để cải tiến hoạt động dạy và học; Bên cạnh đó, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của NH, có sự cải tiến hằng năm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học. Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, một số tồn tại, hạn chế cần được khắc phục và xây dựng kế hoạch cải tiến, như: áp dụng linh hoạt và đầy đủ các phương thức thu thập thông tin, nâng cao chất lượng thông tin phản hồi của các BLQ về cải tiến chất lượng đào tạo; kiểm tra, rà soát chặt chẽ đối với đề thi của các HP chưa có ngân hàng đề thi; thúc đẩy hoạt động NCKH của SV ngành TCNH; ứng dụng giảng dạy mô hình ngân hàng ảo cho SV thực hành, tăng cường cho SV đi thực tập, thực tế tại DN. Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH bậc đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 10 có 4/6 tiêu chí đạt 5/7 và 2/6 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu: Đánh giá kết quả đầu ra của quá trình đào tạo có vai trò quan trọng giúp Trường cải tiến chất lượng, hoạt động ĐBCL và hệ thống ĐBCL.

Hàng năm, phòng chức năng kết hợp với khoa chủ quản thống kê và thực hiện giám sát việc đạt CĐR, thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, SV thôi học, thời gian hoàn thành chương trình học. Tỷ lệ SV tốt nghiệp xin được việc làm... được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với CSV và các đơn vị sử dụng lao động.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với mục tiêu CĐR của CTĐT ngành, phù hợp với các hướng nghiên cứu ưu tiên của Trường và được lên KH hàng năm, cũng như được tạo mọi điều kiện khuyến khích, hỗ trợ thực hiện đề tài.

Trường đã thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH, CSV, ... là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chất lượng đào tạo ngành TCNH.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Căn cứ vào Thông tư, các quy định về chức năng nhiệm vụ, về quản lý hoạt động đào tạo, về chuẩn cơ sở giáo dục của Bộ GD&ĐT; căn cứ vào tình hình thực tiễn, Phòng ĐT&HSSV- trường ĐHTB là đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý hoạt động đào tạo, giám sát quá trình dạy học, đánh giá KQHT trong đó có nhiệm vụ xác lập tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) và cập nhật danh sách SV thôi học, SV tốt nghiệp hàng năm **[H011.1.01]**.

Các hoạt động quản lý đào tạo của nhà trường được thực hiện thông qua các Quy chế đào tạo trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường được ban hành vào các năm 2019, 2021, 2023 **[H11.1.02]**. Trong quy chế có quy định về việc đăng ký khối lượng học tập; đăng ký học lại; nghỉ học tạm thời; nhắc nhở, cảnh báo học tập, bị buộc thôi học, xin thôi học, điều kiện tốt nghiệp... Sau mỗi học kỳ và mỗi năm học, với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo PMT - EMS Education, các phòng chức năng và Khoa trích xuất số liệu thống kê về danh sách SV bảo lưu, thôi học, danh sách SV tốt nghiệp của năm học **[H11.1.03]**. Hằng năm, Nhà trường tổ chức các đợt xét tốt nghiệp cho SV đã tích lũy đủ số TC học tập, đồng thời thỏa mãn các điều kiện theo quy định. Danh sách SV tốt nghiệp thông qua các Quyết định về việc công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cho SV đại học **[H11.1.04]**; Đối với SV nghỉ học, nhà trường ra thông báo cảnh báo học vụ và ban hành quyết định cho thôi học, báo cáo tình hình thôi học của SV toàn trường **[H11.1.05]**. SV có thể nắm bắt và tra cứu thông tin này thông qua account cá nhân trên phần mềm công thông tin SV **[H11.1.05(7)]**.

Căn cứ vào các Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển hằng năm **[H11.1.06]**, báo cáo kết quả tuyển sinh, bảng tổng hợp đánh giá KQHT các học kỳ **[H11.1.07]**; bảng tổng hợp đánh giá kết quả rèn luyện năm học **[H11.1.08]**; báo cáo kết quả rà soát SV đề nghị xét tốt nghiệp **[H11.1.09]**, Khoa đã tiến hành thống kê tỷ lệ SV thôi học và tốt nghiệp đối với CTĐT trình độ ĐH ngành TCNH **[H11.1.10]**.

Bảng 11. 1. Tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học ngành TCNH theo các khóa học

Khóa học	Số SV nhập học	Tỷ lệ TN (%)	Tỷ lệ SVTN theo thời gian (%)			Tỷ lệ thôi học (%)				
			Sớm	Đúng hạn	Quá hạn	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Sau năm thứ 3	Tổng
2018-2022	9	77,78	0	77,78	0	11,11	12,5	0	0	22,22
2019-2023	6	50	0	50	0	50	0	0	0	50
2020-2024	12	91,67	0	91,67	0	8,33	0	0	0	8,33
TB	27	77,78	0	77,78	0	18,52	4,54	0	0	22,22

Bảng 11.1 cho thấy tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của SV ngành TCNH dao động từ

50%-91,67%, trung bình đạt 77,78%, trong đó khóa 2020-2024 có tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn cao nhất (91,67%), khóa 2019-2023 có tỷ lệ thấp nhất đạt 50%. Tỷ lệ thôi học trung bình đạt 22,22%, trong đó khóa 2019- 2023 có tỷ lệ thôi học cao nhất (50%).

Trên cơ sở báo cáo hàng năm, ngành TCNH, Khoa tiến hành họp, đánh giá, phân tích các dữ liệu thống kê, số liệu đối sánh, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm giảm tỷ lệ thôi học. Nhìn chung, SV ngành TCNH thôi học chủ yếu xuất phát từ việc SV chưa thực sự ổn định về mặt tư tưởng, chọn ngành học còn theo cảm tính, lập gia đình trong quá trình học, không nỗ lực học tập, trả nợ môn không đúng thời hạn... Tình trạng này chủ yếu diễn ra ở năm học thứ nhất. Việc xác định đúng nguyên nhân SV nghỉ học làm căn cứ để Khoa đưa ra các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng này [H11.1.11].

Để giúp SV có định hướng, xác định mục tiêu, kế hoạch học tập rõ ràng, ngay sau khi SV nhập học, Nhà trường, Khoa đã tổ chức hoạt động để SV tham gia Tuần sinh hoạt công dân đầu khoá [H11.1.12]. Trong quá trình học, SV được tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động đối thoại với lãnh đạo nhà trường, lãnh đạo khoa [H11.1.13]. Đặc biệt, với sự giúp đỡ, cố vấn, tư vấn phương pháp học tập, giám sát chặt chẽ kết quả học tập của GVCN/CVHT, SV có thể lựa chọn đăng ký HP, khối lượng tín chỉ học tập cho phù hợp với năng lực, khả năng của bản thân; với SV trong diện cảnh báo học vụ, GVCN/CVHT sẽ tư vấn cho SV đăng ký học lại, học cải thiện [H11.1.14], [H11.1.15], [H11.1.16]], [H11.1.17].

Tính đến hết năm 2024, ngành TCNH đã có 03 khóa SV đại học chính quy tốt nghiệp ra trường với tỷ lệ đối sánh so với các ngành trong khoa, trong trường như sau:

Bảng 11.2. Đối sánh về tỷ lệ SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học ngành TCNH với SV các ngành khác trong Trường

DVT: %

Chương trình đào tạo	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Trung bình	
	TN	TH	TN	TH	TN	TH	TN	TH
TCNH	77,78	22,22	50	50	91,67	8,33	77,78	22,22
QTKD	68,00	32,00	67,39	32,61	60,68	39,32	65,36	34,64
Kế toán	78,26	21,74	86,27	13,73	70,00	30,0	78,18	21,82
Luật	74,07	25,93	83,33	16,67	71,43	28,57	75,47	24,53
CNTT	65,67	34,33	69,84	30,16	67,21	32,79	67,54	32,46
CNKT cơ khí	100	0	100	0	68,8	31,2	90,0	10,0

Bảng 11.2 cho thấy: tỷ lệ tốt nghiệp trung bình qua các năm của SV ngành TCNH là 77,78% cao hơn so với ngành QTKD (65,36%) trong khoa và các ngành CNTT, Luật trong trường và thấp hơn ngành Kế toán (78,18%) và ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí; ngược lại, tỷ lệ thôi học ngành TCNH (22,22%) lại thấp hơn ngành QTKD (34,64%), ngành CNTT, ngành Luật và cao hơn ngành Kế toán (21,82%) và ngành Công nghệ kỹ

thuật cơ khí. Điều đặc biệt là 100% SV theo học ngành TCNH đều tốt nghiệp đúng hạn (không tính SV thôi học). Căn cứ kết quả đối sánh này, khoa đã đưa biện pháp cải tiến, đề ra chỉ tiêu, phương hướng cho từng năm học kế tiếp nhằm cải thiện tỷ lệ thôi học, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp trước hạn **[H11.1.18]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản trong công tác quản lý đào tạo phù hợp với các văn bản của Bộ GD&ĐT; Trách nhiệm của các đơn vị được quy định cụ thể, phối hợp tốt với nhau nên thông tin kịp thời và làm cơ sở cho nhà trường đánh giá, phân tích, tìm nguyên nhân có các giải pháp cải tiến hiệu quả

Nhà trường có hệ thống quản lý, giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp, SV thôi học, được thông tin, công khai, cập nhật và đưa ra các biện pháp quản lý, hỗ trợ kịp thời.

Thực hiện đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp ngành TCNH với các ngành khác trong trường phục vụ công tác cải tiến, nâng cao chất lượng.

100% SV ngành TCNH tốt nghiệp đúng hạn.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV ngành TCNH thôi học còn cao, nguyên nhân chính là do số lượng SV học tập tại ngành còn khiêm tốn.

Khoa, nhà trường chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của SV ngành TCNH với các cơ sở đại học khác.

4. Kế hoạch hành động

Tăng cường trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp trường có thêm kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025 - 2026, Khoa sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể trong hoạt động hỗ trợ, phục vụ SV, tháo gỡ các vướng mắc của người học để giảm tỷ lệ SV thôi học.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành TCNH trình độ ĐH được quy định tại Điều 6 của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường ĐHTB **[H11.2.01(1)]**; Khoản 6, 7 Điều 2 của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường ĐHTB **[H11.2.01(2) (3)]**; và được xác định cụ thể trong các bản mô tả CTĐT và CTDH trình độ ĐH hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành TCNH Trường ĐHTB **[H11.2.02], [H11.2.03], [H11.2.04]**. Theo đó, thời gian học tập theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy là 4,0 năm, thời gian học tập tối đa để SV hoàn thành khóa học đối với hình thức đào tạo chính quy là 8,0 năm. Phòng ĐT& HSSV có nhiệm vụ thống kê, tổng hợp kết quả tích lũy toàn khóa học, tỷ lệ thôi học của NH theo các CTĐT báo cáo trước Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp **[H11.2.05], [H11.2.06], [H11.2.07]**. Khoa KT&QT thống kê số lượng SV tốt nghiệp đúng hạn và số lượng SV

tốt nghiệp chậm hơn so với thời gian 4 năm, từ đó đã xác định được thời gian tốt nghiệp trung bình của SV CTĐT ngành TCNH [H11.2.08], kết quả tại bảng 11.3.

Bảng 11.3. Bảng tổng hợp thời gian tốt nghiệp trung bình sinh viên ngành TCNH

Khóa học	Số SV nhập học	SVTN sớm	SVTN đúng hạn	SVTN chậm 1 năm	SVTN chậm 2 năm	SVTN chậm 3 năm	SVTN sau 3 năm	Thời gian TN TB
2018-2022	9	0	7	0	0	0	0	4,00
2019-2023	6	0	3	0	0	0	0	4,00
2020-2024	12	0	11	0	0	0	0	4,00

Trên cơ sở các số liệu theo dõi thống kê về thời gian tốt nghiệp trung bình của NH, tính đến ngày 31/12/2024, ngành TCNH đã có 03 khóa tốt nghiệp ra trường, thời gian tốt nghiệp của các khóa được xác lập là 4,0 năm, không có SV tốt nghiệp trước hạn, 100% SV tốt nghiệp đúng với thời gian thiết kế CTĐT, có 06/27 SV thôi học. Để có kết quả này, Ban chủ nhiệm Khoa đã chỉ đạo GVCN/CVHT, trợ lý giáo vụ khoa giám sát chặt chẽ tiến độ học tập của SV [H11.2.09], [H11.2.10]; Hàng tháng, hàng kỳ tổ chức họp với GVCN/CVHT, trợ lý giáo vụ khoa để nắm được tình hình học tập của NH và triển khai một số giải pháp: hướng dẫn phương pháp học tập phù hợp, tư vấn lựa chọn trả nợ HP vào thời gian thích hợp, hội thảo đổi mới PPGD, phương pháp học tập; giao nhiệm vụ cho GVCN/CVHT thường xuyên nhắc nhở, thông báo, hỗ trợ NH hoàn thành CTĐT [H11.2.11]. Bên cạnh đó, Khoa tổ chức các hoạt động, các buổi gặp gỡ, đối thoại để đưa ra các giải pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp như: (1) NH đăng ký các học kỳ phụ để học vượt; (2) Đối với NH có kết quả học tập khá, giỏi, GVCN/CVHT sẽ trao đổi, động viên, khuyến khích NH học đăng ký khối lượng học tập tối đa ở kì học tiếp theo [H11.2.12].

Sau mỗi kỳ học, năm học, Khoa tổ chức buổi họp tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trong đó có đưa ra các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học [H11.2.13]. Do được tư vấn, tiếp cận các thông tin một cách đầy đủ, kịp thời nên tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành TCNH đạt loại khá, giỏi tương đối cao, không có SV đạt loại xuất sắc, 100% SV tốt nghiệp đúng hạn (không tính SV thôi học) [H11.2.06].

Căn cứ kết quả học tập từng khóa, khoa đã thực hiện đối sánh với thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành TCNH với các ngành trong trường và tổ chức họp tổng kết, đề ra các giải pháp cải tiến, khắc phục tồn tại. Tuy nhiên, trong chu kỳ đánh giá, khoa chưa đưa ra được các biện pháp hiệu quả hỗ trợ SV rút ngắn thời gian tốt nghiệp so với thời gian thiết kế của CTĐT.

2. Điểm mạnh

Đã có sự xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình đối với NH ngành TCNH, đồng thời có theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình.

Khoa đã có những biện pháp hỗ trợ cần thiết nhằm giúp NH hoàn thành thời gian tốt nghiệp đúng hạn, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Chưa có SV CTĐT của ngành tốt nghiệp sớm, tỷ lệ SV thôi học chiếm tỷ lệ cao đặc biệt là khóa học 2019-2023 (DHK8).

Dữ liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình ngành TCNH ở các cơ sở đào tạo bên ngoài thường không công khai, do vậy chưa có dữ liệu đối sánh ngoài liên quan đến SV tốt nghiệp ra trường.

4. Kế hoạch hành động

Khoa và phòng ĐT&HSSV tăng cường theo dõi quá trình giám sát và có những giải pháp tích cực nhằm rút ngắn hơn nữa thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ thôi học của SV ngành TCNH.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Mục tiêu của NH sau khi tốt nghiệp là có việc làm đúng với ngành đã được đào tạo, mức thu nhập đáp ứng được nhu cầu cuộc sống, môi trường làm việc chuyên nghiệp và được tạo điều kiện phát triển bản thân. Đây cũng là mục tiêu mà Trường và Khoa KT&QT đặt ra. Hằng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát các bên liên quan theo đúng quy trình, biểu mẫu trong Công văn số 3943/BGDĐT-GDDH ngày 31/8/2018 của Bộ GD&ĐT về việc khảo sát công khai và báo cáo tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H11.3.01]. Nhà trường giao các khoa đào tạo là đơn vị chủ trì thực hiện khảo sát SV về tình hình việc làm sau tốt nghiệp, qua đó nắm bắt thông tin và lưu trữ danh sách SV tốt nghiệp có việc làm [H11.3.02]. Theo đó hằng năm các khoa đã triển khai việc khảo sát SV tốt nghiệp để nắm bắt về tỷ lệ SV có việc làm trong vòng 12 tháng sau tốt nghiệp. Dữ liệu khảo sát được tổng hợp và phân tích tại Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp, báo cáo Bộ GD&ĐT, được lưu giữ tại các khoa, phòng TCCB, TT& KĐCL và công khai trên Cổng thông tin điện tử của Nhà trường [H11.3.03].

Tính đến thời điểm 31/12/2024, ngành TCNH có 3 khóa tốt nghiệp ra trường. Thực hiện theo Quy định của Bộ GD&ĐT về khảo sát việc làm của CSV bao gồm việc khảo sát tình hình việc làm của 100% SV chính quy, tốt nghiệp văn bằng thứ nhất trình độ đại học trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp, do vậy Nhà trường, khoa KT&QT đã thực hiện khảo sát 2 khóa SV tốt nghiệp năm 2022 và năm 2023. Số liệu khảo sát theo kết quả bảng 11.4 [H11.3.04], cụ thể:

Bảng 11. 4. Số lượng SV khảo sát, tỷ lệ có việc làm SV ngành TCNH sau 1 năm

Nội dung	Năm tốt nghiệp		Tổng
	2022	2023	
Số lượng khảo sát (người)	7	3	10
Số lượng phản hồi (người)	6	3	9
	Tỷ lệ %		TB
Tỉ lệ phản hồi	85,7	100	92,85
Tỷ lệ có việc làm	100	100	100
Tỷ lệ chưa có việc làm	0	0	0
Đúng ngành	16,67	0	8,34
Liên quan đến ngành	83,33	66,67	75,0
Không liên quan ngành	0	33,33	16,67

Theo số liệu bảng 11.4, thực hiện khảo sát cựu SV ngành TCNH tốt nghiệp năm 2022 đến 2023, trong đó tỷ lệ phản hồi của SV tương đối cao đạt 92,85%. Tỷ lệ có việc làm của SV ngành TCNH trung bình hàng năm đạt 100%, tỷ lệ chưa có việc làm từ 0%, tỷ lệ làm việc đúng ngành của SV ngành TCNH từ 0% đến 16,67%, trung bình 8,34%; tỷ lệ việc làm liên quan đến ngành từ 66,67% đến 83,33%, trung bình 75%; tỷ lệ việc làm không liên quan đến ngành từ 0% đến 33,33%, trung bình 16,67%. Như vậy, trong vòng 01 năm sau khi tốt nghiệp 100% SV ngành TCNH có việc làm, trong đó tỷ lệ có việc làm đúng ngành và liên quan đến ngành của sinh viên ngành TCNH tương đối cao.

Bảng 11. 5. Môi trường làm việc của SV ngành TCNH qua các năm khảo sát

Môi trường làm việc	Năm tốt nghiệp		TB
	2022	2023	
Nhà nước	0	0	0
Tư nhân	100	100	100
Tự tạo việc làm	0	0	0
Có yếu tố nước ngoài	0	0	0

Như vậy, SV CTĐT ngành TCNH có môi trường làm việc tập trung chủ yếu ở khu vực tư nhân chiếm tỷ lệ 100%, không làm việc trong khu vực Nhà nước và doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài.

Bảng 11. 6. Mức thu nhập bình quân của SV ngành TCNH (ĐVT: %)

Mức thu nhập (triệu đồng/tháng)	Năm tốt nghiệp		TB
	2022	2023	
< 5	0	0	0
5 - 10	100	100	100
> 10	0	0	0

Từ kết quả khảo sát cho thấy, SV ngành TCNH tốt nghiệp có mức thu nhập trung bình từ 5 triệu đến 10 triệu đồng/tháng chiếm tỷ lệ 100%, không có mức thu nhập dưới 5 triệu đồng/tháng và trên 10 triệu đồng/tháng. Mức thu nhập này hoàn toàn phù hợp với mức sống tại địa phương và kinh nghiệm, thâm niên công tác của cựu SV.

Khoa đã thực hiện đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm giữa CTĐT ngành TCNH với các CTĐT khác trong trường để có thêm căn cứ đề xuất các biện pháp, phương án hỗ trợ NH tốt nghiệp có việc làm tốt hơn.

Bảng 11. 7. Đối sánh tỷ lệ SV có việc làm CTĐT ngành TCNH với SV các ngành khác trong Trường

DVT: %

CTĐT	Năm tốt nghiệp		TB
	2022	2023	
TCNH	100	100	100
CNKT cơ khí	94,44	91,66	93,05
Kế toán	95,00	90,00	92,50
Luật	100,00	90,00	95,00
CNTT	100,00	88,64	94,32

Như vậy so với các ngành, tỷ lệ SV ngành TCNH có việc làm sau tốt nghiệp đạt tỷ lệ cao nhất (100%). Điều đó cũng khẳng định chất lượng của CTĐT ngành TCNH của Trường DHTB đã đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng và xã hội.

Căn cứ vào kết quả đối sánh, hằng năm, Trường và Khoa tổ chức hội nghị, hội thảo, các cuộc họp chuyên đề để thảo luận về tình hình việc làm của sinh viên [H11.3.05]. Trong các cuộc họp đã phân tích và chỉ ra các nguyên nhân như: một bộ phận NH chưa tiếp cận được các thông tin tư vấn việc làm, NH chọn ngành học chưa đúng, NH lập gia đình ngay sau khi tốt nghiệp...[H11.3.06]. Khoa, nhà trường cũng đã triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm như: tăng kỹ năng thực hành, trải nghiệm thực tế, tăng kỹ năng mềm cho NH; tổ chức mời một số đại diện cơ quan tuyển dụng lao động đến giao lưu giới thiệu nhu cầu tuyển dụng; đăng thông tin tuyển dụng trên fanpage khoa, trường; duy trì hội cựu sinh viên... [H11.3.07]. Khoa mở lớp Bồi dưỡng kỹ năng mềm cho NH ở năm cuối để bồi dưỡng kỹ năng văn phòng, kỹ năng viết CV và phỏng vấn; kỹ năng giao tiếp.[H11.3.08]. Để giúp nâng cao kiến thức thực tế cho SV, khoa cũng đã có những ký kết hợp tác thực hành, thực tập, hợp tác đào tạo với các Ngân hàng và doanh nghiệp [H11.3.09] [H11.3.10] [H11.3.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường, Khoa có nhiều hoạt động nhằm hỗ trợ NH trong việc tìm kiếm việc làm; trang bị kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm cho SV nhằm tăng cơ hội có việc làm ngay khi tốt nghiệp. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm chiếm tỷ lệ 100%.

3. Điểm tồn tại

Chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp có việc làm của ngành TCNH với

một số trường khác trong cả nước.

4. Kế hoạch hành động

Khoa KT&QT tiếp tục liên kết với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các công ty tài chính để nâng cao chất lượng đào tạo, hỗ trợ SV tốt nghiệp tìm được làm việc đúng ngành đào tạo. Tham khảo, đối sánh với các cơ sở đào tạo đại học ngành TCNH khác trong và ngoài nước để làm căn cứ đổi mới CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Phát triển hoạt động NCKH là một trong những mục tiêu quan trọng trong Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2022-2025, trong đó thực hiện NCKH ứng dụng cho thực tiễn phát triển KT - XH của địa phương, khu vực và các tổ chức, doanh nghiệp là một trong các mục tiêu cụ thể CLPT [H11.4.01]. Trong quy chế quản lý hoạt động KH&CN của trường, Phòng KHCN & HTPT là đơn vị đầu mối thực hiện giám sát, quản lý hoạt động NCKH của NH từ việc giao đề tài, giám sát, tổ chức đánh giá và thực hiện các thủ tục thanh toán cho NH sau khi nghiệm thu đề tài đạt yêu cầu [H11.4.02], [H11.4.03]. Nhằm cụ thể hóa MT NCKH, Nhà trường cũng xây dựng Chiến lược và KH thực hiện CLPT NCKH và hợp tác trong nước và quốc tế giai đoạn 2022 - 2025. Từ MT, chiến lược đó, Nhà trường chỉnh sửa, ban hành Quy định về quản lý nhiệm vụ KHCN trong đó có quy định về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của NH: Đối với SV, các nhiệm vụ KH&CN bao gồm: tham gia Hội thi SV NCKH cấp trường, tham gia các dự án khởi nghiệp cấp tỉnh, cấp quốc gia; tham gia các hội nghị, hội thảo cấp Khoa, cấp trường. Đồng thời SV năm cuối phải thực hiện một hình thức NCKH dưới dạng KLTN cuối khóa. Các sản phẩm nghiên cứu phải đảm bảo các tiêu chí về chất lượng như: tính thiết thực, tính khả thi, tính hiệu quả; đảm bảo đúng quy định xét chọn đề xuất, nghiệm thu và lưu trữ [H11.4.04]. Hằng năm, Nhà trường đều xây dựng KH hoạt động NCKH trong đó ghi rõ nội dung NCKH của CB, GV; nội dung NCKH của NH; kế hoạch triển khai và yêu cầu các đơn vị phòng, khoa, trung tâm trong trường triển khai, phổ biến kế hoạch đến toàn thể CB, GV và NH để đăng ký thực hiện nhiệm vụ NCKH trong năm. Trong giai đoạn 2020 - 2024, SV ngành TCNH thực hiện 09 đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường với 28 sinh viên tham gia, cụ thể năm 2020: 02 đề tài, năm 2021: 03 đề tài, năm 2022: 04 đề tài [H11.4.05], có 04 sinh viên đăng ký làm KLTN [H11.4.06]. Tham gia cuộc thi SV NCKH cấp trường, có 04 đề tài của SV ngành TCNH đạt giải khuyến khích qua các năm [H11.4.07].

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát. Đối với việc làm khóa luận của SV có quy định cụ thể trong Quyết định số 795/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2018, Ban hành Quy định về quản lý, tổ chức hoạt động đồ án, KLTN đối với bậc đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường ĐHTB [H11.4.08]

Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của NH được nhà trường giao cho phòng KHCN & HTPT thực hiện. Theo đó, việc tổ chức thực hiện các đề tài NCKH của NH từ khi đăng ký, xét duyệt, đến nghiệm thu, công nhận kết quả được hướng dẫn và tổ chức triển khai đầy đủ, chi tiết theo đúng quy trình. Phòng KHTC, các khoa có nhiệm vụ theo dõi giám sát việc sử dụng kinh phí dành cho các đề tài NCKH [H11.4.09].

Theo Quyết định số 1364/QĐ-ĐHTB ngày 22/11/2024 quy định một trong các nhiệm vụ của phòng KHCN&HTPT là “kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các đề tài nghiên cứu, các dự án đã được phê duyệt”, trong đó có các đề tài, dự án của SV [H11.4.10]. Phòng KHCN&HTPT phân công một chuyên viên phụ trách công tác NCKH của SV, thực hiện tổ chức, giám sát, hỗ trợ hoạt động SV NCKH [H11.4.11].

Theo thống kê của phòng NCKH&HTPT, hàng năm có 10-20 lượt SV ngành TCNH tham dự hội thảo cấp khoa, cấp trường và các hội thảo khác [H11.4.12]. Hội thảo là cơ hội để SV tiếp xúc với những kiến thức chuyên môn sâu rộng, học hỏi kinh nghiệm từ các chuyên gia, diễn giả. Bên cạnh đó còn giúp SV rèn luyện kỹ năng mềm như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm. Tham dự hội thảo giúp SV hiểu rõ hơn về ngành nghề mình quan tâm, có cái nhìn thực tế về thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp phù hợp.

Vấn đề thu, chi tài chính đối với hoạt động NCKH của SV được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Theo đó nguồn thu - chi cho NCKH chủ yếu từ nguồn thu sự nghiệp của Trường. Khoản chi phí hỗ trợ cho NCKH của SV là một trong các chính sách khuyến khích việc tham gia các hoạt động NCKH của SV và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. Dữ liệu về nguồn thu chi tài chính dành cho các hoạt động NCKH của NH được Phòng KHTC lưu trữ tổng hợp theo đúng quy định [H11.4.13].

Để nâng cao chất lượng NCKH trong SV phù hợp với yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển và phù hợp với năng lực, nhu cầu SV, hàng năm trong hội nghị tổng kết năm học, thông qua kết quả NCKH của SV, Trường đã phân tích kết quả hoạt động NCKH của NH, tuyên dương khen thưởng những SV có thành tích xuất sắc trong NCKH, đồng thời trao đổi và lắng nghe những chia sẻ, đóng góp từ SV và GV hướng dẫn, đại diện lãnh đạo Phòng KHCN&HTPT và từ đó cùng trao đổi giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng và thu hút đông đảo SV tham gia NCKH [H11.4.14]. Hội nghị tổng kết cũng đã phân tích chỉ rõ những mặt mạnh và yếu của hoạt động NCKH trong SV, đồng thời đối sánh với các năm học trước và các ngành đào tạo khác trong Trường để đưa ra các giải pháp cho năm học tiếp theo. Kết quả đối sánh về số lượng các loại hình NCKH của NH ngành TCNH với các ngành đào tạo của Nhà trường trong giai đoạn 2020 - 2024 như sau:

Bảng 11. 8. Đối sánh số lượng đề tài cấp trường và số SV tham gia NCKH các ngành trong trường

Năm	TCNH		Kế toán		Kinh tế		CNKT cơ khí	
	Số SV tham gia	Số lượng đề tài	Số SV tham gia	Số lượng đề tài	Số SV tham gia	Số lượng đề tài	Số SV tham gia	Số lượng đề tài
2020	6	2	10	2	9	2	5	1
2021	8	3	10	2	3	1	5	1
2022	14	4	17	5	13	3	5	1
2024	0	0	2	1	13	3	5	1
Tổng	28	9	39	10	38	9	20	4

Qua đối sánh ta thấy NH ngành TCNH đã tích cực tham gia thực hiện đề tài NCKH, số lượng và số SV tham gia đề tài NCKH của SV ngành TCNH cao hơn ngành CNKT cơ khí nhưng thấp hơn so với ngành Kế toán và Kinh tế.

2. Điểm mạnh

Các quy định liên quan đến hoạt động NCKH SV được ban hành đầy đủ, rõ ràng. Có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của SV.

3. Tồn tại

Loại hình NCKH của SV ngành TCNH chưa đa dạng, mới chỉ dừng lại ở đề tài NCKH với số lượng còn ít; chưa có các nghiên cứu công bố trên các tạp chí khoa học, các ấn phẩm khoa học trong và ngoài nước; đề tài khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo còn hạn chế.

Khoa chưa thực hiện đối sánh số lượng NH tham gia thực hiện đề tài NCKH ngành TCNH, Trường ĐHTB với trường ĐH khác trong nước.

4. Kế hoạch hành động

Khoa và phòng KHCN & HTPT tăng cường tư vấn và thông tin, tư vấn sớm đến SV về hoạt động NCKH thông qua CVHT để SV có nhiều thời gian tìm hiểu và chuẩn bị cho việc thành lập nhóm nghiên cứu, chuẩn bị ý tưởng nghiên cứu và tham gia mở rộng vào các loại hình NCKH; Tiến hành thực hiện đối sánh số lượng NH tham gia thực hiện đề tài NCKH của ngành TCNH với một số trường khác trong cả nước ở các khóa tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Nhà trường đã thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ bao gồm GV, NH, NH trước tốt nghiệp, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng về hoạt động NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, NH và cơ sở vật chất.

Trong chiến lược và KH thực hiện chiến lược ĐBCL trường ĐHTB giai đoạn 2018 - 2021, tầm nhìn đến 2030, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng TCCB, TT&KĐCL là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và đôn đốc toàn bộ các hoạt động liên quan đến công tác ĐBCL giáo dục. Đồng thời, nhà trường cũng giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị chức năng, bao gồm phòng ĐT&HSSV, các khoa trong việc phối hợp triển khai hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ [H11.5.01], [H11.5.02].

Để có cơ sở thu thập dữ liệu phục vụ rà soát, điều chỉnh CTĐT hiệu quả, Nhà trường đã ban hành các quy định chi tiết về quy trình thực hiện, các công cụ đo lường mức độ hài lòng của các BLQ; thành lập Ban chỉ đạo khảo sát, quy định rõ nhiệm vụ và danh sách thành viên tham gia giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức khảo sát, tổng hợp và sử dụng kết quả phản hồi một cách hiệu quả trong cải tiến chất lượng đào tạo [H11.5.03].

Hằng năm, kế hoạch khảo sát được Nhà trường xây dựng và triển khai, trong đó quy định cụ thể quy trình, nội dung, phương pháp thực hiện, thống kê và đánh giá mức độ hài lòng của các BLQ (CB, GV, NV, NH, cựu SV, nhà sử dụng lao động...) đối với hoạt động NCKH, chất lượng đào tạo, dịch vụ hỗ trợ, CSVC...[H11.5.04], [H11.5.05], [H11.5.06].

Nhằm bảo đảm chất lượng khảo sát và phù hợp với từng nhóm đối tượng, Nhà trường xây dựng hệ thống công cụ riêng biệt, sử dụng bảng hỏi theo thang đo Likert 5 mức độ, được triển khai theo đúng Quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi [H11.5.02]. Trên cơ sở dữ liệu khảo sát được thu thập, phân tích một cách khoa học, Nhà trường và Khoa đã lập các báo cáo tổng hợp, đánh giá mức độ hài lòng, đồng thời thực hiện đối sánh kết quả khảo sát giữa các năm và giữa các nhóm đối tượng để làm căn cứ điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo và các hoạt động liên quan. Cụ thể, số liệu đối với lĩnh vực NCKH của GV, NH, nhà tuyển dụng được trích từ “Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của CB, GV, DN và NH về hoạt động KHCN và đối ngoại” [H11.5.07]; đối với lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ, CSVC của GV được trích từ “Báo cáo kết quả khảo sát CB, GV về MTLV” [H11.5.09]; đối với lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ, CSVC của NH được trích từ “Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của SV về CSVC và chất lượng hoạt động hỗ trợ học tập” [H11.5.08]; đối với lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ, CSVC của NH trước tốt nghiệp được trích từ “Báo cáo kết quả khảo sát SV trước khi tốt nghiệp về chất lượng toàn khóa học” [H11.5.10]; còn đối với cựu SV - NH tốt nghiệp và đơn vị sử dụng lao động, Khoa đã thực hiện việc tổng hợp lấy ý kiến mức độ hài lòng về các hoạt động của nhà trường thông qua việc các bên tham gia các sự kiện như: lễ bế giảng và trao bằng tốt nghiệp; Ngày hội tư vấn việc làm; các chương trình hội nghị, hội thảo, tọa đàm; các dịp DN về trường ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác, khảo sát lấy ý kiến về CTĐT,... [H11.5.11], [H11.5.12]. Kết quả các khảo sát cho thấy mức độ hài lòng của các BLQ đối với ngành TCNH đạt ở mức khá cao trên nhiều phương diện.

Căn cứ vào số liệu báo cáo, Khoa KT&QT đã tổng hợp số liệu khảo sát từ các BLQ, sử dụng kết quả đối sánh CTĐT ngành TCNH giữa các năm **[H11.5.13]** và đối sánh với các CTĐT khác cùng trình độ trong Trường làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ của Khoa **[H11.5.14]**.

Bảng 11.9. Tỷ lệ hài lòng các bên liên quan CTĐT ngành TCNH qua các năm

(Tỷ lệ%)

Lĩnh vực	GV	NH	NH trước TN	Trung bình	Ghi chú
Năm 2020					
NCKH	91,25	91,3	-	91,28	
Dịch vụ hỗ trợ	86,0	81,75	82,55	83,43	
CSVC	66,7	85,70	83,1	78,5	
Năm 2021					
NCKH	84,85	88,75	-	86,8	
Dịch vụ hỗ trợ	-	86,60	83,20	84,9	
CSVC	79,60	86,60	84,50	83,57	
Năm 2022					
NCKH	84,85	88,87	-	86,86	
Dịch vụ hỗ trợ-	73,60	82,30	86,43	80,78	
CSVC	71,70	83,10	80,50	78,43	
Năm 2023					
NCKH	84,85	88,75	-	86,8	
Dịch vụ hỗ trợ	-	85,55	90,40	87,98	
CSVC	82,64	-	90,90	86,77	
Năm 2024					
NCKH	87,85	88,75	-	88,3	
Dịch vụ hỗ trợ	82,0	81,90	85,10	83,0	
CSVC	76,10	81,0	84,10	80,4	
Giai đoạn 2020-2024					
NCKH	86,73	89,28	-	88,01	
Dịch vụ hỗ trợ	80,53	83,62	84,25	82,80	
NCKH	75,35	84,1	84,62	81,36	
Trung bình	80,87	85,67	84,44	83,66	
Năm 2025					
NCKH	-	80,9	-	80,9	
Dịch vụ hỗ trợ	88,2	82,1	84,1	84,77	
NCKH	80,5	80,2	86,1	82,27	

Trong giai đoạn 2020 - 2024, Nhà trường và Khoa đã tiến hành thống kê, phân tích mức độ hài lòng của các BLQ đối với các dịch vụ hỗ trợ đào tạo CTĐT ngành TCNH. Kết quả cho thấy, GV có mức độ hài lòng trung bình là 80,87%; NH đạt 85,67% và NH trước tốt nghiệp đạt 84,44%. Mức hài lòng trung bình của tất cả các nhóm đối tượng đạt 83,66%, phản ánh sự đánh giá tích cực về chất lượng đào tạo và các hoạt động hỗ trợ của chương trình.

Xét theo từng lĩnh vực, mức độ hài lòng về hoạt động NCKH dao động từ 86,8% - 91,28%, trung bình 5 năm đạt 88,01%. Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ có mức hài lòng dao động từ 80,78% - 87,98%, trung bình đạt 84,02%. Đối với CSVC, mức hài lòng dao động từ 78,5% - 86,77%, trung bình đạt 81,53%. Đối sánh theo từng nhóm đối tượng với cả ba lĩnh vực cho thấy: NH trước tốt nghiệp có mức độ hài lòng cao nhất (85,67%), tiếp theo là NH (84,44%) và GV (80,87%). Kết quả này khẳng định chất lượng đào tạo, dịch vụ hỗ trợ và CSVC của CTĐT ngành TCNH đang được các BLQ đánh giá ở mức khá cao.

Đồng thời, Khoa KT&QT cũng lập bảng tổng hợp số liệu về mức độ hài lòng các BLQ đối với 04 CTĐT ngành CNTT, CNKT cơ khí, Luật, TCNH để thực hiện đối sánh [H11.5.14].

Bảng 11. 10. Đối sánh tỷ lệ hài lòng các bên liên quan GV, NH, NH tốt nghiệp, Nhà tuyển dụng trung bình trong 5 năm 2020-2024 giữa 4 CTĐT

NGÀNH	GV	NH	NH trước TN	Trung bình
Công nghệ thông tin	79,85	83,32	84,74	82,64
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	79,78	81,96	83,47	81,74
Luật	80,87	85,67	81,44	82,66
Tài chính ngân hàng	80,87	85,67	84,44	83,66
Trung bình	80,34	84,16	83,52	82,67

Trên cơ sở phân tích các kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh tỷ lệ hài lòng của các BLQ, Nhà trường và Khoa KT&QT đã lập kế hoạch cải tiến chất lượng. Nhiều giải pháp thiết thực đã được triển khai như: đa dạng các công cụ lấy ý kiến khảo sát, bổ sung, thay đổi mẫu phiếu khảo sát cho phù hợp. Đặc biệt hơn về việc Nhà trường đã đầu tư nâng cấp hệ thống mạng Internet, cải thiện hiệu quả các kênh thông tin kết nối chính thống giữa Nhà trường với SV và GV [H11.5.15]; bổ sung giáo trình, học liệu phục vụ giảng dạy và học tập [H11.5.16]; tổ chức các hoạt động tham quan, trải nghiệm tại doanh nghiệp, đồng thời ký kết văn bản hợp tác nhằm hỗ trợ SV thực hành, trải nghiệm và tiếp cận cơ hội việc làm sau tốt nghiệp; tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề thực tiễn về lĩnh vực ngành nghề SV đang học, mời các chuyên gia/diễn giả có kinh nghiệm truyền tải các thông điệp cần thiết về ngành/nghề cho SV, mời các SV Trường bạn về giao lưu học hỏi [H11.5.17]. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng mềm cho SV, góp phần nâng cao năng lực làm việc thực tiễn và đáp ứng nhu

cầu của nhà tuyển dụng; tổ chức phong trào thi đua tự học, các cuộc thi khoa học sáng tạo trong SV [H11.5.18]. Về phía Khoa, đã chủ động đầu tư, bổ sung đầu sách học liệu phục vụ chuyên môn [H11.5.19]; đồng thời, chương trình đào tạo ngành TCNH cũng đã được rà soát, cập nhật và đổi mới 2 năm/lần theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT để nhằm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và xu hướng phát triển của ngành nghề. Cụ thể, năm 2021, CTĐT được điều chỉnh theo TN, SM của Trường, trong đó, một số HP được thiết kế tích hợp với nhau thành module môn học nhằm giúp SV đạt được các CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Đến năm 2023, CTĐT tiếp tục được điều chỉnh theo hướng nâng cao kỹ năng nghề cho SV, phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực ngành TCNH hiện nay. Đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ, Khoa KT&QT phối hợp với các phòng chức năng trong Trường để lập kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ, đặc biệt là GV, NH như: cải thiện về CSVC, tăng mức kinh phí cho GV tham gia các hoạt động NCKH; tích cực hỗ trợ SV trong hoạt động đào tạo, giải quyết vấn đề học vụ [H11.5.20], [H11.5.21].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thiết lập hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp cận phản hồi từ các BLQ, đa dạng các công cụ lấy ý kiến khảo sát mức độ hài lòng về NCKH, CSVC và các dịch vụ hỗ trợ,...

Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, lập thành báo cáo lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và gửi đến các BLQ theo quy định.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động của nhà trường chiếm tỷ lệ khá cao, tuy nhiên vẫn còn số ít tỷ lệ chưa hài lòng. Bên cạnh đó việc khảo sát vẫn chưa đạt được 100% như kế hoạch đề ra; Ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, cựu SV mới chỉ được thu thập qua các đợt về trường hợp tác đào tạo hoặc về thăm trường, chưa đa dạng hình thức lấy ý kiến.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2025–2026, Khoa phối hợp với Phòng TCCB, TT&KĐCL đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến doanh nghiệp, tăng số lượng đơn vị tham gia khảo sát; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền để tăng tính hiệu quả, tăng tỷ lệ phản hồi; đồng thời rà soát, cải tiến và triển khai hệ thống khảo sát ý kiến các BLQ, đảm bảo phân tích, giám sát, đối sánh mức độ hài lòng với các quy định, nhằm cải tiến chất lượng một cách hệ thống và hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

Kết luận tiêu chuẩn 11

Nhìn chung, nhờ sự giám sát, hỗ trợ thường xuyên cho NH và có các biện pháp cải tiến kịp thời, số lượng SV thôi học của CTĐT ngành TCNH giảm, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm sau khi tốt nghiệp cao. Kết quả khảo sát cho thấy SV sau khi tốt nghiệp nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, số lượng

các hoạt động NCKH của SV còn chưa nhiều. Để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần xây dựng kế hoạch khuyến khích các em làm NCKH, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm... nhằm trang bị cho SV để các em đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp. Căn cứ vào kết quả đánh giá các tiêu chí, Hội đồng Tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH trình độ đại học tự đánh giá tiêu chuẩn 11 có 2/5 tiêu chí đạt 4/7, 3/5 tiêu chí đạt 5/7.

PHẦN III: KẾT LUẬN

Trường ĐHTB đã triển khai tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành TCNH một cách nghiêm túc, đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành TCNH dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT gồm 11 tiêu chuẩn (50 tiêu chí) theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT. Qua việc tự đánh giá, Khoa KT&QT đã nhận diện được những điểm mạnh và những điểm tồn tại trong công tác quản lý, đào tạo, trong các hoạt động chuyên môn của đơn vị...; trên cơ sở đó đề ra KH hành động nhằm phát huy những ưu điểm, những mặt đã làm được, khắc phục những mặt còn hạn chế, tiếp tục duy trì và cải tiến chất lượng. Một số điểm được rút ra từ kết quả tự đánh giá như sau:

1. Những điểm mạnh của CTĐT ngành Tài chính – Ngân hàng

1.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

MT của CTĐT ngành TCNH được xác định rõ ràng, được rà soát, chỉnh sửa định kỳ 2 năm một lần, phù hợp với TN, SM của Trường ĐHTB qua từng giai đoạn, đồng thời phù hợp với MT chung theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

CĐR của CTĐT ngành TCNH bao quát được các yêu cầu chung cũng như các yêu cầu chuyên biệt về kiến thức, kỹ năng, và mức tự chủ trách nhiệm mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài yêu cầu đạt được kiến thức chung, kiến thức chuyên môn về TCNH, CĐR của CTĐT nhấn mạnh việc phát huy tư duy sáng tạo, tính tự chủ, năng động, khả năng hội nhập và phát triển nhân cách của SV sau khi tốt nghiệp. Với các CĐR này, SV tốt nghiệp có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp cũng như phẩm chất đạo đức, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và có khả năng học tập suốt đời.

CĐR của CTĐT ngành TCNH đã phản ánh được yêu cầu và có sự tham gia đóng góp của NTD, NKH, GV, cán bộ quản lý. CĐR của CTĐT đã được định kỳ điều chỉnh vào các năm 2021, 2023.

CĐR của CTĐT ngành TCNH được công bố công khai trên nhiều phương tiện và lưu giữ ở các đơn vị liên quan trong Trường để các BLQ dễ dàng tiếp cận.

1.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin về CTĐT và được cập nhật những vấn đề mới về lĩnh vực tài chính, ngân hàng theo định kỳ hằng năm.

ĐCCT các HP ngành TCNH được chuẩn hóa theo quy định của Nhà trường, có đầy đủ các thông tin và được định kỳ bổ sung, cập nhật. Trong quá trình chỉnh sửa, cập nhật ĐCCT đã có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan.

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết HP ngành TCNH được công bố công khai bằng nhiều hình thức tới các BLQ dễ dàng tiếp cận.

1.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

CTDH ngành TCNH đã thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; Kết cấu CTDH bao gồm các HP được xây dựng khoa

học, logic đảm bảo cho SV tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối kiến thức đại cương đến kiến thức chuyên ngành; các học phần trong CTDH xác định PPGD, học tập, phương pháp KTĐG phù hợp góp phần đạt được CĐR.

CTDH ngành TCNH xác định rõ ràng sự đóng góp của học phần đối với CĐR của CTĐT, nội dung các học phần hướng tới đạt CĐR. Tất cả các HP trong CTDH đều được thiết kế nội dung có sự tương thích và thể hiện được sự đóng góp vào việc đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm.

Các học phần trong CTDH được thiết kế theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, từ lý thuyết tới thực hành đáp ứng xu hướng phát triển của ngành TCNH hiện nay. CTDH ngành TCNH được cập nhật, điều chỉnh định kỳ theo hướng linh hoạt, tích hợp dựa trên cơ sở ý kiến các BLQ và tham khảo các CTDH của các trường đại học uy tín trong nước.

1.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TLGD của Nhà trường được xác định rõ ràng và phổ biến rộng rãi đến các BLQ; toàn thể cán bộ, GV, NH trong Nhà trường hiểu rõ và thực hiện.

Các hoạt động dạy và học các HP được thiết kế phù hợp nhằm đạt CDR với đội ngũ GV được đào tạo bài bản, thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức. Với PPDH tích cực giúp NH tiếp nhận nội dung kiến thức hiệu quả hơn, vận dụng và tiếp cận nhanh với thực tế.

100% ĐCCT HP trong CTĐT được mô tả rõ ràng việc sử dụng các PPDH phù hợp để đạt được CĐR. ĐCCT các HP trong CTĐT có các PPDH đa dạng nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, khả năng học tập suốt đời cho NH. GV sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

1.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trường đã xây dựng quy trình đánh giá KQHT của NH từ đó ban hành các quy chế, quy định cũng như các văn bản hướng dẫn phương pháp và hình thức đánh giá KQHT của NH phù hợp với mục tiêu và tương ứng với mức độ đạt được của CĐR.

Phương pháp đánh giá KQHT được Trường, Khoa và ngành TCNH tiến hành tổng kết và rà soát hằng năm.

Trường có hệ thống văn bản quy định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi về đánh giá KQHT của NH và được thông báo công khai đến NH thông qua nhiều phương thức khác nhau.

Khoa, ngành đã có nhiều hình thức tiếp cận đến NH để cung cấp những thông tin kịp thời, hữu ích tới NH để đạt được kết quả tốt nhất.

Ngành TCNH sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau phù hợp với đặc thù nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực TCNH và đáp ứng CĐR của CTĐT, đồng thời xác định được tiêu chí đánh giá rõ ràng của từng nội dung đánh giá.

Nhà trường có những quy định, hướng dẫn cụ thể trong công tác quản lý KQHT của NH đảm bảo KQHT được phản hồi kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và bảo

mật, giúp NH chủ động trong việc cải thiện KQHT của bản thân, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập cho NH. Nhà trường sử dụng phần mềm QLĐT, việc nhập điểm thành phần, điểm thi kết thúc HP trên phần mềm giúp NH nhanh chóng, thuận lợi giúp NH chủ động trong việc cải thiện KQHT của bản thân.

1.6. Đội ngũ giảng viên

Việc thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ GV của Khoa phù hợp với chiến lược phát triển và quy hoạch CB của Trường. Vì vậy, đã đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Nhà trường có văn bản quy định cụ thể và triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về khối lượng công việc và quy đổi giờ chuẩn đối với GV theo từng chức danh và đáp ứng được yêu cầu.

Công tác giám sát, đo lường, đánh giá về khối lượng công việc đối với đội ngũ GV được chú trọng, thực hiện một cách chặt chẽ làm căn cứ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV của Nhà trường để bổ nhiệm, điều chuyển, tuyển dụng lao động hợp đồng cho Khoa được thực hiện theo quy định rõ ràng, minh bạch và công khai.

Năng lực của đội ngũ GV trong Khoa được xác định rõ ràng và được đánh giá đa dạng về hình thức. Đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao.

Quy định về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn đã được xây dựng và thực hiện có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của CTĐT, CLPT đội ngũ của Nhà trường.

Trường đã có các hoạt động và chính sách hỗ trợ cho GV đi đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn.

Đội ngũ GV của Khoa có ý thức và luôn chủ động học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Nhà trường có văn bản quy định chi tiết về các loại hình và hoạt động NCKH. Khoa đã thực hiện được nhiều đề tài NCKH thuộc lĩnh vực chuyên ngành TCNH. Số lượng và loại hình các sản phẩm khoa học của Khoa có sự phát triển và đa dạng hơn qua các năm. Có nhiều bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành và sách được xuất bản.

Việc tổ chức theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện nhiệm vụ NCKH được diễn ra thường xuyên, kịp thời. Trường yêu cầu đánh giá kết quả NCKH thông qua bảng kê khai giờ NCKH, đây là một trong những chỉ số quan trọng nhất để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như bình xét danh hiệu thi đua đối với mỗi cá nhân viên chức, GV.

1.7. Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên tại các bộ phận có trình độ đáp ứng nhu cầu, có chuyên môn nghiệp vụ phù hợp, hỗ trợ đủ về số lượng, đáp ứng tốt các yêu cầu về đào tạo và nghiên cứu; tận tình hỗ trợ sinh viên học tập, NCKH, rèn luyện và PVCD.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV rõ ràng trên cơ sở phân tích ý kiến của các bên liên quan, được phổ biến và công khai bằng nhiều hình thức.

Trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ NV và CB chuyên trách các khoa, do vậy năng lực của đội ngũ NV làm việc tại các khoa, phòng, trung tâm đều đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ đào tạo, NCKH, PVCD

Hàng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ CB hỗ trợ. Các tiêu chí xác định lựa chọn đi học tập, bồi dưỡng được quy định rõ ràng, cụ thể trong quy định của Trường.

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát chặt chẽ để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV.

NV hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc.

1.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Chính sách tuyển sinh của nhà trường trong đó có ngành TCNH phù hợp: tuân thủ nghiêm túc quy định, quy chế của BGD&ĐT, của trường ĐHTB. Đa dạng các phương thức tuyển sinh để người học có nhiều cơ hội để lựa chọn các ngành học của Nhà trường. Các chính sách ưu đãi tuyển sinh như học bổng đầu vào của nhà trường, của nhà tài trợ đã thu hút được nhiều học sinh có điểm xét tuyển cao góp phần nâng cao chất lượng đầu vào của ngành học. Chính sách ưu đãi về miễn giảm học phí, miễn tiền ở KTX đã hấp dẫn người học. Chính sách tuyển sinh hàng năm của nhà trường đã được công bố rộng rãi, công khai, cập nhật thường xuyên bằng các hình thức truyền thông tuyển sinh đa dạng, phong phú cả trực tiếp và trực tuyến.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng, phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với đối tượng tuyển sinh của trường ĐHTB và yêu cầu cơ bản của NH ngành TCNH. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Nhà trường thực hiện nghiêm túc, rà soát các tiêu chí, tổ hợp xét tuyển đa dạng và linh hoạt để NH có nhiều cơ hội xét tuyển. Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường được đánh giá, cập nhật, bổ sung các tiêu chí và phương thức tuyển chọn NH, các tổ hợp môn xét tuyển để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh có cơ hội vào ĐH mà vẫn ĐBCL đầu vào.

Hệ thống giám sát, kiểm tra sự tiến bộ của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, có quy trình cụ thể, phân công rõ ràng trách nhiệm của các bộ phận và có sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị, tác động tích cực đến hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, KQHT, khối lượng học tập của NH.

Các hoạt động tư vấn học tập được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của NH; các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khoá được NH ngành TCNH hưởng ứng tích cực, góp phần tạo động lực, khích lệ NH phát huy được các kiến thức, kỹ năng và thái độ trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường. Tỷ lệ có việc làm đúng chuyên môn của NH ngành TCNH rất cao.

Nhà trường có môi trường cảnh quan xanh sạch đẹp, thoáng mát, an toàn; môi trường tâm lý xã hội tích cực cho hoạt động học tập nghiên cứu của cán bộ GV, SV nhà trường.

1.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Hệ phòng học, phòng làm việc và các phòng chức năng hiện đại về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu làm việc của CB, GV và học tập của NH; đạt các tiêu chí theo chuẩn cơ sở giáo dục đại học, có diện tích sử dụng phòng học trên NH vượt tiêu chuẩn quy định ($9,09\text{m}^2/1\text{NH}$)

Thư viện có đầy đủ CSVC, phần mềm, trang thiết bị, nguồn tài liệu phù hợp, luôn cập nhật phục vụ cho CTĐT của nhà trường.

Các phòng máy tính được trang bị đầy đủ về số lượng và chất lượng, phục vụ tốt cho hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học của NH trong toàn trường và đặc biệt NH ngành TCNH; các phòng máy, trang thiết bị cơ bản phù hợp và có bổ sung, sửa chữa hằng năm.

Nhà trường không ngừng nâng cấp hạ tầng CNTT bao gồm: phòng họp trực tuyến, đường truyền Internet và các trang thiết bị công nghệ thông tin; đồng thời hệ thống phần mềm hỗ trợ được triển khai đồng bộ, kết hợp với hệ thống giám sát thiết bị nhằm kịp thời phát hiện xử lý sự cố, giảm thiểu gián đoạn nâng cao hiệu quả quản lý, hỗ trợ giảng dạy, học tập, NCKH và đảm bảo hệ thống CNTT vận hành ổn định, bền vững.

Nhà trường luôn quan tâm đến sức khỏe của CBGV và NH; có qui định các tiêu chuẩn, tổ chức triển khai và thực hiện về môi trường, sức khỏe và an toàn; hằng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ để đảm bảo cho mọi người đủ sức khỏe trong đào tạo và nghiên cứu, đồng thời chú trọng đến nhu cầu của người khuyết tật.

Cảnh quan môi trường, hệ thống cây xanh tạo không gian thoáng mát, thoải mái. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn tài sản và tính mạng cho CBGV-NV và NH được đặc biệt chú trọng.

1.10. Nâng cao chất lượng

Hệ thống thu thập thông tin của nhà trường đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng Phòng, Khoa. Trên cơ sở đó các bộ phận chịu trách nhiệm đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ để tiến hành rà soát, điều chỉnh, phát triển CTĐT, CTDH. Việc lấy ý kiến phản hồi được thực hiện trên cơ sở quy định, hướng dẫn của Nhà trường; được lập KH và tổng hợp kết quả để làm căn cứ điều chỉnh, phát triển qua mỗi lần rà soát CTĐT, CTDH.

Nhà trường đã xây dựng và triển khai Quy trình thiết kế và phát triển CTĐT một cách thống nhất, đồng bộ. Quy trình này được định kỳ rà soát, đánh giá và cải tiến dựa trên cơ sở khoa học là các thông tin phản hồi từ các BLQ, nhằm nâng cao chất lượng chương trình, đáp ứng yêu cầu đào tạo phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Quá trình dạy và học ngành TCNH được tổ chức bài bản, đảm bảo thực hiện đúng các quy định, quy chế đào tạo đại học và hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng. Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ và chặt chẽ.

Các sản phẩm NCKH của khoa KT&QT ngày càng nhiều, đa dạng hơn về nội dung, hình thức; chất lượng các sản phẩm NCKH ngày càng cao. Khoa đã vận dụng có hiệu quả các kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học của GV và SV ngành TCNH.

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được thực hiện thường xuyên, trên cơ sở đó Trường và khoa KT&QT đã thực hiện các hoạt động cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Thư viện, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành TCNH.

Cơ chế phản hồi của Nhà trường được thiết lập, có tính hệ thống và nhận được nhiều ý kiến phản hồi của các BLQ đảm bảo độ tin cậy, là căn cứ để cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường triển khai các hoạt động khảo sát các BLQ với các quy định, KH đầy đủ, thành lập ban chỉ đạo, tổ khảo sát; tổ chức các hội nghị chuyên đề đánh giá về kết quả hoạt động khảo sát hằng năm. Các báo cáo khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các BLQ có độ tin cậy cao, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1.11. Kết quả đầu ra

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản trong công tác quản lý đào tạo phù hợp với các văn bản của Bộ GD&ĐT; Trách nhiệm của các BLQ được quy định cụ thể, phối hợp tốt với nhau nên thông tin kịp thời và làm cơ sở cho Trường đánh giá, phân tích, tìm nguyên nhân có các giải pháp cải tiến hiệu quả

Nhà trường có hệ thống quản lý, giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp, SV thôi học, được thông tin, công khai, cập nhật và đưa ra các biện pháp quản lý, hỗ trợ kịp thời.

Thực hiện đối sánh tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp trong phục vụ công tác cải tiến, nâng cao chất lượng

100% SV ngành TCNH tốt nghiệp đúng hạn,

Đã có sự xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình đối với NH ngành TCNH, đồng thời có theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình.

Khoa đã có những biện pháp hỗ trợ cần thiết nhằm giúp NH hoàn thành thời gian tốt nghiệp đúng hạn, nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường, Khoa có nhiều hoạt động nhằm hỗ trợ NH trong việc tìm kiếm việc làm; trang bị kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm cho SV nhằm tăng cơ hội có việc làm ngay khi tốt nghiệp. Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm chiếm tỷ lệ 100%.

Các quy định liên quan đến hoạt động NCKH SV được ban hành đầy đủ, rõ ràng. Có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của SV

Nhà trường đã thiết lập hệ thống các đơn vị, quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp cận phản hồi từ các BLQ, đa dạng các công cụ lấy ý kiến khảo sát mức độ hài lòng về NCKH, CSVN và các dịch vụ hỗ trợ,...

Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích, lập thành báo cáo lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và gửi đến các BLQ theo quy định.

2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cải tiến chất lượng của CTĐT

2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Số lượng ý kiến khảo sát doanh nghiệp về xây dựng, rà soát điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành TCNH còn hạn chế.

Việc tham khảo ý kiến phản hồi từ các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành để điều chỉnh CDR của CTĐT ngành TCNH chưa nhiều.

Tài liệu quảng bá CDR của CTĐT tới đối tượng tuyển sinh còn hạn chế.

2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Bản mô tả CTĐT chưa tham khảo các CTĐT tiên tiến.

Một số HP còn hạn chế về sách tham khảo như Tiền số và công nghệ blockchain,...

Nhà trường đã công bố công khai bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP nhưng vẫn còn một số doanh nghiệp chưa tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP dễ dàng.

2.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Trong CTDH phương pháp kiểm tra/đánh giá của các học phần thi trắc nghiệm, tự luận kết hợp thi trắc nghiệm đa phần là thi trên giấy, chưa cập nhật ứng dụng CNTT trong công tác tổ chức thi.

Nội dung một số HP chuyên ngành chưa lấy được nhiều ý kiến của các chuyên gia đầu ngành.

Khoa chưa tham khảo được nội dung CTDH tiên tiến trong nước và các trường quốc tế.

2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

TLGD đã được phổ biến tới NH, tuy nhiên một bộ phận SV chưa quan tâm, thậm chí nhàn để vận dụng hiệu quả trong quá trình học tập tại trường.

Nhà trường có sự hợp tác với các cơ quan, DN để NH tiếp cận với chuyên gia, tạo môi trường học tập thực tế cho NH, tuy nhiên các hoạt động thực tế của NH đối với ngành TCNH vẫn chưa nhiều.

Các hoạt động thúc đẩy việc tự học của một số NH có học lực yếu còn hạn chế, các hoạt động ngoại khóa, rèn luyện kỹ năng còn ít.

2.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Một số ít HP sử dụng phương pháp đánh giá KQHT của NH chưa đa dạng.

Một số ít SV vẫn chưa nắm vững các quy định về kiểm tra đánh giá.

Phương pháp kiểm tra đánh giá theo Rubric chưa được áp dụng đồng nhất giữa các HP.

Còn một số ít SV cập nhật KQHT chưa kịp thời, dẫn đến kế hoạch học tập bị ảnh hưởng, không cải thiện việc học tập kịp thời, tốt nghiệp trễ.

Nhà trường chưa có tính năng khiếu nại, phúc khảo bài thi online trên Website.

2.6. Đội ngũ giảng viên

Hiện nay, tỷ lệ GV đạt trình độ TS còn thấp so với yêu cầu của chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

Việc quy định các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV chưa được cụ thể hóa.

Trong giai đoạn này, Nhà trường chưa ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

Kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH đối với GV chưa được đưa vào tiêu chí đánh giá tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua và đánh giá xếp loại CB, VC của Nhà trường.

Trường chưa có đánh giá hiệu quả sau mỗi khóa/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/ đào tạo.

Tỷ lệ GV nhận khen thưởng cấp cao còn hạn chế

Bài báo khoa học của giảng viên được đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và nhiều GV chưa tham gia chủ nhiệm các đề tài cấp cao hơn.

2.7. Đội ngũ nhân viên

Mặc dù có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn tốt, tuy nhiên khả năng ngoại ngữ của đội ngũ nhân viên còn hạn chế

Các quy định về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đang nằm rải rác ở các văn bản khác nhau.

Tỷ lệ NV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm chưa cao.

Hoạt động bồi dưỡng chưa bao phủ hết nhu cầu của nhóm các vị trí việc làm.

Một số NV có trình độ lao động cơ bản chưa xây dựng kế hoạch cá nhân hàng năm

2.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Việc lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về chính sách tuyển sinh trong đó có ngành TCNH chưa rộng rãi.

Việc lấy ý kiến của NH, đơn vị sử dụng lao động về phương pháp và tiêu chí tuyển chọn NH chưa được triển khai rộng rãi, phương pháp tuyển sinh ngành TCNH chưa có nhiều điểm riêng biệt mang tính đặc thù.

Phần mềm quản lý đào tạo (PMT-EMS Education) chỉ trích xuất được dữ liệu khi sử dụng mạng internet nội bộ tại trường, điều này đôi khi dẫn đến việc CVHT không kịp thời nắm bắt thông tin NH khi không trực tiếp làm việc tại trường đối với các lớp HP.

Câu hỏi khảo sát chưa được thiết kế khoa học nên chưa có nhiều thông tin hữu ích phục vụ cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm.

Nhà trường chưa có bộ phận hoặc chuyên viên tư vấn về tâm lý người học

2.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Một số trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy trong các phòng học chung, phòng học chuyên ngành do khoa trực tiếp quản lý đã cũ, bị hư hỏng cần được thay mới, sửa chữa kịp thời hơn. Chưa có phòng thực hành mô phỏng ngành TCNH

Nguồn tài liệu tiếng nước ngoài của ngành TCNH còn hạn chế, chưa được cập nhật thường xuyên. Số lượng bản in của một số tài liệu phục vụ ngành TCNH tại thư viện chưa nhiều.

Một số thiết bị trong các phòng thực hành, thí nghiệm đã qua thời gian sử dụng dài, sắp đến hạn thay thế, ảnh hưởng phần nào đến hiệu suất hoạt động và trải nghiệm học tập của NH.

Hệ thống Wifi đã được phủ sóng toàn trường nhưng vẫn còn một số vị trí gặp khó khăn trong việc truy cập mạng.

Hệ thống hỗ trợ dành cho NH khuyết tật chưa đầy đủ.

2.10. Nâng cao chất lượng

Việc tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong nước còn hạn chế và chưa tiến hành tham khảo ý kiến của các chuyên gia nước ngoài để phát triển CTĐT còn hạn chế

Việc cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa có sự tham khảo của các trường trong khu vực và quốc tế có đào tạo ngành TCNH

Việc ứng dụng CNTT trong công tác đánh giá KQHT của người học vẫn còn hạn chế. Cụ thể, trong CTĐT phương pháp kiểm tra/đánh giá của các HP thi trắc nghiệm chủ yếu được thực hiện trên bài thi giấy, chưa cập nhật ứng dụng CNTT trong công tác tổ chức thi.

Bài báo khoa học của GV phục vụ cải tiến việc dạy và học được đăng trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế và nhiều GV chưa tham gia chủ nhiệm các đề tài cấp cao hơn.

Phần lớn sinh viên đều ý thức được quyền lợi và trách nhiệm của mình trong việc đóng góp ý kiến phản hồi đối với các hoạt động của Nhà trường nói chung và chất lượng môi trường học tập nói riêng. Tuy nhiên thời gian trả lời khảo sát chậm hơn so với kế hoạch và tỉ lệ tham gia khảo sát chưa đạt 100% như mong muốn.

Vẫn còn tồn tại một số BLQ chưa tham gia khảo sát đầy đủ và chưa thực sự nghiêm túc với việc đưa ra ý kiến phản hồi. Một số ý kiến còn mang cảm tính chủ quan hoặc qua loa, hình thức.

2.11. Kết quả đầu ra

Tỷ lệ SV ngành TCNH thôi học còn cao, nguyên nhân chính là do số lượng SV học tập tại ngành còn khiêm tốn.

Khoa, nhà trường chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của SV ngành TCNH với các cơ sở đại học khác.

Chưa có SV CTĐT của ngành tốt nghiệp sớm, tỷ lệ SV thôi học chiếm tỷ lệ cao đặc biệt là khóa học 2019-2023 (DHK8).

Dữ liệu về thời gian tốt nghiệp trung bình ngành TCNH ở các cơ sở đào tạo bên ngoài thường không công khai, do vậy chưa có dữ liệu đối sánh ngoài liên quan đến SV tốt nghiệp ra trường.

Chưa thực hiện đối sánh tỷ lệ NH tốt nghiệp có việc làm của ngành TCNH giữa Trường với một số trường khác trong cả nước.

Loại hình NCKH của SV ngành TCNH chưa đa dạng, mới chỉ dừng lại ở đề tài NCKH với số lượng còn ít; chưa có các nghiên cứu công bố trên các tạp chí khoa học,

các ấn phẩm khoa học trong và ngoài nước; đề tài khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo còn hạn chế.

Khoa chưa tiến hành đối sánh số lượng NH tham gia thực hiện đề tài NCKH ngành TCNH, Trường ĐHTB với trường ĐH khác trong nước

Mặc dù mức độ hài lòng của các bên liên quan về các hoạt động của nhà trường chiếm tỷ lệ khá cao, tuy nhiên vẫn còn số ít tỷ lệ chưa hài lòng. Bên cạnh đó việc khảo sát vẫn chưa đạt được 100% như kế hoạch đề ra; Ý kiến phản hồi của doanh nghiệp, cựu SV mới chỉ được thu thập qua các đợt về trường hợp tác đào tạo hoặc về thăm trường, chưa đa dạng hình thức lấy ý kiến.

3. Kế hoạch hành động

Sau khi phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT ngành TCNH, đề khắc phục những tồn tại trên, Khoa KT&QT có kế hoạch hành động để cải tiến chất lượng, cụ thể như sau:

3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Từ năm học 2025 – 2026, Khoa KT&QT thúc đẩy việc hợp tác với nhà tuyển dụng, qua đó tham khảo nhiều hơn ý kiến trong công tác phát triển CTĐT nói chung và cụ thể là mục tiêu đào tạo để CTĐT ngành TCNH đáp ứng được yêu cầu xã hội.

Khoa chủ động tham khảo nhiều hơn ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học trong công tác phát triển CTĐT nói chung và cụ thể là CDR của CTĐT để kết quả SV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu xã hội.

Khoa phối hợp với phòng ĐT&HSSV, bộ phận truyền thông xây dựng KH quảng bá CDR của CTĐT tới đối tượng tuyển sinh.

3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Trong lần rà soát và điều chỉnh CTĐT tiếp theo (năm 2025), Khoa KT&QT thực hiện đối sánh CTĐT với các CTĐT tiên tiến.

Năm 2025, Khoa KT&QT rà soát, bổ sung các tài liệu mới phục vụ học tập, giảng dạy ngành TCNH.

Để thực hiện yêu cầu công khai và tạo điều kiện tối đa cho các BLQ tiếp cận dễ dàng bản mô tả CTĐT và ĐCCT HP ngành TCNH. Năm 2025 Khoa KT&QT phối hợp với VP đẩy mạnh hơn nữa công tác quảng bá thông tin về bản mô tả CTĐT và ĐCCT các HP ngành TCNH tới cộng đồng và xã hội.

3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Trong học kỳ I năm học 2025 - 2026, khoa KT&QT sẽ phối hợp với phòng ĐT&HSSV thực hiện việc chuyển đổi hình thức thi trắc nghiệm trên giấy của một số HP sang thi trên máy tính; Khoa KT&QT tiếp tục gửi ĐCCT, CTDH tới các chuyên gia chuyên ngành để xin ý kiến đóng góp về CTĐT và ĐCCT; Khoa KT&QT phối hợp với phòng KHCN&HTPT tiếp tục hợp tác với các đối tác nước ngoài có đào tạo ngành TCNH để tham khảo CTDH.

3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Trong năm 2025 và các năm tiếp theo, Nhà trường sẽ có KH đẩy mạnh truyền thông về các nội dung TLGD, cũng như TN, SM của trường, phổ biến thâm nhuần tới CB, GV, SV toàn trường. Khoa KT&QT cũng thực hiện triển khai tới từng CB, GV trong mỗi buổi họp định kỳ, giải thích cụ thể hơn tới SV theo học chương trình về các MT của CTĐT, cũng như mối liên hệ của các MT này tới TLGD của Nhà trường

Khoa KT&QT đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các cơ quan, DN, tổ chức tài chính hơn nữa để NH được tiếp cận thực tiễn nhiều hơn.

Trong năm học 2025 -2026, Khoa đề xuất tăng cường công tác tuyển sinh để tương số lượng SV của ngành TCNH cũng như xây dựng các chương trình hỗ trợ cho NH có học lực còn hạn chế, giao CVHT theo dõi, kiểm tra sự tiến bộ của NH. Đồng thời tăng cường các hoạt động ngoại khoá, thực tế, thực tập, NCKH cho SV, các hoạt động hội thảo chuyên đề để xây dựng các hoạt động dạy và học phù hợp nhằm phát triển kỹ năng và năng lực học tập suốt đời của NH.

3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Trong năm học 2025- 2026, ngành TCNH tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: “Áp dụng chuyển đổi số trong kiểm tra, đánh giá NH ngành TCNH để đáp ứng CDR của CTĐT”.

Trong các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của năm học 2025- 2026 sẽ lồng ghép thảo luận về các phương pháp đánh giá KQHT của NH ứng với mỗi HP để từ đó đưa ra được các phương pháp đánh giá đa dạng hơn trong các học kỳ tiếp theo.

Trong năm học 2025 -2026, Khoa triển khai kế hoạch phổ biến lại quy định về kiểm tra đánh giá đến toàn thể SV của Khoa thông qua các GV và CVHT; Nhà trường tổ chức tập huấn cho các GV về đánh giá theo tiêu chí Rubric; CVHT thường xuyên nhắc nhở NH cập nhật kết quả học tập; Phòng ĐT&HSSV tham mưu với Nhà trường bổ sung nâng cấp Website để hoàn thiện tính năng phúc khảo online trên Website phục vụ cho quy trình khiếu nại của NH được thuận tiện.

5. Tự đánh giá: Tiêu chí đạt mức 4/7.

3.6. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường bổ sung thêm cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện và cử GV đi học NCS đồng thời tăng cường thu hút, trọng dụng đội ngũ GV có trình độ TS, PGS, GS tham gia giảng dạy ngành TCNH.

Khoa đề xuất với nhà trường ban hành quy định về hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khoa kiến nghị với Nhà trường ban hành các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

Từ năm 2025, Khoa đề xuất Nhà trường đưa kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH vào các tiêu chí đánh giá, xếp loại và xét danh hiệu thi đua đối với GV.

Đánh giá hiệu quả sau mỗi khoá/đợt tập huấn/đào tạo hoặc sau mỗi đợt cử người đi tập huấn/đào tạo và sử dụng kết quả này để hoạch định và triển khai kế hoạch tiếp theo.

Từ năm học 2025- 2026, khoa KT&QT phấn đấu 100% GV đều đạt các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Trong đó giao chỉ tiêu cho CBGV phấn đấu đạt khen thưởng cấp cao; Khoa nghiên cứu đề nghị nhà trường có cơ chế chính sách khuyến khích GV viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế và tham gia các đề tài cấp cao hơn về lĩnh vực TCNH.

3.7. *Đội ngũ nhân viên*

Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa số lượng và chất lượng đội ngũ NV: Tăng tỉ lệ đội ngũ NV có tính chuyên nghiệp cao, hỗ trợ kinh phí thi chứng chỉ ngoại ngữ cho NV.

Từ năm 2025 - 2026 phòng TCCB, TT & KĐCL tham mưu xây dựng và ban hành quy định về các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển.

Nhà trường có cơ chế chính sách khuyến khích cán bộ NV đảm bảo đủ tiêu chí để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Nhà trường, lãnh đạo các đơn vị tìm hiểu, lập kế hoạch bổ sung các khóa bồi dưỡng để đảm bảo bao phủ hết nhu cầu của nhóm các vị trí việc làm, đồng thời khuyến khích NV tham gia các hội thảo, các chương trình học tập trao đổi kinh nghiệm thực tiễn từ các đơn vị ngoài trường; Văn phòng tham mưu xây dựng mẫu kế hoạch cá nhân hàng năm dành riêng cho NV có trình độ lao động cơ bản.

3.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Trong năm học 2025-2026, Phòng ĐT&HSSV phối hợp với khoa Kinh tế và Quản trị lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động như các ngân hàng, tổ chức tín dụng... về chính sách tuyển sinh hàng năm của Nhà trường; Phòng ĐT&HSSV chủ trì cùng với khoa KT&QT xây dựng KH lấy ý kiến của NH, đơn vị sử dụng lao động liên quan đến ngành TCNH về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH; Nhà trường làm việc với nhà cung cấp phần mềm quản lý đào tạo để phân quyền cho CVHT, cho phép trích xuất dữ liệu của người học để kịp thời hỗ trợ, tư vấn; Nhà trường, Khoa KT&QT rà soát điều chỉnh và hoàn thiện nội dung các câu hỏi khảo sát để thu thập được nhiều thông tin hữu ích cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm; Nhà trường có kế hoạch bổ sung chuyên viên/ nhân viên chuyên nhiệm vụ tư vấn tâm lý xã hội cho NH. Khoa sẽ chú trọng hơn khi chọn mẫu đối tượng tham gia khảo sát về tỷ lệ nam/nữ, về độ tuổi, về cơ cấu vùng miền. Đồng thời tổng hợp ý kiến phản hồi, trao đổi, thảo luận và có những điều chỉnh cần thiết trước khi năm học mới diễn ra.

3.9. *Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Năm học 2025-2026, khoa KT&QT đề xuất với nhà trường và các phòng chuyên môn có phương án kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị hỗ trợ giảng dạy. Xây dựng phòng thực hành mô phỏng ngành TCNH; khoa KT&QT đề xuất bổ sung thêm nhiều giáo trình chuyên ngành TCNH kể cả tài liệu tiếng Việt và tiếng Anh, hàng năm phải cập nhật thường xuyên tài liệu phục vụ dạy và học của ngành TCNH; Khoa KT&QT đề xuất Nhà trường và các phòng chức năng xây dựng kế hoạch bổ sung trang thiết bị cần thiết để hỗ trợ NH nhằm đảm bảo hiệu quả vận hành, đáp ứng yêu cầu đào tạo thực hành ngày càng cao; Văn phòng cần lắp đặt thêm thiết bị phát Wifi để tăng cường cho các

vùng phủ sóng yếu; Nhà trường tiếp tục bổ sung, cải tạo các hạng mục CSVC để phục vụ người khuyết tật.

3.10. Nâng cao chất lượng

Trong lần rà soát CTĐT tiếp theo, Khoa KT&QT kết nối với các trường đại học, các viện nghiên cứu và các đối tác khác để tăng cường liên kết, tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong nước, các chuyên gia và nhà khoa học quốc tế về phát triển CTĐT ngành TCNH.

Trong chu kỳ rà soát tiếp theo, nhà trường sẽ lựa chọn thêm các CTĐT từ các trường ĐH uy tín trong khu vực và quốc tế để thực hiện đối sánh nội dung, CDR và cấu trúc chương trình, từ đó điều chỉnh phù hợp với xu thế hội nhập; mời các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài trường tham gia góp ý chương trình thông qua hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên môn hoặc khảo sát chuyên sâu theo lĩnh vực đào tạo với phạm vi rộng rãi hơn để làm căn cứ đề xuất những thay đổi và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTĐT.

Từ năm học 2025-2026, Khoa KT&QT sẽ phối hợp với phòng TCCB, TT&KĐCL, trung tâm Tin học - Ngoại ngữ và Giáo dục nghề nghiệp- GDTX, các Khoa chuyên môn thực hiện việc chuyển đổi hình thức thi trắc nghiệm trên giấy của một số HP sang thi trên trắc nghiệm trên máy tính; Khoa kết hợp với phòng KHCN&HTQT tìm hiểu các tạp chí quốc tế uy tín, hướng dẫn GV viết bài phù hợp với các tạp chí quốc tế, khuyến khích GV tham gia các đề tài NCKH tại các cấp cao hơn, đặc biệt là các sản phẩm nghiên cứu nhằm cải tiến việc dạy và học; khoa KT&QT phối hợp với ĐTN tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn với nghiệp vụ chuyên môn của ngành TCNH như hội thi nghiệp vụ chuyên môn giỏi; các diễn đàn, sinh hoạt chuyên đề; hội thảo khoa học cho SV ngành TCNH ...

Từ các năm tiếp theo, Nhà trường tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa của công tác khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ để cải thiện kết quả khảo sát chất lượng hơn.

3.11. Kết quả đầu ra

Tăng cường trao đổi thông tin với các cơ sở đào tạo khác để có các thông tin đối sánh kịp thời, giúp trường có thêm kênh thông tin để đánh giá và cải tiến chất lượng

Từ năm học 2025 - 2026, Khoa sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể trong hoạt động hỗ trợ, phục vụ SV, tháo gỡ các vướng mắc của người học để giảm tỷ lệ SV thôi học.

Khoa và phòng ĐT&HSSV tăng cường theo dõi quá trình giám sát và có những giải pháp tích cực nhằm rút ngắn hơn nữa thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ thôi học của SV ngành TCNH.

Khoa KT&QT tiếp tục liên kết với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các công ty tài chính để nâng cao chất lượng đào tạo, hỗ trợ SV tốt nghiệp tìm được làm việc đúng ngành đào tạo. Tham khảo, đối sánh với các cơ sở đào tạo đại học ngành TCNH khác trong và ngoài nước để làm căn cứ đổi mới CTĐT, nâng cao chất lượng đào tạo.

Khoa và phòng KHCN & HTPT tăng cường tư vấn và thông tin, tư vấn sớm đến

SV về hoạt động NCKH thông qua CVHT để SV có nhiều thời gian tìm hiểu và chuẩn bị cho việc thành lập nhóm nghiên cứu, chuẩn bị ý tưởng nghiên cứu và tham gia mở rộng vào các loại hình NCKH; Tiến hành thực hiện đối sánh số lượng NH tham gia thực hiện đề tài NCKH của ngành TCNH với một số trường khác trong cả nước ở các khóa tiếp theo.

Từ năm học 2025–2026, Khoa phối hợp với Phòng TCCB, TT&KĐCL đa dạng hóa hình thức lấy ý kiến doanh nghiệp, tăng số lượng đơn vị tham gia khảo sát; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền để tăng tính hiệu quả, tăng tỷ lệ phản hồi; đồng thời rà soát, cải tiến và triển khai hệ thống khảo sát ý kiến các BLQ, đảm bảo phân tích, giám sát, đối sánh mức độ hài lòng với các quy định, nhằm cải tiến chất lượng một cách hệ thống và hiệu quả.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã: TBU

Tên CTĐT: Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng - Bậc đại học

Mã CTĐT: 7340201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<i>Tiêu chuẩn 1</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								5.00	3	100%
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4.60	5	100%
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5				4						
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4.86	7	100%
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								5.00	5	100%
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					

Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								5.00	5	100%
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4.80	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 10</i>								4.67	6	100%
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4				4.80	5	100%
<i>Tiêu chuẩn 11</i>										
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4.88	50	100%

Thái Bình, ngày tháng 8 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Quốc Thành

Phần IV: PHỤ LỤC

Phụ lục 7: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT

Thời điểm báo cáo: Tính đến 30/06/2025

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH**

- Tiếng Anh: **THÁI BÌNH UNIVERSITY**

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

- Tiếng Việt: **ĐHTB**

- Tiếng Anh: **TBU**

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: UBND Tỉnh Hưng Yên

5. Địa chỉ: phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 02273.633.669

Số Fax:

Email: dhtb@tbu.edu

Website: //tbu.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Quyết định số 1555/QĐ-TTg ngày 08/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 9/2012

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 7/2016

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒

Bán công ☐

Dân lập ☐

Tư thực ☐

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ): Không

II. Thông tin chung về Khoa Kinh tế và Quản trị

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: **Khoa Kinh tế và Quản trị**

- Tiếng Anh: **Faculty of Economics and Management**

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: KTQT

- Tiếng Anh: FEM

14. Tên trước đây (nếu có): Không

15. Mã CTĐT: 7340201

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Không

17. Địa chỉ của Khoa thực hiện CTĐT: nhà F, Trường Đại học Thái Bình.

18. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 02273.633.362

Số fax:

Email: ktqt.dhtb@gmail.com

Website: <https://tbu.edu.vn/khoa-kinh-te-va-quan-tri>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):

Quyết định số 973/QĐ-ĐHTB ngày 28/12/2023 về việc thành lập khoa Kinh tế và Quản trị

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): tháng 9/2018

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): tháng 7/2022

III. Giới thiệu khái quát về Khoa Kinh tế và Quản trị

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Khoa Kinh tế và Quản trị

*** Lịch sử hình thành và phát triển**

Khoa Kinh tế và Quản trị - Trường Đại học Thái Bình được thành lập theo Quyết định số 973/QĐ-ĐHTB ngày 28/12/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình trên cơ sở sáp nhập 3 khoa: Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, khoa Kế toán - Kiểm toán và khoa Tài chính – Ngân hàng. Với chức năng nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính, Ngân hàng, Kế toán phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và khu vực đồng bằng sông Hồng.

Kế thừa và phát huy những thành quả xây dựng, phát triển của nhà trường, đội ngũ giảng viên khoa có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, luôn tâm huyết yêu nghề, không ngừng học tập để trau dồi kiến thức. Đến nay với đội ngũ của khoa lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng với 32 cán bộ, giảng viên, trong đó 100% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên.

Với mục tiêu phấn đấu trở thành đơn vị hàng đầu trong việc đào tạo cán bộ nhân viên có kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn; cán bộ quản lý cấp cao, các doanh nhân, các nhà lãnh đạo đáp ứng nhu cầu của xã hội, Khoa Kinh tế và Quản trị mang đến cho người học các chương trình đào tạo mang tính ứng dụng thực tiễn. Nội dung giảng dạy được xây dựng và cải tiến dựa trên cơ sở tham khảo các trường đại học hàng đầu trong nước và trên thế giới. Chính vì vậy, quy mô đào tạo các ngành của khoa tăng lên theo các năm (với tổng số gần 1.000 sinh viên đang theo học). Tỷ lệ SV đạt loại khá, giỏi và xuất sắc luôn đạt trên 60%; 90% sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm đúng ngành, chuyên ngành đào tạo.

Tại khoa Kinh tế và Quản trị, sinh viên được tự do thể hiện tinh thần tự chủ, khả năng kinh doanh, niềm đam mê bằng các dự án khởi nghiệp, các câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ văn nghệ, thể dục, thể thao,... Các sân chơi trí tuệ, hoạt động tình nguyện, sinh hoạt

đầu khóa, gặp mặt cuối năm để giúp sinh viên thoải mái thể hiện khả năng sáng tạo, năng lượng tuổi trẻ, tinh thần đoàn kết vì tập thể khoa Kinh tế và Quản trị phát triển.

*** Về chất lượng đội ngũ giảng viên:**

Tính đến thời điểm tháng 06/2025, tổng số cán bộ, GV của khoa là 32 người. Trong đó: tiến sĩ có 02 GV, 08 GV đang học NCS, thạc sĩ có 21 GV và 01 CB VPK. Đội ngũ giảng viên có năng lực chuyên môn tốt, nghiệp vụ sư phạm giỏi. Hàng năm, các giảng viên trong khoa được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, GV luôn tâm huyết với nghề hết lòng vì người học.

*** Về Cơ sở vật chất**

Khoa có 01 phòng làm việc với tổng diện tích 50m² và các phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ các thiết bị như micro, máy chiếu, điều hoà, máy tính... Các phòng chức năng đều được thiết kế đầy đủ ánh sáng, đảm bảo tốt điều kiện làm việc và học tập.

*** Về chương trình đào tạo:**

Khoa hiện đang thực hiện đào tạo 04 CTĐT trình độ đại học gồm ngành Kinh tế, ngành QTKD, ngành Kế toán và ngành Tài chính Ngân hàng. Khoa định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các CTĐT theo góp ý của các bên liên quan nhằm đạt đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình.

*** Về đào tạo kỹ năng thực nghiệm:**

Khoa luôn sát sao, chỉ đạo giảng viên thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, chủ động và tăng cường công tác đi thực tế doanh nghiệp để làm phong phú bài giảng; tăng thời lượng thực hành, thảo luận seminar trên lớp giúp NH rèn luyện, phát triển kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm...

Hàng năm, khoa phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường tổ chức các chương trình trải nghiệm, kiến tập doanh nghiệp, các lớp đào tạo kỹ năng mềm, các sân chơi trí tuệ như: Cuộc thi Khởi nghiệp, cuộc thi Chinh phục chuông vàng, cuộc thi Ai nhanh hơn,... và các hoạt động ngoại khóa giúp NH bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cũng như các kỹ năng sống khác.

*** Về nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ:**

Trong 05 năm trở lại đây, các GV trong Khoa đã tích cực tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp ngành, chủ trì, thực hiện 01 đề tài NCKH cấp quốc gia, 03 đề tài cấp tỉnh và 55 đề tài cấp trường; 103 đề tài NCKH cấp khoa; 65 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước, 07 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế; Xuất bản 08 sách, tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của sinh viên.

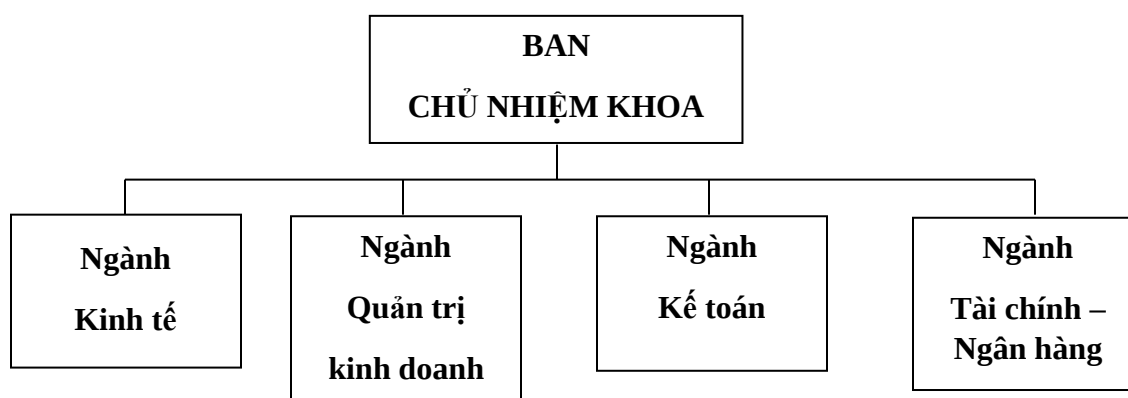
*** Về hợp tác quốc tế và quan hệ doanh nghiệp:**

Khoa cùng với Nhà trường hợp tác với các trường đại học trong nước để trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từng bước nâng cao chất lượng của CTĐT cũng như quá trình đào tạo. Khoa phối hợp cùng Nhà trường thực hiện nhiều đợt đưa SV của Khoa sang một số nước trong khu vực thực tập, thực hành nghề nghiệp như: Nhật Bản, Đài Loan... đạt kết quả tốt.

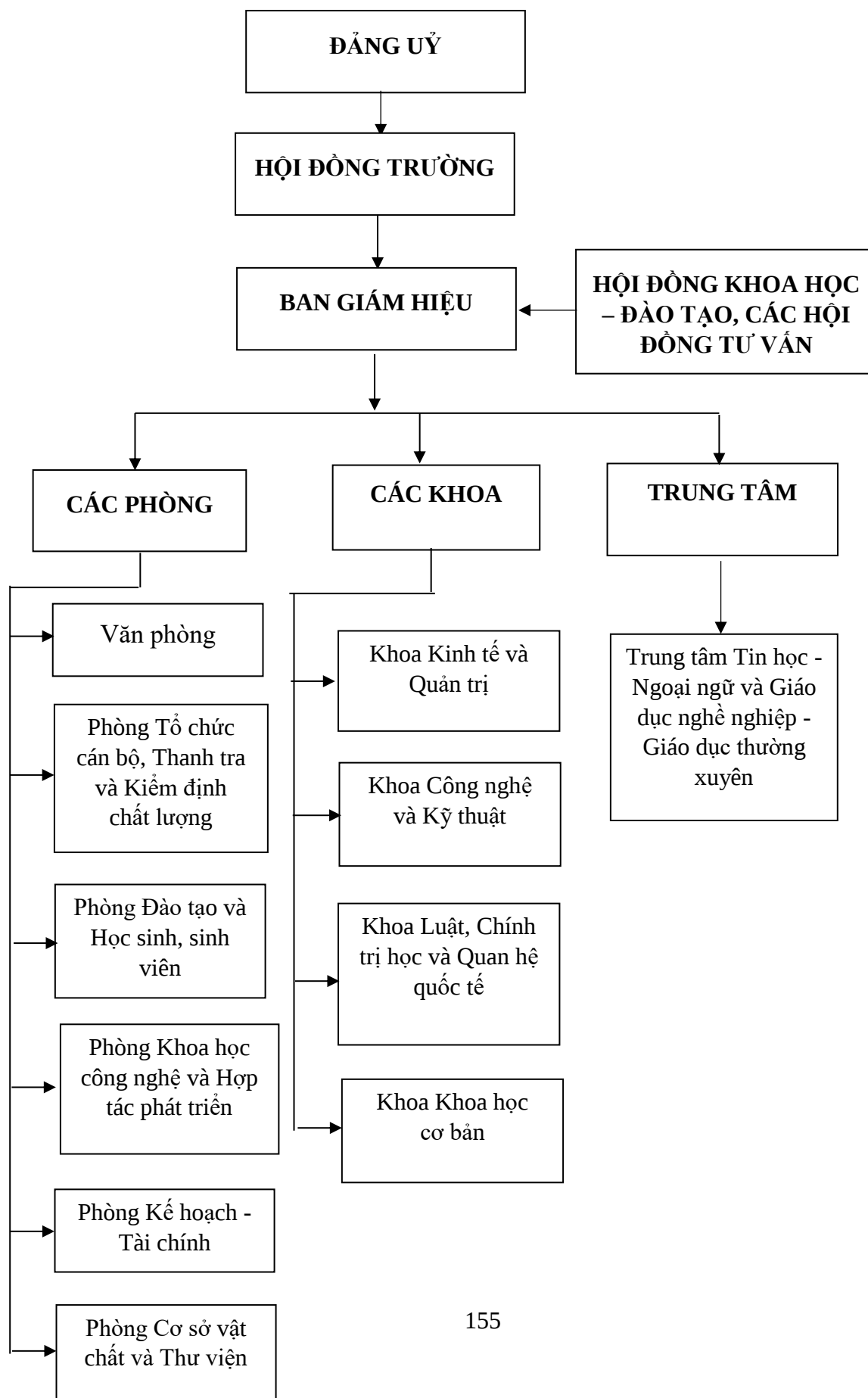
Tăng cường gắn kết tạo mối quan hệ với các sở, ban, ngành, doanh nghiệp và các ngân hàng thương mại như: sở Công thương, sở Khoa học và Công nghệ, công ty CP tập đoàn Thái Bình seed, công ty TNHH TAV, công ty TNHH nước khoáng Tiên Hải, công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Cathay Life, ngân hàng TMCP Sài gòn Hà nội (SHB), ngân hàng TMCP Quân đội (MB), ngân hàng TMCP An Bình,... nhằm tạo điều kiện cho SV kiến tập, thực tập cũng như có cơ hội nhận học bổng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của CSGD và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

23.1. Cơ cấu tổ chức hành chính của khoa Kinh tế và Quản trị



23.2. Cơ cấu tổ chức hành chính của Trường Đại học Thái Bình



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Đoại thoại	Email
A	Lãnh đạo nhà trường CSGD					
1	Hội đồng trường	Trần Thị Bích Hằng	1973	TS, Chủ tịch HĐT	0915011569	
2	Ban Giám hiệu	Phạm Quốc Thành	1977	PGS. TS, Bí thư Đảng uỷ, Hiệu trưởng	0901295656	thanh.pham131@gmail.com
		Hà Văn Đồng	1980	TS, Đảng uỷ, Phó Hiệu trưởng	0912462628	donghavan.vnu@gmail.com
3		Trần Thị Hòa	1979	TS, Phó Hiệu trưởng	0949244392	hquynh97@gmail.com
B	Khoa Kinh tế và Quản trị					
I	Lãnh đạo chủ chốt					
1	Khoa KT&QT	Hà Văn Đồng	1980	Trưởng khoa	0912462628	donghavan.vnu@gmail.com
2	Khoa KT&QT	Vũ Thị Vân	1984	Phó trưởng khoa	0975196352	vuthivan1984@gmail.com
3	Khoa KT&QT	Trần Thị Thanh Hương	1980	Phó trưởng khoa	0985586611	thanhhuong1107@gmail.com
II	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn					
1	Chi bộ	Vũ Thị Vân	1984	Bí thư	0975196352	vuthivan1984@gmail.com
2	Đoàn Thanh niên	Trần Thị Bích Phương	1990	Bí thư Liên chi Đoàn	0948343488	
3	Công đoàn khoa	Vũ Hải Thuý	1982	Tổ trưởng tổ Công đoàn	0904991771	vuhaithuy706@gmail.com
III	Các ngành					

1	Kinh tế	Hà Văn Đồng	1980	Trưởng khoa	0912462628	donghavan.vnu@gmail.com
2	QTKD	Vũ Thị Vân	1984	Trưởng ngành	0975196352	vuthivan1984@gmail.com
3	Kế toán	Phan Thị Lệ	1979	Trưởng ngành	0904031217	phanletb@gmail.com
4	TCNH	Trần Thị Thanh Hương	1980	Trưởng ngành	0985586611	thanhhuong1107@gmail.com

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 04

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình).....

32. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	6	26	32
I.1	Cán bộ trong biên chế	5	23	28
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	1	3	4
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV	8	7	15

¹Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, GV, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

	thỉnh giảng ²⁾			
	Tổng số	12	35	47

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về đội ngũ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0	0	0	1	0
2	Phó Giáo sư	4	0	0	0	4	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	12	0	1	1	10	0
5	Thạc sĩ	29	27	2	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	46	27	3	1	15	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 31 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100% (31/31)

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có GV có trình độ Tiến sĩ khoa học nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

²GV thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5	1	0	0	0	1	0	1
2	Phó Giáo sư	3	4	0	0	0	4	0	2,4
3	Tiến sĩ khoa học		0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	12	0	1	1	10	0	6,6
5	Thạc sĩ	1	29	27	2	0	0	0	29
6	Đại học	0,3	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		47	28	3	1	15	0	39,0

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	6,45	0	2	0	0	1	1	0
5	Thạc sĩ	29	93,55	5	24	0	9	20	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	31	100	5	26	0	9	21	1	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41,6

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 6,45% (2/31)

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 93,55% (29/31)

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	0	35,48
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	3,22	61,29
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	45,16	3,23
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	41,94	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	9,68	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020	7	7	1/1	5	15/30	22,24	0
2020-2021	12	12	1/1	12	15/30	21,4	0
2021-2022	19	19	1/1	16	15/30	19,59	0
2022-2023	7	7	1/1	7	15/30	19,72	0
2023-2024	10	10	1/1	8	15/30	19,4	0
2024-2025	32	32	1/1	23	15/30	21,86	0

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	5	11	14	7	6	22
Trong đó:						
Hệ chính quy	5	11	14	7	6	22
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0	0
Trong đó:						
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0	0
Trong đó:						
Hệ chính quy	0	0	0	0	0	0

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	15.372	15.372	15.372	15.372	15.372	15.372
2. NH có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	2	4	5	1	2	5
3. NH được ở trong ký túc xá (người)	2	4	5	1	2	5
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m ² /người)	47,15	20,2	27,8	27,15	34,5	34,5

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	2	3	4	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	20	15	13,33	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	0	0	7	3	11
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	7	3	11
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	7	3	11	
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0	77,77	50,00	91,67	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).		83,3	96,7	83,6	85,0
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).		16,7	3,3	6,4	15,0
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp		0	0	10	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.		75,00 100	78,21 94,11	82,13 94,44	

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).		0	5,89	5,56	
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.		6-9tr	6-9tr	6-9tr	
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).		48,14	72,72	79,18	
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).		41,45	27,27	20,82	
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	7,41	0	0	

Ghi chú:

- NH tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- NH có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024 (tính đến T12.2024)	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	1	0	0	0	2,0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	1	1	0	1	3,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	5	13	20	16	1	27,5
4	Tổng		5	15	21	16	2	32,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 32,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 1,01 (32,5/32)

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2020	326.200.000	95%	9.996.452
2	2021	0	0	0
3	2022	1.250.000.000	95%	38.306.452
4	2023	250.000.000	95%	7.661.290
5	2024	250.000.000	95%	7.661.290
6	2025	125.000.000	95%	3.830.645

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	10	30	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	3	
Trên 6 đề tài	0	0	4	
Tổng số cán bộ tham gia	0	10	37	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-T12.2024 3	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	4	1	1	2	0	16,0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		4	1	1	2	0	16,0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 16,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,52 (16/31)

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	30	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	3	0	0	0

Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	33	0	0	0

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	2	1	2	0	2	10,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	8	16	16	1	24	65
3	Tạp chí/tập san của cấp trường	0,5	6	14	17	9	14	30
	Tổng		16	31	35	10	40	105,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 105,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,403 (105,5/31)

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	1	31	15
Từ 6 đến 10 bài báo	0	5	5
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	36	20

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	2	2
2	Hội thảo trong nước	0,5	2	3	4	2	3	7
3	Hội thảo cấp trường	0,25	2	0	2	3	3	2,5
4	Tổng		4	3	6	5	8	11,5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 11,5

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,37 (11,5/31)

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	0	30
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	5
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	0
2023-2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	10	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	1	2	0	2
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 39.675m²

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 9.918,75m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 160.000m² .

- Nơi học: 17.321m²

- Nơi vui chơi giải trí: 3.560m²

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 390m²

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,02 m²/người

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 225

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): Sách dùng cho ngành TCNH (Giáo trình, TLTK): 160

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 4

- Dùng cho người học học tập: 269

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 5,27 (269/51)

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 31

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100% (31/31)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 6,45% (2/31)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 93,55% (29/31)

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 51

Tỷ số người học chính quy trên GV: 1,65 (51/31)

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 73,15%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

- Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 92,42%

- Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 7,58%

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 94,63%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 5,37%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 6-9tr

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

- Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 68,4%

- Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 31,6%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,01 (32,5/32)

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,52 (16/31)

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,403 (105,5/31)

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,37 (11,5/31)

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 5,27 (269/51)

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,02 m²/người

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 31,36%